

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
(1936 - 2015)**

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN BẮC TỪ
(1930 - 2015)

**ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
(1936 - 2015)**

TÁI BẢN CÓ BỔ SUNG NĂM 2015

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ (1936 - 2015)

Chỉ đạo thực hiện

Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ

Chịu trách nhiệm xuất bản

Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ

(Khóa XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015)

Ban chỉ đạo

Đ/c Nguyễn Văn Nhâm	Bí thư HU	Trưởng ban
Đ/c Phạm Duy Hùng	Phó Bí thư TT HU	Phó ban TT
Đ/c Nguyễn Hải Đường	Phó BTHU - Chủ tịch UBND	Phó ban
Đ/c Ngô Ngọc Sơn	UV BTV - Trưởng BTG HU	Ủy viên TT
Đ/c Cao Việt Hùng	UV BTV - Trưởng Ban TCHU	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Mạnh Hà	UV BTV - Chủ nhiệm UBKT HU	Ủy viên
Đ/c Bùi Văn Minh	UV BTV - Trưởng Ban DV HU	Ủy viên
Đ/c Dương Thị Bẩy	UV BTV - Phó Chủ tịch HĐND	Ủy viên
Đ/c Trương Mạnh Kiểm	UV BTV - Phó Chủ tịch UBND	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Thị Nguyên	UV BTV - Phó Chủ tịch UBND	Ủy viên
Đ/c Ngô Tuấn Hải	UV BTV - Trưởng Công an huyện	Ủy viên
Đ/c Dương Ngọc Khánh	UV BTV - Chỉ huy Tr BCHQS huyện	Ủy viên
Đ/c Ngô Thế Bình	HUV - Chánh Văn phòng HU	Ủy viên
Đ/c Hoàng Thị Bạch Yến	HUV - Chủ tịch Ủy ban MTTQ	Ủy viên
Đ/c Bùi Văn Vượng	Phó Trưởng Ban TT BTG HU	Ủy viên

Tổ chức lý, biên soạn, sưu tầm tư liệu

Đ/c Ngô Ngọc Sơn	UV BTV - Trưởng BTG HU	Tổ trưởng
Đ/c Bùi Văn Vương	Phó Trưởng ban TT BTG HU	Tổ phó
Đ/c Lê Văn Quỳnh	GD CTCP Sách & TT Văn hóa Việt	Tổ phó
Đ/c Hoàng Thị Bạch Yến	HUV - Chủ tịch Ủy ban MTTQ	Ủy viên
Đ/c Ngô Thế Bình	HUV - Chánh VP HU	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Tiến Dũng	HUV, Bí thư Đoàn TNCS HCM huyện	Ủy viên
Đ/c Lý Vũ Duy	HUV, Chủ tịch Liên đoàn LĐ huyện	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Ngọc Hưng	HUV, Trưởng phòng VP - TT huyện	Ủy viên
Đ/c Trịnh Quốc Việt	Phó Trưởng ban TT Ban TC HU	Ủy viên
Đ/c Trần Đăng Minh	Chánh VP HĐND và UBND	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch Hội CCB huyện	Ủy viên
Đ/c Lê Minh Ngọc	Chủ tịch Hội ND huyện	Ủy viên
Đ/c Trương T. Kim Thanh	Chủ tịch Hội LHPN huyện	Ủy viên
Đ/c Hầu Việt Dũng	Chính trị viên BCH QS huyện	Ủy viên
Đ/c Bùi Thọ Đáng	Phó Trưởng Công an huyện	Ủy viên
Đ/c Nguyễn Thị Hợp	Trưởng Đài TT - TH huyện	Ủy viên
Đ/c Nguyễn T. Như Quỳnh	Chuyên viên BTG HU	Thư ký



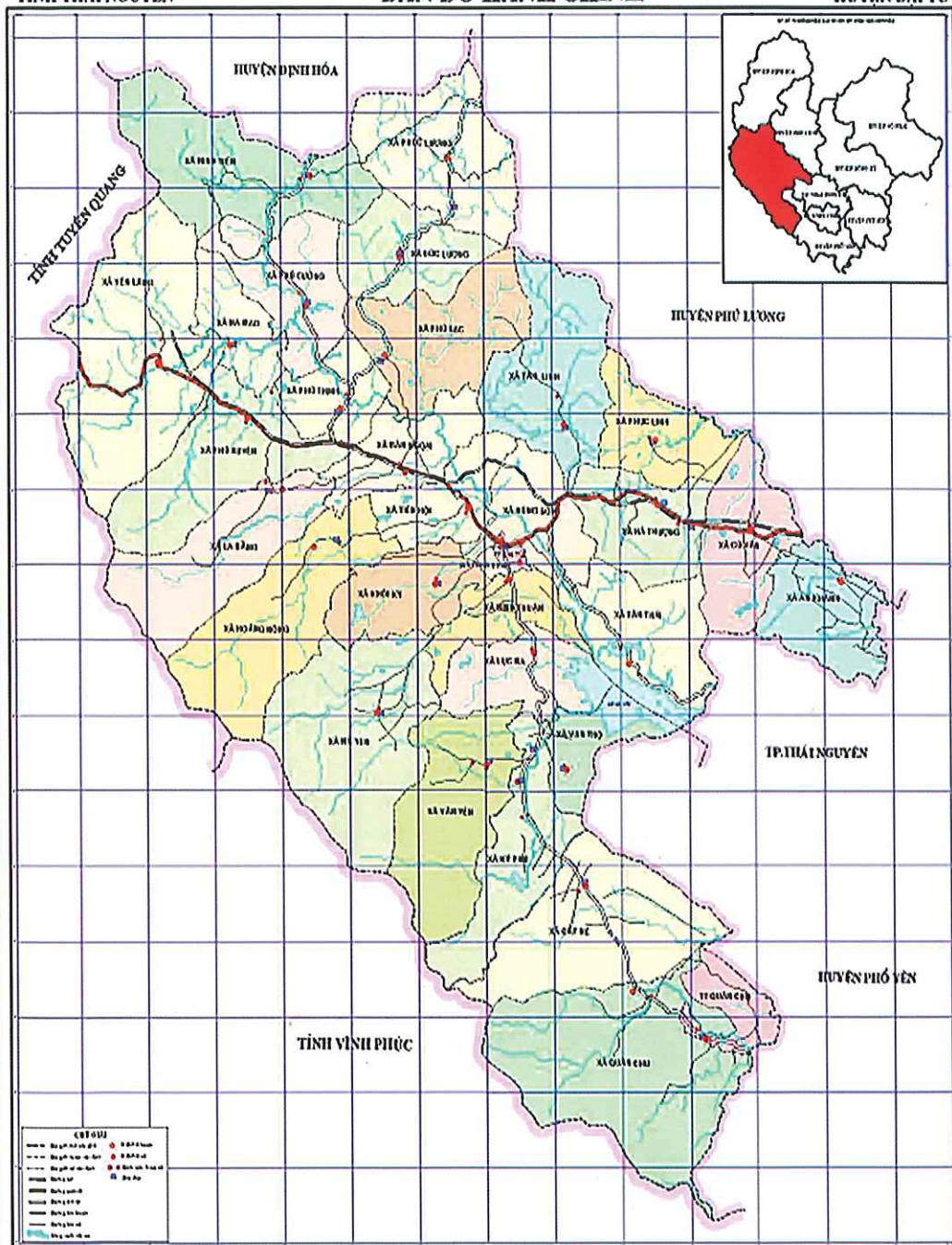
*"Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"*

Chủ tịch Hồ Chí Minh

TỈNH THÁI NGUYÊN

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

HUYỆN ĐẠI TỪ



Bản đồ hành chính huyện Đại Từ (năm 2012)

LỜI GIỚI THIỆU

Đại Từ - huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên là vùng đất có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi, phong cảnh hữu tình. Nhân dân các dân tộc Đại Từ tụ cư lâu đời, luôn cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, yêu thương, đoàn kết trong sinh hoạt cộng đồng. Truyền thống yêu nước và truyền thống đấu tranh của nhân dân các dân tộc Đại Từ là nền tảng vững chắc để xây dựng phong trào cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa trên quê hương, xây dựng An toàn khu của Trung ương Đảng.

Năm 1936, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời ở La Bằng, là tổ chức cơ sở Đảng thành lập sớm nhất tỉnh Thái Nguyên, góp phần quan trọng đưa phong trào đấu tranh lên một bước phát triển mới, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Năm 1946, Đảng bộ huyện chính thức thành lập, trở thành ngọn cờ tiên phong lãnh đạo nhân dân Đại Từ lập nên những thành tích vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ đất nước, vinh dự 2 lần được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân** thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và thời kỳ đổi mới, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện (1946 - 2015), huyện Đại Từ đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi quan trọng. Đảng bộ và hệ thống chính trị không ngừng được củng cố, hoàn thiện. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng được giữ vững. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu những bài học kinh nghiệm quý báu trong lịch sử và truyền thống về vang của Đảng bộ huyện Đại Từ, cũng như nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXIII, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định tái bản có bổ sung cuốn **Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2015)**.

Cuốn sách gồm 10 chương nội dung chính, phần phụ lục tham khảo và phụ bản ảnh minh họa. Trong đó, từ chương I đến chương VIII được tổ chức thực hiện trên cơ sở kế thừa 2 tập sách lịch sử Đảng bộ huyện xuất bản năm 1991 và năm 2000, có chỉnh lý, bổ sung những nội dung, sự kiện quan trọng gắn liền với công tác lãnh đạo của Đảng bộ huyện trong giai đoạn 1936 - 1995. Từ chương IX đến chương X được tổ chức thực hiện trên cơ sở sưu tầm tư liệu từ nhân chứng sống và các tài liệu thành văn ở nhiều nguồn, nghiên cứu biên soạn mới, nội dung phản ánh khách quan và đầy đủ các sự kiện lịch sử của huyện trong giai đoạn 1996 - 2015, đặc biệt làm sáng tỏ vai trò lãnh đạo và những bài học kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đại Từ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện, được sự đóng góp, giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan chuyên môn. Song do thời gian nghiên cứu và điều kiện sưu tầm tư liệu cũng như công tác lưu trữ còn hạn chế, cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý bạn đọc gần xa.

T/M BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ

Bí thư

NGUYỄN VĂN NHÂM



Với những đóng góp quan trọng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp (năm 1998)



Huyện Đại Từ là đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác quân sự địa phương liên tục 15 năm (1986 - 2000), được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới (năm 2000)



Nhân dân và cán bộ huyện Đại Từ được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2012) vì có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến năm 2011 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc



**Đồng chí Đường Văn Hôn (Nhất Quý)
Đảng viên đầu tiên của Đảng bộ huyện Đại Từ
(kết nạp năm 1936)**

CHƯƠNG I

VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI ĐẠI TỪ

I. Điều kiện tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển của huyện

Huyện Đại Từ nằm ở phía tây nam tỉnh Thái Nguyên, phía đông giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp 2 tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc, phía nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Định Hóa. Trung tâm của huyện - thị trấn Hùng Sơn cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 24km với diện tích tự nhiên 576km². Dãy núi Tam Đảo chạy theo hướng tây bắc - đông nam là địa giới tự nhiên của huyện Đại Từ (cũng là địa giới của tỉnh Thái Nguyên với 2 tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Vĩnh Phúc).

Tên gọi huyện Đại Từ đã có từ lâu đời. Đại Từ thời Hùng Vương thuộc bộ Vũ Định (một trong 15 bộ cả nước). Thời Lý, Đại Từ thuộc phủ Phú Lương (phủ Phú Lương có một thời Dương Tự Minh - người dân tộc Tày - làm thủ lĩnh, bao gồm phần đất rộng lớn từ Thái Nguyên, qua Bắc Kạn lên đến tận Cao Bằng).

Sách “*Dư địa chí*” của Nguyễn Trãi (1380 - 1442) là một trong những tác phẩm xưa nhất còn lại, có giá trị nghiên cứu về địa lý của nước ta cũng ghi chép: Huyện Đại Từ năm 1428 (thời nhà Lê) là một trong 8 huyện của phủ Phú Bình, thuộc Bắc Đạo.

Năm 1466, nhà Lê chia nước làm 12 thừa tuyên, Đại Từ thuộc phủ Phú Bình, thừa tuyên⁽¹⁾ Thái Nguyên. Năm 1469, thừa tuyên Thái Nguyên được đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc. Đến năm 1483, thừa tuyên Ninh Sóc đổi thành xứ Thái Nguyên, huyện Đại Từ vẫn thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Sách *"Thiên nam dư hạ tập"* của Lê Thánh Tông ghi lại: Đại Từ là một trong 6 huyện (Đại Từ, Tư Nông - huyện Phú Bình ngày nay, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Bình Tuyên - nay thuộc Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội) thuộc phủ Phú Bình xưa.

Từ cuối thế kỷ XVI đến những năm 70 thế kỷ XVII, xứ Thái Nguyên là nơi thường xuyên xảy ra những cuộc giao tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc.

Thời nhà Nguyễn, nước ta được chia thành các trấn. Đại Từ vẫn thuộc phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên. Năm 1831, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh và năm 1835 cắt một số châu, huyện thuộc phủ Phú Bình (tỉnh Thái Nguyên) lập phủ Tông Hóa. Huyện Đại Từ và châu Văn Lãng (phía bắc huyện Đại Từ hiện nay) thuộc phủ này. Ngày 01/8/1922, Đại Từ và Văn Lãng hợp lại là một, lấy tên là huyện Đại Từ cho đến ngày nay.

Trước Cách mạng tháng Tám, Đại Từ cùng với Định Hóa, Sơn Dương là vị trí trung tâm của chiến khu Nguyễn Huệ (bao gồm phần đất phía tây sông Cầu lan sang Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái); đầu tháng 4/1945, huyện Đại Từ mang tên là châu Giải Phóng nằm trong chiến khu.

⁽¹⁾ Thời Lê, thừa tuyên là một đơn vị hành chính tương đương với cấp tỉnh bây giờ.

Theo tài liệu của Ê-si-na năm 1932 Đại Từ có 9 tổng, 38 làng⁽¹⁾. Tổng là đơn vị hành chính trung gian giữa huyện và làng. Ở mỗi tổng có một chánh tổng, một phó tổng, một tổng đoàn phụ trách về quân sự. Làng là đơn vị hành chính tương đương với xã nhưng được chia nhỏ hơn. Mỗi làng có một lý trưởng, một hoặc hai phó lý, một hoặc hai trưởng tuần phụ trách trật tự, tuần phòng đồng ruộng, làng mạc, xã đoàn phụ trách quân sự, xã thủ phụ trách thuế, xã dịch làm tạp vụ, xã rượu làm đại lý rượu cho Pháp.

Sau Cách mạng tháng Tám, chính quyền dân chủ nhân dân tổ chức sáp nhập nhiều làng thành xã. Năm 1953, trong giảm

⁽¹⁾ Tổng Ký Phú có 4 làng: Quân Chu, Ký Phú, Văn Yên, Cát Nê (làng Cát Nê trước đây ở tổng Thượng Kết, huyện Phổ Yên, đầu thế kỷ XX được cắt lên Đại Từ và được chia đôi thành làng Cát Nê và làng Quân Chu).

- Tổng Yên Lang có 4 làng: Trạng Lang (nay là xã Vạn Thọ), Lục Ba, Yên Thái (nay là Tân Thái), Yên Thuận (nay thuộc xã Bình Thuận).

- Tổng Hùng Sơn có 5 làng: Hùng Sơn, Bình Khang (nay thuộc xã Bình Thuận), Huy Ngạc (nay thuộc thị trấn Hùng Sơn), Yên Giã và Mỹ Trang (hai làng này kết hợp thành xã Mỹ Yên bây giờ).

- Tổng Tiên Sơn gồm 6 làng: Tiên Hội, Tiên Sơn (nay kết hợp thành xã Tiên Hội), Hoàng Nông, La Bằng, Phú Nghĩa, Khôi Kỳ (hai làng Phú Nghĩa, Khôi Kỳ nay thuộc xã Khôi Kỳ).

- Tổng Thượng Lâm có 3 làng: Thượng Lâm (nay là Phú Cường), Hạ Lâm (nay là Minh Tiến), Na Mao.

- Tổng Thượng Lương gồm 4 làng: Thượng Lương (nay thuộc Phúc Lương), Hạ Lương (nay là Đức Lương), Na Hoàn, Na Thúc (nay thuộc xã Phú Lạc và xã Phú Thịnh).

- Tổng Phú Lạc gồm 4 làng: Phú Lạc Thượng (nay là Phú Lạc), Phú Lạc Hạ (nay thuộc Phú Thịnh và Bản Ngoại), Bản Ngoại, Khâu Giáo (nay thuộc xã Bản Ngoại).

- Tổng Cù Vân gồm 4 làng: Phục Linh (gồm cả Hà Thượng, Tân Linh bây giờ), Khúc Lộng và Dựng Tú (nay thuộc xã An Khánh), Cù Vân.

- Tổng Tiên Lãng gồm 4 làng: Vị Xuyên và Tân Phú (nay là xã Phú Xuyên), Văn Lãng và Yên Cư (nay là Yên Lãng).

tô và cải cách ruộng đất, các xã được chia lại trên cơ sở các làng cũ để tiện quản lý⁽¹⁾.

Ngày 22/4/1965, Nghị quyết số 103 (ngày 21/4/1965) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được Quốc hội phê chuẩn, trong đó có việc hợp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành một đơn vị hành chính mới lấy tên là tỉnh Bắc Thái. Huyện Đại Từ trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bắc Thái cho đến năm 1997 trở lại đây là một huyện của tỉnh Thái Nguyên khi tỉnh Bắc Thái được tách ra thành Bắc Kạn và Thái Nguyên.

Ngày 27/10/1967, theo Quyết định số 416-NV, thị trấn Quân Chu được thành lập. Ngày 01/10/1983, xã Phúc Thọ (xã có nhiều diện tích đất đai bị chìm trong lòng hồ Núi Cốc) sáp nhập với các xóm Tân Thắng, Đồng Đăng của xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), xóm Yên Ninh của xã Phúc Trìu (huyện Đồng Hỷ) thành xã Phúc Tân thuộc huyện Phổ Yên. Cùng ngày, xóm Quyết Tiến (xã Tân Thái) sáp nhập vào xã Bình Thuận (huyện Đại Từ). Năm 1999, xã Tân Linh được thành lập trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Phúc Linh. Ngày 13/12/2013, theo Nghị quyết số 124/NQ-CP của Chính

⁽¹⁾ Đó là các xã: Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Phú Cường, Phú Thịnh, Quang Vinh, Văn Lãng, Cao Văn, Thắng Lợi, Tiến Bộ, Đoàn Kết, Hùng Cường, Độc Lập, Hùng Sơn, Tân Thái, Bình Thuận, Lục Ba, Ký Phú, Vạn Thọ, Văn Yên, Bình Dân, Tân Thành, An Mỹ, Trần Phú, Phúc Linh, Hà Thượng, Cù Vân, An Khánh, Phúc Thọ.

Sau đổi tên Quang Vinh thành Phú Lạc, Văn Lãng thành Yên Lãng, Cao Văn thành Phú Xuyên, Thắng Lợi thành Na Mao, Tiến Bộ thành Hoàng Nông, Đoàn Kết thành La Bằng, Hùng Cường thành Bản Ngoại, Độc Lập thành Tiên Hội, Bình Dân thành Cát Nê, Tân Thành thành Quân Chu, An Mỹ thành Mỹ Yên, Trần Phú thành Khôi Kỳ.

phủ, thị trấn Hùng Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Đại Từ và xã Hùng Sơn.

Đến năm 2015, huyện Đại Từ có 28 xã: Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Phú Cường, Phú Thịnh, Phú Lạc, Phú Xuyên, Yên Lãng, Na Mao, Hoàng Nông, La Bằng, Bản Ngoại, Tiên Hội, Tân Thái, Bình Thuận, Lục Ba, Ký Phú, Vạn Thọ, Vân Yên (Văn Yên), Cát Nê, Quân Chu, Mỹ Yên (Mỹ Yên), Khôi Kỳ, Phục Linh, Tân Linh, Hà Thượng, Cù Vân, An Khánh và 2 thị trấn: Hùng Sơn và Quân Chu.

Địa hình Đại Từ vừa mang đặc điểm miền núi, vừa mang đặc điểm trung du. Ở phía đông nam song song với dãy Tam Đảo có dãy núi Thần Lăn chạy theo hướng đông nam - tây bắc, từ cuối huyện lên đến hồ Núi Cốc rồi qua sông Công tiếp đến núi Vuốt, núi Pháo, lan sang núi Chúa.

Do nằm gọn dọc theo thung lũng phía đông dãy núi Tam Đảo và hệ thống núi thấp (núi Hồng, núi Chúa ở phía Bắc, núi Pháo ở phía Đông) nên khí hậu Đại Từ khá ôn hòa, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 22°C đến 27°C; lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.800mm đến 2.000mm; mùa nóng thỉnh thoảng có những cơn giông tạo thành lốc xoáy.

Đại Từ có nhiều sông, suối nhỏ, trong đó lớn nhất là sông Công, phát nguyên từ Định Hóa, chảy theo hướng tây bắc - đông nam, dọc suốt từ bắc xuống nam huyện. Đoạn sông Công chảy qua Đại Từ dài gần 24km, bắt đầu từ xã Minh Tiến qua các xã Phú Cường, Phú Thịnh, Bản Ngoại, Tiên Hội, thị trấn Hùng Sơn xuống Tân Thái rồi đổ vào hồ Núi Cốc. Từ núi Tam Đảo và các núi khác, 53 con suối lớn nhỏ cùng đổ vào Sông Công. Sông Công và nhiều suối nhỏ chảy quanh các triền khe,

chân đồi, ven các xóm ở các xã Yên Lãng, Phú Xuyên, La Bằng, Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú, Văn Yên... là nguồn nước chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, các suối này đều ngắn, nước đầu nguồn chảy xiết, mùa mưa thường sinh ra lũ. Riêng ở vùng ven sông Công, gần hồ Núi Cốc, thỉnh thoảng xảy ra lũ lụt gây thiệt hại đáng kể cho nhân dân, có khi cuốn trôi cả cây cối, nhà cửa, phá hỏng cầu cống, gây trở ngại cho giao thông.

Bên cạnh các dòng chảy tự nhiên, Đại Từ còn có nhiều hồ, đập nhân tạo. Hồ Núi Cốc được xây dựng năm 1973 là hồ lớn nhất tỉnh Thái Nguyên. Bờ đập được đắp cao tới 58m (so với mặt biển), ngăn dòng sông Công ở đoạn gần núi Cốc biến thành một hồ chứa nước rộng lớn. Hồ Núi Cốc có diện tích 2.500ha, chứa 75 triệu mét khối, đảm bảo cung cấp nước cho các khu công nghiệp thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và cung cấp nước tưới cho hàng nghìn héc-ta cây công nghiệp của các huyện Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, thị xã Sông Công, thành phố Thái Nguyên. Với địa thế một vùng núi non tươi đẹp, hồ Núi Cốc trở thành một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên, hàng năm đón hàng chục vạn khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ mát. Giữa hồ có đảo Cò và nhiều đảo nhỏ tạo nên vẻ đẹp độc đáo. Ven hồ có núi Cốc, núi Tương Tư, núi Đợi Chờ; xa xa có núi Văn, núi Võ... gắn với những di tích lịch sử và những huyền thoại, hấp dẫn chờ đón du khách.

Ngoài hồ Núi Cốc, Đại Từ còn có các hồ nhân tạo như: Gò Miếu (xã Ký Phú), Phụng Hoàng (xã Cù Vân), Đoàn Ủy (xã Khôi Kỳ), Vai Bành (xã Phú Xuyên)... Mỗi hồ đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho khoảng 40 - 50ha đất cấy, trồng.

Đại Từ có nhiều đồng ruộng phì nhiêu. Những cánh đồng này phần lớn được tưới nước nên cấy lúa được cả hai vụ (có nơi đã tận dụng đất làm tới hai vụ lúa, một vụ màu trong năm). Ngoài cây lúa còn phát triển các cây màu như khoai, ngô, lạc, các loại rau đậu...

Phần lớn đất nông nghiệp của Đại Từ là đất dốc tụ trên nền đá mẹ gabbro nên việc làm đất thuận lợi. Độ pH từ 5 - 5,5, phù hợp với gieo trồng cây lương thực và rau màu. Tuy cũng có những cánh đồng sinh lầy, cày bừa khó khăn nhưng nhân dân Đại Từ đã biết đào mương tưới, mương tiêu, cải tạo đất, do đó năng suất lúa và hoa màu không ngừng được nâng cao. Ven triền núi Tam Đảo và các dãy núi khác, nhiều nương bãi được khai phá để trồng chè, mía, sắn, khoai và nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp khác. Trước đây, trên địa bàn huyện có nhiều nông trường chè như Quân Chu, Tân Việt Hoa... Các xã như Phục Linh, Phú Lạc, Phú Xuyên, Mỹ Yên, Minh Tiến... đều có những vùng kinh tế mới do đồng bào miền xuôi lên xây dựng, chủ yếu trồng chè và cây công nghiệp.

Cây chè được trồng ở Đại Từ từ rất sớm. Thời Pháp thuộc đã có những đồn điền nhỏ trồng chè như đồn chè Phủ Khiêm (xã Bình Thuận), đồn chè Đốc Hoán (xã Hà Thượng). Nhưng cây chè thực sự là hàng hóa ở Đại Từ từ năm 1959 khi nông trường Bắc Sơn được thành lập. Từ đó, nhân dân trong huyện khai hoang đẩy mạnh trồng chè, đưa diện tích trồng chè của huyện lên tới hàng nghìn héc-ta.

Rừng núi Đại Từ vốn rất phong phú về chủng loại muông thú và thảo mộc. Các loại gỗ quý như lim, sến, táu, lát... cùng với nhiều loài thú như hổ, báo, gấu, lợn rừng, hươu, nai và

các loại chim như công, gà lôi, gà rừng... đến nay không còn hoặc rất hiếm. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nạn phá rừng diễn ra trong nhiều năm trước đây. Hiện nay, việc trồng lại rừng là nhiệm vụ cấp bách và đang được thực hiện có kết quả.

Huyện Đại Từ có 16/30 xã, thị trấn có mỏ và điểm khoáng sản. Than có ở các xã Yên Lãng, Hà Thượng, Phục Linh, N; Mao, Minh Tiến, An Khánh, Cát Nê; 3 mỏ than lớn thuộc xã Hà Thượng, Yên Lãng, An Khánh. Trong đó, than làng Cẩm (xã Hà Thượng) là loại than mỡ dùng để luyện cốc. Trước Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp đã khai thác theo lối thủ công, lấy những vỉa than dễ khai thác nhất làm cho hiện trường rất phức tạp. Từ năm 1983, được sự giúp đỡ của Liên Xô, mỏ than làng Cẩm được xây dựng có đường hầm to rộng, vào sâu trong lòng đất với những thiết bị hiện đại. Theo số liệu thăm dò, trữ lượng của mỏ là 6 triệu tấn, quy mô khai thác khi đã hoàn thành đảm bảo sản xuất hàng vạn tấn/năm. Than Núi Hồng (xã Yên Lãng) thuộc loại than gầy dùng cho các nhu cầu dân dụng như nung gạch, nung vôi, đun nấu và dùng trong công nghiệp. Theo tính toán, trữ lượng của mỏ than Núi Hồng là 25 triệu tấn. Năm 1966, mỏ bắt đầu được xây dựng. Cả 3 mỏ than này đều do Trung ương quản lý và khai thác, với sản lượng hàng năm từ 100 nghìn tấn đến 200 nghìn tấn. Ngoài than, Đại Từ còn có một số loại khoáng sản khác như quặng thiếc, quặng ti-tan và quặng sắt, von-fram, ba-rít, pi-rít... phân bố ở nhiều xã.

Đường giao thông ở Đại Từ tương đối thuận tiện. Theo tài liệu của công sứ Thái Nguyên Ê-si-na ngày 15/10/1932, Đại Từ có hai đường hàng tỉnh. Đường 13A (nay là Quốc lộ 37)

từ Bờ Đậu chạy qua thị trấn Đại Từ (nay là thị trấn Hùng Sơn) sang địa giới tỉnh Tuyên Quang. Đường số 38 (nay là Tỉnh lộ 261) từ Phổ Yên chạy dọc chân núi Tam Đảo, gặp địa giới Đại Từ ở thị trấn Quân Chu, xã Quân Chu rồi qua Cát Nê, Ký Phú, Lục Ba, Bình Thuận, giao với Quốc lộ 37 ở thị trấn Hùng Sơn.

Ngoài hai con đường trên, hiện nay ở Đại Từ còn có đường từ thị trấn Hùng Sơn đi qua Khôi Kỳ, Mỹ Yên vòng qua Văn Yên gặp Tỉnh lộ 261 ở Ký Phú; đường Bản Ngoại qua Phú Lạc đi Đức Lương đến Phúc Lương rồi kéo dài sang đất Phú Lương để gặp đường số 3; đường Cù Vân qua An Khánh ra Quán Triều... Từ những con đường chính kể trên, có những đường rẽ vào các xã trong huyện, ô tô đi lại khá thuận lợi. Trong từng xã cũng có những đường ô tô nối liền các khu dân cư.

Bên cạnh đường bộ, Đại Từ còn có đường sắt Quán Triều - Núi Hồng chạy qua. Tuyến đường sắt chạy song song với Quốc lộ 37, chạy qua các xã Cù Vân, Hà Thượng, thị trấn Hùng Sơn, Tiên Hội, Bản Ngoại, Phú Xuyên, Yên Lãng đến mỏ than Núi Hồng. Đoạn đường sắt này có 3 ga (Cù Vân, Đại Từ và Núi Hồng) đều nằm trên đất Đại Từ.

Sông Công tuy có nhiều ghềnh thác, nhưng trước đây gỗ, tre, nứa đóng bè có thể xuôi về ngã ba Vát (nơi giáp ranh 3 xã: xã Thuận Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên; xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội và xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang), theo sông Cầu xuống các tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ. Ngày nay, do việc xây dựng đập Núi Cốc nên giao thông thủy dọc theo sông Công không còn nữa.

II. Con người - văn hóa huyện Đại Từ

Là vùng đất nắng lắm, mưa nhiều, đất đai màu mỡ, cây cối tươi tốt nên từ xa xưa, vùng đất Đại Từ đã là nơi định cư của nhiều dân tộc. Năm 1933, dân số của Đại Từ là trên 11,6 nghìn người. Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), đồng bào từ các tỉnh vùng xuôi, từ các đô thị lên tản cư kháng chiến và cán bộ, bộ đội chuyển đến ở, sau đó sinh cơ, lập nghiệp ở Đại Từ khá nhiều. Tháng 5/1948, dân số toàn huyện có trên 28,4 nghìn người. Trong những năm 60 thế kỷ XX, Đại Từ đã đón tiếp hàng nghìn hộ gia đình từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên... lên phát triển kinh tế miền núi, do đó, đầu những năm 1970, dân số của huyện lên tới gần 79,4 nghìn người. Năm 2006, dân số toàn huyện là trên 16,7 vạn người (tăng thêm 2,7 vạn so với thời điểm năm 1990). Hiện nay, số dân trên địa bàn khoảng trên 17 vạn người, bao gồm các dân tộc anh em cùng sinh sống như: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Ngái và một số dân tộc khác, trong đó người Kinh chiếm đa số. Đại Từ là huyện có số dân nhiều thứ hai của tỉnh, chỉ sau thành phố Thái Nguyên.

Người Kinh đã gắn bó với Đại Từ từ lâu đời. Từ thế kỷ XV, vùng đất này đã có dòng họ Lưu ở Văn Yên. Về sau, do việc khai thác đồn điền và hầm mỏ của thực dân Pháp và địa chủ, do chiến tranh và nhiều yếu tố khác, cùng với chủ trương xây dựng vùng kinh tế mới của Đảng và Nhà nước, nhân dân hầu hết các tỉnh phía bắc đã tới Đại Từ xây dựng quê hương mới, trong đó đông nhất là đồng bào có quê gốc ở Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

Người Tày đã sinh sống từ lâu đời ở các xã phía bắc. Hiện nay, nhiều xã ở phía nam tuy không có đồng bào Tày cư trú lâu đời nhưng vẫn còn tên làng như làng Ruồng (Luông), Nà Ca, La Thông... chứng tỏ từ xa xưa đồng bào Tày đã có mặt ở đây. Về sau, đồng bào Tày và các dân tộc anh em khác từ các tỉnh biên giới cũng chuyển về, đất Đại Từ trở nên đông vui, nhiều dân tộc như ngày nay.

Hiện nay, các xã trong huyện đều có các dân tộc anh em cùng xen canh xen cư. Việc hôn nhân giữa các dân tộc khác nhau đã trở thành phổ biến.

Trước cách mạng tháng Tám, nhân dân Đại Từ chủ yếu sống bằng nghề làm ruộng, làm nương rẫy. Có một số ít sống bằng nghề thủ công và buôn bán.

Ê-si-na (công sứ Thái Nguyên) đã nhận xét: *"Đây là một huyện đầy hứa hẹn tương lai..., các cánh đồng này đã được tưới bằng mương phai, do cư dân đào lấy vì vậy lúa vụ tháng 5 mỗi năm tăng lên. Việc khai hoang tiến bộ hơn đã làm cho khí hậu địa phương trong lành hơn, việc tưới nước cũng được thuận lợi, nhờ con sông chảy từ tây bắc xuống đông nam và rất nhiều dòng thác chảy xiết từ dãy Tam Đảo đổ xuống... Cải tạo được vùng này, chúng ta sẽ có thể làm cho hầu hết các cánh đồng ở đây cấy hai vụ. Những nông phẩm là: ngô, gạo, mía, các loại cây công nghiệp, vỏ ăn trâu, củ nâu..."*. Ngày nay, đất nông nghiệp Đại Từ đang được thâm canh và đạt năng suất cao. Năm 1966, Đại Từ là huyện đầu tiên của tỉnh đạt năng suất bình quân 5 tấn/ha.

Do trồng trọt phát triển và có những điều kiện thuận lợi về tự nhiên nên đàn gia cầm, gia súc của Đại Từ cũng càng

ngày càng phát triển. Theo tài liệu thống kê từ thời Pháp thuộc, đàn gia súc ở Đại Từ năm 1932 như sau: 3.200 con trâu, 300 con bò, 40 con ngựa, 5.000 con lợn, 200 con dê. Đến năm 2014, đàn gia súc, gia cầm của huyện đã tăng lên gấp nhiều lần (11.700 con trâu, bò, 55.025 con lợn và hơn 1,12 triệu con gia cầm). Về nuôi cá, ngoài cơ sở nuôi thả lớn ở hồ Núi Cốc, các xã, các gia đình đều có nhiều hồ ao thả cá mang lại nguồn thức ăn và thu nhập đáng kể cho nhân dân. Tuy nhiên, do không được bảo vệ tốt nên lượng cá tự nhiên ở sông suối và đồng ruộng còn lại không nhiều.

Về nghề rừng, các xã ở phía bắc như Phúc Lương, Đức Lương, Minh Tiến, Phú Cường, Na Mao... từ lâu đã có truyền thống vườn rừng gia đình. Ở đây, mỗi gia đình đều có một số đất rừng để trồng cây lấy gỗ và lâm sản phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng, được tập quán địa phương công nhận. Từ năm 1990, huyện thực hiện chính sách giao đất, giao rừng để đất rừng có chủ, phát triển trồng cây và bảo vệ rừng.

Việc trao đổi hàng hóa ở Đại Từ rất thuận tiện. Trước cách mạng tháng Tám, cả huyện có 4 chợ đó là chợ Mụ (ở huyện lỵ), chợ Ký Phú, chợ Phú Minh, chợ Văn Lãng. Hiện nay, hầu như xã nào cũng có chợ. Riêng xã Quân Chu có tới hai chợ: Chợ Đền và chợ Chè Đen. Trừ chợ Đại Từ (chợ Mụ trước đây, nay là chợ trung tâm thị trấn Hùng Sơn) họp thường xuyên, các chợ khác mỗi phiên cách nhau 5 ngày.

Giáo dục ở Đại Từ dưới thời phong kiến hầu như không phát triển, song vẫn có một số người đỗ đạt thành tài, làm rạng danh cho dòng họ, quê hương như tiến sĩ Đồng Doãn Giai. Sinh đầu thế kỷ XVIII tại làng Hùng Sơn, hạt Đại Từ

(xứ Thái Nguyên), Đồng Doãn Giai là người học rộng và có tài ứng biến. Khoa Bính Thìn (1736) thời Lê Y Tông và chúa Trịnh Giang, ông thi đậu “*đệ nhất giáp, tiến sĩ cập đệ*” (tức thám hoa - thuộc tam khôi: trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa). Sau khi vinh quy bái tổ trở lại kinh đô, ông dự kỳ thi “*ứng chế*” (kiểm tra lại trình độ qua một bài “*luận*”) và đạt “*hợp cách*” được thăng một cấp. Triều đình bổ nhiệm ông làm quan tới chức hàn lâm hiệu khảo (nghiên cứu hiệu đính và soạn thảo các văn bản, tài liệu thuộc viện hàn lâm). Sau đó, vâng mệnh triều đình, ông đã sung chức đốc đồng xứ Lạng Sơn và mất tại nhiệm sở.

Thời Pháp thuộc, huyện chỉ có 3 trường sơ học đặt ở Ký Phú, Hùng Sơn, Phú Minh (nay thuộc Phú Thịnh); 4 lớp hương sư: Lục Ba, Cù Vân, Tân Phú, Yên Giã (nay thuộc Mỹ Yên), sau mở thêm ba lớp hương sư nữa ở Vân Yên (Văn Yên), Tràng Lang và Dựng Tú (nay thuộc An Khánh). Năm 1942, trên địa bàn mới mở trường kiên bị (trường tiểu học toàn cấp) ở Hùng Sơn, khi có lớp cuối cấp thì cách mạng nổ ra nên chưa kịp tổ chức kỳ thi.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mạng lưới trường lớp được mở ở các xã. Ngoài trường phổ thông còn có các lớp bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí.

Năm 1950, khi bắt đầu thực hiện cải cách giáo dục theo chương trình phổ thông 9 năm, ở Đại Từ có trường phổ thông cấp II. Bên cạnh giáo dục phổ thông, phong trào “*diệt dốt*” trên địa bàn huyện phát triển mạnh mẽ. Năm 1965 ở Đại Từ có trường phổ thông cấp III. Đến nay, các xã trong huyện đều có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; có nơi có tới 5

trường (như xã Yên Lãng), 8 trường (như thị trấn Hùng Sơn). Với nhiều bước chuyển mình mạnh mẽ theo hướng tích cực trong công tác dạy và học, năm 2005, toàn huyện Đại Từ đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tiến tới phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Năm 2013, huyện được công nhận phổ cập chương trình giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Nhiều học sinh là con em Đại Từ đã tốt nghiệp và đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Hiện nay, nhiều người đã đạt học hàm, học vị cao.

Về y tế, theo tài liệu năm 1943 cả huyện chỉ có một nhà hộ sinh ở Hùng Sơn với 10 giường bệnh. Nhà hộ sinh này do một cô đỡ đương tập sự đảm nhiệm. Mãi sau mới có một trạm xá do một y tá phụ trách.

Sự nghiệp y tế được quan tâm nhiều hơn từ sau Cách mạng tháng Tám. Trước đây, Đại Từ bệnh sốt rét hoành hành rất ác liệt cho nên đã có câu:

“Lũ khỉ lừ lừ”

Chẳng Đại Từ

Thì ở Võ Nhai”.

Năm 1958, Đảng và Nhà nước đã tổ chức chiến dịch chống bệnh sốt rét, nhờ đó sức khỏe của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cùng với phong trào vệ sinh phòng bệnh, bộ mặt nông thôn Đại Từ được thay đổi nhanh chóng. Cuộc sống ở các bản làng lành mạnh, vui tươi.

Đến năm 1964, toàn huyện đã xây dựng được 1 bệnh xá huyện và 14 trạm xá xã. Năm 1965, bệnh xá huyện được tăng

cường thêm trang thiết bị khám chữa bệnh và đội ngũ cán bộ y tế, nâng cấp lên thành bệnh viện huyện. Năm 1968, 100% các xã trong huyện đã xây dựng được trạm xá xã. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975), ngành y tế huyện Đại Từ đã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, cứu chữa những người bị nạn do máy bay Mỹ đánh phá và khám sức khỏe tuyển quân chi viện chiến trường. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cơ sở vật chất của bệnh viện huyện và các trạm xá xã từng bước được trang bị đầy đủ.

Đại Từ là nơi hội tụ của đồng bào nhiều dân tộc đến từ nhiều địa phương, sự tiếp xúc, giao lưu, tiếp biến về phong tục tập quán, văn nghệ dân gian của cư dân nơi đây đã góp phần tạo nên một bức tranh văn hóa đa màu sắc, phong phú và đa dạng.

Trước đây, cứ mùa xuân là các làng đều tổ chức lễ hội. Người Kinh có hội xuống đồng, người Tày có hội “lùng tùng” (cũng có nghĩa là xuống đồng), các dân tộc khác cũng có lễ hội. Nhìn chung các lễ hội đều cầu mong cho mùa màng tươi tốt, cuộc sống no đủ, hạnh phúc. Nhiều đền chùa ở Đại Từ thờ Cao Sơn Quý Minh để tưởng nhớ công lao của phò mã Dương Tự Minh thời Lý đã có công dẹp loạn và chống lại bọn xâm lược phía bắc, giữ gìn độc lập của Tổ quốc. Trong các lễ hội, ngoài tổ chức tế lễ ở các đình chùa còn có các trò vui như đánh cờ người, chơi đu, cướp cờ, đánh vật, ca hát...

Cũng như các địa phương nông nghiệp khác, cư dân Đại Từ thường tổ chức văn nghệ trong lễ hội. Người Kinh có hát ví, hát ống. Hát ống là hát vào một ống nứa, tiếng hát

được truyền theo dây chỉ đến tai người nghe như nghe điện thoại ngày nay. Một bên nam, một bên nữ cứ thế hát đối nhau. Người hát, người nghe chỉ cảm nhau qua câu hát mà không biết mặt nhau. Các dân tộc Dao, Sán Dìu, Cao Lan Sán Chay cũng ca hát trong những ngày xuân ngày vui tương tự hát ví... Ngày xuân, ngày vui ở Đại Từ trước đây còn tổ chức hát chèo, các gánh hát có thể của địa phương, hoặc đón từ miền xuôi.

Kho tàng cổ tích ở Đại Từ cũng phong phú và chưa được khai thác đầy đủ. Ở Đại Từ có nhiều huyền thoại về sông Công, núi Cốc, núi Tiên - giếng Dội; sự tích Cây đa đôi, núi Vuốt... Nhìn chung, văn hóa dân gian ở Đại Từ là văn hóa cộng đồng phù hợp với đặc điểm hội tụ và tiếp xúc trong quá trình hình thành cư dân của huyện.

Trên vùng đất Đại Từ, nhiều di tích lịch sử được hình thành từ khá sớm. Đến tháng 5/2015, Đại Từ có 6 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia, 32 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. *Di tích Núi Văn - núi Võ* thuộc địa bàn hai xã Kỳ Phú và Văn Yên, gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Lưu Nhân Chú - một danh tướng nổi tiếng trong khởi nghĩa Lam Sơn, được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 10-VHTT/QĐ, ngày 09/02/1981. *Di tích địa điểm công bố "Ngày thương binh - liệt sỹ toàn quốc" (27/7/1947)* tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn ghi lại cuộc mít tinh công bố bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết định chọn ngày 27/7 hàng năm là ngày Thương binh, liệt sỹ, được xếp hạng cấp quốc gia theo Quyết định số 2205-QĐ/VH (ngày 17/7/1997) của Bộ Văn hóa - Thông tin. *Di tích nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên* được xếp hạng di

tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 05/QĐ-BVHTT, ngày 12/02/1999, ghi dấu ấn sự thành lập của Chi bộ Đảng ở La Bằng (tháng 9/1936), mở đầu cho việc lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc. *Di tích lịch sử cách mạng “Địa điểm thành lập cơ quan chỉ huy Chiến khu Nguyễn Huệ”* nằm trên địa bàn hai xóm Khuôn Nanh và Khuôn Muống (xã Yên Lãng), được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 05/QĐ-BVHTT ngày 12/02/1999. *Di tích “Địa điểm nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 1954)”* tại đồi Thành Trúc, xã Bản Ngoại được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 72/2006/QĐ-BVHTT ngày 28/9/2006. *Di tích “Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhân dân xã Hùng Sơn (năm 1954 và 1958)”* được xếp hạng cấp quốc gia theo Quyết định số 3834/QĐ-BVHTTDL (ngày 31/10/2013) của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bên cạnh các di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh, Đại Từ còn có nhiều di tích có giá trị đã được kiểm kê. Những di tích lịch sử góp phần minh chứng cho một Đại Từ giàu truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ còn có truyền thống cần cù trong lao động, dũng cảm trong đấu tranh chống kẻ thù. Người dân Đại Từ đã khai phá đất đai lập nên các làng bản, làm thủy lợi, cải tạo các cánh đồng.

Khi đồng bào miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, nhiều ngành nghề được mở rộng. Nhân dân Đại Từ đã tự sản xuất gạch, ngói, vôi làm vật liệu xây dựng. Nghề thợ mộc (làm nhà, đóng đồ), nghề thợ xây cũng phát triển theo

nhịp độ xây dựng của địa phương. Đặc biệt, việc trồng chè, chăm sóc và chế biến chè đã trở thành một nghề có tiếng. Tại hội chợ triển lãm toàn quốc năm 1983, chè Đại Từ đã đạt huy chương vàng.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ tự hào với truyền thống lịch sử vẻ vang của mình. Năm 1410, Đại Từ là nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Áo Đỏ chống giặc Minh xâm lược. Từ đây cuộc khởi nghĩa lan ra các vùng Việt Bắc, Tây Bắc, đến tận Thanh Hóa, Nghệ An, gây cho giặc Minh tổn thất nặng nề. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, tài thao lược của thượng tướng quân Lưu Nhân Chú đã nổi lên sáng chói, được lưu truyền sử sách. Người làng Thuận Thượng (xã Văn Yên), dòng họ Lưu Nhân Chú nhiều đời tiếp nhau dày công rèn luyện thanh gươm, ngọn bút, làm quan dưới thời nhà Trần, nhà Hồ, danh tiếng lừng lẫy một phương. Cha Lưu Nhân Chú là Lưu Chung, làm quan đời nhà Trần; mẹ là bà Lê Thị Ngọc Chân, một người trung hậu và thương người, thường mang của cải trong nhà ban phát cho dân nghèo. Lưu Nhân Chú lớn lên giữa lúc giặc Minh giày xéo đất nước. Không chịu bó tay trước cảnh nước mất, nhà tan, ông đã cùng cha là Lưu Chung và em rể là Phạm Cuống tìm đường cứu nước. Ba cha con giả làm người buôn dầu, lặn lội vào đến Lam Sơn gặp Lê Lợi lúc ấy đang làm phụ đạo chính. Cũng như cha con họ Lưu, người hiền tài khắp nước đều tề tựu về đây để cùng nhau mưu việc lớn.

Mùa xuân năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức hội thề ở Lũng Nhai. Sau đó, theo kế của Lê Lợi, cha con Lưu Nhân Chú trở về quê hương chiêu mộ những người hiền tài, xây dựng lực lượng để chuẩn bị nổi dậy. Hiện nay ở

xã Văn Yên và Ký Phú còn dấu tích nơi luyện quân thuở trước của Lưu Nhân Chú. Đó là núi Quần Ngựa với những đường xoáy tròn ốc từ chân núi lên đỉnh núi, bên cạnh là hồ Tắm Ngựa, núi Xem, núi Cấm Cờ; chéch sang phía bên là ấp Tràng Lương. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì đây là Trang Lương (còn gọi là Tàng Lương), tức là nơi tích trữ lương thực của nghĩa quân. Ngay sát núi Quần Ngựa là núi Võ, núi Văn. Hai quả núi này cùng với quần thể xung quanh đã được xếp hạng di tích lịch sử.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Lưu Nhân Chú là một danh tướng đã lập được nhiều chiến công dưới lá cờ đại nghĩa Bình Định Vương. Tên tuổi ông gắn với những chiến thắng Bồ Đằng, Khảo Lưu, Tây Đô..., đồng thời cũng là một trong các tướng chỉ huy trận phục kích Chi Lăng, chặt đầu Liễu Thăng tại núi Mã Yên. Trận Cần Trạm, phố Cát và trận quyết chiến Xương Giang diệt toàn bộ viện binh giặc đều có công ông. Lưu Nhân Chú từng được phong Đại Tư Mã, nhập nội tước hầu, tư không, được ban quốc tính. Trải qua nhiều thế kỷ, tên tuổi ông vẫn sáng chói, luôn là niềm tự hào của nhân dân Đại Từ.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Khi những tên lính Pháp đầu tiên đặt chân lên đất Đại Từ đã vấp phải sức chiến đấu kiên cường và bất khuất của nhân dân trong huyện, gây cho chúng tổn thất nặng nề.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, phong trào đấu tranh ở Đại Từ chuyển sang giai đoạn mới. Năm 1936, cơ sở Đảng ở La Bằng được xây dựng. Đây là tổ chức cơ sở Đảng ra đời sớm nhất ở huyện Đại Từ và cũng là cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin

được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào trong nước đã rọi chiếu trên quê hương Đại Từ. Được Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh dần dần nổi lên đều khắp trên địa bàn huyện. Thời kỳ tiền khởi nghĩa, không khí cách mạng ở Đại Từ rất sôi động. Toàn huyện hưởng ứng phong trào Việt Minh, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang chống Nhật giành chính quyền về tay nhân dân.

Sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân đang nô nức xây dựng đời sống mới, chống giặc đói, giặc dốt thì thực dân Pháp lại xâm lược nước ta. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Nhiều cơ quan quan trọng của Trung ương đóng ở phía bắc Đại Từ. Tại đây đã diễn ra Đại hội Liên đoàn Lao động Việt Nam lần thứ nhất, Đại hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lần thứ nhất, Đại hội Đại biểu Đoàn Thanh niên lần thứ nhất, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khi Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam và hoạt động công khai. Đại Từ cũng là nơi công bố bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy ngày 27/7 hàng năm là ngày Kỷ niệm thương binh liệt sỹ, nơi in tờ báo “Nhân dân” đầu tiên, nơi thí điểm cải cách ruộng đất thực hiện “người cày có ruộng”, nơi xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của cả nước.

Cũng trên mảnh đất này, những trận chiến đấu quyết liệt chống thực dân Pháp năm 1947 đã diễn ra, góp phần bảo vệ các cơ quan đầu não của ta. Những người dân công dũng cảm đã đối đầu với bom đạn của giặc, giữ vững con đường chiến lược qua Đèo Khế sang Tuyên Quang lên Tây Bắc. Những phong trào yêu nước: tòng quân, đóng thuế nông nghiệp, mua công trái, ủng hộ bộ đội... diễn ra sôi nổi.

Điều vinh dự cho Đại Từ là Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Thủ đô Cách mạng Tân Trào đã đi qua địa bàn huyện để về Hà Nội. Từ đầu tháng 8/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh, một số cơ quan đầu não kháng chiến và một số đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ, Quốc hội... đã chuyển chỗ ở và làm việc từ ATK Tuyên Quang về ATK Đại Từ (Thái Nguyên), tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Trung ương và quân đội làm tốt công tác chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm hợp tác xã Cầu Thành (xã Hùng Sơn) năm 1958 để động viên bà con xây dựng cuộc sống mới. Thực hiện lời Bác dạy, hợp tác xã đã phát triển và xuất hiện anh hùng nông nghiệp Trương Văn Nho.

Thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Đại Từ là nơi bố trí các trận địa đón đánh máy bay Mỹ bắn phá từ thành phố Thái Nguyên, nhất là khu gang thép Thái Nguyên. Năm 1966, tại đồi 75 thuộc xã Hà Thượng, dân quân địa phương đã dùng súng bộ binh bắn rơi một máy bay phản lực hiện đại của Mỹ. Cũng trong những năm tháng hào hùng này, lớp lớp thanh niên các dân tộc Đại Từ đã hăng hái lên đường đánh giặc. Biết bao người con ưu tú của quê hương đã anh dũng hy sinh trên chiến trường. Nhiều người đã lập được chiến công xuất sắc. Ở hậu phương, phong trào phụ nữ "*Ba đảm đang*" và các phong trào sôi nổi khác đều hướng về tiền tuyến, chi viện đầy đủ sức của cho công cuộc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đồng thời xây dựng quê hương giàu mạnh.

Sau khi đất nước được thống nhất, nhân dân Đại Từ tiếp tục vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

Đảng bộ huyện Đại Từ được nhân dân tin cậy đang quyết tâm lãnh đạo địa phương tiến lên vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường Bác Hồ đã chọn.

CHƯƠNG II

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN ĐẠI TỪ - TỔ CHỨC ĐẢNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI

27

I. Đại Từ dưới thời Pháp thuộc và phong trào đấu tranh của nhân dân Đại Từ trước khi tổ chức Đảng đầu tiên ra đời

Ngày 01/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, chính thức mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau khi chiếm các tỉnh đồng bằng sông Hồng, ngày 19/3/1884, từ Bắc Ninh giặc Pháp kéo quân lên đánh thành Thái Nguyên. Tuy đến giai đoạn này lực lượng triều đình Huế đã suy yếu, tư tưởng đầu hàng đã chiếm ưu thế trong hàng ngũ bọn vua quan nhà Nguyễn, song ở Thái Nguyên, quân và dân ta, dưới sự chỉ huy của Hoàng Kế Viêm vẫn chiến đấu dũng cảm bảo vệ từng tấc đất. Chính giặc Pháp đã phải thú nhận: “Ở thành Thái Nguyên, quân Pháp đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam”⁽¹⁾.

Dựa vào ưu thế quân số và vũ khí, trận đầu quân giặc đã hạ được thành, nhưng do vấp phải “sức kháng cự mãnh liệt” của quân và dân Thái Nguyên nên ngay sau đó lại phải bỏ thành để rút về Bắc Ninh.

⁽¹⁾ Ê-si-na: Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên (Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử tỉnh Bắc Thái).

Sau nhiều trận giao chiến, ngày 10/5/1884, thực dân Pháp mới dám cho quân đóng lại trong thành. Từ thành Thái Nguyên, chúng đánh ra các vùng xung quanh. Chúng chiếm huyện Đại Từ năm 1884 và cũng từ đó nhân dân Đại Từ đã liên tiếp hưởng ứng các phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong 10 năm đầu, thực dân Pháp đã cai trị lãnh thổ theo chế độ quân quản. Sau đó, tuy gọi là chính quyền dân sự nhưng thực chất vẫn nằm trong tay bọn thực dân Pháp. Năm 1900, chúng chia nhỏ tỉnh Thái Nguyên thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên.

Về bộ máy cai trị, từ xã đến huyện chúng vẫn duy trì chế độ phong kiến. Ở huyện, bên cạnh chính quyền bản xứ, lại có thêm chỉ huy đồn binh người Pháp cũng can thiệp vào việc cai trị, làm cho quan đầu huyện chỉ là bù nhìn. Ở tỉnh, viên công sứ được giao quyền lực rộng rãi, đứng đầu tỉnh về chính trị, quân sự và tư pháp. Công sứ trực tiếp làm chánh án tòa án đệ nhất cấp (tư pháp với người Âu) và kiêm chức chánh án tòa án đệ nhị cấp (tư pháp với người bản xứ). Tuy hệ thống quan lại của Nam triều ở tỉnh vẫn có tuần phủ (tỉnh trưởng), án sát (phụ trách tư pháp)... nhưng thực chất quyền hành tập trung vào công sứ. Tên giám binh người Pháp cầm đầu một lực lượng to lớn: 200 lính Âu, 2.000 lính khố xanh, khố đỏ, lực lượng đồng (lính địa phương ở làng và ở huyện), và gần 2.000 tay súng. Ở huyện có viên châu đoàn người Việt chỉ huy bọn lính đồng là loại lính tay sai, nhiều tên rất gian ác.

Nằm trong tay bộ máy cai trị như vậy, bọn thực dân dùng mọi thủ đoạn để áp bức, bóc lột nhân dân ta.

Trước hết là thuế, ngoài thuế ruộng đất đánh rất nặng, chúng còn thu thuế thân. Thuế thân đánh vào tất cả đàn ông từ 18 đến 60 tuổi. Từ năm 1920 đến năm 1930, số thuế đã tăng lên 2 lần, riêng thuế thân đã tăng lên hơn 2 lần. Ngoài tăng thuế, chúng còn đặt ra phụ thu rất vô lý để vơ vét của cải của nhân dân như năm 1931 chúng đặt ra phụ thu 15% vào thuế thân và thuế ruộng. Suu cao thuế nặng đè lên đầu lên cổ người nông dân Đại Từ khiến họ phải bán vợ, dợ con hoặc tha phương cầu thực.

Ngoài việc vơ vét, bóc lột bằng suu thuế, vấn đề cướp ruộng đất làm đồn điền, làm hầm mỏ, độc quyền về rượu và thuốc phiện càng khiến người dân bất bình và đẩy họ vào con đường bần cùng hóa.

Năm 1932, toàn tỉnh Thái Nguyên có 18 đồn điền lớn của bọn thực dân và tay sai chiếm 27.524ha. Trước Cách mạng, ở Đại Từ có những đồn điền chính: Ga-ri, Bản Ngoại, Tràng Lương, Phú Lạc, Hà Thượng, Hoàng Nông, Mỹ Yên... Riêng ở Đại Từ có đồn điền Đờ-mông-pơ-da sau chuyển cho Ga-ri. Đồn điền Đờ-mông-pơ-da có tới 3.694ha ở nhiều địa điểm trong tỉnh, riêng ở Đại Từ đã chiếm cả một vùng rộng lớn ở xã Bình Thuận và Vạn Thọ ngày nay. Đồn điền Bản Ngoại của Phạm Bá Nhu chiếm 125ha. Ngoài ra, trên địa bàn còn nhiều tiểu đồn điền của địa chủ địa phương.

Theo thống kê từ thời Pháp thuộc, toàn tỉnh đã tạm cấp 481 đồn điền với 2.079 mẫu, cấp hẳn 461 đồn điền với 1.452 mẫu, xét tạm cấp 110 đồn điền với 856 mẫu, xét cấp hẳn 92 đồn điền với 632 mẫu. Cộng lại lên đến 1.144 đồn điền với 5.019 mẫu. Hình thức bóc lột ở các đồn điền chủ yếu bằng địa

tô. Bình quân mỗi mẫu ruộng ở đồn điền Ga-ri mỗi năm phải nộp 24 thùng (tương đương 12 nôi thóc). Ở những đồn điền lớn, ngoài chủ đồn điền còn một hệ thống nhân viên giúp việc như thư ký, quản lý..., số người này cũng tham gia với chủ bóc lột nhân dân. Có một số người cũng là tá điền nhưng được chủ tin cậy đã lĩnh nhiều ruộng rồi thuê nhân công canh tác hoặc lại phát canh cho người mới đến hoặc những người yếu thế để kiếm lợi. Loại này gọi là quá điền. Như vậy, người nông dân muốn có ruộng làm phải qua nhiều lớp bóc lột. Nhiều khi mùa màng kém, thu hoạch xong, nộp tô xong là hết thóc, người nông dân phải đi vay lãi.

Cho vay lãi là một hình thức bóc lột của người giàu đối với người nghèo, thường thường lãi suất vay tiền là 10% một tháng. Đến hạn không trả được thì “lãi mẹ đẻ lãi con”. Vay thóc lãi cũng như vậy, mỗi năm phải lãi gấp đôi. Vay 10 nôi thóc sau một năm phải trả 20 nôi. Nợ chồng chất kiểu ấy đã làm cho nhiều gia đình khuynh gia bại sản.

Ngoài bóc lột về tô và tức, bọn đế quốc và phong kiến còn đặt ra nhiều hình thức bóc lột khác.

Về hầm mỏ, ở tỉnh Thái Nguyên, bọn thực dân Pháp tổ chức tìm kiếm và khai thác mỏ. Năm 1932, toàn tỉnh có 25 “nhượng địa khoanh vùng để khai thác mỏ”. Riêng ở Đại Từ, chúng khai thác mỏ than ở làng Cẩm.

Bọn chủ mỏ sống rất xa hoa. Chúng có cả một hệ thống giúp việc như cai, ký, mật thám... để kìm kẹp công nhân. Đời sống những người công nhân mỏ than rất khổ sở. Hầm sâu, phương tiện khai thác và bảo hiểm rất thô sơ. Suốt ngày công nhân phải sống trong lò, khí độc hại và than bụi vô cùng ảnh

hưởng đến sức khỏe, phải đội từng thúng đưa than từ bãi lên xe goòng. Nhiều phụ nữ làm việc đội than quần quật suốt ngày mà đồng lương ít ỏi, lại còn bị đánh đập và hành hạ. Bọn Pháp bắt đầu thăm dò các mỏ Núi Hồng (xã Bình Lãng), Dốc Mỏ (giữa Khôi Kỳ và Mỹ Yên) nhưng chưa kịp khai thác.

Ngoài bóc lột nhân dân, bọn thực dân và phong kiến còn áp dụng nhiều chính sách phản động như chia rẽ lương và giáo, giữa đồng bào các dân tộc, giữa người bản địa và người miền xuôi mới lên làm tá điền, làm phu mỏ, giữa các làng, các tổng với nhau. Những hiện tượng thù hằn, phá hoại tài sản, đánh chém nhau thường xảy ra, thậm chí gây đổ máu. Mặc khác, thực dân, phong kiến còn áp dụng chính sách ngu dân, không quan tâm đến mở mang trường học, bệnh xá. So với các địa phương khác ngay cả miền núi lúc bấy giờ số trường, số trạm xá có ở Đại Từ thời ấy cũng quá ít. Trình độ văn hóa thấp, đại bộ phận là mù chữ, bệnh tật hoành hành rất ác liệt dẫn đến nạn mê tín dị đoan trầm trọng. Ngoài những biểu hiện thuộc về tín ngưỡng như thờ cúng tổ tiên, đi lễ chùa, nhà thờ còn tồn tại nhiều hình thức mê tín dị đoan như cúng ma, đồng cốt, bói toán, tướng số... gây nhiều phiền hà trong sinh hoạt và mê muội trong hoạt động tinh thần; còn dẫn đến mất đoàn kết, thù ghét nhau. Bọn thống trị lợi dụng mê tín dị đoan để dễ bề cai trị.

Những tệ nạn như rượu chè, thuốc phiện, cờ bạc, lấy vợ lẽ... rất phổ biến. Chúng còn độc quyền bán rượu buộc người dân phải uống.

Ở Đại Từ thời Pháp thuộc, lực lượng công nhân còn nhỏ bé, đa số nông dân ở các bản làng và nông dân tá điền nghèo khổ

rất bất bình với bọn thống trị. Bọn thực dân dựa vào hào lý địa phương để cai trị. Nhiều tên rất xảo quyệt và gian ác. Mặc dù vậy, một số hào lý vẫn có tư tưởng dân tộc, thù ghét bọn thực dân, có đóng góp cho các phong trào chống Pháp.

Vốn có truyền thống yêu nước, lại bị bọn thực dân phong kiến bóc lột nên nhân dân các dân tộc Đại Từ đã tích cực hưởng ứng các phong trào yêu nước vùng lên chiến đấu chống quân thù.

Phong trào đấu tranh sôi sục trong nhân dân tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của binh lính Việt Nam trong hàng ngũ giặc. Tuy cầm súng trong hàng ngũ đế quốc song cha mẹ, vợ con họ vẫn là nông dân, vẫn chịu sự bóc lột áp bức của đế quốc và phong kiến. Do đó, nhiều người lính Việt Nam đã không chịu bắn vào người anh em cùng máu đỏ da vàng.

Cuối năm 1892, binh lính đóng ở đồn Hùng Sơn, dưới sự chỉ huy của Cai Bát, nổi dậy làm binh biến. Đồn Hùng Sơn nằm ở huyện lỵ Đại Từ có vị trí quân sự rất tốt. Đồn đặt ở trên đỉnh đồi cao, án ngữ ngã ba đường 13 và đường 38. Từ vị trí này có thể quan sát được một vùng rộng lớn của thị trấn Đại Từ và các xã Hùng Sơn, Bình Thuận, Khôi Kỳ, Tiên Hội, Tân Thái. Hỏa lực đặt trên đồi chỉ có súng trường nhưng cũng có thể khống chế huyện lỵ và ngã ba đường giao thông, cả một vùng dân cư rộng lớn và đông đúc nhất huyện; đồng thời phối hợp với lực lượng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê... nhằm tiêu diệt lực lượng nghĩa quân từ Yên Thế phát triển sang. Lực lượng của bọn thống trị lúc này đã trải rộng ra cả nước nên rất mỏng. Chúng phải thực hiện chính sách dùng người Việt trị

người Việt. Cai Cát là một hạ sỹ quan chỉ huy đồn. Ông rất căm ghét bọn chỉ huy người Pháp và đồng tình với phong trào chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Do đó, ông đã lãnh đạo binh lính nổi dậy chiếm đồn, thu vũ khí của giặc, kêu gọi nhân dân hưởng ứng.

Vì gương cao ngọn cờ chống Pháp nên nghĩa quân được nhân dân hưởng ứng rất nhanh. Lực lượng nòng cốt lúc đầu chỉ có một số binh sỹ nổi dậy, sau phát triển rất nhanh. Đến tháng 3/1894, lực lượng nghĩa quân đã có tới 350 người. Nghĩa quân dựa vào sườn núi Tam Đảo hiểm trở, thuộc địa giới của các tỉnh Vĩnh Yên (nay là tỉnh Vĩnh Phúc), Thái Nguyên, Tuyên Quang, liên tiếp đánh địch từ năm 1892 đến năm 1896.

Sau khi nghĩa quân Yên Thế sang hoạt động ở Đại Từ, nhân dân đã chung lòng, chung sức đi theo Đề Thám để đánh Tây. Nhiều người đã tham gia nghĩa quân. Nhân dân còn tiếp tế lương thực, thực phẩm và dẫn đường cho nghĩa quân hoạt động. Trong những tháng đầu năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Dinh, trên địa bàn Đại Từ, nghĩa quân đã đánh 16 trận, diệt hàng chục tên. Bọn Pháp đóng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê rất sợ tài bắn giỏi và chột ẩn, chột hiện của nghĩa quân. Tuy có đồn lũy, chúng vẫn nơm nớp sợ bị tiến công. Ở những làng ven Tam Đảo, nhân dân đã tổ chức đóng góp lương thực, thực phẩm để cung cấp cho nghĩa quân. Tuy đầu làng có đồn binh để kìm kẹp nhưng chúng chỉ làm chủ được ban ngày, còn ban đêm thì dân chúng giúp đỡ nghĩa quân tiêu hao địch.

Khi Hoàng Hoa Thám mất, cũng như phong trào nông dân toàn khu vực Bắc Giang - Thái Nguyên, hoạt động chống giặc ở Đại Từ tạm thời lắng xuống song nhân dân trong vùng vẫn

còn ghi nhớ công lao Đề Thám. Những câu chuyện về chiến tích anh hùng của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám trong vùng còn truyền đến ngày nay.

Bước sang đầu thế kỷ XX, bọn thực dân xâm lược tăng cường áp bức bóc lột nhân dân khi các cuộc nổi dậy đã lắng xuống, nhân dân Đại Từ cũng như nhân dân cả tỉnh và cả nước liên tục đấu tranh dưới nhiều hình thức phong phú như chống thuế, chống phu làm cho địch bối rối.

Ngày 30/8/1917, cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo nổ ra. Sau khi rút khỏi thị xã, nghĩa quân tiến về Đại Từ. Vốn có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, khi nghĩa quân Đội Cấn tới, nhân dân địa phương đã hết lòng giúp đỡ lương thực, tạo mọi điều kiện phục vụ chiến đấu.

Đội Cấn và các chiến hữu đã làm chủ Thái Nguyên được 5 ngày. Khi thực dân Pháp điều quân lên Thái Nguyên đàn áp, do lực lượng chênh lệch, nghĩa quân dần rút ra ngoài thị xã. Đến tháng 01/1918, trong một cuộc phản kích quân Pháp tấn công lên căn cứ tại núi Pháo, Đội Cấn bị thương nặng. Để không rơi vào tay giặc, ông đã tự bắn vào bụng tự sát. Sau hơn nửa năm chống trả quyết liệt quân xâm lược, nghĩa quân Thái Nguyên mà địa bàn chiến đấu lâu dài ở Đại Từ đã gây được tiếng vang lớn, làm cho quân giặc kinh hoàng.

Ba cuộc nổi dậy với quy mô khác nhau đều dựa vào rừng núi và nhân dân, trong đó có đồng bào các dân tộc Đại Từ để chống giặc. Đó là vinh dự lớn cho địa phương. Cuộc khởi nghĩa do Đề Thám lãnh đạo có quy mô lớn, thu hút nhân dân một vùng rất rộng gồm nhiều tỉnh tham gia đấu tranh,

có thời kỳ Pháp phải nhượng bộ cho Đề Thám cai quản một địa phương. Nhân dân Đại Từ đã góp công của xương máu cho cuộc nổi dậy.

Cuộc khởi nghĩa của Đội Cấn có quy mô một tỉnh, đã đánh chiếm tỉnh lỵ, gây kinh hoàng cho giặc, sau đó dựa vào rừng núi Đại Từ và được nhân dân Đại Từ ủng hộ để tiếp tục chiến đấu. Tuy cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã châm ngòi nổ báo hiệu tinh thần giải phóng của nhân dân ta sau khi thực dân Pháp đã chiếm cả nước.

Cuộc nổi dậy ở ngay sở tại của binh lính đồn Hùng Sơn tồn tại và phát triển trong 4 năm gây cho giặc nhiều thiệt hại.

Có được những hoạt động chống giặc liên tiếp như vậy, trước hết phải nói đến địa thế thuận lợi của Đại Từ. Địa phương là một vùng rừng núi cách tỉnh lỵ không xa, thuận tiện cho việc liên lạc với phong trào yêu nước ở các huyện, châu, tỉnh lân cận. Đại Từ thời ấy còn nhiều rừng núi thuận lợi cho việc đánh du kích, bảo toàn lực lượng. Đặc điểm này đã giúp cho công cuộc đấu tranh giải phóng sau này.

Mặt khác, nhân dân Đại Từ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, hết lòng ủng hộ và giúp đỡ vật chất cho quân khởi nghĩa, bổ sung lực lượng cho nghĩa quân đánh giặc đến cùng.

II. Tổ chức Đảng đầu tiên ở Đại Từ ra đời

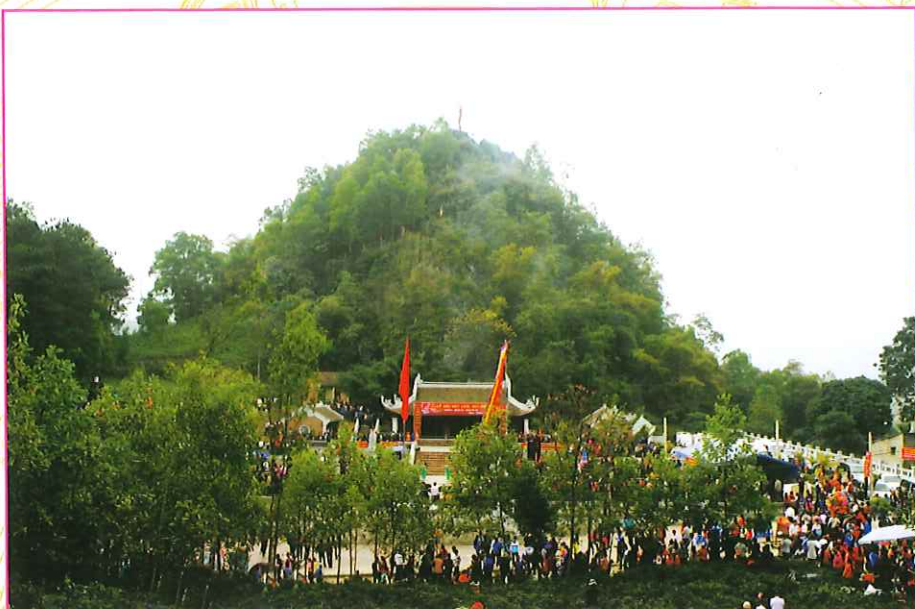
Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp ra sức bóc lột các nước thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra ở trên đất Pháp. Chúng thực hiện kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ hai để vơ vét tài nguyên và bóc lột nhân công, làm giàu cho bọn đế quốc.

Ở tỉnh Thái Nguyên và huyện Đại Từ, chúng đẩy mạnh khai thác hầm mỏ, lập đồn điền. Sau đó, tư bản lâm vào cuộc tổng khủng hoảng kinh tế, nhiều cơ sở bị đóng cửa. Do đó, đời sống những người làm thuê đã cơ cực lại càng cơ cực hơn.

Mặt khác, do việc khai thác thuộc địa của bọn thực dân, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và trở thành lực lượng đấu tranh cách mạng kiên quyết. Ở tỉnh Thái Nguyên, đội ngũ giai cấp công nhân cũng hình thành và ngay từ đầu đã là một lực lượng đấu tranh chống Pháp quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

Giữa lúc ấy, cách mạng tháng Mười Nga thành công (năm 1917) đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của xã hội loài người, mở ra con đường phát triển mới của phong trào cách mạng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh trên con đường tìm đường cứu nước đã tìm thấy chân lý của Chủ nghĩa Mác - Lê nin. Người đã khẳng định: *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"*⁽¹⁾ và ra sức truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin tới hàng ngũ những người cách mạng Việt Nam. Từ đó, ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lê nin đã soi rọi con đường cách mạng của nước ta. Có ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lê nin soi đường, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và phong trào yêu nước mang tính chất dân tộc và dân chủ sôi nổi trong những năm 1925 - 1926. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội được thành lập. Các tổ chức tiền thân của

⁽¹⁾ Viện Lịch sử Đảng (1985), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, tr.55.



Di tích núi Văn, núi Võ thuộc địa bàn xã Kỳ Phú và Văn Yên gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Tướng quân Lưu Nhân Chú
Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 1981



Nơi thành lập cơ sở Đảng cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tại xóm Lau Sau, xã La Bằng (năm 1936)
Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 1996



Địa điểm công bố bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn ngày 27/7 là Ngày Thương binh liệt sỹ tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn) năm 1947 - Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 1997



Địa điểm thành lập cơ quan chỉ huy chiến khu Nguyễn Huệ tại xóm Khuôn Nanh và Khuôn Muống, xã Yên Lãng (năm 1944)
Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 1999



Địa điểm nơi ở và nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại đồi Thành Trúc, xã Bản Ngoại năm 1954 - Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 2006



Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhân dân xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn) năm 1954 và 1958 - Di tích lịch sử quốc gia được xếp hạng năm 2013



Địa điểm chòi Đầm Then, xã La Bằng - nơi hội họp bí mật của
Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên huyện Đại Từ những năm 1941 - 1942



Địa điểm bãi Đồng Đình, xã La Bằng - nơi đội cứu quốc quân
dựng cờ hạ quyết tâm về chiếm huyện lỵ Đại Từ (tháng 3/1945)

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đó đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) được thành lập. Đây là một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Có Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đã có ảnh hưởng sâu sắc và vang dội trong các tầng lớp nhân dân. Ngọn cờ cách mạng giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Đảng giương cao có sức mạnh tập hợp, cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân và nông dân vùng dậy đấu tranh chống bọn thực dân đế quốc và phong kiến.

Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ có truyền thống yêu nước, có tinh thần tiếp thu các luồng tư tưởng cách mạng mới, song gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu đường lối cách mạng của Đảng. Kể từ sau cuộc nổi dậy của binh lính Thái Nguyên năm 1917, để bảo vệ quyền lợi kinh tế quan trọng, bọn thực dân đế quốc đã tăng cường bộ máy đàn áp. Mật thám địch hoạt động ráo riết, phát hiện tất cả những người lạ mặt, bám sát các hầm mỏ, đồn điền là những nơi tập trung công nhân. Từ ngày thành lập cho đến ngày Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất (năm 1935), tuy cơ sở Đảng của các tỉnh lân cận có hướng hoạt động vào địa phương nhưng đều trở ngại do bọn địch rất xảo quyệt, đã phát hiện ngăn chặn.

Sự ra đời của cơ sở Đảng đầu tiên ở Đại Từ (cũng là cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên) gắn với Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc). Chi bộ Long Châu

thành lập tháng 12/1929, lúc đầu chỉ có 3 đảng viên. Chi bộ được giao nhiệm vụ phát triển phong trào hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Đến năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu tổ chức huấn luyện và sau đó đã kết nạp một số đồng chí vào Đảng, đồng thời công nhận Chi bộ Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư.

Năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập ở Trung Quốc làm nhiệm vụ như một Ban Chấp hành Trung ương để bắt liên lạc và củng cố các cơ sở ở trong nước, chuẩn bị cho Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Ban lãnh đạo hải ngoại mở rộng phạm vi hoạt động của Chi bộ Long Châu để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số (Chi bộ Long Châu còn được gọi là đặc Khu ủy Cao - Lạng - Thái).

Ngày 27/3/1935, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội nhận định: *"Thắng lợi rất to lớn trong thời kỳ cải tạo khó khăn là Đảng đại khái đã khôi phục được hệ thống Đảng khắp toàn Đông Dương, đã khôi phục được các tổ chức cơ quan chỉ đạo bị đế quốc phá tan hồi năm 1931. Đảng đã đào tạo được cán bộ mới để thay thế cho chiến sỹ bị chém giết, tù đầy... Tuy số đảng viên còn kém hồi cao trào cách mạng năm 1930 - 1931 nhưng thế lực của Đảng hiện thời đã lan đến các địa hạt hậu tiến, các miền dân tộc thiểu số"*⁽¹⁾.

Bên cạnh những thành tích, Đại hội nêu rõ những khuyết điểm, nhược điểm chính của các cấp ủy cơ sở là chưa đạt trọng

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), Văn kiện Đảng, tập I, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Hà Nội, tr.481.

tâm công tác xây dựng Đảng, phát triển cơ sở cách mạng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hóa; trong Đảng, số đảng viên thành phần xuất thân là nông dân còn chiếm tỷ lệ thấp, chưa đưa được những đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân vào các cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng; kỷ luật Đảng chưa chặt chẽ, liên hệ giữa các giai cấp chưa thật thiết...

Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm, nhược điểm, Đại hội quyết nghị khôi phục các tổ chức Đảng đã bị phá; nối lại liên lạc với các đảng viên đã bị khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, đồn điền, trung tâm kinh tế, văn hóa, các trục giao thông trọng yếu...

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất, Chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động.

Quyết định của Chi bộ hải ngoại Long Châu được triển khai giữa lúc tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến thuận lợi. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935), sự nghiệp chống lại hiểm họa của chủ nghĩa phát xít nhanh chóng trở thành phong trào của quần chúng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới. Trong phong trào ấy, Mặt trận bình dân Pháp, do Đảng cộng sản Pháp làm nòng cốt giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5/1936. Với kết quả này, một chính phủ tiến bộ lên cầm quyền ở Pháp. Để phù hợp với tình hình mới, bọn thực dân ở các thuộc địa buộc phải tỏ ra dân chủ,

nói lỏng một số mặt không cơ bản trong quy chế khắc nghiệt của chế độ thuộc địa. Chớp lấy thời cơ thuận lợi này, Đảng ta chủ trương đưa hầu hết cán bộ, đảng viên ở hải ngoại về nước hoạt động.

Tỉnh Thái Nguyên là một tỉnh có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung đông công nhân nên được Chi bộ hải ngoại Long Châu chú ý. Một đảng viên có năng lực vận động quần chúng là Đặng Tùng⁽¹⁾ được cử về Thái Nguyên và hoạt động ở La Bằng (Đại Từ). Trong thời gian ở Long Châu, Đặng Tùng được Chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, do đồng chí Hoàng Đình Gióng làm Bí thư, bố trí cho ở nhờ một gia đình dân tộc Nùng họ Đường. Gia đình này có nhiều bà con sinh cơ lập nghiệp ở xã La Bằng (huyện Đại Từ) và huyện Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn). Hàng năm, số bà con này vẫn về quê ở Long Châu nên Đặng Tùng có quen biết. Đặng Tùng bí mật về Cao Bằng rồi đi theo đường công khai xuống Bắc Cạn, đi Đại Từ. Gia đình họ Đường ở La Bằng đón tiếp Đặng Tùng như một người thân quen nên công tác có rất nhiều thuận lợi. Vốn là người có trình độ văn hóa, có năng lực vận động quần chúng nên trong một thời gian ngắn ở Đại Từ, Đặng Tùng đã từ cảm hóa đến giác ngộ anh em họ

⁽¹⁾ Đặng Tùng tên thật là Đinh Ngọc Đạt, ngoài ra còn có các tên: Luân, Con, Pắc Pản Li (Lã Hồng Tú) sinh quán tại Nà Phế, xã Lê Trung (Hòa An - Cao Bằng). Lúc nhỏ, Đặng Tùng theo học tại trường Pháp - Việt (thị xã Cao Bằng). Tháng 8/1932, ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Những năm 1933 - 1934, ông là đảng viên thuộc Đảng bộ Hòa An (Cao Bằng). Đặng Tùng bị bắt ngày 26/8/1935 tại thị xã Cao Bằng. Nhờ mưu trí và dũng cảm, Đặng Tùng đã trốn thoát. Vì bị lộ nên Đảng bộ đã quyết định đưa ông ra hoạt động ở nước ngoài. Cuối năm 1935, ông đến Long Châu và sinh hoạt ở Chi bộ hải ngoại Long Châu.

Đường. Đồng chí Đặng Tùng đã kết nạp Đường Văn Hon (Nhất Quý) vào Đảng Cộng sản Đông Dương cuối năm 1936. Hạt nhân cộng sản đầu tiên của Đại Từ (cũng là của Thái Nguyên) đã được gieo mầm và phát triển. Cơ sở Đảng xã La Bằng ban đầu có 4 đảng viên⁽¹⁾. Đây là tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên ở Đại Từ nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung. Sau khi thành lập cơ sở Đảng ở La Bằng, Đặng Tùng lại theo đường liên hệ và bà con họ Đường đến Bắc Sơn rồi qua Võ Nhai tổ chức các cơ sở Đảng. Do nhiều yếu tố tác động, các cơ sở Đảng được tổ chức ở Bắc Sơn và Võ Nhai phát triển mạnh hơn, sau này đã tổ chức vũ trang khởi nghĩa ở Bắc Sơn và thành lập khu du kích Bắc Sơn - Võ Nhai, từ đó ra đời các trung đội cứu quốc quân, một trong những tổ chức tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1936 trở đi, cơ sở Đảng ở La Bằng đã phát triển sang Võ Nhai và có sự chỉ đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ. Nhờ đó, phong trào cách mạng ở Đại Từ, Võ Nhai đã gắn bó với nhau, hỗ trợ nhau trong cả quá trình vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945) và cùng lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Riêng cơ sở Đảng ở Đại Từ tuy sau này hoạt động gặp nhiều khó khăn và việc phát triển có giới hạn, song các đảng viên được kết nạp ở La Bằng vẫn duy trì được phong trào đấu tranh liên tục, đến năm 1938 đã có 6 đảng viên. Các đảng viên này đã lãnh đạo phong trào đấu tranh cho

⁽¹⁾ Theo hồi ký của đồng chí Đường Văn Hon (Nhất Quý) - nguyên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Đại Từ thì bốn đảng viên lúc ấy là: Đường Văn Hon, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân.

đến khi thành lập chiến khu thời kỳ tiền khởi nghĩa. Mặt khác, một số đảng viên cũng đã từ đây đi tuyên truyền cách mạng ở các nơi khác, đóng góp xứng đáng vào phong trào du kích Bắc Sơn, Võ Nhai.

Cùng với cơ sở Đảng La Bằng, ở đồn điền Ga-ri (Bình Thuận) cũng có một số đồng chí đảng viên ở Thái Bình bị địch khủng bố tạm lánh lên đây... Có thời gian, các đồng chí cũng bắt liên lạc được với tổ chức dưới xuôi nhưng do địch kìm kẹp khắc nghiệt, lực lượng quá mỏng nên không hoạt động được.

Từ khi có tổ chức cơ sở Đảng, có cán bộ của Xứ ủy, của Trung ương thường xuyên đi lại, chỉ đạo, phong trào cách mạng trong huyện Đại Từ phát triển từ thấp đến cao. Ban đầu cơ sở Đảng đứng ra thành lập và vận động nhân dân trong làng bản tham gia Hội tương tế, Hội ái hữu, bên ngoài là để mọi người vào Hội giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, như tên gọi của nó, nhưng thực chất các đảng viên cộng sản lợi dụng tổ chức hội hè mang tính hợp pháp để tập hợp quần chúng, qua đó giác ngộ, hướng dẫn họ vào con đường cứu nước do Đảng Cộng sản vạch ra.

Giữa năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ - cán bộ cao cấp của Đảng được Xứ ủy Bắc Kỳ phân công chỉ đạo củng cố phong trào cách mạng ở Thái Nguyên về La Bằng. Đồng chí đã có nhiều ý kiến quan trọng chỉ đạo về công tác củng cố, phát triển Đảng và phong trào cách mạng đối với Chi bộ La Bằng. Từ những ý kiến chỉ đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở La Bằng tiếp tục được củng cố và phát triển tương đối rộng

rãi trong xã và lan rộng sang các xã Hoàng Nông, Bản Ngoại, Tiên Hội...

Thông qua Hội ái hữu, Hội tương tế, tổ chức Đảng La Bằng đã vận động mở các lớp văn hóa, mua và đọc các sách báo công khai của Đảng. Từ năm 1937 đến năm 1939, nhiều tổ chức mua và đọc báo tiến bộ được lập ra ở Đại Từ, Định Hóa.

Song song với các hoạt động hợp pháp đó, cơ sở Đảng còn lãnh đạo chống bắt phu, bắt lính. Thời kỳ này, bọn Pháp làm đường Đèo Khế - Quảng Nạp và đường Đại Từ - Phổ Yên để phục vụ quân sự. Chúng bắt phu làm việc rất cực nhọc, lại đánh đập, đàn áp dã man. Dân phu Đại Từ đã chống lại bọn cai trị để đòi cải thiện điều kiện làm việc.

Các hình thức đấu tranh ở Đại Từ tuy còn sơ khai song là sự chuẩn bị để bước sang thời kỳ đấu tranh sôi nổi ở giai đoạn sau.

ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

Vol. 100

Part 1, 1970

Published by the Royal Anthropological Institute

London, 1970

Printed in Great Britain

by the Royal Anthropological Institute

21, BEDFORD SQUARE, LONDON, W.C.2

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

© 1970 The Royal Anthropological Institute

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

0022-2967/70/0000-0000\$01.00

CHƯƠNG III

ĐẠI TỪ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 - 1945)

Sau khi cơ sở Đảng đầu tiên của huyện ra đời, phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Đại Từ đã dần dần phát triển ở các xã có đồng bào dân tộc thiểu số ở phía Bắc. Phong trào lan ra toàn huyện và đặc biệt sôi động trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân.

I. củng cố, mở rộng cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng

Tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến lớn. Trước những hiểm họa bành trướng của chủ nghĩa phát xít, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII quyết định thành lập Mặt trận nhân dân nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân chống chiến tranh, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình và bảo vệ Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Thực hiện nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, phong trào thành lập Mặt trận nhân dân sôi động ở nhiều nước, nhất là ở Pháp, Tây Ban Nha, Trung Quốc và có ảnh hưởng sâu sắc đến cách mạng Việt Nam.

Tháng 9/1939, đại chiến thế giới lần thứ II bùng nổ, lôi cuốn nhân loại vào một cuộc chiến tranh tàn khốc. Để phục vụ chiến tranh, chính phủ Pháp thi hành chính sách phát xít, cấm sự hoạt động của Đảng Cộng sản và các tổ chức dân chủ,

tiến bộ ở chính quốc và các nước thuộc địa của chúng. Ở Đông Dương, chúng thủ tiêu các quyền tự do, dân chủ mà nhân dân vừa giành được ở mức độ nhất định trong thời kỳ mặt trận bình dân. Chúng thẳng tay đàn áp các đảng viên cộng sản và thành viên của các tổ chức dân chủ. Các báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Các biện pháp kìm kẹp, khủng bố nhân dân được tăng cường. Hàng loạt chiến sỹ cách mạng và đảng viên bị bắt. Trong các nhà tù như Hỏa Lò (Hà Nội), Côn Đảo, Buôn Mê Thuột, Sơn La, Thái Nguyên, Chợ Chu... rất nhiều chiến sỹ cách mạng bị giam giữ.

Trước tình thế đã thay đổi, ngày 29/9/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra thông báo gửi các cấp bộ Đảng, phác họa sự chuyển biến về chỉ đạo chiến lược và đề ra những công tác lớn phải tiến hành như chuẩn bị đối phó với bất lính, chống mộ phu... Đầu tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương họp tại Hóc Môn - Bà Điểm (Gia Định, nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, Hội nghị nhận định: *"Cuộc thế giới để quốc chiến tranh sẽ làm cho đế quốc chủ nghĩa ngày càng suy yếu dần, trái lại vì sự đau đớn, thê thảm do chiến tranh gây nên phong trào cách mạng thế giới ngày càng to rộng, mạnh mẽ, những lò lửa cách mạng tất nhiên cũng bùng cháy... bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận là da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng độc lập"*⁽¹⁾. Về

⁽¹⁾ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), Văn kiện Đảng (1939 - 1945), Hà Nội, tr.55 - 56.

hình thức đấu tranh, Hội nghị đã nêu rõ: *"Mặt trận dân chủ Đông Dương thích hợp với hoàn cảnh trước kia, nay không thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"*⁽¹⁾. Hội nghị chủ trương thay khẩu hiệu cách mạng ruộng đất bằng khẩu hiệu tịch ký ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, thay khẩu hiệu chính phủ *"Xô viết công nông binh"* bằng khẩu hiệu chính phủ *"cộng hòa dân chủ"*.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939 chỉ rõ sự chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, vạch ra phương hướng mới để toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị vùng lên giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đã kịp thời chuyển hướng từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật. Đội ngũ cán bộ đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở địa phương.

Do được Đảng Tùng giác ngộ và gây cơ sở trong anh em họ Đường nên cơ sở Đảng La Bằng (Đại Từ) được thành lập vào năm 1936, sau đó cơ sở Đảng ở Bắc Sơn được thành lập ngày 25/9/1936. Sang năm 1937, trên đường liên hệ giữa Đại Từ và

⁽¹⁾ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), Văn kiện Đảng (1939 - 1945), Hà Nội, tr.55 - 56.

Bắc Sơn, các đồng chí hoạt động cách mạng ở Võ Nhai được giác ngộ và cơ sở Đảng ở Võ Nhai được thành lập. Như vậy, mối quan hệ giữa Đại Từ - Võ Nhai - Bắc Sơn về phong trào cách mạng, về phát triển của cơ sở Đảng có ảnh hưởng rất khăng khít với nhau.

Cuối năm 1939, một số cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng ở Bắc Sơn - Võ Nhai bị địch phát hiện và khủng bố. Địch phát hiện ra đồng chí Nhất Quý (người đảng viên đầu tiên của cơ sở Đảng La Bằng - Đại Từ) đã đem tài liệu cách mạng sang Bắc Sơn - Võ Nhai nên chúng tìm cách lùng bắt.

Lúc ấy ở Đại Từ, cơ sở cách mạng đã từ La Bằng lan rộng ra các xã Bản Ngoại, Na Mao, Yên Lãng, Phú Xuyên, Phú Thịnh. Ở các cơ sở này đã tổ chức được những người có tâm huyết yêu nước thương nòi hoạt động cách mạng, những đồng chí trung kiên nhất sau này đã được tổ chức vào Đảng.

Cuối năm 1939, đồng chí Nhất Quý bị bắt giam ở Lạng Sơn. Sau đó, chúng đưa đồng chí về địa phương thẩm vấn nhưng không có tài liệu xác đáng nên phải thả. Tuy được tự do nhưng bọn mật thám vẫn tiếp tục theo dõi đồng chí gắt gao. Việc liên hệ với các tiểu tổ cách mạng và hoạt động vì vậy gặp nhiều khó khăn. Bọn địch đã ra lệnh cấm nhân dân đọc sách tiến bộ, cấm hội họp đông người, nhưng các đồng chí đảng viên cộng sản kiên cường thời đó như đồng chí Nhất Quý, Lý Đức Phúc, Nông Văn Ái... vẫn tích cực hoạt động. Các cơ sở cách mạng vẫn phát triển trong đồng bào Dao, Tày, Nùng và có xu hướng lan rộng.

Cuối năm 1939, đầu năm 1940, đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng đã từ miền xuôi lên

Đình Cả, Trầg Xá (huyện Võ Nhại) rồi sang Đại Từ kiểm tra phong trào. Các đảng viên của Đại Từ được đồng chí Hoàng Quốc Việt bồi dưỡng thêm về lý luận và phương pháp tuyên truyền cách mạng. Từ La Bằng, đồng chí đã tìm gặp, bắt liên lạc với một số đảng viên từ Thái Bình lên làm ăn ở đồn điền Ga-ri (xã Bình Thuận). Số đảng viên này cùng gia đình bị khùng bố ở miền xuôi lên đây làm ăn, không tổ chức hoạt động được ở nơi cư trú mới. Tháng 6/1940, được tin nước Pháp bị phát xít chiếm đóng, các đồng chí Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ đã gặp nhau ở Hùng Sơn để trao đổi phương hướng công tác cho phù hợp với tình hình mới và tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng của Võ Nhại và Đại Từ.

Ngày 22/9/1940, quân Nhật từ Hoa Nam (Trung Quốc) tràn qua biên giới, hạ pháo đài Đồng Đăng, đánh chiếm Lạng Sơn. Quân Pháp ở đây tan rã và bỏ chạy. Trên đường rút về Hà Nội (theo đường Lạng Sơn - Bắc Sơn - Thái Nguyên), tàn quân Pháp vứt bỏ súng ống đạn dược. Chớp thời cơ thuận lợi ấy, một số cán bộ, đảng viên vừa thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn ra đã cùng với cơ sở Đảng Bắc Sơn phát động quần chúng thu vũ khí của địch, xây dựng lực lượng.

Trong tháng 9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Đây là một sự kiện quan trọng gây tiếng vang trong cả nước, đặc biệt tác động trực tiếp đến phong trào cách mạng ở các địa phương lân cận.

Ở Đại Từ, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã viết một số truyền đơn kêu gọi binh lính Pháp noi gương các chiến sỹ công xã Pa-ri, phát huy tinh thần tự do, bình đẳng, bác ái của nhân dân Pháp, không bắn vào người Việt Nam. Tiếp đó, đồng chí

vạch kế hoạch cho các đảng viên đi tuyên truyền phát động phong trào ủng hộ nhân dân Bắc Sơn, phản đối sự đàn áp dã man ở đế quốc Pháp, kêu gọi nhân dân dân tộc noi gương các chiến sỹ Bắc Sơn.

Đồng chí Nhất Quý đã có mặt ở Bắc Sơn từ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Trong suốt thời gian chiến đấu để bảo vệ lực lượng cách mạng, đồng chí luôn sát cánh cùng các chiến sỹ Bắc Sơn, đóng góp công sức của mình vào việc tịch thu vũ khí của bọn tay sai, trang bị cho lực lượng cách mạng, bảo vệ thành quả cách mạng.

Sau khi Pháp chấp nhận các yêu sách do Nhật đặt ra với nhiều điều khoản gây nhục nhã cho Pháp, Nhật rút quân về Hoa Nam (Trung Quốc). Pháp quay trở lại đàn áp nhân dân Bắc Sơn, dìm cuộc khởi nghĩa trong khói lửa. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã cổ vũ phong trào cách mạng cả nước, trong đó trực tiếp là phong trào cách mạng của Thái Nguyên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội du kích ra đời trong khởi nghĩa đã phát triển thành lực lượng vũ trang đầu tiên của Đảng gọi là Cứu quốc quân. Một trung tâm cách mạng gồm Bắc Sơn và Võ Nhai được hình thành. Trung tâm ấy trước đó và sau này đều có quan hệ trực tiếp với Đại Từ.

Được ông Lý Bình (cơ sở của đồng chí Nhất Quý) ở Hùng Sơn báo tin địch ra lệnh truy nã các đồng chí Đường Nhất Quý (huyện Đại Từ), Chu Văn Tấn, Nông Văn Cún, Đường Văn Thất (huyện Võ Nhai), ngày 13/5/1941, bọn mật thám lên vây nhà đồng chí Nhất Quý nhưng đồng chí đã trốn thoát. Bọn chúng bắt Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân, Nông Sen Thịnh (Triều Đông) và bà Lục Thị Sứng (vợ đồng chí

Nhất Quý). Từ đó, chúng thường xuyên khủng bố cơ sở Đảng La Bằng. Tháng 7/1941, đồng chí Vũ Hưng (Hai Cao) trên đường đi công tác đến La Bằng cũng bị bắt. Từ đây, cơ sở cách mạng của Đại Từ bị mất liên lạc với cơ sở Võ Nhai và với cấp trên. Phong trào tạm thời lắng xuống.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 ở Pác Bó (Cao Bằng) tháng 5/1941 do Hồ Chủ tịch trực tiếp lãnh đạo đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương. Hội nghị đã nhấn mạnh: *“Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*⁽¹⁾.

Thực hiện mục tiêu đó, Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mau chóng thành lập lực lượng vũ trang, xúc tiến khởi nghĩa vũ trang từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Để chuẩn bị khởi nghĩa *“Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã quyết định lấy miền rừng núi phía bắc để xây dựng căn cứ vũ trang”*⁽²⁾.

⁽¹⁾ Võ Nguyên Giáp (1976), *Những sự kiện lịch sử Đảng tập I*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.510.

⁽²⁾ Võ Nguyên Giáp (1969), *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.84.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, mặc dù địch điên cuồng đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai, nhân dân ta đã kiên cường đánh trả và gây cho địch thiệt hại nặng nề. Ngày 15/9/1941, đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng công nhận và trao nhiệm vụ cho trung đội Cứu quốc quân II. Đơn vị này được thành lập tại rừng Khuôn Mảnh (Tràng Xá, Võ Nhai).

Đế quốc Pháp dùng lực lượng rất đông để bao vây, hòng tiêu diệt đội quân non trẻ của ta. Ban lãnh đạo Cứu quốc quân II đã chủ trương: chia bộ đội thành các đơn vị nhỏ để phát triển phong trào sang Đại Từ, Yên Thế...

Tháng 10/1941, Ban chỉ huy Cứu quốc quân II cử các đồng chí Đường Thị Ân, Hoàng Thị Lê, Hoàng Thị La sang Đại Từ liên lạc với đồng chí Nhất Quý. Đến nơi, bị bọn mật thám truy tìm nên các đồng chí phải lánh sang Na Mao ở nhà bà Nguyễn Thị Sấm (mẹ đồng chí Bảo Loan) để hoạt động.

Ngày 28/11/1941, một đội công tác do các đồng chí Nguyễn Cao Đàm (chính trị chỉ đạo viên của đội Cứu quốc quân II), Phương Cương, Nhì Phúng... dẫn đầu từ Võ Nhai lại vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, đem theo chương trình, Điều lệ Việt Minh để tuyên truyền trong nhân dân. Đội đã đi sâu vào quần chúng, phát triển lực lượng vũ trang, chuẩn bị xây dựng căn cứ địa vững mạnh. Đó là một chủ trương đúng đắn, cũng là một thuận lợi lớn đối với cách mạng Đại Từ.

Ở những nơi đội công tác đến, được các đồng chí trong đội giải thích, ổn định tư tưởng, phong trào cách mạng được khơi dậy, có những người đã tạm thời nằm im trước sự đe dọa và

dụ dỗ của địch nay cũng hoạt động trở lại. Địa bàn hoạt động của đội dựa vào đồng bào Dao ở các bản hẻo lánh vùng cao. Đầu năm 1942, đội công tác liên lạc được với đồng chí Nhất Quý ở Núi Hồng. Cơ sở cách mạng Đại Từ phát triển dần sang Tuyên Quang. Các trạm liên lạc được tổ chức để tiện cho việc chỉ đạo chung. Cuối tháng 2, đầu tháng 3/1942, đường liên lạc đã được đánh thông từ vùng giáp Tuyên Quang sang Đại Từ đến được các xã của huyện Phú Lương và mở rộng sang Định Hóa. Được tăng cường thêm lực lượng, phong trào cách mạng Đại Từ hoạt động sôi nổi hơn trước. Đảng đã lãnh đạo thanh niên người Dao chống phu, chống thuế có kết quả.

Để đối phó, bọn phản cách mạng đã tìm cách chia rẽ, mua chuộc đồng bào Dao. Chúng gièm pha dụ dỗ đồng bào không theo bọn Kinh, Tày làm giặc. Cán bộ ta đã tích cực vận động vạch trần âm mưu của địch để củng cố niềm tin trong đồng bào Dao.

Phong trào đang phát triển thuận lợi thì đội công tác Đại Từ lại mất liên lạc với trung tâm Võ Nhai vì đại bộ phận Cứu quốc quân đã rút sang biên giới Việt - Trung để bảo toàn lực lượng.

Cơ sở cách mạng của Đại Từ một mặt vẫn tiếp tục vận động quần chúng tham gia lực lượng cách mạng, đấu tranh chống giặc; mặt khác, cử người đi biên giới Việt Trung và về xuôi để bắt liên lạc với Cứu quốc quân và cấp trên.

Phong trào cách mạng từ bản người Dao vùng cao đã lan xuống vùng thấp của đồng bào Tày, Nùng... Sang năm 1943,

phong trào đã lan ra hầu khắp các xã như Na Mao, Phú Xuyên, Yên Lãng, Hoàng Nông. Đầu năm 1943, phong trào Việt Minh đã có cơ sở ở 7 xã phía bắc Đại Từ, nơi có rừng núi hiểm trở nối liền được với các cơ sở cách mạng ở Sơn Dương, Định Hóa, hình thành một căn cứ cách mạng.

Định Hóa
Cán bộ được cử về xuôi không bắt được liên lạc với những cán bộ được cử đi biên giới Việt Trung đã gặp lại toàn bộ Cứu quốc quân và nhận được chỉ thị. Nhiệm vụ là củng cố vững chắc vùng căn cứ để đón Cứu quốc quân, trở về mở đường Bắc tiến nối liền với Bắc Kạn, Cao Bằng, chuẩn bị lực lượng để cùng toàn quốc đón thời cơ khởi nghĩa.

Đi đôi với việc tổ chức các hội cứu quốc của Việt Minh, các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu cũng được thành lập. Phong trào cách mạng Đại Từ còn gặp khó khăn, không phát triển được vào vùng mỏ và đồn điền vì địch kiểm soát rất gắt gao, bản thân các đảng viên từ dưới xuôi lên cũng không hoạt động được.

Tháng 02/1943, toàn bộ Cứu quốc quân từ biên giới Việt Trung trở về nước, mở rộng địa bàn hoạt động. Đồng chí Triệu Khánh Phương (dân tộc Dao) đưa một bộ phận Cứu quốc quân sang hoạt động ở Đại Từ.

Tháng 4/1943, đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy Cứu quốc quân đặt căn cứ tại núi Hồng. Núi Hồng có vị trí quan trọng, nằm trên đường 13A từ Thái Nguyên đi Tuyên Quang, là nơi tiếp giáp của 3 huyện Đại Từ, Định Hóa, Sơn Dương. Núi Hồng có địa thế hiểm trở thuận tiện cho việc lập căn cứ, một vị trí quan trọng của chiến khu Việt Bắc.

Tháng 02/1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt được Trung ương cử về Đại Từ để kiểm tra phong trào. Ngày 25/02/1944, trung đội Cứu quốc quân III được thành lập ở Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang). Địa bàn hoạt động của đội quân này là Đại Từ, Sơn Dương và phát triển sang các huyện khác của Tuyên Quang. Đại Từ được tăng cường lực lượng Cứu quốc quân đã thúc đẩy phong trào cách mạng sôi nổi thêm. Các đội tự vệ được thành lập để bảo vệ cơ sở, bảo vệ quần chúng. Có xóm toàn bộ các gia đình đều ở trong các đoàn thể cứu quốc, có nơi đã thành lập được Ban Việt Minh tổng. Ngày 11/10/ 1944, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, Cứu quốc quân đã tổ chức cho 12 cán bộ bị giam ở nhà tù Chợ Chu (Định Hóa) vượt ngục thành công⁽¹⁾. Phần lớn các đồng chí này sau khi vượt ngục được Trung ương cử tham gia công tác tại Thái Nguyên.

Cũng trong thời gian ấy, để tiện cho việc lãnh đạo chung, Trung ương chia khu căn cứ ra thành hai phân khu A và B, lấy sông Cầu làm ranh giới. Phân khu A là chiến khu Hoàng Hoa Thám gồm một phần Thái Nguyên, một phần Bắc Giang, một phần Lạng Sơn bao gồm các huyện Bắc Sơn, Võ Nhai, Yên Thế, một phần Đồng Hỷ, một phần Phú Lương. Phân khu B gọi là chiến khu Nguyễn Huệ gồm một phần Thái Nguyên, một phần Bắc Kạn, toàn tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai... Đại Từ thuộc phân khu B. Đồng chí Song Hào được chỉ định làm Bí thư Khu ủy, đồng chí Tạ Xuân Thu và Hiến Mai là Khu ủy viên.

⁽¹⁾ 12 đồng chí vượt ngục là: Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Nhị Quý, Chỉ, Vũ Phong, Chu, Hoàng Bá Sơn, Trung Đình, Kháng, Trần Tùng, Trần Thế Môn.

Đầu tiên, đồng chí Song Hào ở nhà bà Đàm Thị Lan⁽¹⁾, mẹ đồng chí Lý Thanh (tức Sàng), người dân tộc Nùng ở xã Yên Lãng. Khu rừng nhà đồng chí Lý Thanh ở có ba gia đình đều là người dân tộc Nùng và tham gia Việt Minh. Sau đồng chí Song Hào chuyển sang Sơn Dương (Tuyên Quang) song vẫn trực tiếp phụ trách một vùng có xã Yên Lãng và vùng Tân Trào của huyện Sơn Dương. Lúc ấy, bọn địch lập một đồn ở Đèo Khế do một trung đội lính khố xanh đóng gây khó khăn cho việc đi lại của ta. Đồng chí Song Hào đã chỉ thị cho các hội viên Thanh niên cứu quốc đến quấy rối, đêm đêm ném đá loạn xạ từ sườn núi xuống. Giặc bắn vu vơ nhưng không có kết quả, sau chúng sợ hãi phải bỏ đồn.

Hai đồng chí Trung Đình, Nhị Quý được Xứ ủy cử phụ trách cơ sở ở huyện Đại Từ. Các đồng chí đã góp nhiều kinh nghiệm phong phú về vận động quần chúng cho cán bộ cách mạng ở Đại Từ. Do đó, phong trào phát triển cả về bề rộng, chiều sâu, đã lan xuống một số xã ở phía nam và tây nam của huyện.

Đồng chí Nhị Quý được phân công hoạt động ở tổng Đội Cấn gồm xã Hoàng Nông và La Bằng. Ở Đại Từ, các hoạt động cách mạng phát triển tốt. Các đoàn thể cứu quốc của

⁽¹⁾ Bà Đàm Thị Lan quê ở Thạch An (Cao Bằng) do nghèo khổ đã phiêu dạt về Đại Từ. Tuy nhà nghèo nhưng bà rất nhiệt tình hoạt động trong phong trào Phụ nữ cứu quốc, vay thóc của người giàu để nuôi cán bộ. Bà đã được Nhà nước tặng bằng "Có công với nước" và kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công". Con trai bà là đồng chí Lý Thanh cũng rất tích cực hoạt động cách mạng. Sau Cách mạng tháng Tám, đồng chí được Đảng phân công đi công tác ở Bình Liêu (Quảng Ninh) để xây dựng cơ sở trong đồng bào dân tộc. Có thời gian, đồng chí là Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Đại Từ. Đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng bằng "Có công với nước", kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" và nhiều huân chương.

Mặt trận Việt Minh sinh hoạt đều đặn. Tự vệ cứu quốc được tổ chức huấn luyện quân sự và chính trị thường xuyên.

Đồng chí Trung Đình ở tại nhà đồng chí Đắc (người Cao Lan), xóm Na Phác (Khôi Kỳ), xóm này nằm sát chân núi Tam Đảo nhưng lại gần huyện lỵ. Bọn tay sai lòng sục rất dữ, đồng chí Trung Đình hoạt động vô cùng khó khăn, phải thường xuyên thay đổi chỗ ở. Từ Khôi Kỳ, đồng chí đã chỉ đạo phong trào ở các xã xung quanh.

Ngày 14/12/1944, đồng chí Cam⁽¹⁾ - cán bộ Xứ ủy sang công tác ở vùng Phú Lương. Đồng chí Cam hy sinh, bọn phản động đã cắt đầu nộm cho tuần phủ, sau đó bêu đầu đồng chí ở thị xã Thái Nguyên. Đồng chí Cam hy sinh, ba cán bộ còn lại được nhân dân địa phương bảo vệ rút vào rừng an toàn.

Cán bộ Việt Minh tổ chức các nhóm vũ trang nhỏ đi tuyên truyền từ xóm này sang xóm khác. Cán bộ giới thiệu với nhân dân một số tranh ảnh tố cáo tội ác của Nhật ở Trung Quốc để vạch trần thuyết Đại Đông Á của phát xít Nhật; đồng thời kêu gọi quần chúng tiếp tục gia nhập Việt Minh, luyện tập quân sự, phát triển lực lượng vũ trang để đánh Pháp đuổi Nhật.

Đầu năm 1945, cơ sở cách mạng đã phát triển mạnh ở xã Phục Linh, xã Cù Vân. Một cán bộ Việt Minh là Hà Văn Thứ (Giao Thứ) được cử về gây dựng phong trào đã bị bọn phản động địa phương sát hại. Tuy cán bộ bị tổn thất nhưng phong

⁽¹⁾ Tên khai sinh là Lôi Văn Nghiêu (còn có tên gọi khác là Lôi Văn Diu), sinh năm 1906, nguyên quán ở xóm Đồng Nà, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1941, đồng chí là một trong những đội viên đầu tiên của Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập tại khu rừng Khuôn Mảnh (Võ Nhại), sau đồng chí tham gia vào Xứ ủy Bắc Kỳ.

trào cách mạng và lòng yêu nước của nhân dân Đại Từ vẫn tiếp tục được đẩy lên.

Lực lượng quân sự ngày một phát triển, sau hội nghị thành lập Cứu quốc quân III, đầu tháng 11/1944, ở khu rừng Tam Ngọc (Phú Xuyên) đã tổ chức huấn luyện quân sự cho 30 đội viên tự vệ ở tổng Cao Vân. Từ đầu năm 1945, tự vệ được phát triển ở nhiều nơi và hoạt động rất tích cực. Một số tên phản động ở địa phương bị ta trừng trị hoặc cảnh cáo nên bọn còn lại không dám lòng sục cách mạng nữa. Quần chúng càng tin tưởng vào cách mạng, tích cực hoạt động. Đại Từ đang tích cực chuẩn bị về quân sự, về chính trị vững mạnh để tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên đều khắp các xã trong toàn huyện.

II. Khởi nghĩa giành chính quyền

Cục diện chiến tranh thế giới lần thứ II ngày càng thay đổi. Năm 1944, Hồng quân Liên Xô giải phóng toàn bộ lãnh thổ Liên bang cộng hòa xã hội Xô Viết. Thừa thắng, Hồng Quân tiến như vũ bão về phía tây, giải phóng Đông Âu. Đầu năm 1945, Hồng Quân đập tan tuyến phòng thủ của giặc, tiến vào lãnh thổ nước Đức phát xít. Trên đà thắng lợi của Hồng Quân Liên Xô, các nước Anh, Mỹ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu. Nước Pháp thoát khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức.

Ở Châu Á và Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng bị đồng minh uy hiếp nghiêm trọng. Quân Anh - Ấn đẩy lùi quân Nhật ở Miến Điện, quân Mỹ đổ bộ lên Phi-lip-pin; đường biển từ Nhật đi các nước bị uy hiếp... Đông Dương có ý nghĩa quan trọng với phát xít Nhật trong việc khống chế cả vùng Đông Nam Á để tiếp tục chiến tranh. Lợi dụng tình hình diễn biến

bất lợi cho Nhật, thực dân Pháp ráo riết hoạt động nhằm giành lại Đông Dương. Chúng tích cực chuẩn bị cho một cuộc giao tranh quyết liệt.

Nắm được mưu đồ của Pháp, để tránh được hậu họa, 20 giờ 25 phút ngày 09/3/1945, Nhật nổ súng hất cẳng Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt rồi quỳ gối đầu hàng, phát xít Nhật độc chiếm Đông Dương. Tại Thái Nguyên, sáng mùng 10/3, tuy quân Nhật chưa tới nhưng bọn Pháp đã hỗn loạn. Những binh lực lớn của quân đội Pháp bỏ thị xã chạy lên phía Bắc. Bọn quan chức dân sự không chạy kịp, chiều 10/3 vác cờ trắng đi bộ xuống Gia Sàng đón quân Nhật vào thị xã. Phát xít Nhật đã giành Thái Nguyên từ tay Pháp không cần nổ súng.

Trong bối cảnh Nhật đảo chính Pháp, trong cuộc họp tại Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh) từ ngày mùng 9 đến ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị quan trọng *“Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*. Sau khi phân tích tình hình, bản chỉ thị đã vạch rõ những biểu hiện một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc:

- “1- Hai quân cướp nước cắn xé nhau chí tử*
- 2- Chính quyền Pháp tan rã*
- 3- Chính quyền Nhật chưa ổn định*
- 4- Các tầng lớp đứng giữa hoang mang*
- 5- Quần chúng cách mạng muốn hành động”⁽¹⁾.*

⁽¹⁾ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (năm 1977), Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Hà Nội, tr.381.

Tuy vậy bản chỉ thị cũng chỉ rõ “Mặc dù tình hình chính trị khủng hoảng sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương hiện nay chưa thực chín muồi”. Đảng chủ trương “phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”. Bản chỉ thị cũng vạch ra việc thành lập đội vũ trang tuyên truyền, mở rộng và đẩy mạnh phong trào du kích, thành lập căn cứ địa... Riêng về mặt chính quyền, Đảng chủ trương thành lập ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường phố, trại lính, trường học, công tư sở...; thành lập ủy ban nhân dân các mạng và ủy ban công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động. Đồng thời, bản chỉ thị nêu rõ “sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện”⁽¹⁾.

Ở phân khu B, ngày 09/3/1945, các đồng chí lãnh đạo nhận dấu hiệu khác thường: tiếng súng đại bác từ xa vọng lại, quần chúng báo có lính tây, lính khố đỏ chạy qua Đèo Khế (giữa Đại Từ và Sơn Dương), lính đông bị gọi tập trung gấp. Do tình hình lúc đó nhân dân bàn tán nhiều về chuyện Nhật - Pháp bắn nhau, binh lính địch xôn xao, tin tức chung không nhận được, chỉ thị của cấp trên không có nên Khu ủy phải quyết định một số hoạt động. Ngày 10/3/1945, Khu ủy Nguyễn Huệ triệu tập hội nghị bất thường do đồng chí Song Hào, Bí thư Khu ủy chủ trì, tham dự có đồng chí Trung Đình lúc đó đang hoạt động ở Đại Từ. Hội Nghị nhận định: Nhật - Pháp đã bắn nhau, thời cơ khởi nghĩa đã đến. Trước hết là tước súng

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Sđd, tr.386.

của lính đồng, thu đồng triện của hương lý vài xã trong địa phương để tăng thêm uy tín của cách mạng và thăm dò phản ứng của địch. Nếu địch phản ứng yếu hoặc không phản ứng thì ta mở rộng phạm vi hoạt động. Sau khi làm thử ở xã Thanh La (Sơn Dương) thắng lợi, thấy địch không đối phó gì, ta chủ trương nhanh chóng triển khai ra các vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên.

So với các châu, huyện khác, Đại Từ là nơi chịu sự tác động của cuộc đảo chính Nhật - Pháp nhanh và mạnh hơn cả. Trước ngày 9/3, binh lính Pháp đã từ thị xã Thái Nguyên theo đường 13A rút sang Tuyên Quang gây nên sự xáo động ở Đại Từ. Tin Nhật hất cẳng Pháp đến Đại Từ sớm.

Ngày 10/3/1945, theo sau binh lính, bọn quan chức dân sự cũng bỏ thị xã Thái Nguyên tháo chạy. Đường 13A tấp nập người, ngựa, xe cộ. Tuy vậy, vừa lên tới Đại Từ thì được tin quân lính đi trước bị Nhật phục kích ở Đèo Khế nên bọn này hốt hoảng quay lại thị xã. Sự trở lại của quan thầy tác động mạnh, phá vỡ sự ổn định hình thức của bộ máy tay sai từ huyện đến thôn, xã.

Theo dõi chặt chẽ tình hình địch, nắm lấy thời cơ và bè lũ tay sai đang hoang mang cực độ, Ban lãnh đạo phân khu B đã kịp thời phát động quần chúng mưu trí, sáng tạo giành lấy vũ khí của giặc để trang bị cho bộ đội.

Lợi dụng việc Pháp bắt nhân dân ta đi phu chuyên chở vũ khí cho binh lính của chúng chạy Nhật, ta đã thực hiện kế hoạch lấy vũ khí của chúng. Chiều 10/3/1945, tại ki-lô-mét 33 trên đường 13A, Cứu quốc quân nổ súng nghi binh, rồi phao tin Nhật phục kích làm cho bọn Pháp hoảng sợ. Tên

phó sứ vội vàng chạy về thị xã. Binh lính tan tác chạy vào rừng. Những thanh niên được cử đi phu đã nhanh chóng phối hợp với Cứu quốc quân và tự vệ vận chuyển vũ khí về căn cứ cách mạng. Trong vũ khí thu được có cả tiểu liên Stel, trung liên PM, lựu đạn Mỹ. Đến 12 giờ đêm 10/3, quân ta tiến ra Đèo Khế đón đánh một đại đội lính tây và lính khố đỏ ở Thúc Khê (Hợp Thành - Sơn Dương) thu thêm một số vũ khí nữa.

Ngày hôm sau, đồng chí Nhị Quý, chỉ huy tự vệ mặc quần áo lính vào nhà Tổng đoàn rồi đến nhà các lý lịch khác ở xã Yên Lãng thu súng và bằng triện. Tiếp đó, ta tiến hành ở khắp vùng việc thu vũ khí của lính đông và bằng triện của bọn tổng lý. Nhiều xã đã tổ chức được các trung đội, đại đội tự vệ ngày đêm luyện tập quân sự, tạo ra không khí sôi động và phấn khởi. Ở Đồng Lũng (gần Vai Bành, xã Phú Xuyên), đồng chí Song Hào đã tổ chức cho tự vệ luyện tập quân sự rất sôi nổi. Các cụ già trong tổ chức Phụ lão cứu quốc và chị em trong Phụ nữ cứu quốc đã quyên góp lo cơm nước cho tự vệ luyện tập.

Cũng lúc này, bọn quan lại địa phương ra lệnh cho tráng đông cất giấu vũ khí không để lọt vào tay Việt Minh. Ngày 25/3/1945, đích thân tri huyện đến Yên Lãng để chỉ huy việc thu súng. Đến nơi, tên tri huyện tận mắt thấy được khí thế sục sôi cách mạng. Hắn rất hoảng sợ, lẩn về cố thủ ở huyện.

Ngày 25/3/1945, một hội nghị quan trọng do các đồng chí lãnh đạo phân khu B triệu tập. Hội nghị đã nhận định bộ máy tay sai địch ở các tổng, xã rất hoang mang và tê liệt vì khí thế sục sôi của cách mạng và sự cắn xé lẫn nhau của quan

thấy. Thời cơ và điều kiện để giành chính quyền về tay nhân dân đã thực sự chín muồi. Hội nghị quyết định phải kịp thời giải phóng huyện lỵ trước khi quân Nhật kéo lên.

Nghị quyết trên được khẩn trương triển khai. Chiều ngày 25/3/1945, nhân dân các làng xã Na Mao, Yên Lãng, Phú Xuyên... tập trung ở phố Yên Lãng dự mít tinh. Đồng chí Chu Văn Tấn kêu gọi nhân dân đoàn kết, tích cực ủng hộ cách mạng và vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong không khí sôi động cách mạng, đồng bào các dân tộc ở huyện Đại Từ (kể cả những nơi chưa có cơ sở Việt Minh) đều hăm hở đóng góp sức lực vào việc đấu tranh giành chính quyền. Sau cuộc mít tinh, công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương hơn. Một số cán bộ về các xã gần huyện lỵ để xây dựng lực lượng, phát động quần chúng sẵn sàng tham gia giải phóng huyện lỵ. Đồng thời, ta tiến hành công tác địch vận, chuẩn bị cho một số binh lính yêu nước trong hàng ngũ địch làm nội ứng. Ta đưa thư kêu gọi tri phủ Nguyễn Ngọc Đường đầu hàng. Đêm 29/3/1945, ta đánh chiếm huyện lỵ Đại Từ.

Để áp đảo địch, ta tập trung một lực lượng mạnh. Đại đội cứu quốc quân do đồng chí Hồng An chỉ huy đóng giữ ở phía cầu Huy Ngạc, để phòng bọn Nhật từ Thái Nguyên đánh lên.

Đại đội tự vệ do đồng chí Chu Văn Sủi (Tân Sàng) làm đại đội trưởng và đồng chí Trung Lập làm đại đội phó đóng giữ ở Suối Tắm, Bàn Cờ và Suối Mang để phòng bọn phản động địa phương đánh ra.

Đại đội tự vệ do đồng chí Lý Thanh làm đại đội trưởng, đồng chí Cao Sơn làm đại đội phó tiến vào chiếm huyện. Đại

đội tự vệ do đồng chí Vi Nam Sơn làm đại đội trưởng, đồng chí Vạn Đại làm đại đội phó tiếp ứng.

Sau khi đồng chí Lý Thanh nổ súng lệnh, trung liên của ta phát hỏa thì phủ đường nhốn nháo. Lính trong đồn làm nhân mối cho cách mạng đã mở cổng và la hét. Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường và chân tay bỏ chạy.

Đại đội Lý Thanh tiến lên chiếm đồn cao. Đại đội Nam Sơn (do đồng chí Vi Nam Sơn làm đại đội trưởng) chiếm nơi làm việc của tri phủ. Ta nhanh chóng làm chủ huyện lỵ. Binh lính địch một số đầu hàng, một số bỏ chạy tán loạn; ta thu được 200 khẩu súng các loại. Sáng 30/3/1945, quân ta tiến về Hoàng Nông, Khôi Kỳ... tổ chức mít tinh, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Sáng 31/3/1945, một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức tại thị trấn Hùng Sơn: đại diện quân cách mạng tuyên bố bỏ chính quyền địch. Cán bộ ta nêu rõ chương trình, Điều lệ Việt Minh, kêu gọi nhân dân các dân tộc đoàn kết, đứng lên chống Nhật cứu nước.

Ngay sau cuộc mít tinh, ta phá kho của địch ở Hùng Sơn, lấy gạo, diêm, muối chuyển về căn cứ để chuẩn bị chiến đấu chống Nhật. Các kho thóc ở đồn điền Ga-ri cũng được phá để lấy thóc cứu đói. Cả Đại Từ từng bừng trong thắng lợi.

Để bảo toàn lực lượng, đề phòng quân Nhật bất ngờ đánh lên, sau cuộc mít tinh, ta rút về căn cứ ở các xã phía bắc. Phát huy thắng lợi đã giành được, quân ta tiến hành củng cố lực lượng và phân công nhiều cán bộ và chiến sỹ đi sâu vào các thôn xã, tiếp tục phá bỏ chính quyền của địch và thành lập chính quyền cách mạng.

Tháng 4/1945, bộ máy thống trị của địch từ huyện đến thôn xã đã bị đập tan, chính quyền cách mạng ở cơ sở đã được xây dựng. Một hội nghị quan trọng được tổ chức ở La Bằng do đồng chí Song Hào chủ trì để bàn về xây dựng chính quyền cấp huyện. Hội nghị đã nhất trí quyết định thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời châu Giải Phóng (bí danh của huyện Đại Từ), sau đó tại Na Mao đã tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên của huyện gồm đại biểu các dân tộc anh em cùng chung sống ở địa phương, thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc và quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc trong huyện. Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời do đồng chí Nguyễn Trung Thành (dân tộc Nùng) làm Chủ tịch⁽¹⁾, đồng chí Bảo Loan (dân tộc Tày) làm Phó Chủ tịch, 2 đồng chí Vi Nam Sơn (dân tộc Cao Lan) và Tiến Khanh (dân tộc Dao) làm Ủy viên, đồng chí Việt Hưng (dân tộc Kinh) làm Thư ký.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ rất phấn khởi và tin tưởng vào chính quyền cách mạng. Đồng thời với việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời của huyện, Ban Chấp hành Việt Minh huyện cũng được chỉ định. Tổ chức Việt Minh ở các xã được củng cố và kiện toàn. Hoạt động của Việt Minh trong huyện rất sôi nổi. Các tổ chức quần chúng cũng được củng cố.

Như vậy, đến cuối tháng 3, đầu tháng 4/1945, toàn huyện Đại Từ đã được giải phóng, chính quyền cách mạng đã được

⁽¹⁾ Ủy ban còn có các đồng chí: Bảo Loan (dân tộc Tày) làm Phó Chủ tịch, Vi Nam Sơn (dân tộc Cao Lan) và Tiến Khanh (dân tộc Dao) làm ủy viên, Việt Hưng (dân tộc Kinh) làm thư ký.

thành lập và ban bố một số chính sách cơ bản như xác lập quyền tự do dân chủ và bãi bỏ các thứ thuế bất hợp lý...

III. Kháng chiến chống phát xít Nhật, góp phần giải phóng thị xã Thái Nguyên

Để kịp thời lãnh đạo cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật và sửa soạn tổng khởi nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã triệu tập hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Hội nghị đã họp từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945, tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, trong nước, đánh giá và rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Chỉ thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng trong phạm vi cả nước, hội nghị đã quyết định những nhiệm vụ cần kíp trên nhiều lĩnh vực. Riêng nhiệm vụ quân sự, hội nghị nhấn mạnh: *"tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ"*⁽¹⁾.

Một trong những vấn đề quan trọng được quyết định là thành lập khu giải phóng và sáp nhập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân thành giải phóng quân.

Thực hiện nghị quyết của hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ do đồng chí Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn đi họp về trực tiếp truyền đạt, phong trào kháng Nhật ở Đại Từ phát triển mạnh mẽ.

Ở phía Bắc, sau khi chiếm Huyện lỵ Đại Từ, quân cách mạng lại rút về căn cứ. Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Sđd, tr.535.

châu đóng ở Na Mao rồi chuyển sang Yên Lãng trực tiếp lãnh đạo phong trào ở huyện Đại Từ. Các đội tự vệ được nhân dân cấp dưỡng đã hoạt động rất tích cực. Tất cả các đội viên tự vệ đều thoát ly, chăm lo luyện tập quân sự và bảo vệ vùng giải phóng. Các hội cứu quốc hoạt động sôi nổi. Các hội viên Nhi đồng cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ lão cứu quốc đều hoạt động thiết thực. Các hội viên tham gia quyên góp lương thực để nuôi quân, báo tin cho cách mạng, vận động nhân dân tham gia các đoàn thể cứu quốc. Khí thế cách mạng lan rộng khắp vùng. Thanh thế của cách mạng mạnh mẽ, nhân dân tin tưởng vào tương lai. Trong số các hội viên phụ nữ tiêu biểu có bà Đại Quyết (dân tộc Dao ở Hoàng Nông), bà Đàm Thị Lan (dân tộc Nùng ở Yên Lãng), bà Nguyễn Thị Sấm - tức Cát (dân tộc Tày ở Na Mao) hoạt động rất tích cực, hết lòng bảo vệ cán bộ và vận động quần chúng ủng hộ cách mạng. Nhiều chiến sỹ tự vệ tiêu biểu được đi học trường Quân chính kháng Nhật ở Tân Trào để trở về làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang.

Ở phía tây - nam, sau khi quân cách mạng chiếm huyện Đại Từ, đồng chí Trường Sơn nhận lệnh của lãnh đạo đã cùng tiểu tổ của Việt Minh ở huyện lỵ xuống Cát Nê liên hệ với cơ sở cách mạng do đồng chí Thái Sơn phụ trách để gây dựng phong trào. Tiếp theo, nhóm này liên hệ được với nhóm thanh niên yêu nước ở Tam Đảo đang hoạt động ở Lán Than (Quân Chu). Ba nhóm này kết hợp thành đội du kích Cao Sơn do đồng chí Trường Sơn làm đội trưởng, 2 đồng chí Thái Sơn, Thạch Sơn làm đội phó. Đội du kích Cao Sơn đã hoạt động mạnh mẽ gây được tiếng vang. Vì vậy, khi đi hội nghị quân sự Bắc Kỳ về, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Chu Văn

Tấn đã đến gặp và trao nhiệm vụ cho đội bảo vệ đường dây liên lạc từ Tân Trào về an toàn khu của Trung ương ở Phú Bình - Hiệp Hòa.

Đội du kích Cao Sơn (tất cả các đội viên đều lấy tên Sơn) hoạt động mạnh ở phía tây nam. Cơ sở là làng xã Quân Chu và Cát Nê, lực lượng được phát triển và lan đến các làng xã Ký Phú, Văn Yên, Tràng Lang (nay là xã Vạn Thọ), Lục Ba, Mỹ Yên. Sau đó, đồng chí Trường Sơn được điều về Ban châu Giải Phóng. Đơn vị được bổ sung lực lượng và trở thành trung đội giải phóng quân Phạm Hồng Thái do đồng chí Thạch Sơn làm đội trưởng, đồng chí Thái Sơn làm đội phó, đồng chí Vũ Tuấn làm chính trị viên.

Được nhân dân trong vùng tích cực ủng hộ, đội quân "Sơn" đã xây dựng và phát triển phong trào Việt Minh ở phía tây - nam. Cơ sở trong đồng bào Dao (Quân Chu) có ông Triệu Phú Nghiêm hoạt động rất tích cực và tuyên truyền được nhiều người dân tộc Dao tham gia.

Để có súng trang bị, ngoài việc thu vũ khí của lính đông, đội còn cử cán bộ đi Đoan Hùng (Phú Thọ) thuê người lặn xuống sông mò súng do Pháp vớt xuống khi chạy Nhật.

Các hoạt động cách mạng ở Đại Từ vẫn do đồng chí Nhị Quý và đồng chí Trung Đình phụ trách. Hai đồng chí tự phân công: Đồng chí Nhị Quý ở cơ quan châu, phụ trách chung. Đồng chí Trung Đình tìm xuống phía nam để củng cố, mở rộng phong trào, giữ đường liên lạc của Trung ương về xuôi, đồng thời giúp đỡ đội du kích Cao Sơn hoạt động.

Phong trào cách mạng Đại Từ đang lên đòi hỏi phải có thêm cán bộ. Khu ủy đã đề nghị Trung ương bổ sung cán bộ.

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã giới thiệu thêm 4 cán bộ lên công tác ở Đại Từ gồm đồng chí Ứng (người Tày Cao Bằng) ở Cánh Sơn La về, đồng chí Mô ở Cánh Nghĩa Lộ về, đồng chí Ngọc Lan bị Pháp quản chế ở Phủ Liễu (Thái Nguyên) về, đồng chí Hoài ở Côn Đảo về. Các đồng chí này được phân công công tác ở phía nam Đại Từ và vùng gần huyện lỵ. Đồng chí Vũ Tuân từ Hỏa Lò về, sau ngày 09/3/1945 cũng tham gia hoạt động ở Quân Chu - Cát Nê.

Ở phía nam Đại Từ, sau khi bọn phản động sát hại đồng chí Hà Văn Thứ, phong trào tạm thời lắng xuống. Khi tình thế thay đổi nên các tổ chức cách mạng đã hoạt động trở lại. Tuy nhiên, do nằm trên đường giao thông Thái Nguyên - Đại Từ, Nhật còn kiểm soát nên hoạt động có khó khăn hơn.

Từ sau khi giải phóng huyện lỵ Đại Từ (ngày 29/3/1945), lực lượng cách mạng của Đại Từ được củng cố và mở rộng, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bọn phát xít Nhật.

Sau đảo chính 09/3 một ngày, phát xít Nhật đã chiếm Thái Nguyên. Tất cả quan chức người Pháp đã bị hiến binh Nhật tống giam. Các công sở và cơ sở của Pháp đều bị Nhật chiếm đóng. Hiến binh Nhật nghênh ngang đi qua các phố, uy hiếp tinh thần nhân dân ta. Chúng lần lượt chiếm các vùng xung quanh Đồng Hỷ, Phú Lương, Phổ Yên, Phú Bình. Về quân sự, chúng củng cố đồn trạm và tập hợp binh lính người Việt trong quân đội Pháp cùng các đối tượng lưu manh côn đồ để thành lập lực lượng quân nguy gọi "bảo an" để cùng với lính Nhật đàn áp nhân dân ta.

Về chính trị, chúng sử dụng những tên trong bộ máy thống trị người Việt và những tên Đại Việt, Quốc dân đảng để thành

lập chính quyền tay sai. Tuần phủ trở thành tỉnh trưởng, tri phủ trở thành huyện trưởng. Nham hiểm hơn nữa, chúng sử dụng bọn tay sai tổ chức mít tinh để tuyên truyền thuyết đồng văn, đồng chủng, khối thịnh vượng chung... nhằm che đậy cho bộ mặt cướp nước của Nhật. Phát xít, tay sai và lực lượng phản động cấu kết với nhau, gây nên bao đau thương cho nhân dân ta. Thị xã Thái Nguyên “nghet thở” trong không khí bất bớ, cướp của, giết người. Trong lúc đó, nạn đói đang hoành hành dữ dội.

Ngày 05/4/1945, Nhật kéo quân lên chiếm huyện lỵ Đại Từ. Chúng đóng quân ở trại lính cũ của Pháp, mang theo bọn tay sai để lập chính quyền. Nhưng lúc ấy, lực lượng cách mạng của ta đã lớn mạnh, tạo thành thế bao vây nên chúng không thể kiểm soát được tình hình. Phạm vi cai quản của Nhật và tay sai chỉ ở những xã quanh huyện lỵ, còn các xã ở phía bắc và phía tây nam, lực lượng cách mạng vẫn làm chủ.

Ngày 09/4/1945, hai tên Nhật có Việt gian dẫn đường đi sâu vào vùng giải phóng Cát Nê - Quân Chu, đến Ký Phú chúng đã bị quân ta diệt gọn. Đây là tiếng súng đầu tiên, mở đầu cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật của nhân dân Đại Từ, đồng thời cũng là tiếng súng đánh Nhật đầu tiên ở các châu, huyện phía nam của tỉnh.

Cay cú trước đòn trừng trị này, phát xít Nhật mở cuộc càn lớn với một lực lượng khoảng 100 tên Nhật và lính bảo an đánh vào căn cứ của ta ở Cát Nê - Quân Chu. Trận càn được chia làm hai mũi: một mũi từ thị xã Thái Nguyên qua Bình Sơn, Phúc Thuận (Phổ Yên) đánh lên Quân Chu; một mũi từ Huyện lỵ Đại Từ qua Bình Thuận, Lục Ba đánh xuống

Ký Phú, Cát Nê. Chúng định bao vây và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta; giết lý trưởng làng Ký Phú và bắn giết nhân dân địa phương hòng uy hiếp tinh thần để tách nhân dân ra khỏi phong trào cách mạng. Được sự chỉ đạo của phân khu B, nhân dân ta quyết tâm phá hoại âm mưu của địch. Cứu quốc quân, tự vệ tổ chức đánh địch trên đường hành quân. Bị đánh quyết liệt, quân Nhật phải bỏ dở trận càn. Trong trận này, quân và dân Đại Từ đã tiêu diệt hơn 10 tên địch, bảo vệ vùng giải phóng. Trong chiến công chung của nhân dân Đại Từ, có sự đóng góp của đội du kích Cao Sơn. Các chiến sỹ của ta đã dùng lối nghi binh, dựa vào rừng núi hiểm trở và được nhân dân giúp đỡ nên đã lập chiến công mà không bị thương vong.

Ở phía Bắc, ngày 14/5/1945, một đơn vị lính Nhật và bảo an đến 300 tên tiến theo đường 13A từ huyện lỵ Đại Từ đi Đèo Khế. Dựa thế quân đông và được trang bị tốt, bọn chúng ngênh ngang tiến quân. Trong số 300 quân ấy có một trung đội Nhật cưỡi ngựa.

Biết trước âm mưu địch, tự vệ và Cứu quốc quân với khoảng 80 người, do đồng chí Kháng (một trong 12 người vượt ngục Chợ Chu) chỉ huy đã phục sẵn ở Vai Cày (Phú Xuyên). Lợi dụng địa hình hiểm yếu, quân ta phục kích trên sườn núi. Ven đường nửa mọc um tùm. Từ lòng đường lên núi là những sườn đồi, vách đá dựng đứng khó vượt lên được. Từ xa, ta phát hiện ra đoàn người và ngựa của địch đang rầm rập tiến đến. Quân ta bình tĩnh chờ đợi. Để cho tốp đầu đi qua, khi tốp sau có tên quan ba cưỡi ngựa lọt vào trận địa, ta nổ súng. Tên quan ba và một tên lính tử trận. Ba con ngựa chiến trúng đạn phơi

xác. Bọn Nhật dừng lại quay vào xóm đốt nhà rồi rút về. Chúng thiêu xác hai tên chết trận ở đầu phố Đại Từ. Lực lượng ta rút an toàn. Cuộc hành quân đầu tiên của quân Nhật lên phía bắc hồng tiêu diệt cơ quan chỉ huy và khủng bố vùng giải phóng đã bị thất bại.

Hôm sau bọn phát xít Nhật lại tập trung quân chia nhiều ngả tiến đánh Núi Hồng, nơi đặt cơ quan chỉ huy của ta. Một toán từ Tuyên Quang đánh vào Thanh La (Sơn Dương). Toán thứ hai từ cây số 31, qua Quảng Nạp đánh sang phía bắc Đại Từ để tiến vào Na Mao. Toán thứ ba từ Đại Từ đánh thẳng lên Núi Hồng. Toán đánh vào Thanh La bị quân và dân Sơn Dương chặn đánh. Toán từ Huyện lỵ Đại Từ lên lọt được vào Đình Đôi. Du kích bắn chết một tên và 8 tên bị thương khiến chúng hoảng sợ phải rút lui. Toán vào Na Mao không tìm được cơ quan chỉ huy của ta đã vòng về, đến xóm Đèo (Phú Cường) bị ta phục kích bắn chết một tên. Các tên khác phải bơi qua đầm nước mới chạy thoát.

Từ trận chống càn thắng lợi này, bọn Nhật không dám “bén mảng” đến vùng giải phóng phía bắc Đại Từ nữa mà co cụm ở Huyện lỵ. Bọn phản động Đại Việt, Quốc dân đảng tay sai của Nhật cũng nhiều lần vào Hoàng Nông, La Bằng đều bị ta chặn đánh, diệt một số tên.

Trong thời gian này, đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ luôn đến kiểm tra phong trào Đại Từ và cho ý kiến chỉ đạo, đã giúp hoạt động cách mạng của địa phương phát triển mạnh mẽ.

Tháng 05/1945, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Tân Trào, từ đó khu vực này trở thành thủ đô lâm thời của Tổ quốc. Đồng chí

Kháng, sau trận Vai Cày được điều về Tân Trào phục vụ sức khỏe của Bác⁽¹⁾.

Từ đây, Đại Từ vinh dự là thành lũy che chắn cho thủ đô cách mạng và bảo vệ đường dây liên lạc từ Tân Trào về xuôi.

Ở phía tây - nam, đội du kích Cao Sơn chuyển thành trung đội giải phóng quân mang tên Phạm Hồng Thái, một số chiến sỹ xuất sắc được đi học trường Quân Chính kháng Nhật ở Tân Trào. Trung đội giải phóng quân Phạm Hồng Thái đem quân đánh đồn Tam Đảo⁽²⁾. Ở đây có một tiểu đội Nhật và một trung đội bảo an đóng. Được đồng chí Trung Đình trực tiếp chỉ đạo, trung đội Phạm Hồng Thái đã nghiên cứu kỹ tình hình và được những người yêu nước trong hàng ngũ lính bảo an giúp đỡ. Khi nổ súng, anh em binh lính bảo an đã theo cách mạng, cùng phối hợp đánh Nhật. Bọn Nhật ở đây bị tiêu diệt. Ta thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm, trong đó có chiếc máy vô tuyến điện. Chiếc máy này được mang về Tân Trào trang bị cho quân đội ta. Ta giải phóng một số người Pháp bị Nhật giam ở đây. Số người Pháp này được đưa về Tân Trào. Đây là một chiến thắng vang dội được báo cáo lên Trung ương Đảng và Bác Hồ. Các báo ở Trung ương, báo và đài ở nước ngoài cũng đưa tin vì trận này là trận công đồn đầu tiên của lực lượng cách mạng đánh vào quân đội Nhật.

⁽¹⁾ Từ thời gian này, đồng chí Kháng luôn ở bên cạnh để chăm sóc sức khỏe và bảo vệ Bác cho đến khi Người qua đời.

⁽²⁾ Tam Đảo là một thị trấn nghỉ mát của Pháp ở đỉnh một ngọn trong dãy núi Tam Đảo. Từ đây có đường ô tô đi ngoắt ngoéo xuống chân núi, rồi ra Vĩnh Yên; cũng từ đây có đường mòn xuống Quân Chu (Đại Từ). Dịch đóng ở đây để ngăn chặn liên hệ giữa vùng giải phóng Đại Từ và Vĩnh Yên, nay là Vĩnh Phúc.

Sau trận này đơn vị đã tiến đánh quân đồng minh giả⁽¹⁾ ở đồn điền Phúc Thuận. Bọn đồng minh giả cấu kết với Nhật để gây rối, ngăn chặn đường liên lạc của ta về xuôi. Trung đội Phạm Hồng Thái đã phối hợp với tự vệ địa phương trừng trị bọn đầu sỏ, phá vỡ hoàn toàn tổ chức phản động này.

Đường dây liên lạc từ miền xuôi lên Tân Trào được thông suốt. Nhiều cán bộ được bảo vệ để đi lên Tân Trào, trong đó, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Trân... đã đi dự hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội ở Tân Trào theo con đường này.

Tháng 6/1945, ta phá kho thóc Trảng Dươg chia cho dân để chống đói. Đồng thời ta trừng trị bọn phản động ở địa phương. Cũng như các xã ở phía bắc, phong trào hoạt động của các hội cứu quốc ở phía nam và tây nam cũng rất rầm rộ. Khắp một vùng từ Cù Vân, An Khánh lên đến các xã gần trung tâm huyện lỵ rồi lên phía Bắc, xuống phía tây nam, phong trào cách mạng đã dấy lên đều khắp và sôi nổi.

Phối hợp với phong trào nổi dậy của nông dân, công nhân mỏ Cẩm cũng tổ chức bãi công và uy hiếp đồn binh Nhật, tên chủ khiếp sợ phải bỏ trốn. Từ tháng 7/1945, công nhân hoàn toàn làm chủ mỏ than. Công nhân mỏ Cẩm còn bắt liên lạc với các xã xung quanh để phối hợp hoạt động.

Càng gần đến ngày 19/8, chính quyền tay sai của địch từ huyện đến xã càng rệu rã, không còn tác dụng đối với quần

⁽¹⁾ Bọn đồng minh giả có đến mấy chục tên do Đội Đối (đội khổ đả đảo ngũ sau ngày 9/3) đứng đầu, tự xưng là chánh nguyên soái, hấn phong cho Lý Mười và Lân là phó chánh nguyên soái. Bọn chúng trương cờ có hai chữ "đồng minh" để đi cướp bóc.

chúng. Được cán bộ ta tuyên truyền và bị lực lượng cách mạng uy hiếp, huyện trưởng Ngô Tuấn Tiếp dẫn 20 lính bảo an mang theo 28 súng ra hàng. Trong Huyện lỵ chỉ còn một nhóm quân Nhật hoàn toàn bị cô lập.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh (ngày 13/8/1945), mệnh lệnh khởi nghĩa được phát ra từ thủ đô cách mạng Tân Trào đã nhanh chóng lan đi khắp nơi. Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *"giờ quyết định vận mệnh dân tộc ta đã đến, đồng bào toàn quốc hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta"*⁽¹⁾ đã vang lên trong lòng những người dân đang thiết tha với độc lập, tự do. Cùng đồng bào cả nước, nhân dân Đại Từ đẩy mạnh hoạt động cách mạng, quyết tâm giải phóng đất nước.

Chấp hành mệnh lệnh khởi nghĩa, quân giải phóng ở Đại Từ tiến về chuẩn bị đánh huyện lỵ. Quân Nhật phải vào lô cốt cố thủ. Giữa lúc ấy, ta lại nhận được lệnh: cần đưa đại bộ phận lực lượng vũ trang về thị xã Thái Nguyên đánh Nhật. Giải quyết được lực lượng Nhật ở tỉnh lỵ thì quân Nhật ở các nơi không đánh cũng tan rã. Do vậy, ta chỉ để lại một bộ phận nhỏ để bao vây địch, còn lực lượng lớn chuẩn bị kết hợp với quân chủ lực kéo về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Chiều 16/8/1945, giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã tiến đến Đồng Mãng, Đồng Cọ (xã Yên Lãng). Giải phóng quân đã gặp đồng chí Trung Đình và đồng chí Nhị Quý. Đồng chí tổng chỉ huy đã trao đổi kế hoạch tiến quân với hai đồng chí lãnh đạo địa phương. Sau khi được đồng bào địa phương cung cấp lương thực, quân cách mạng được bổ sung

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng (1939 - 1945), tập III, Săđđ , tr.533.

thêm lực lượng của Đại Từ đã bỏ qua đồn Nhật ở huyện lỵ tiến về giải phóng Thái Nguyên.

Cùng thời gian ấy ở phía tây nam, bộ phận còn lại của trung đội giải phóng quân Phạm Hồng Thái được bổ sung thêm lực lượng tự vệ đã vòng qua Phúc Thuận tiến lên chiếm Gia Sàng, phối hợp với quân chủ lực bao vây quân Nhật ở thị xã. Chiều ngày 20/8/1945, một cuộc mít tinh lớn ở sân vận động thị xã, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 22/8/1945, trên đường từ Tân Trào về thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi qua huyện Đại Từ. Trong thời điểm quân Nhật chưa chịu đầu hàng, việc bảo vệ an toàn cho Người có một ý nghĩa to lớn. Đồng chí Đàm Trung Y vinh dự được chọn dẫn đường đưa Bác về xuôi. Đến Hà Thượng, đơn vị đưa Bác vào nhà bà Quảng để nghỉ ngơi ăn cơm. Sau đó Bác lên xe về Thái Nguyên.

Ngày 26/8/1945, quân đội Nhật ở tỉnh lỵ chấp nhận các điều kiện của ta. Ngày 28/8/1945, đại diện Chính phủ ta đi cùng với đại diện quân Nhật đến hạ lệnh cho quân Nhật ở Đại Từ hạ khí giới rồi rút qua thị xã Thái Nguyên về Hà Nội.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ hân hoan trong ngày sạch bóng quân xâm lược. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập thay thế cho Ủy ban giải phóng lâm thời của huyện⁽¹⁾.

Suốt trong thời vận động Cách mạng tháng Tám, các đồng chí đảng viên ở La Bằng đều đi thoát ly, bổ sung cho lực lượng

⁽¹⁾ Ủy ban gồm có: Việt Hưng: Chủ tịch; Công Bằng: Phó Chủ tịch; Giáo Sỹ: Ủy viên; Bảo Loan: Thủ quỹ; Bích Văn: Thư ký.

vũ trang. Cơ sở Đảng chỉ có trong các đơn vị cứu quốc quân. Đồng chí Nhị Quý và đồng chí Trung Đình sau khi vượt ngục Chợ Chu đều trở thành cán bộ Đảng phụ trách. Huyện Đại Từ trực thuộc Khu ủy Nguyễn Huệ, đến tháng 5/1945 tại hội nghị Định Biên Thượng (Định Hóa), đồng chí Nhị Quý và đồng chí Trung Đình đều được bổ sung vào Khu ủy. Cả hai đồng chí vẫn phụ trách huyện Đại Từ.

Tuy Đảng bộ huyện chính thức ra đời sau Cách mạng tháng Tám nhưng trong suốt thời gian từ năm 1936 - khi có cơ sở Đảng đầu tiên đến năm 1945 Đại Từ vẫn được tổ chức Đảng lãnh đạo. Các cán bộ lãnh đạo của Đảng như đồng chí Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Song Hào ở những thời điểm khác nhau đã lãnh đạo phong trào cách mạng của Đại Từ.

Qua một chặng đường 9 năm đấu tranh do Đảng lãnh đạo (1936 - 1945), phong trào cách mạng Đại Từ đã trưởng thành nhanh chóng, gắn với phong trào cách mạng toàn quốc và được sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương, Xứ ủy và Khu ủy. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã được những cán bộ cách mạng Đại Từ vận động sáng tạo vào địa phương.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KỲ ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG (8/1945 - 9/1947)

I. Tình hình Đại Từ sau ngày thành lập chính quyền cách mạng

Cuộc cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ sau thắng lợi đó, nhân dân lao động nước ta thoát khỏi kiếp sống nô lệ và thực sự trở thành người làm chủ xã hội.

Vui mừng vô hạn trước sự đổi đời, toàn dân ta ra sức xây dựng cuộc sống mới.

Tuy nhiên, trước mắt nhân dân ta đang có nhiều khó khăn rất lớn: Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Vận mệnh của Nhà nước cách mạng non trẻ đang bị đe dọa. Tình hình nước ta lúc đó chẳng khác gì “ngàn cân treo sợi tóc”. Trong bối cảnh chung của cả nước, Thái Nguyên và huyện Đại Từ nói riêng sau khi giành được chính quyền (tháng 8/1945) cũng gặp những khó khăn, phức tạp. Phần lớn ruộng đất ở Đại Từ tập trung trong tay giai cấp địa chủ phong kiến. Nông dân lao động không có hoặc thiếu ruộng đất cày cấy. Thêm vào đó là hậu quả của chính sách cai trị, khai thác và bóc lột hơn nửa

thế kỷ (1884 - 1945) của thực dân Pháp đã làm cho nền kinh tế tự nhiên rơi vào tình trạng trì trệ, lạc hậu. Đại Từ lại vừa trải qua gần 5 tháng bị giặc Nhật cướp bóc, tàn phá nên càng thêm xơ xác, tiêu điều. Tiếp đó, vào tháng 8/1945, nạn lụt lớn xảy ra làm úng ngập nhiều đồng ruộng, không thể cày cấy được. Nguy cơ nạn đói mới đang là một mối đe dọa đối với hầu hết các gia đình trong huyện. Lương thực, thực phẩm và các nhu cầu cần thiết khác cho đời sống hàng ngày như dầu thắp, muối ăn, vải mặc... rất thiếu thốn. Lợi dụng tình hình này, một số phần tử buôn bán, đầu cơ trục lợi, thao túng thị trường, làm cho giá cả sinh hoạt tăng lên. Tài chính, ngân sách của chính quyền mới hoàn toàn không có. Tiền tệ lưu hành lúc này lại rất phức tạp, vừa tiền Đông Dương, tiền Việt Nam và khi quân của Chính phủ Trung Hoa dân quốc do Tưởng Giới Thạch cầm đầu (thường gọi là quân Tưởng) tràn qua, lại phải sử dụng cả đồng tiền "quan kim".

Hậu quả của chính sách cai trị và bóc lột của thực dân Pháp không chỉ làm cho dân ta ăn đói, mặc rách mà còn bị hãm trong vòng ngu dốt, lạc hậu. Nạn mù chữ là tình trạng phổ biến trong nhân dân các dân tộc, có nơi - nhất là các xã ở phía bắc huyện trên 90% số dân mù chữ. Điều đó đã hạn chế nhiều đến việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngoài ra, các tệ nạn xã hội khác do chế độ cũ để lại như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc cùng với những hủ tục nặng nề và tốn kém trong ma chay, cưới xin... đều là những trở ngại lớn cho sự tiến bộ của xã hội.

Giữa lúc đang có nhiều khó khăn chồng chất thì chính quyền cách mạng phải lo đối phó với âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động.

Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, một bộ phận quân Tưởng khoảng 5 vạn tên trong quân đoàn 93 thuộc phương diện quân thứ nhất, trên đường từ Tuyên Quang về Hà Nội đã vào Đại Từ. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng đồng minh vào Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, chúng âm mưu thực hiện ba mưu đồ thâm độc: tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương; phá tan Việt Minh và lật đổ chính quyền cách mạng, dựng lên một chính quyền tay sai thân Tưởng. Do đó, đi tới đâu, quân Tưởng đều ngang nhiên chiếm nhà dân, trắng trợn cướp phá, bắt ép dân ta phải tiêu đồng tiền “quan kim” mất giá, đòi chính quyền cách mạng phải cung cấp lương thực, thực phẩm cho chúng. Chúng còn lập trụ sở “*Nam Dương Hoa kiều hiệp hội*”, xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc; lôi kéo các phần tử lưu manh trộm cắp tiến hành các hành động chống đối chính quyền...

Chính quyền cách mạng ở địa phương lúc đó đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Tuy nhiên, công cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng ở Đại Từ cũng có những thuận lợi rất cơ bản.

Đồng bào các dân tộc Đại Từ đã từng trải qua nhiều thử thách trong lịch sử; luôn đoàn kết, gắn bó; có truyền thống yêu quê hương đất nước, có bản lĩnh kiên cường, không chịu khuất phục trước cường quyền, áp bức. Những đức tính và truyền thống tốt đẹp đó được cách mạng nuôi dưỡng và phát huy cao độ trong cuộc vận động giải phóng dân tộc do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Từ sau ngày thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện (ngày 28/8/1945), nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ thực sự

giành được quyền làm chủ. Từ đây, người dân Đại Từ thoát khỏi mọi sự khổ nhục của kiếp nô lệ, được sống trong độc lập, tự do và được hưởng những quyền lợi do chính quyền cách mạng đem lại. Bởi vậy, họ thấy rõ giá trị thiêng liêng của quyền sống trong độc lập tự do, sẵn sàng xả thân để bảo vệ quyền lợi đó.

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, nhân dân các dân tộc Đại Từ không chỉ nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy cũng như các đồng chí cán bộ cấp trên, mà còn có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương. Tháng 9/1945, tại xã Cát Nê, Chi bộ Đảng được thành lập. Sau đó, từ năm 1946 trở đi, các chi bộ Đảng lần lượt ra đời ở các xã. Sự xuất hiện tổ chức cơ sở Đảng ở các xã và sau đó là sự thành lập Huyện ủy chính là một nhân tố đặc biệt quan trọng, có tác dụng thúc đẩy mọi mặt công tác ở địa phương.

Cũng vào thời gian này, lực lượng vũ trang được củng cố, phát triển nhanh chóng ở hầu hết các xã. Tuy trang bị còn rất thô sơ và thiếu thốn nhưng đó là lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững trật tự trị an trong huyện.

II. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng tham gia bảo vệ và xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân

Đứng trước tình trạng mất mùa, đói kém ở địa phương, ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên kịp thời có chủ trương lãnh đạo toàn dân tham gia chiến dịch tiến công đẩy lùi nạn đói. Giữa tháng 9/1945, Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên tập trung lãnh đạo khắc phục hậu quả của trận lũ lụt hồi tháng

8/1945; tổ chức cứu đói để ổn định đời sống nhân dân và phục hồi sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, dưới sự chỉ đạo của tổ chức Đảng và chính quyền, nhân dân các dân tộc Đại Từ nhiệt liệt hưởng ứng phong trào lập "*hũ gạo tiết kiệm cứu đói*" và tổ chức lạc quyền cứu đói. Nhiều gia đình trong các xã thực hiện "*ngày đồng tâm nhịn ăn, dành gạo cứu đói người nghèo khổ*". Truyền thống đoàn kết, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện và phát huy cao độ trong toàn dân.

Nhằm giải quyết căn bản việc chống đói, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, Đảng bộ và chính quyền các cấp phát động một phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Khắp các xã trong huyện, nhân dân các dân tộc đều thi đua khai hoang, phục hóa, thực hiện khẩu hiệu: "*không để một tấc đất bỏ hoang*". Ngoài việc cấy lúa, bà con nông dân trồng thêm nhiều loại hoa màu ngắn ngày. Trong sản xuất, đồng bào giúp nhau về nhân công, trâu cày. Những gia đình có nhiều ruộng san sẻ cho những gia đình ít ruộng để cùng nhau sản xuất. Nhờ có sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân, diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực của huyện đều tăng lên rõ rệt. Kết quả đó không chỉ có tác dụng bảo đảm cho nhân dân các dân tộc trong huyện mà còn giúp cho đồng bào ở các địa phương khác vượt qua cơn đói nghèo.

Để giải quyết khó khăn về tài chính của chính quyền cách mạng trong thời kỳ đầu mới thành lập, ngay từ đầu tháng 9/1945, Chính phủ đã ban hành sắc lệnh lập "*Quỹ độc lập*" và phát động "*Tuần lễ vàng*".

Mặc dù đời sống còn nhiều thiếu thốn, nhưng với tấm lòng yêu nước, yêu chế độ, cán bộ và nhân dân trong huyện đều nhiệt tình tham gia quyên góp, ủng hộ Nhà nước cách mạng. Đồng bào các dân tộc, nhất là chị em phụ nữ tự nguyện góp vàng, bạc, đồ tư trang, kể cả những kỷ niệm trong đời tư của mình như nhẫn cưới, vòng cổ... ủng hộ Chính phủ. Ở nhiều xã, đồng bào còn tình nguyện mang trâu bò cùng nhiều tài sản khác đóng góp cho cách mạng. Số vàng, bạc và những tài sản đó là một phần đóng góp quý báu giúp cho Nhà nước giải quyết những khó khăn về chi tiêu trước mắt và mua sắm thêm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang.

Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, *“mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bốn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”*⁽¹⁾. Nhận thức rõ điều đó, Đảng bộ và các cấp chính quyền ra sức vận động nhân dân tham gia phong trào thanh toán nạn mù chữ.

Do bị đế quốc, phong kiến đè nén và kìm hãm trong vòng dốt nát, tăm tối, nay được cách mạng giải phóng và đem lại mọi quyền lợi, nhân dân các dân tộc Đại Từ sôi nổi hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

Tuân theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *“Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không*

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh (1984), *Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.28 - 29.

biết thì con bảo"⁽¹⁾, ở khắp các xã đều mở các lớp bình dân học vụ. Nhiều nơi tổ chức được lớp học cho các lứa tuổi. Mọi người dân, từ nam nữ thanh niên đến các cụ già, các chị em phụ nữ có con nhỏ... đều phấn khởi đến lớp học. Ban ngày, bà con đi làm đồng; tối đến lại đốt đuốc, thắp đèn, rủ nhau đi học chữ.

Để chỉ đạo phong trào thanh toán nạn mù chữ, Ban bình dân học vụ huyện và xã được thành lập; phân công cán bộ xuống cơ sở để vận động quần chúng và tổ chức phong trào. Hầu hết các xã đều có các hình thức kiểm tra, đố chữ, tính cộng, trừ, nhân, chia đơn giản theo định kỳ hoặc đột xuất tại các cổng chợ, đầu làng, dọc đường đi... để khuyến khích, động viên mọi người tham gia chống nạn mù chữ.

Nhờ sự nhiệt tình tham gia của đông đảo quần chúng, lại có sự chỉ đạo chặt chẽ cùng với nhiều biện pháp cụ thể, phong phú, chỉ sau một năm thực hiện cuộc vận động xóa nạn mù chữ, tỷ lệ dân số mù chữ giảm xuống nhanh chóng; phần lớn những người trong độ tuổi từ 8 đến 45 tuổi đã biết đọc, biết viết. Các trường, lớp bổ túc văn hóa và phổ thông ở bậc tiểu học được mở rộng, thu hút con em đồng bào các dân tộc ngày một nhiều.

Cùng với phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ, việc thực hiện nếp sống mới, bài trừ các tập tục xấu được đẩy mạnh. Những khẩu hiệu, áp phích... tuyên truyền lối sống mới, đả kích những thói hư tật xấu... được dán ở những nơi có đông người qua lại. Các đoàn thể cứu quốc tích cực vận động hội viên thực hiện đời sống mới. Tình trạng tổ chức ăn uống kéo dài trong ma chay, cưới xin, hội hè... giảm dần. Bộ

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, Sđd, tr.29.

mặt xã hội của huyện thay đổi từng bước. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ và chính quyền dân chủ nhân dân nhờ đó càng lan rộng trong quần chúng.

Tin tưởng vào chế độ mới, nhân dân các dân tộc Đại Từ tích cực tham gia xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, làm cho chính quyền có đủ sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, vượt qua mọi thử thách, gian nguy.

Những ngày đầu sau khi thành lập, do điều kiện lịch sử, thành phần trong bộ máy chính quyền, nhất là ở cấp xã còn phức tạp, một số chức vụ quan trọng như chủ tịch, phó chủ tịch... nằm trong tay những người thuộc tầng lớp trên hoặc các hào lý cũ. Tình hình đó cộng với những khó khăn trước mắt đòi hỏi phải nhanh chóng củng cố bộ máy chính quyền, thực sự trở thành của dân, do dân bầu ra và vì quyền lợi của nhân dân.

Ngày 23/12/1945, trong không khí tung bừng của ngày hội Tổng Tuyển cử cả nước, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phấn khởi và tự hào đi bỏ phiếu bầu cử những đại biểu xứng đáng tham gia vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa⁽¹⁾. Ngay sau đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các chi bộ Đảng, đồng bào các dân tộc trong huyện nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương⁽²⁾. Đến khoảng tháng 4/1946, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã bầu ra Ủy ban hành chính. Cũng từ đó, các cơ quan chuyên

⁽¹⁾ Đồng chí Trung Thành, dân tộc Nùng, quê xã Phú Xuyên là một trong ba đại biểu của tỉnh Thái Nguyên được bầu vào Quốc hội Khóa I.

⁽²⁾ Theo quy định của Trung ương, Hội đồng nhân dân chỉ bầu ở hai cấp: xã và tỉnh. Do đó, Ủy ban nhân dân cấp huyện do tỉnh cử ra.

môn của chính quyền địa phương được thành lập và ngày càng được củng cố.

Nhận rõ sức mạnh của chính quyền chủ yếu dựa trên sức mạnh của quần chúng nhân dân, Đảng bộ rất quan tâm xây dựng củng cố các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Trong quá trình vận động cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, dẫn tới thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Để củng cố về tổ chức, phát triển rộng rãi quần chúng tham gia các hội Cứu quốc, Đảng bộ xác định: trước hết phải củng cố hệ thống tổ chức Mặt trận Việt Minh từ huyện đến xã. Theo tinh thần đó, các Ban Việt Minh từ xã đến huyện được kiện toàn.

Để mở rộng hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, tập trung sức mạnh của quần chúng nhân dân các dân tộc trong huyện vào công cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám và xây dựng cuộc sống mới, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, cuối năm 1946, Hội Liên Việt Đại Từ thành lập. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng, Hội Liên Việt đã tích cực vận động quần chúng tham gia sôi nổi vào các phong trào ở địa phương.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn từng bước bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, các cơ quan chức năng chuyên chính ở địa phương được xây dựng và phát triển. Cuối năm 1946, Ủy ban bảo vệ huyện và các xã ra đời. Thành phần của Ủy ban gồm một đại biểu Ủy ban hành chính, một đại biểu Hội đồng nhân dân và một đại biểu lực lượng vũ trang - Ủy ban bảo vệ là một công cụ bạo lực của chính quyền dân chủ nhân dân thời bấy giờ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cùng với Ủy ban hành chính các cấp, Ủy ban bảo vệ vừa làm nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, thổ phỉ, giữ gìn trật tự trị an ở địa phương; vừa trực tiếp xây dựng, chấn chỉnh lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Từ tháng 9/1945 trở đi, nhân dân Đại Từ và một số địa phương trong tỉnh Thái Nguyên phải lo đối phó với âm mưu và hành động phá hoại của quân Tưởng và bè lũ tay sai. Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, *“tránh xung đột, giao thiệp thân thiện với Tưởng”*, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền. Giữa tháng 9/1945, tại Thái Nguyên, hội nghị Tỉnh ủy lâm thời đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng. Sau đó, tại Trường Xô (Phấn Mễ, Phú Lương), Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ, có đủ đại biểu các huyện về dự nhằm bàn bạc, thống nhất một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng đang có mặt trên địa bàn Thái Nguyên.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trước âm mưu và hành động khiêu khích của quân Tưởng, một mặt chúng ta chủ động thương lượng với chúng, nhân nhượng cho chúng một phần yêu cầu về lương thực, thực phẩm...; mặt khác, chúng ta luôn tỏ rõ và giữ vững tư cách người chủ trong quan hệ giao tiếp với quân Tưởng; đồng thời phát động quần chúng tiến hành bao vây kinh tế và kiên quyết trừng trị những hành động quấy nhiễu, cướp bóc của chúng.

Bằng những giải pháp khôn khéo, mềm dẻo nhưng kiên quyết đó, chúng ta đã làm thất bại âm mưu thâm độc của quân Tưởng và bè lũ tay sai. Không đạt được âm mưu lật đổ

chính quyền cách mạng của nhân dân ta, sau một thời gian chiếm đóng, quân Tưởng phải rút khỏi Đại Từ, xuống thị xã Thái Nguyên để về Hà Nội.

Giữa lúc đó, tại miền Nam nước ta, được đế quốc Anh dọn đường và che chở, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn vào ngày 23/9/1945. Thế là *“kẻ thù không đội trời chung của đồng bào ta 80 năm nay lại hiện ra trước mắt”*⁽¹⁾.

Với tinh thần quyết tâm giữ vững độc lập, tự do, nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống hành động xâm lược của thực dân Pháp. Chính phủ và Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào cả nước *“phải trút toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy vì kháng chiến. Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam”*⁽²⁾. Máu chảy ruột mềm, quân và dân Thái Nguyên cùng đồng bào cả nước hướng về Nam Bộ kháng chiến. Tại huyện Đại Từ, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi trong tất cả các ngành, các giới. Hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, các tầng lớp nhân dân trong huyện tổ chức mít tinh, biểu tình, phản đối hành động xâm lược của thực dân Pháp. Băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu: *“Đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược”, “Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam”*... được căng lên ở khắp nơi, càng khích lệ tinh thần dân tộc trong mỗi người. Nhiều thanh niên, con em của đồng bào các dân tộc trong huyện hăng hái đến các “Phòng Nam bộ” ghi tên tình nguyện vào Nam đánh giặc,

⁽¹⁾ *Hiệu triệu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa - Báo “Cứu quốc” - số ra ngày 24/9/1945.*

⁽²⁾ *Lời kêu gọi “Ủng hộ kháng chiến Nam bộ” do đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt chính phủ lâm thời đọc tháng 9/1945, xem Võ Nguyên Giáp (1976), Những sự kiện lịch sử Đảng, tập II, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.29.*

tham gia chiến đấu ở các chiến trường miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

Cùng với phong trào Nam tiến, thanh niên các dân tộc hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, thể hiện rõ ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng. Thấm nhuần đường lối vũ trang toàn dân, Đảng bộ địa phương rất coi trọng việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang. Trong thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền, chúng ta đã xây dựng được lực lượng tự vệ tương đối mạnh. Sau Cách mạng tháng Tám, do yêu cầu chung của các mạng cả nước, hầu hết cán bộ, chiến sỹ có kinh nghiệm chiến đấu đều được điều động vào các đoàn quân “Nam tiến” hoặc chuyển sang các đơn vị vệ quốc đoàn. Vì vậy, tại địa phương chỉ còn lại một số cán bộ khung và vũ khí thô sơ. Trong tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương động viên sức người, sức của trong nhân dân để củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ. Thanh niên nam nữ các dân tộc trong huyện tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các xã đều xây dựng và phát triển các đội tự vệ thường, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung. Một số xã như An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Phục Linh còn thành lập được các đội nữ du kích. Các ủy viên trong ban Việt Minh hoặc ủy viên quân sự trong ủy ban hành chính được cử sang phụ trách các đơn vị tự vệ chiến đấu và các đơn vị du kích. Đội du kích tập trung của huyện được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ.

Trên cơ sở xây dựng, củng cố lực lượng tự vệ ở các xã, một số đội viên tự vệ chiến đấu và đội viên du kích được tuyển chọn để xây dựng đội cảnh vệ, làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan huyện.

Nhân dân các dân tộc trong huyện tình nguyện đóng góp sức người, sức của để xây dựng lực lượng, mua sắm vũ khí và trang bị. Nhờ có sự cấp dưỡng của quần chúng nhân dân và sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp bộ Đảng, lực lượng vũ trang địa phương phát triển nhanh chóng, trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương.

III. Tích cực xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến

Với bản chất phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên “xé bỏ” Hiệp ước sơ bộ 06/3 và Tạm ước 14/9/1946. Chúng liên tiếp gây ra những hành động xâm lược ngày càng trắng trợn.

Những hành động xâm lược của thực dân Pháp đã xâm phạm đến độc lập, chủ quyền của đất nước ta. Nhân dân ta chỉ còn một con đường duy nhất để bảo vệ độc lập tự do là phải cầm vũ khí, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và quyết định phát động cuộc kháng chiến trong cả nước.

Để bảo đảm cho cuộc kháng chiến thắng lợi, cần phải có một hậu phương vững chắc. Với tầm nhìn xa trông rộng, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn vùng rừng núi 3 tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang để xây dựng căn cứ địa, trong đó trung tâm là tỉnh Thái Nguyên.

Vùng rừng núi Thái Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng: *“tiến có thể đánh, lui có thể giữ”*. Địa thế vùng này hiểm trở, có thể che mắt và cản trở mọi hoạt động của địch, ngược lại tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động kháng chiến của ta. Đất đai và sản vật vùng rừng núi rộng lớn và

phong phú, đảm bảo được một phần lớn nhu cầu về hậu cần tại chỗ, giúp cho lực lượng kháng chiến tồn tại và phát triển. Đồng bào các dân tộc nơi đây có truyền thống gắn bó với quê hương đất nước, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, lại sớm có Đảng giáo dục, giác ngộ...

Tất cả những yếu tố trên đã tạo điều kiện cho Bắc Kạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang trở thành căn cứ địa kháng chiến, trong đó Thái Nguyên là trung tâm. Đầu tháng 11/1946, Trung ương Đảng thành lập đội công tác đặc biệt gồm đại biểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể... do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội có nhiệm vụ nghiên cứu đường di chuyển và cùng các ngành hữu quan tổ chức di chuyển các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và kho tàng, công xưởng của Nhà nước lên Việt Bắc. Đại Từ cùng một số các huyện khác như Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai (Thái Nguyên), Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn), Sơn Dương (Tuyên Quang) là nơi tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến. Từ kinh nghiệm bảo vệ cán bộ, cơ quan trong thời kỳ bí mật, chúng ta chủ trương xây dựng các khu an toàn (gọi tắt là ATK) làm nơi ở, làm việc của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Địa bàn các huyện Đại Từ, Định Hóa, Chợ Đồn, Sơn Dương, Chiêm Hóa được chọn làm nơi xây dựng ATK kháng chiến.

Cuối năm 1946, đầu năm 1947, các cơ quan, công xưởng từ Hà Nội cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội (như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp...) lần lượt lên ATK. Nhiều nhân sỹ yêu nước, các nhà khoa học, văn học, nghệ sỹ, những nhà hoạt động tôn giáo... với chiếc ba lô

trên lưng, trèo đèo, lội suối cũng lên Việt Bắc để kháng chiến. Hồ Chủ tịch đã ở và làm việc nhiều nơi tại Việt Bắc. Sau một thời gian ở Sơn Dương (Tuyên Quang), tối 19/5/1947, Người chuyển sang Định Hóa. Khu an toàn Định Hóa là vùng có nhiều đồi cây thấp kế tiếp nhau, nằm gọn trong một thung lũng gồm 4 xã: Phú Đình, Diêm Đặc, Thanh Định, Định Biên. Nơi làm việc của Hồ Chủ tịch đặt tại khu rừng Khau Tý (xã Diêm Đặc). Từ đây có các con đường mòn sang Sơn Dương (Tuyên Quang), xuống Đại Từ, lên Chợ Đồn... và nhiều đường tắt kín đáo, thuận tiện.

Như vậy, từ ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, huyện Đại Từ có một vị trí chiến lược rất quan trọng: vừa là ATK, vừa là một trong những cửa ngõ trực tiếp bảo vệ khu trung tâm ATK. Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến của các nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ phối hợp chặt chẽ với Đội công tác đặc biệt và các địa phương khác, quyết tâm bảo vệ an toàn cho căn cứ, củng cố hệ thống thông tin liên lạc, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bảo đảm hậu cần tại chỗ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền địa phương, nhân dân các dân tộc Đại Từ, ngoài sự nỗ lực thi đua tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống và cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, còn dành hàng ngàn ngày công, ủng hộ tre, gỗ, nứa, lá cọ để xây dựng nơi ở và làm việc cho các cơ quan Trung ương, các kho tàng, xưởng máy. Đồng bào các dân tộc là lực lượng chủ yếu để xây dựng và bảo vệ ATK. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu “*ba không*”: không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe

những điều không có liên quan đến mình; không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt. Đồng bào nhường nhà cửa, ủng hộ và làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men và những vật dụng cần thiết hàng ngày cho cán bộ, nhân viên các cơ quan kháng chiến. Ngược lại, các cơ quan Trung ương chuyển lên ATK đều có trách nhiệm cùng đồng bào địa phương tích cực xây dựng khu căn cứ ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Các cơ quan còn cử những cán bộ có năng lực giúp đỡ cấp ủy và chính quyền địa phương xây dựng và củng cố phong trào. Nhờ vậy, từ thời gian này trở đi, cơ sở Đảng ở địa phương phát triển nhanh chóng; các mặt hoạt động sản xuất, văn hóa, giáo dục... được đẩy mạnh.

Đầu năm 1947, cuộc chiến tranh lan rộng. Việc tổ chức cho nhân dân rời khỏi địa bàn có chiến sự để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống cho nhân dân là một vấn đề bức thiết. Thực hiện chủ trương của Trung ương, các Ủy ban di cư, tản cư các cấp được thành lập. Cùng với các địa phương trong tỉnh, Ủy ban di cư huyện Đại Từ ra đời, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính huyện. Tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng lúc đó được coi là một hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng nhiều. Trong tình hình đó, việc tiếp nhận đồng bào tản cư, di cư, chăm lo ổn định đời sống và tổ chức công ăn việc làm cho đồng bào, là một nhiệm vụ to lớn đặt ra đối với Đảng và chính quyền địa phương.

Với truyền thống thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau *“lá lành đùm lá rách”* chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch: *“vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ”*, các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, mặt trận nhanh

chống triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, tổ chức ổn định cuộc sống. Nhân dân các dân tộc trong huyện san xẻ cho đồng bào tản cư từng mảnh ruộng, bãi nương, căn nhà, cho đến phương tiện sản xuất và phương tiện sinh hoạt cho các gia đình đồng bào tản cư. Sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền cũng như tình cảm sâu sắc của nhân dân các dân tộc trong huyện Đại Từ đã tạo điều kiện cho đồng bào tản cư nhanh chóng ổn định đời sống sản xuất, làm cho đồng bào ngày càng gắn bó với quê hương mới, tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

Cùng với việc tổ chức, tiếp nhận đồng bào tản cư, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng và chính phủ, Đảng bộ huyện Đại Từ rất chú trọng đến công tác *“phá hoại để kháng chiến”*. Ngay từ đầu năm 1947, Ban phá hoại của huyện thành lập và bắt tay vào hoạt động. Ban phá hoại chủ trương tập trung phá hoại nhà cửa, cầu cống ở những vùng trọng điểm như thị trấn, ven đường giao thông.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *“phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sỹ bắn vào quân địch vậy”*⁽¹⁾, nhân dân các dân tộc trong huyện tự tay mình phá tất cả nhà cửa, cầu cống, đường giao thông ở các khu vực trọng điểm. Trên đường 13A, đoạn từ Đại Từ đi Đèo Khế và trên đường từ Quân Chu xuống Phổ Yên, nhân dân còn dựng nhiều chướng ngại vật nhằm cản bước tiến của quân thù.

Để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn căn cứ địa, Đảng bộ và chính quyền địa phương

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, Sđd, tr.249.

đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Từ sau khi có Thông tư của Bộ Quốc phòng (tháng 02/1947) quy định và tổ chức nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương được đẩy mạnh, Đảng bộ Đại Từ vừa quan tâm củng cố các lực lượng cũ, vừa tích cực xây dựng các đơn vị dân quân, tự vệ và du kích mới. Con em đồng bào các dân tộc hăng hái xung phong ghi tên tòng quân. Các đội viên, dân quân, du kích được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại đường giao thông và sử dụng các loại vũ khí thông thường. Nhân dân địa phương tích cực hưởng ứng cuộc vận động "*mùa đông binh sỹ*" tham gia giúp đỡ, ủng hộ bộ đội, thực hiện khẩu hiệu: "*Mỗi làng hai áo trấn thủ, hai chăn cho bộ đội*". Đồng bào còn hăng hái đóng góp tiền, gạo, các loại vũ khí để nuôi dưỡng và trang bị cho các đơn vị lực lượng vũ trang.

Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, từ giữa năm 1947; tiếp sau sự ra đời của Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân, ban huyện đội và các ban xã đội dân quân được thành lập và đi vào hoạt động. Vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ được tăng cường. Các chi bộ lần lượt xuất hiện ở các xã. Một số chi bộ, điển hình là chi bộ Cao Vân - tiền thân của Đảng bộ xã Yên Lãng ngày nay vươn lên trở thành chi bộ khá của tỉnh; được hội nghị đại biểu toàn tỉnh Thái Nguyên lần thứ I (10/8/1947) đánh giá cao. Hoạt động của Ủy ban kháng chiến - hành chính các cấp trong huyện cũng có những chuyển biến mới. Mọi ủy viên trong Ủy ban đều tích cực đi xuống cơ sở để tuyên truyền, vận động quần chúng. Nhờ đó, các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ được phổ biến sâu rộng trong dân chúng. Tuy nhiên, do chưa được bồi dưỡng, huấn luyện nên phần lớn ủy

viên trong Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính huyện nhất là cấp xã thiếu năng lực và trình độ. Việc thi hành các chỉ thị của cấp trên thường không triệt để và chậm trễ. Ngân sách tài chính còn luộm thuộm, không rõ ràng vì không có chuyên môn...

Tóm lại, trải qua hai năm đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền, xây dựng lực lượng để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, nhìn chung, mọi mặt hoạt động ở địa phương đều được đẩy mạnh và thu được kết quả. Trong hai năm đó, tuy mới ra đời nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ đã nêu cao được vai trò lãnh đạo toàn diện, thường xuyên đi sát cơ sở, đi sát quần chúng. Quán triệt chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ từng bước giải quyết mọi khó khăn về các mặt, xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, hoàn thành tốt bước đầu nhiệm vụ xây dựng Đại Từ trở thành ATK của cuộc kháng chiến. Bên cạnh đó, Đảng bộ đã tích cực tổ chức lực lượng vũ trang và xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cần thiết cho cuộc chiến đấu chống mọi âm mưu và hành động của thực dân Pháp.

CHƯƠNG V

DẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRỰC TIẾP KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ CĂN CỨ ĐỊA, TÍCH CỰC XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH

(10/1947 - 7/1954)

I. Tổ chức chiến đấu, góp phần đập tan cuộc tấn công của thực dân Pháp vào căn cứ địa Việt Bắc thu đông năm 1947

Đầu năm 1947, mặc dù thực dân Pháp mở rộng được phạm vi chiếm đóng trên đất nước ta, nhưng chúng đã thất bại trong âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh. Cuộc chiến tranh vẫn kéo dài; thực dân Pháp ngày càng gặp nhiều khó khăn không sao giải quyết được. Trước tình hình đó, giới cầm quyền Pháp âm mưu mở cuộc tấn công quân sự trên quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc, nhằm bao vây và tiến tới tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Kế hoạch trên được Chính phủ Pháp phê chuẩn vào tháng 7/1947.

Nắm vững bản chất, âm mưu chiến lược của thực dân Pháp, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ ba (từ 12 đến 15/5/1947) dự đoán địch có thể mở những cuộc tiến công lớn để chiếm đóng những vị trí chiến lược còn ở trong tay ta. Hội nghị còn nêu lên những hướng có khả năng bị địch tấn công: *“miền trung châu bắc bộ, hoặc để kháng chế miền Thanh - Nghệ hay Nam - Ngãi”* hoặc *“chúng cũng có thể mưu đồ mở cuộc*

tiến công vào Việt Bắc"⁽¹⁾. Ngày 15/9/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị vạch rõ những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, trong đó nhấn mạnh phải "*chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuôi mũi dùi; đánh vòng thật rộng, nhảy dù đổ bộ sau lưng ta*"⁽²⁾. Tiếp đó, từ ngày 27 đến 29/9/1947, Bộ Tổng chỉ huy triệu tập hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ tư. Dự đoán hướng tiến công của địch, hội nghị cho rằng: "*nếu địch không mạo hiểm thì đánh đồng bằng, nếu mạo hiểm thì chúng sẽ đánh Việt Bắc*" và "*tấn công lên Việt Bắc, chúng sẽ chiếm các tỉnh Phúc Yên, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, nối liền đường Hà Nội - Lạng Sơn*"⁽³⁾.

Nằm trên địa bàn địch có thể tiến công, cùng với quân và dân các địa phương trong tỉnh, Đảng bộ và chính quyền các cấp huyện Đại Từ tích cực triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị chiến đấu. Thực hiện nghị quyết hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ ba, công tác huấn luyện cán bộ quân sự, chính trị các cấp được xúc tiến. Tháng 8/1947, tại xã La Bằng, Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bồi dưỡng cán bộ trung cấp toàn dân. Hồ Chủ tịch đã tới dự lễ khai mạc và huấn thị cán bộ tham gia lớp học. Tiếp đó, trường quân chính khu cũng mở lớp bồi dưỡng về quân sự, chính trị cho cán bộ các cấp. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương của huyện đều được tham dự các lớp huấn luyện ngắn ngày về cách sử dụng vũ khí, cách đánh

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), Văn kiện quân sự của Đảng, tập II, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.195.

⁽²⁾ Văn kiện quân sự của Đảng, Sđd, tr.208.

⁽³⁾ Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tư lệnh - xem Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái (1990), Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1946 - 1954, Nhà máy in Quân đội, tr.84.

giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, cách gài mìn, cắm chông, canh gác, báo động...

Quán triệt chỉ thị của Trung ương và liên khu, căn cứ vào các hoạt động của địch trong những tháng đầu mùa thu năm 1947, Tỉnh ủy Thái Nguyên nhận định: *“Địch có thể nhảy dù để phối hợp với bộ binh càn quét chiếm đóng Thái Nguyên nhằm thực hiện âm mưu tốc chiến tốc thắng”*⁽¹⁾. Từ đó, công tác phá hoại ở địa phương trong tỉnh được tiến hành khẩn trương hơn. Các tầng lớp nhân dân được huy động với lực lượng dân quân tự vệ tham gia phá hoại nhà cửa, đường sá, thực hiện *“tiêu thổ kháng chiến”*. Trên nhiều tuyến giao thông, ta đều thành lập các trạm gác, hệ thống báo động, truyền tin. Khẩu hiệu *“đập tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”* xuất hiện khắp các ngã đường.

Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy, ngày 07/10/1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân, gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến, ca nô và 40 máy bay các loại, mở cuộc tiến công vào căn cứ địa Việt Bắc.

Sáng sớm 07/10/1947, địch cho máy bay thả 1.200 quân dù xuống thị xã Bắc Kạn. Buổi chiều cùng ngày, chúng lại thả gần 300 lính dù đánh chiếm thị trấn Chợ Mới nhằm khống chế tuyến đường Thái Nguyên đi Bắc Kạn và làm nơi tập kết những đạo quân lưng sục căn cứ địa của ta. Ngày hôm sau, 4 đội quân dù tập kích chiếm huyện lỵ Chợ Đồn (Bắc Kạn)... Ngày 09/10/1947, từ Hà Nội, một binh đoàn hỗn hợp thủy, bộ

⁽¹⁾ Tổng kết chiến tranh Thái Nguyên, tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái).

của Pháp ngược dòng sông Hồng đánh chiếm Việt Trì, Tuyên Quang, Chiêm Hóa, tạo thành gọng kìm hướng tây để hội quân với gọng kìm hướng đông tại Đài Thị (đông bắc Chiêm Hóa). Căn cứ địa Việt Bắc, trọng điểm là Bắc Kạn, Thái Nguyên nằm trong tình thế bị địch bao vây, chia cắt. Huyện Đại Từ đứng trước nguy cơ trực tiếp bị tấn công.

Trước tình hình trên, Đảng bộ huyện Đại Từ một mặt gấp rút tổ chức lực lượng sẵn sàng chiến đấu; một mặt lãnh đạo chính quyền và đoàn thể giúp dân sơ tán, cất giấu tài sản, lương thực, thực hiện *“vườn không, nhà trống”*; bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương và liên khu đóng tại địa phương. Lực lượng dân quân, du kích tham gia giúp nhân dân khẩn trương thu hoạch mùa màng.

Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: *“Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”*, vạch rõ phương hướng hành động cho quân và dân trong khu căn cứ: *“Giám chân địch tại mấy căn cứ chúng vừa chiếm, bao vây những căn cứ đó, thu nhỏ lại như những hòn đảo giữa bể, chặt đứt giao thông liên lạc giữa các cứ điểm của địch, không cho chúng tiếp ứng và tiếp tế; giữ gìn chủ lực nhưng cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, những trận tiêu diệt, phát động phong trào du kích; bộ đội và dân quân, du kích phối hợp đột kích tiêu diệt, những cứ điểm chúng mới chiếm, ra sức chế súng kíp, lựu đạn, địa lôi phát cho dân quân các làng chiến đấu”⁽¹⁾*. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho quân dân Việt Bắc cùng với cả nước phải *“làm cho địch thiệt hại nặng nề không*

⁽¹⁾ Văn kiện quân sự của Đảng, tập II, Sđd, tr.246 - 247.

gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này”, “bắt địch phải chuyển sang thế thủ”.

Chấp hành chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Bắc Kạn, Thái Nguyên nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, đẩy mạnh các hoạt động đánh địch, ngăn chặn các cuộc hành quân, gây khó khăn cho việc tiếp tế, tiếp viện và liên lạc giữa các vị trí chiếm đóng của địch. Cùng với các trận đánh địch trên đường giao thông và các toán quân đi lùng sục, cướp phá, bộ đội và dân quân du kích còn tổ chức những trận tập kích vào các vị trí đóng quân của chúng.

Trong quá trình chiến đấu, lực lượng của ta từng bước được điều chỉnh, bố trí lại cho phù hợp. Thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn Thái Nguyên ngày càng được củng cố vững chắc. Đến cuối tháng 10/1947, cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực bố trí ở Yên Lãng, Phú Bình, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Chợ Chu, Đa Phúc..., một đại đội độc lập thuộc trung đoàn 121 được điều về huyện Đại Từ. Cùng thời gian trên, do bị quân ta đánh mạnh, Bộ chỉ huy Pháp buộc phải rút bỏ một số vị trí ở bắc và tây bắc Bắc Kạn như Bản Thi, Yên Thịnh, Huyện lỵ chợ Rã. Lợi dụng cơ hội đó, quân ta tổ chức nhiều trận phục kích địch trên đường giao thông phía nam thị xã Bắc Kạn.

Như vậy, sau gần một tháng rưỡi đưa quân lên Việt Bắc, thực dân Pháp không đạt được những mục tiêu cơ bản của cuộc tiến công; trái lại, chúng bị tiêu hao và tiêu diệt nhiều lực lượng. Cuộc hành quân mang tên Lê-a của chúng bị thất bại.

Thắng lợi bước đầu của quân và dân hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ; củng cố niềm tin tất thắng của quân dân huyện Đại Từ vào cuộc chiến đấu sắp tới.

Thất bại trong cuộc hành quân Lê-a, Bộ Chỉ huy Pháp chuyển sang thực hiện kế hoạch mới mang tên Xanh-tuya. Trên cơ sở phán đoán lực lượng của ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn đóng ở các vùng chợ Chu, Đại Từ, Võ Nhai, Yên Thế, phía tây Tam Đảo và lưu vực sông Đáy, các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến đóng ở khu vực núi đá Đình Cả (Võ Nhai). Bộ chỉ huy Pháp quyết định: kết hợp với việc rút lui các lực lượng đã tham gia cuộc hành quân Lê-a cùng trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 và trung đoàn do trung tá Côxtơ (Coste) chỉ huy, bao vây càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương nhằm tiếp tục lung lạc cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực và phá nát căn cứ địa của ta. Với âm mưu đó, ngoài lực lượng chặn quân ta ở vòng ngoài, hướng càn của địch trong kế hoạch Xanh-tuya tập trung chủ yếu vào Thái Nguyên; hai hướng khác là Sông Thương - Yên Thế và khu vực Chợ Mới - Tuyên Quang xuống đồng bằng.

Như vậy, với cuộc hành quân Xanh-tuya, huyện Đại Từ nằm trong khu càn quét, đánh chiếm của địch. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đang đứng trước một thử thách to lớn.

Ngày 22/11, cùng với các cánh quân từ Hòa Bình tràn sang Phúc Thị và từ Hưng Hóa đánh chiếm Việt Trì, một cánh quân địch do Đại tá Com-mu-gnan chỉ huy rút khỏi thị xã Tuyên Quang bằng hai đường thủy, bộ, xuôi về Bình Ca và uy hiếp đường 13A (Tuyên Quang đi Đại Từ).

Trong khi đó tuyến đường số 3, quân Pháp vừa rút bỏ một vị trí ở phía bắc và tây bắc, vừa tập trung lực lượng càn quét

vào hướng chủ yếu của kế hoạch Xanh-tuya thuộc địa bàn Thái Nguyên.

Nắm chắc các hoạt động của địch, Bộ Tổng chỉ huy kịp thời chỉ đạo các mặt trận thực hiện các phương án đã được điều chỉnh. Lực lượng chủ lực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được bố trí lại: tiểu đoàn 160 hoạt động tại khu chợ Chu, Chợ Mới; nhưng trong trường hợp truy kích địch xuống phía nam thì khu vực tác chiến sẽ là Đại Từ; tiểu đoàn 103 (thuộc trung đoàn 165) hoạt động ở vùng Quảng Nạp, Phú Minh (Đại Từ), đồn Đu (Phú Lương) và thay thế tiểu đoàn 160 khi tiểu đoàn này chuyển xuống Đại Từ. Trung đoàn 350 ở vùng Võ Nhại, Đại Từ, Đèo Khế và Bình Ca phải sẵn sàng chuyển về nam Thái Nguyên khi có lệnh.

Về phía địch, sau khi tăng thêm lực lượng từ Bắc Kạn xuống và thực hiện nghi binh, đêm 24/11/1947, chúng cho quân bí mật rời khỏi Chợ Mới tiến về Định Hóa. Chiều ngày 26/11, địch thả 400 quân dù xuống cánh đồng làng Ngò (xã An Khánh, Đại Từ) nhằm chiếm các vị trí quan trọng trên tuyến đường 13A. Đồng thời một cánh quân khác từ Phúc Yên men theo sườn Tam Đảo đánh sang phía tây nam huyện Đại Từ. Phạm vi chiến sự lan rộng. Riêng khu vực tỉnh Thái Nguyên, hàng ngàn quân địch tỏa ra đánh chiếm 32 vị trí trên địa bàn 7 huyện.

Khắp các địa điểm tiến quân, chúng đều bị quân và dân ta bám sát chặn đánh quyết liệt. Quân địch không dám hung hăng như trước.

Càn quét vào Định Hóa, địch không phá được ATK của ta mà còn bị tổn thất nặng. Từ Định Hóa, chúng phải rút theo

đường Phú Minh để vào huyện lỵ Đại Từ, hy vọng gặp quân dù và cánh quân từ Phúc Yên lên.

Ngày 01/12, khi vừa tới khu vực Quán Ông Già (Phú Minh), quân địch rơi vào trận địa phục kích của bộ đội và du kích, buộc quân Pháp phải luồn rừng quay lại Quảng Nạp, 10 tên địch bị tiêu diệt. Trong khi đó, tại Định Hóa, đội quân của Bô-phơ-rê lâm vào thế bị bao vây, không dám tiếp tục mở rộng khu càn quét, mà phải lui về phía Phú Minh, thị trấn Hùng Sơn, Phúc Linh. Quân và dân ta chặn đánh địch tại các xã Độc Lập (nay là xã Tiên Hội), Bản Ngoại, Yên Giã (nay là xã Mỹ Yên), Phúc Linh.

Tại Đại Từ sau khi đổ bộ xuống làng Ngò (xã An Khánh), địch càn quét, lùng sục vào các vùng lân cận. Ngày 28/11, chúng cho một đại đội càn lên Phúc Linh; một đại đội càn quét ở Cổ Lũng (Phú Lương) và một trung đội càn xuống Quán Triều. Ngày 29/11, quân địch từ làng Ngò qua Cù Vân, Phúc Linh tiến vào càn quét khu vực thị trấn Hùng Sơn. Tiến quân tới đâu, chúng đều đốt phá, bắn giết tàn bạo. Nhân dân được tổ chức di chuyển vào rừng sâu. Các lực lượng dân quân, du kích phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực bố trí đánh địch ở các hướng, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 30/11, đại đội Tô Văn chặn đánh địch tại xóm Cây Thị khi chúng từ làng Ngò theo đường hẻm càn lên thị trấn Hùng Sơn, diệt 15 tên. Ngày 02/12, quân ta phục kích toán quân địch từ Sơn Dương càn sang Đại Từ, diệt 30 tên, buộc chúng phải rút về Yên Lãng. Cùng ngày, đại đội Khánh Mỹ và Lê Văn Duyên phối hợp với du kích tập kích địch ở làng Ngò, diệt 2 tên. Ngày 05/12, địch ở Hùng Sơn chia làm hai mũi mở cuộc càn quét ở các vùng thuộc xã Trần Phú (nay là

xã Khôi Kỳ), Bình Dân (nay là xã Cát Nê), Bình Khang. Trên tất cả các hướng tiến quân, chúng đều bị ta bao vây, chia cắt và tiêu diệt. Trong trận phục kích tại gò Đình Khôi, quân ta tiêu diệt 25 tên; tại trận Bình Khang ta tiêu diệt 25 tên. Tại bãi tập Hùng Sơn, đại đội 10 thuộc tiểu đoàn 350 mở cuộc tập kích quân địch, diệt 10 tên.

Chiến thắng giòn giã của quân dân Đại Từ trong ngày 05/12 đã khích lệ cán bộ, chiến sỹ và nhân dân các dân tộc trong huyện và các địa phương khác; đồng thời làm cho địch ngày càng hoang mang lo sợ.

Phát huy thắng lợi, quân và dân Đại Từ tiếp tục ghi thêm chiến công. Ngày 06/12, đại đội Tô Văn cùng du kích địa phương chặn đánh địch tại An Mỹ, khi chúng từ Hùng Sơn mở cuộc càn lớn vào vùng Lục Ba, Văn Yên và An Mỹ (nay là Mỹ Yên); quân và dân ta tiêu diệt 8 tên địch. Ngày 07/12, quân ta lại chặn đánh 200 tên địch trên đoạn đường Dốc Điệp - Ba Giăng, khi chúng mở cuộc càn từ Hùng Sơn lên Văn Lãng. Ngày 09/12, đại đội 1 trung đoàn 147 phối hợp với du kích đánh địch tại dốc Mánh và Phục Linh, diệt 20 tên.

Như vậy, trong nửa đầu tháng 12/1947, bộ đội và du kích Đại Từ đánh địch nhiều trận, gây cho chúng nhiều tổn thất, góp phần cùng quân dân toàn tỉnh làm thất bại kế hoạch Xanh-tuya của chúng.

Do bị quân và dân ta đánh mạnh ở khắp nơi, địch không sao xiết chặt được vành đai quanh khu tứ giác; âm mưu đánh phá căn cứ địa Việt Bắc, lung lạc cơ quan đầu não kháng chiến và tiêu diệt quân chủ lực ta của thực dân Pháp trong kế hoạch Xanh-tuya về căn bản đã thất bại. Trước tình thế đó, quân Pháp buộc phải bỏ dở cuộc tiến công và tổ chức rút chạy.

Ngày 03/12, binh đoàn Bô-phơ-rê rút khỏi Định Hóa, qua Phú Đình về Đại Từ. Trên đường rút lui, cánh quân này liên tiếp bị quân và dân ta chặn đánh tại Độc Lập, Yên Giã, Phục Linh, Bản Ngoại...

Đến giữa tháng 12/1947, các cánh quân địch lùi dần về phía nam tỉnh Thái Nguyên, tập kết ở khu vực Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để chuẩn bị rút về xuôi. Bộ phận quân địch ở Đại Từ rút theo hai hướng: một hướng theo đường Ký Phú - Lục Ba xuống Phổ Yên về Hà Nội; một hướng từ làng Ngò về thị xã Thái Nguyên, theo Quốc lộ 3 về Hà Nội. Trên các hướng địch rút chạy, quân dân ta truy kích và chặn đánh, tiêu diệt thêm một bộ phận lực lượng của chúng. Ngày 16/12, tại Đan Hạ (xã La Bằng), du kích đã đánh một trận xuất sắc. Lợi dụng địa hình, một bộ phận du kích làm nhiệm vụ nghi binh nhử địch vào làng; trong khi đó 9 đội viên khác phục kích tại quả đồi rìa làng. Khi quân địch vừa vào tới rìa làng, lực lượng du kích bên trong nổ súng đánh bất trở lại; đồng thời tổ du kích ở trên đồi bắn xuống. Bị kẹp vào giữa hai làn hỏa lực của quân ta, bọn địch phải rút chạy, bỏ lại 15 xác chết...

Ngày 21/12/1947, quân địch rút qua cầu Đa Phúc về Hà Nội. Ngày 22/12/1947, hàng ngàn bộ đội, dân quân, du kích và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tổ chức cuộc mít tinh tại thị xã để mừng chiến thắng. Quân và dân huyện Đại Từ hết sức phấn khởi và tự hào vì đã trực tiếp góp phần không nhỏ cùng với quân dân hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên tiêu diệt, làm bị thương trên 1.000 tên địch, phá hủy hơn 20 xe quân sự các loại, thu nhiều vũ khí quân trang, quân dụng; bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng

chiến của quân và dân ta. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ phấn khởi và tin tưởng bước vào thời kỳ mới.

II. Tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, tham gia chiến đấu đập tan chiến dịch Phốc (Phoque, 1948 - 10/1950)

Sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng trở thành vùng tự do. Tuy nhiên, địch vẫn còn chiếm đóng ở một số điểm thuộc tỉnh Bắc Kạn, như thị xã Bắc Kạn, huyện lỵ Ngân Sơn, Phủ Thông, Nà Phặc, Bằng Khẩu. Ngoài ra, chúng còn đóng một số đồn bốt rải rác ở phía Bắc Kạn nhằm phong tỏa biên giới Việt Trung, khống chế các tuyến đường giao thông quan trọng ở Việt Bắc và làm chỗ dựa cho thổ phỉ hoạt động, thực hiện âm mưu chiếm đóng lâu dài.

Tại các vị trí chiếm đóng, địch xây hầm hào, công sự kiên cố và trang bị hỏa lực mạnh. Chúng tổ chức các cuộc càn quét, lung sục ra các vùng xung quanh nhằm cướp bóc lương thực, thực phẩm, tàn sát nhân dân và thăm dò lực lượng của ta.

Trước âm mưu, thủ đoạn mới của địch, Trung ương Đảng triệu tập hội nghị (giữa tháng 01/1948) nêu rõ phương hướng nhiệm vụ chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong thời kỳ mới. Căn cứ vào hoạt động của địch, hội nghị dự đoán: quân Pháp cố vét lực lượng “để đánh ta những trận ác liệt hơn nhiều”⁽¹⁾ và “sẽ tấn công Việt Bắc một lần nữa, tấn công rộng lớn và quyết liệt hơn trận vừa rồi...”⁽²⁾. Trên cơ sở đó, nghị quyết hội nghị vạch rõ

^{(1), (2)} *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, trích Văn kiện Đảng, tập II, Nxb. Sách giáo khoa Mác-Lênin, 1978, tr.147 - 148 - 150.*

nhiệm vụ trước mắt là “*một mặt phát triển dân quân, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong vùng địch kiểm soát... đuổi địch ra khỏi Việt Bắc, trước hết ra khỏi Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai...*”⁽¹⁾.

Đại Từ nằm trong ATK và là cửa ngõ trực tiếp vào trung tâm căn cứ địa Việt Bắc, hơn nữa lại nằm trên con đường 13A (từ Thái Nguyên đi Trung ương Tuyên Quang). Với vị trí ấy, Đại Từ có nguy cơ bị địch tấn công một lần nữa. Vì vậy, mặc dù đã trở thành vùng tự do, nhưng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ không lơ là cảnh giác, đề phòng âm mưu địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, quân và dân Đại Từ không ngừng tăng cường tiềm lực về mọi mặt, nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, đồng thời sẵn sàng đối phó với hành động phiêu lưu của địch.

Được nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng soi sáng và sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, lại rút được kinh nghiệm qua những trận chiến đấu chống cuộc tiến công của giặc Pháp trong thu đông 1947, Đảng bộ Đại Từ chủ trương đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và kiện toàn thêm một bước các cơ quan chỉ huy quân sự. Những cán bộ kém năng lực được đưa ra khỏi các ban chuyên môn. Lực lượng dân quân xã được chú trọng: mỗi thôn lập 1 đội gương mẫu chiến đấu. Bộ máy chỉ huy quân sự từ thôn đến huyện được xây dựng như sau:

- Cấp thôn có 1 thôn đội trưởng, 1 thôn đội phó.

⁽¹⁾ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, trích Văn kiện Đảng, tập II, Nxb. Sách giáo khoa Mác Lênin, 1978, 147 - 148 - 150.*

- Cấp xã có 1 xã đội trưởng, 1 xã đội phó và 1 chính trị viên. Xã đội có 3 ban trực thuộc: Ban công tác chính trị, tổ quân báo và tổ văn thư.

- Ở huyện có 1 huyện đội trưởng, 1 huyện đội phó, 1 chính trị viên và 4 ban giúp việc (văn thư, quân sự, chính trị và kiểm tra). Các ban chuyên môn của huyện đội bộ dân quân được kiện toàn, lấy thêm người giúp việc.

Các cán bộ chỉ huy du kích được cử đi học lớp huấn luyện bổ túc đại đội trưởng, do Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức (từ ngày 15 đến 31/01/1948). Hàng trăm cán bộ, chiến sỹ trong các lực lượng dân quân, du kích thay phiên nhau tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày về quân sự và chính trị. Thanh niên nam, nữ nô nức tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Đảng bộ còn tăng cường số đảng viên tham gia lực lượng tự vệ, dân quân và du kích. Nhờ đó, trải qua hai năm (1948 - 1949), lực lượng dân quân dân quân, du kích tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Đến tháng 9/1948, đội du kích thoát ly của huyện có 35 cán bộ và chiến sỹ, 17 khẩu súng trường, 38 quả lựu đạn và 2 quả mìn. Du kích xã có 847 người, với 360 khẩu súng kíp, 41 súng trường, 1 súng máy và 1.046 quả lựu đạn. Năm 1949, ở huyện có 1 đại đội du kích tập trung; mỗi xã đều có 1 trung đội. Đến cuối năm 1949, đại đội du kích tập trung của huyện chuyển thành đại đội bộ đội địa phương.

Trong thời gian đầu, việc xây dựng bộ đội địa phương gặp nhiều khó khăn: đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về trình độ, năng lực; cơ sở vật chất không đủ đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt và chiến đấu của cán bộ và chiến sỹ. Trước tình hình này, Đảng bộ một mặt chủ trương cử cán bộ tham

gia học tập các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh; mặt khác tích cực mở các lớp huấn luyện tại địa phương⁽¹⁾. Đồng thời, Đảng bộ chủ trương phát động trong quần chúng phong trào ủng hộ, giúp đỡ bộ đội. Hưởng ứng phong trào này, nhân dân các dân tộc trong huyện thi đua bán thóc, gạo cho bộ đội, ủng hộ nhiều tiền bạc và các thứ thực phẩm khác. Chỉ tính trong 5 tháng đầu năm 1950, huyện đã thu được 43.003kg thóc và 1.103.700 đồng. Hội mẹ chiến sỹ thành lập từ năm 1947 ở hầu khắp các xã, lúc này tích cực vận động nhân dân quyên góp ủng hộ bộ đội; giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ, tổ chức may vá quần áo, chăn màn... cho bộ đội; vận động các gia đình đỡ đầu bộ đội, chăm sóc thương binh... Những khó khăn ban đầu được giải quyết. Bộ đội địa phương cùng dân quân, du kích trưởng thành nhanh chóng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, được chính quyền, đoàn thể quần chúng và các tầng lớp nhân dân hết lòng thương yêu đùm bọc, nuôi dưỡng, các lực lượng vũ trang địa phương tích cực luyện tập, lập kế hoạch chiến đấu khi có địch đến. Các đơn vị dân quân, du kích các xã đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ xóm làng. Trong “tuần lễ thi đua giết giặc lập công” tháng 9/1950, các tổ chức “ngũ gia liên báo” được thành lập và đẩy mạnh công tác phòng gian, trừ gian. Trong công tác này, các xã rất chú ý đến việc kiểm soát, khám phá được nhiều vụ buôn hàng lậu và một số trường hợp tản cư đến không trình giấy tờ.

⁽¹⁾ Riêng 6 tháng đầu năm 1950, huyện Đại Từ mở 4 lớp huấn luyện cho 237 du kích, mỗi lớp được tổ chức trong 10 ngày.

Bộ máy chính quyền các cấp trong huyện được củng cố thêm một bước. Từ tháng 11/1947, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện, gồm có 7 ủy viên. Đến tháng 02/1948, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các xã cũng được hợp nhất thành Ủy ban kháng chiến hành chính. Trong Ủy ban kháng chiến - hành chính các cấp, từng ủy viên đều được phân công phụ trách từng mặt công tác. Từ đó, hoạt động của chính quyền địa phương được đẩy mạnh hơn trước. Tuy nhiên, các ủy viên trong Ủy ban kháng chiến - hành chính lúc này đa số là thân sỹ, thân hào cũ; năng lực không đều, trình độ văn hóa yếu; do đó công việc tiến hành chậm và kém hiệu quả. Công việc hành chính trong các Ủy ban xã còn luộm thuộm; bao biện, đôi khi lấn át cả quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Ngược lại, Hội đồng nhân dân cấp xã chưa nhận thức đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ của mình; một số ủy viên trong Hội đồng nhân dân thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đã xin rút lui.

Từ sau khi phát động phong trào thi đua yêu nước (tháng 5/1948), một số xã nhỏ được hợp nhất lại⁽¹⁾; hoạt động của chính quyền có nhiều tiến bộ. Sau ngày bầu cử Hội đồng nhân dân các xã (tháng 4/1949), các Ủy ban kháng chiến - hành chính được tổ chức lại; thành phần bầu, cố nông tăng lên; phần lớn ủy viên trong Ủy ban đã hiểu biết được các luật lệ thông thường và biết phân công phụ trách công việc. Ủy ban kháng chiến hành chính huyện biết đặt chương trình, kế hoạch công tác có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và sinh

⁽¹⁾ Trước đó có 29 xã, lúc này chỉ còn 18 xã.

hoạt đều đặn; thường xuyên cử cán bộ xuống các xã để kiểm tra, đôn đốc. Ngoài ra, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện còn chú trọng mở lớp huấn luyện⁽¹⁾ để bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ xã.

Nhờ đó, nhiều mặt hạn chế trước đây được khắc phục từng bước những điển hình tốt được kịp thời tuyên dương, khen thưởng và những hiện tượng làm sai chính sách được kịp thời phát hiện và xử lý⁽²⁾.

Dù có những tiến bộ đáng kể, nhưng hoạt động của chính quyền từ huyện xuống xã trong thời gian này còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Phần lớn các ủy viên trong Ủy ban chưa chú trọng học tập, bồi dưỡng tự nâng cao trình độ, nên khi giải quyết công việc có lúc sai trái với luật lệ hiện hành; đối với các ngành chuyên môn, Ủy ban huyện chưa làm tròn nhiệm vụ điều hòa và phối hợp hoạt động; chưa biết nắm khâu chính trong công tác, phần lớn còn đuổi việc. Nội bộ Ủy ban thiếu đoàn kết nhất trí; tác phong làm việc của một số ủy viên còn thiếu dân chủ, nặng về mệnh lệnh, giấy tờ... Những thiếu sót này đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào toàn huyện⁽³⁾; điều đó đặt ra cho Đảng bộ địa phương những nhiệm vụ cấp bách cần phải giải quyết trong những năm tiếp theo.

⁽¹⁾ Trong năm 1949, huyện mở lớp huấn luyện cho ủy viên Hội đồng nhân dân xã. Năm 1950, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện tổ chức 2 lớp huấn luyện cho 65 ủy viên Ủy ban kháng chiến - hành chính xã.

⁽²⁾ Ủy ban kháng chiến - hành chính xã Vạn Thắng được phái đoàn Chính phủ khen thưởng về thành tích mua thóc quân lương, cải thiện dân sinh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Ủy ban kháng chiến hành chính xã Cù Vann bị phái đoàn Chính phủ ra lệnh giải tán vì hoạt động kém hiệu quả.

⁽³⁾ Trong 4 huyện miền núi, huyện Đại Từ được Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh xếp hạng thứ 4.

Nhằm xây dựng cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ coi trọng việc tổ chức chuẩn bị sơ tán và phòng không. Trong thời kỳ đầu, sau chiến thắng Việt Bắc, một số cán bộ và nhân dân có tư tưởng chủ quan, khinh địch. Nhưng từ khi địch bắt đầu mở mặt trận trung du, chấp hành lời hiệu triệu của Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy và Ủy ban công tác phòng không, việc thực hiện nếp sống quân sự hóa được đẩy mạnh. Các cấp chính quyền, đoàn thể cùng với dân quân, du kích các xã vận động, giúp đỡ nhân dân cất giấu thóc gạo và tài sản quý; tổ chức giặt nhanh và cất kỹ; sắp xếp quần áo và vật dụng trong các gia đình thật gọn gàng, ngăn nắp; phân tán các phố xá đông người. Các gia đình, nhất là ở khu vực thị trấn hoặc ở các thôn xóm ven đường, được hướng dẫn đào hầm trú ẩn⁽¹⁾. Các xã trong huyện đều xây dựng khu chiến đấu, nhưng phần lớn mới chỉ rào kín xung quanh và đào được một số giao thông hào, chưa thực sự trở thành khu chiến đấu.

Là một huyện đã được giải phóng và nằm trong khu căn cứ địa kháng chiến, vấn đề tổ chức cải thiện đời sống cho nhân dân và cung cấp lương thực, thực phẩm cho mặt trận là một trong những mặt công tác hàng đầu. Nhận thức rõ điều đó, Đảng bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất. Trong thời gian này, Đảng bộ chủ trương vận động nông dân mở rộng diện tích canh tác; áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất; bảo vệ thóc lúa và

⁽¹⁾ Tính đến năm 1949, toàn huyện đào được 97 hầm trú ẩn.

hoa màu; thực hành tiết kiệm. Năm 1950, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ phát động Tuần lễ bón phân làm cỏ, tuần lễ toàn dân thi đua canh tác.

Nhờ có sự quan tâm động viên, chỉ đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền địa phương, bà con nông dân các dân tộc trong huyện tích cực làm cỏ, bón phân, tu sửa hệ thống mương phai để dẫn nước vào ruộng. Toàn bộ diện tích bỏ hoang từ năm 1947 đã được cày cấy. Nhiều tập đoàn đổi công được tổ chức nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất; trong đó có 2 tập đoàn ở xã Vạn Thắng hoạt động có nề nếp. Ngoài ra, tỉnh cũng quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn mua thóc giống để gieo trồng kịp thời vụ.

Vượt qua nhiều khó khăn do thiên tai gây ra, nông dân các dân tộc huyện Đại Từ đã phấn đấu tăng diện tích gieo trồng, nâng cao sản lượng lúa và hoa màu các loại. Riêng trong năm 1950, mặc dù thời tiết không thuận lợi, nhưng toàn huyện cũng thu hoạch được 15 nghìn tấn lương thực trong tổng số 100 nghìn tấn của toàn tỉnh.

Dựa vào thế mạnh của huyện có nhiều đồi và bãi bỏ hoang, ngoài trồng trọt, Đảng bộ chú trọng phát triển chăn nuôi. Trước đây, chăn nuôi trong huyện chủ yếu là gia đình; phương thức chăn nuôi còn rất thô sơ, không hợp vệ sinh, phần lớn trâu bò, lợn, gà thường thả rông; chuồng trại làm sơ sài... Từ năm 1949 trở đi, việc chăn nuôi được chú trọng, nhất là chăn nuôi nuôi gà, vịt. Các cấp chính quyền, đoàn thể và các cơ quan chuyên môn thường xuyên vận động và hướng dẫn nhân dân chăn nuôi thêm tiểu gia súc và theo đúng phương pháp vệ sinh. Trong tháng 8/1949, huyện cử một tổ cán bộ thú y xuống các xã để hướng dẫn nhân dân chăn nuôi theo phương



Địa điểm xóm Đồng Cỏ, xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Hùng Sơn)
là nơi làm việc của Ủy ban Châu Giải Phóng năm 1945



Quán Ông Già (xã Minh Tiến) là trạm liên lạc của cán bộ cách mạng
khi vào ATK Định Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp



Hội Mẹ chiến sỹ Đại Từ gặp mặt các chiến sỹ bộ đội, mở đầu phong trào đón thương binh về làng ở Đại Từ năm 1947



Chủ tịch Hồ Chí Minh về dự Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ nhất tại xã Phú Xuyên tháng 4/1950

pháp khoa học và lập kế ước chăn nuôi gà, vịt. Cũng từ đó, một điểm chăn nuôi kiểm mẫu được xây dựng ở Đại Từ để rút kinh nghiệm cho toàn huyện và toàn tỉnh.

Đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, Đảng bộ thường xuyên vận động nhân dân thực hành tiết kiệm để đóng góp cho kháng chiến. Với truyền thống yêu nước và ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái tham gia ủng hộ kháng chiến bằng mọi hình thức.

Trong những năm 1948 - 1949, phong trào mua công trái quốc gia và công phiếu kháng chiến được phát động rộng rãi. Đồng bào các dân tộc, nhất là chị em phụ nữ nhiệt liệt hưởng ứng phong trào; có gia đình mua lá phiếu trị giá tới hai vạn đồng. Đồng bào còn hăng hái tham gia đóng góp đảm phụ quốc phòng. Từ năm 1950, huyện có cuộc vận động cho vay thóc định giá. Các ban vận động được thành lập và tích cực hoạt động. Nhân dân trong huyện mặc dù đời sống còn gặp nhiều khó khăn vẫn sẵn sàng cho Nhà nước vay, có gia đình cho vay 5 tạ thóc. Xã Phú Cát là một trong những xã điển hình về công tác vận động nhân dân cho vay thóc⁽¹⁾. Cuộc vận động cho vay thóc thực sự là một phong trào quần chúng sâu rộng, diễn ra suốt năm 1950 cho đến giữa năm 1951, khi có chính sách thuế nông nghiệp mới kết thúc.

Cũng trong năm 1950, thực hiện sắc lệnh tổng động viên, các cấp ủy và chính quyền địa phương tích cực vận động nhân dân đóng góp cho kháng chiến, nổi lên là cuộc vận động thu thóc công lương, thóc điền thổ và thóc lũy tiến. Tính đến đầu

⁽¹⁾ Toàn xã cho nhà nước vay 35 tấn thóc.

tháng 4/1950, riêng 6 xã (Phục Linh, An Mỹ, Đức Lương, Văn Yên, Hiệp Hòa (nay là xã Bản Ngoại), Cù Vân) số thóc đã mua được trong dân là 12.700kg⁽¹⁾. Trên phạm vi toàn huyện, tính đến tháng 11/1950, tổng số thóc dự trữ đã mua và giao trong hai lần là 304.845kg⁽²⁾. Trong việc thực hiện sắc lệnh tổng động viên, Đảng bộ có một số thiếu sót. Phần lớn chi bộ chỉ dựa vào mệnh lệnh chính quyền, không chú ý đến việc tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa của tổng động viên. Nhiều chi bộ không có kế hoạch điều tra, kê khai, nên không nắm được ai đã bán thóc, ai chưa bán. Có chi bộ tổ chức điều tra quá vụng về, sai đường lối quần chúng của Đảng (như Chi bộ Phú Cát - tiền thân của Đảng bộ xã Ký Phú và Cát Nê hiện nay).

Ngoài đóng góp bằng vật chất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ còn tích cực động viên con em tham gia phục vụ tiền tuyến, trước hết là đi dân công làm cầu đường. Trong thời gian từ năm 1950 về trước, để cản bước tiến của quân thù, nhân dân được huy động làm công tác phá hoại đường giao thông. Trên đường 13A, từ Bờ Đậu đi Đèo Khế và đoạn đường Đại Từ - Quân Chu, dân quân, du kích cùng với đồng bào thuộc đủ các dân tộc trong huyện đào nhiều hố sâu 60cm, rộng 50cm, theo hình chữ chi; mỗi hố cách nhau khoảng 60cm. Cây cối ở hai bên được chặt xuống đổ ngang trên mặt đường...

⁽¹⁾ Theo báo cáo của Ủy ban kháng chiến - hành chính Đại Từ, ngày 4/4/1950.

⁽²⁾ Theo báo cáo của Ủy ban kháng chiến - hành chính Đại Từ, ngày 13/11/1950: Tổng số thóc mua lần 1 ở các xã: 92.673kg với giá 800 đồng/kg; tổng số thóc mua lần 2 ở các xã: 212.072kg với giá 20 đồng/kg.

Từ đầu năm 1950, theo tinh thần chỉ thị “*Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công*” của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động “*chiến dịch cầu đường lần thứ nhất*”. Gần 50% cán bộ các cơ quan dân - chính - Đảng cùng với lực lượng vũ trang vào chiến dịch to lớn và quan trọng này. Từ tỉnh xuống các xã đều thành lập các Ban huy động dân công, do một ủy viên thường vụ hay cấp ủy phụ trách. Cùng với đồng bào trong tỉnh, quân và dân Đại Từ hăng hái tham gia chiến dịch sửa chữa cầu đường. Huyện Đại Từ trong thời gian thật là sôi động và khẩn trương. Với tinh thần “*Sửa chữa cầu, đường như đánh giặc*”, quân dân Đại Từ nhanh chóng san lấp các hào, hố; dọn cây và các chướng ngại trên mặt đường để cho xe ta ra tiền tuyến. Đến ngày 19/5/1950, sau gần hai tháng lao động khẩn trương và sáng tạo của quân và dân ta, chiến dịch cầu, đường đã thu được thắng lợi to lớn. Đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ đã góp cùng với nhân dân trong tỉnh hàng ngàn ngày công, đào đắp hàng trăm khối đất đá, sửa chữa và làm mới nhiều cầu lớn, nhỏ; khai thông hàng chục ki-lô-mét đường trên các tuyến giao thông quan trọng.

Trong mọi hoạt động, nhiều đảng viên và chi bộ đã nêu cao được vai trò tiên phong, gương mẫu, làm đầu tàu cho quần chúng, điển hình là Chi bộ Cao Vân. Chi bộ đã có thành tích bán gạo khao quân, lập kho dự trữ, vận động nhân dân đi đắp đường, giúp đỡ các cơ quan vận tải. Song, cũng có những chi bộ như Hùng Sơn lại coi nhẹ việc bồi dưỡng, giáo dục chiến sỹ dân công, do đó phần đông chiến sỹ không phát huy được khả năng, năng lực, thúc đẩy phong trào phát triển.

Cùng thời gian trên, về phía thực dân Pháp, bằng việc thực hiện kế hoạch Rơ-ve, chúng đã khóa chặt được biên giới Việt - Trung nhằm ngăn chặn con đường liên lạc giữa cuộc kháng chiến của nhân dân ta với các nước xã hội chủ nghĩa; đồng thời chúng lập được hành lang đông - tây, cắt đứt con đường liên lạc giữa căn cứ địa Việt Bắc với đồng bào Liên khu III và Liên khu IV. Căn cứ địa Việt Bắc vẫn nằm trong tình trạng bị bao vây, phong tỏa và có nguy cơ bị chúng tiến công một lần nữa.

Sau khi phân tích chính xác tình hình mọi mặt, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch biên giới, nhằm ba mục đích: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế; củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Từ đó, công việc chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương.

Cùng với nhân dân các dân tộc trong khu và trong tỉnh, quân dân huyện Đại Từ nô nức tham gia phục vụ chiến dịch. Nhiều con em đồng bào các dân tộc trong huyện được huy động đi dân công sửa đường ở phía bắc hoặc tham gia vận chuyển lương thực, đạn dược ra tiền tuyến.

Để triển khai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ căn cứ, cùng với các địa phương thuộc khu vực phía nam tỉnh, ban chỉ huy tác chiến huyện và các xã được thành lập, bao gồm đại biểu quân đội và các ngành để huy động lương thực, thực phẩm; xây dựng làng chiến đấu, phá hoại cầu đường để ngăn cản bước tiến của quân địch. Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ không quản ngại khó khăn, vất vả, hăng hái đóng góp sức người, sức của cho chiến dịch biên giới. Trong thời gian này, Tỉnh ủy Thái Nguyên giao nhiệm vụ cho huyện Đại Từ huy

động 4.000 dân công, 4 tấn thịt và 1 tấn đồ phục vụ chiến dịch. Chỉ trong vòng một ngày hai đêm, huyện đã bảo đảm đầy đủ những yêu cầu đó và chuyển đến địa điểm tập kết đúng thời hạn quy định để kịp thời gửi tặng các chiến sỹ ngoài mặt trận.

Sáng ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng tấn công cụm cứ điểm Đông Khê, mở đầu chiến dịch biên giới. Sau hai ngày chiến đấu vô cùng dũng cảm, quân ta tiêu diệt hoàn toàn vị trí Đông Khê, làm rung động hệ thống phòng ngự của địch trên đường số 4.

Cùng với thắng lợi mở màn to lớn của bộ đội ta trong chiến dịch biên giới, ngày 18/9/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động *“tuần lễ thi đua giết giặc lập công”* trong toàn tỉnh. Hưởng ứng phong trào này, hướng về mặt trận biên giới, cùng với nhân dân toàn tỉnh, đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ thi đua góp công, góp của cho bộ đội. Hội mẹ chiến sỹ tiếp tục mở rộng và tích cực hoạt động. Đồng bào phấn khởi tham gia các cuộc vận động *“May áo gửi người chiến sỹ”*, *“bán thóc quân lương”*...

Trong khi đó tại mặt trận biên giới, quân Pháp ngày càng bị nguy khốn. Trước tình hình này, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định mở cuộc hành quân mang mật danh “Phoque” (chó biển), tấn công vào Thái Nguyên. Đánh vào Thái Nguyên lần này, thực dân Pháp nhằm uy hiếp căn cứ địa Việt Bắc, hy vọng kéo được chủ lực ta từ mặt trận biên giới về Thái Nguyên để cứu nguy cho đồng bọn ở đây, chặn giữ của ngõ căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ sự tiếp tế của ta cho chiến trường biên giới; đồng thời chặn giữ các tuyến đường quan trọng (Quốc lộ số 3, đường 13A và đường 1B)...

Âm mưu của thực dân Pháp đánh vào Thái Nguyên không nằm ngoài sự phán đoán của ta. Ngay từ trước khi quân ta mở chiến dịch biên giới, địch đã có những hoạt động mang tính chất thăm dò. Trong ba ngày 20, 21 và 22/7/1950, chúng mở cuộc càn quét vào địa phận Thái Nguyên theo hai đường: Đèo Nhe, Hạ Đạt (Phổ Yên) và Tam Đảo - Quân Chu (Đại Từ) nhằm cướp phá và thăm dò lực lượng của ta. Máy bay địch cũng hoạt động liên tục, có ngày tới hai, ba lần trên không phận Thái Nguyên⁽¹⁾. Ngày 29/9/1950, địch huy động 6 tiểu đoàn (khoảng 3.000 quân) có máy bay, tàu chiến yểm trợ, mở cuộc tấn công Thái Nguyên theo ba hướng: hướng chính từ Đa Phúc theo đường số 3 lên Phổ Yên; hướng thứ hai theo sông Cầu tiến lên Phú Bình; hướng thứ 3 theo sườn núi Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Hợp Thành (Phú Lương), Phúc Thuận (Phổ Yên) rồi kéo ra Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Cả ba hướng đều nhằm đánh chiếm thị xã Thái Nguyên rồi tỏa ra đánh các vùng xung quanh, uy hiếp căn cứ địa kháng chiến. Như vậy, một lần nữa, tỉnh Thái Nguyên nói chung về huyện Đại Từ nói riêng lại bước vào trận thử thách mới.

Thi đua với các chiến sỹ ở mặt trận biên giới, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quân và dân Thái Nguyên kiên quyết đập tan chiến dịch Phốc của địch. Trên cả ba hướng tiến công, quân địch đều bị quân và dân ta bám sát, phục kích và chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

⁽¹⁾ Báo cáo số 67, ngày 16/9/1950 tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi chiếm được thị xã Thái Nguyên, từ ngày 02/10, địch bắt đầu càn quét ra các vùng xung quanh, âm mưu dựa vào bọn phản động, tay sai để lập tề.

Khoảng 11 giờ ngày 03/10/1950, quân Pháp ở Quán Triều mở cuộc tiến công ra ba hướng:

- Quán Triều lên Bá Sơn, Bờ Đậu.
- Từ Quán Triều đánh vào Làng Um, Làng Ngò.
- Từ Quán Triều tiến thẳng lên An Khánh. Đến địa phận An Khánh, Làng Um, Làng Ngò, quân địch vấp phải mìn của ta bị chết 61 tên⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ địa phương kịp thời vận động và tổ chức nhân dân thực hiện “*vườn không nhà trống*”, bất hợp tác với địch. Âm mưu lập tề của địch thất bại. Các đơn vị lực lượng vũ trang cùng với nhân dân địa phương luôn luôn bám sát tiêu diệt địch. Đại đội bộ đội địa phương huyện Đại Từ còn tham gia cùng với trung đoàn 246, đại đội Phổ Yên, Đồng Hỷ... đánh địch nhiều trận tại Gia Sàng, Đồng Quang, Lưu Xá, Cầu Loàng, Thác Huống, Thịnh Đức, Làng Hà, An Khánh... quyết “*đuổi địch ra khỏi Thái Nguyên*” theo tinh thần nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Giữa lúc đó, trên mặt trận biên giới, các binh đoàn của Pháp đang bị quân ta tiêu diệt. Chiều 07/10/1950, Sác-tông (Charton) cùng toàn ban tham mưu binh đoàn bị ta bắt gọn. Chiều 08/10, Lơ-pa-giơ (Lepage) cùng các sỹ quan tham mưu

⁽¹⁾ Báo cáo của Huyện ủy Đại Từ, số 216, ngày 05/10/1950.

binh đoàn cũng chịu số phận như Sác-tông. Cánh quân của Đơ-la-bôm (De labome) lên ứng cứu, thấy nguy phải vội vàng tháo chạy. Bị đánh mạnh, từ ngày 10/10/1950 trở đi, quân Pháp lần lượt rút khỏi Thất Khê, Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu, Tiên Yên... Như vậy, toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên đường số 4 đã bị đập tan.

Không kéo được chủ lực của ta để cứu nguy cho đồng bọn ở mặt trận biên giới, lại đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt, ngày 10/10/1950, Bộ Chỉ huy Pháp buộc phải cho quân rút khỏi địa phận Thái Nguyên. Chiến dịch Phốc của thực dân Pháp bị quân và dân ta đánh bại. Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu tại mặt trận Thái Nguyên, quân và dân Đại Từ đã cùng với quân dân toàn tỉnh đánh trên 60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 950 tên địch, bắn rơi một máy bay, làm hỏng nặng ba ca nô, thu 160 súng các loại.

Đập tan cuộc hành quân Phốc của thực dân Pháp, quân và dân Thái Nguyên - trong đó có quân và dân huyện Đại Từ - đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân ta trong chiến dịch biên giới; đồng thời làm tròn nhiệm vụ bảo vệ vững chắc khu căn cứ địa Việt Bắc.

Phần khởi trước thắng lợi to lớn của quân và dân ta, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ càng thêm tin tưởng và quyết tâm bước vào chặng đường mới, nhằm góp sức đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tới thắng lợi hoàn toàn.

III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (10/1950 - 7/1954)

Sau khi đánh tan cuộc hành quân Phốc của giặc Pháp, Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng. Đó là một thuận lợi lớn,

tạo điều kiện cho nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Đại Từ nói riêng bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới, làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến.

Tháng 02/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II được triệu tập tại một địa điểm thuộc chiến khu Việt Bắc. Đại hội nêu rõ nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ địa và nhấn mạnh: *“không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật tư cần thiết cho công việc xây dựng và phát triển quân đội”*⁽¹⁾.

Trong các ngày 10/5 - 20/5/1951, Liên khu Việt Bắc mở Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất. Quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Đại hội Đảng bộ Liên khu đề ra nhiệm vụ *“xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa vững mạnh và xứng đáng của toàn quốc”*⁽²⁾. Về quân sự, Đại hội chủ trương *“xây dựng lực lượng phải căn cứ vào nhu cầu chiến trường, hợp với khả năng cấp dưỡng và trang bị của địa phương”*, *“không được lệch về bộ đội địa phương phải đồng thời tiến hành kế hoạch phát triển, củng cố dân quân, du kích”*⁽³⁾.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Đại hội Đảng bộ liên khu Việt Bắc là ánh sáng soi đường cho cả nước nói chung và Việt Bắc nói riêng. Trên cơ sở đó, nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (tháng 4/1951) vạch rõ: *“phải tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện cho chiến*

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 2/1951.

^{(2), (3)} Nghị quyết Đại hội Đảng bộ liên khu Việt Bắc lần I.

trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị chủ lực của bộ tổng tư lệnh"⁽¹⁾. Đây chính là phương hướng, nhiệm vụ giúp cho Đảng bộ Đại Từ cụ thể hóa và tổ chức lãnh đạo thực hiện các mặt công tác ở địa phương.

Tuy nhiên, khi bước vào thời kỳ này, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn. Cuộc kháng chiến trong toàn quốc diễn ra ngày càng ác liệt, nhu cầu cung cấp về sức người, sức của cho mặt trận quân sự ngày càng lớn. Trong khi đó, nền kinh tế ở Đại Từ chủ yếu vẫn là nông nghiệp lạc hậu, mang đậm tính chất tự cấp, tự túc. Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp... hầu như không có gì. Đảng bộ và chính quyền chưa có kinh nghiệm lãnh đạo nông nghiệp; thiếu vốn đầu tư, không có cán bộ chuyên môn, hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh... thường xảy ra, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. Đời sống mọi mặt của nhân dân trong huyện còn ở mức thấp; có dân tộc (như dân tộc Dao) thiếu ăn từ 2 đến 3 tháng; ở một số xã như Tân Thành, Phú Xuyên, Yên Lãng, Đoàn Kết, Đức Lương, nhiều gia đình không còn nguồn sinh sống, phải vào rừng đào củ nâu...

Bên cạnh những khó khăn trên, từ sau chiến thắng biên giới của ta, thực dân Pháp tăng cường cho máy bay ném bom, bắn phá vào hậu phương kháng chiến, trong đó có huyện Đại Từ. Riêng trong tháng 12/1950, máy bay địch ném bom bắn phá Đại Từ tới 10 lần, tại nhiều địa điểm: Khuôn Linh, Gốc Sộp, Phục Linh, Cù Vân, An Khánh, Ký Phú, Gốc Hồng, Vân

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần 3 (trích trong: "Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp..."), sđd, tr.182.

Lãng làm chết nhiều người và gia súc, đốt cháy nhiều ngôi nhà và thóc gạo của dân. Những năm sau đó, máy bay địch càng hoạt động mạnh. Sau khi thất bại ở mặt trận Tây Bắc, Thượng Lào..., chúng không chỉ bắn phá mà còn rải truyền đơn, thả biệt kích và thả côn trùng xuống nhiều nơi, gây cho ta nhiều trở ngại trong mọi hoạt động.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết Trung ương Đảng, liên khu và Tỉnh ủy, vượt qua mọi khó khăn, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân trong huyện phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Nhận thức rõ yêu cầu cấp bách trước mắt phải cải thiện đời sống nhân dân địa phương và đáp ứng nhu cầu vật chất ngày càng tăng của tiền tuyến, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Khắp nơi, bà con nông dân thi đua cấy hết diện tích, cấy đúng thời vụ. Ngoài việc cấy lúa, đồng bào tích cực trồng các loại cây lương thực và hoa màu các loại như ngô, khoai lang, khoai sọ, sắn, vừng... Các biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất lúa bước đầu được áp dụng trong nông dân các dân tộc. Việc làm cỏ, bón phân được thực hiện rộng rãi. Đồng bào dân tộc Trại trước đây không dám dùng phân chuồng để bón ruộng, lúc này đã biết làm hố ủ phân. Nhiều nơi, đồng bào không chỉ tận dụng triệt để nguồn phân chuồng, mà còn biết làm phân xanh. Các cấp ủy và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm vận động và tổ chức nhân dân làm thủy lợi. Riêng trong ba tháng quý III năm 1953, các xã trong huyện đã đào được 60 nương mới; đắp và sửa chữa được 255 nương phai; làm được 50 cọn nước⁽¹⁾. Sang năm 1954, phong

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng quý III năm 1953 của tỉnh Thái Nguyên số 61, BCTN, ngày 9/10/1953.

trào tiểu thủy nông được đẩy mạnh trong huyện, do đó đã chủ động tưới, tiêu nước cho 1.302 mẫu ruộng (tăng gần 2 lần so với chỉ tiêu kế hoạch). Xã Hùng Sơn là một trong những xã dẫn đầu về công tác thủy lợi, phát triển sản xuất. Tính đến giữa năm 1951, toàn xã đào được con mương dài 3km để dẫn nước cấy chiêm. Nhờ đó, bà con nông dân trong xã đã chuyển được 300 mẫu ruộng trước đây cấy một vụ sang hai vụ⁽¹⁾.

Để giúp đỡ nhau trong sản xuất, phong trào xây dựng tổ đổi công tiếp tục được phát động. Tổ đổi công được thành lập trong những năm trước và đã phát huy nhiều tác dụng tốt. Vào thời kỳ này, nhất là từ năm 1953 trở đi, việc huy động dân công phục vụ chiến dịch ngày càng nhiều. Vì vậy, để giữ vững phát triển sản xuất và bảo đảm yêu cầu phục vụ tiền tuyến, Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh phong trào lập tổ đổi công. Đảng bộ đã biết dựa vào các đoàn thể quần chúng như hội phụ nữ, nông hội... để đi sâu vào đồng bào các dân tộc củng cố phong trào. Đảng bộ còn triệu tập các bí thư chi bộ, bí thư nông hội các xã, mở hội nghị bàn về công tác lãnh đạo sản xuất (từ ngày 15 đến ngày 19/6/1954). Sau hội nghị, Huyện ủy cử cán bộ về các xã để chỉ đạo và giúp đỡ xây dựng tổ đổi công. Bằng những biện pháp đó, huyện đã củng cố được 92 tổ đổi công trở lại hoạt động tốt. Nhờ tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nông dân các dân tộc và sự chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể của Đảng bộ, năng suất lúa năm 1954 tăng gấp hai lần so với năm 1953.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định và cải thiện đời sống vật chất, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình mọi mặt của Đảng bộ huyện Đại Từ ngày 22/5/1951.

việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân các dân tộc. Phong trào bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ được phát động trong năm năm đầu sau khi chính quyền cách mạng ra đời và tiếp tục mở rộng ở các địa phương. Khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công vào Thái Nguyên, các lớp học phải đóng cửa. Sau ngày địch rút khỏi địa phận Thái Nguyên, phong trào bình dân học vụ được khôi phục nhanh chóng. Tính đến giữa năm 1951, toàn huyện có 14.929 người đã thoát nạn mù chữ; số người chưa biết chữ là 4.924, chiếm 18% dân số⁽¹⁾. Những người lớn sau khi thoát nạn mù chữ, tiếp tục học tập ở các trường, lớp bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ. Bước vào năm cuối cùng của cuộc kháng chiến (năm 1954), ngành bổ túc văn hóa ở Đại Từ có nhiều tiến bộ hơn trước. Hệ thống trường lớp được bố trí lại cho hợp lý; đội ngũ giáo viên cũng được đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh; trung bình mỗi xã có từ 4 đến 6 giáo viên. Con em đồng bào các dân tộc đến độ tuổi đi học được thu nhận vào các trường phổ thông⁽²⁾.

Công tác thông tin tuyên truyền được các cấp ủy chú ý. Sau những thắng lợi dồn dập của quân dân ta ở mặt trận biên giới và sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên, Huyện ủy kịp thời chỉ thị cho các chi bộ tổ chức một tuần lễ tuyên truyền sâu rộng trong dân chúng. Cán bộ thông tin xuống tận thôn xóm để cùng với ban thông tin các xã, xóm làm công tác tuyên truyền. Ban thông tin huyện và các xã đã biết sử dụng

⁽¹⁾ Dân số trong huyện lúc này là 27.399 người, theo "Báo cáo tình hình mọi mặt của huyện Đảng bộ Đại Từ", ngày 22/5/1951.

⁽²⁾ Năm 1951, huyện Đại Từ có 71 trường tiểu học, từ lớp 1 đến lớp 5: Lớp 1 có 26 trường; lớp 2 có 27 trường; lớp 3 có 9 trường; lớp 4 có 7 trường và lớp 5 có 2 trường.

nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, như phát thanh, tổ chức nói chuyện, mít tinh, tổ chức lửa trại, kẻ khẩu hiệu, áp phích⁽¹⁾... Nội dung tuyên truyền đều nhằm vào tin chiến thắng của quân và dân ta trên các mặt trận; vào các chính sách của Đảng và Chính phủ như thuế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất; vào thắng lợi của ta tại Hội nghị Giơ-ne-vơ... thông qua đó, cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện hiểu rõ được đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ, thấy được sự thắng lợi tất yếu của sự nghiệp kháng chiến của dân tộc ta, càng thêm phấn khởi tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến.

Việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân bước đầu được quan tâm. Toàn huyện có một phòng phát thuốc cho dân (lập từ năm 1947), do một y tá phụ trách; nhưng vì hiếm thuốc nên phòng không hoạt động được, việc phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân lúc đó hầu như không có. Sau khi giặc Pháp rút khỏi Đại Từ và Thái Nguyên, huyện củng cố phòng y tế. Bước đầu, phòng đã tiến hành khám bệnh, phát thuốc cho dân, chủ yếu là phòng, chống sốt rét⁽²⁾. Một số xã đã lập trạm xá. Đến năm 1954, các trạm được chấn chỉnh; số người khám và chữa bệnh tăng lên. Tuy vậy, hoạt động của ngành y tế còn yếu, phong trào vệ sinh phòng bệnh chưa chuyển biến nhiều. Vì thế, trong năm 1954 có các vụ dịch nhỏ

⁽¹⁾ Trong tháng 10/1950, Ban Thông tin tuyên truyền đã đọc được 283 kỳ tin, có 6.546 người dự; phát thanh 601 kỳ, 32.677 người dự; nói chuyện 302 kỳ, 9.097 người dự; 13 cuộc mít tinh có 6.875 người dự; tổ chức 16 lần đốt lửa trại có 6.553 người dự...

⁽²⁾ Trong tháng 10/1950 có 107 người khám bệnh; 162 lần phát thuốc cho nhân dân.

xảy ra ở một số xã⁽¹⁾. Sự xử lý của ngành y tế huyện không kịp thời, một phần do cán bộ y tế ở các xã thiếu nhiều; một phần do không hoạt động⁽²⁾.

Nhờ đời sống vật chất và văn hóa tinh thần từng bước được cải thiện, lại có sự vận động, tuyên truyền rộng rãi cho nên những tệ nạn xã hội cũ cùng những hủ tục trong đồng bào các dân tộc dần được khắc phục. Nạn cờ bạc, mại dâm, nghiện hút... bị xóa bỏ dần. Việc ăn uống linh đình, tốn kém trong ma chay, cưới xin ngày càng giảm; gần một nửa số chị em phụ nữ trong huyện đã bỏ tục thê thiếp và cải cách ăn mặc, giữ gìn vệ sinh. Nhiều gia đình trong huyện đã làm chuồng trâu xa nhà; 7 xã trong huyện vận động các gia đình đào được giếng nước ăn hợp vệ sinh... Bộ mặt nông thôn cùng với cuộc sống trong đồng bào các dân tộc Đại Từ có nhiều thay đổi hơn trước.

Trong khi lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, Đảng bộ huyện rất quan tâm đến việc củng cố hệ thống chính quyền và đoàn thể các cấp ở địa phương. Đặc biệt, từ năm 1951 trở đi, Hội đồng nhân dân các xã hoạt động mạnh hơn; huyện có kế hoạch phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của cấp trên cho xã; các xã tích cực vận động nhân dân thực hiện. Lúc này, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện có 5 ủy viên đều là đảng viên; tinh thần làm việc tích cực, thường xuyên đi sát quần chúng cơ sở. Các ủy viên Ủy ban được phân công trách nhiệm rõ ràng; mỗi tháng sinh hoạt hai kỳ để kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác. Các Ủy ban

⁽¹⁾ Xã Hùng Sơn có 38 người mắc bệnh quai bị; xã Ký Phú có 48 người bị bệnh sởi và 78 người mắc bệnh thủy đậu; bệnh sốt rét xảy ra trên địa bàn huyện trong thời gian không đầy một tháng, đã có 10 người chết.

⁽²⁾ 7 xã không có cán bộ y tế; trong số cán bộ y tế, chỉ có 1/3 hoạt động.

kháng chiến - hành chính xã được kiện toàn, đưa những người có năng lực và có uy tín vào làm việc. Huyện đã tiến hành chấn chỉnh 4 Ủy ban các xã Trần Phú, Văn Cao (xã Yên Lãng ngày nay), Hoàn Sơn (nay là xã Hoàng Nông), Phú Cát (nay thuộc xã Cát Nê và Kỳ Phú). Huyện còn chú ý củng cố các ngành chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện cho các ngành hoạt động tốt; đồng thời mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ văn phòng và thư ký văn phòng Ủy ban huyện và xã. Nhờ đó, những mặt yếu, kém của chính quyền dần dần được khắc phục; uy tín của Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp ở địa phương được nâng lên.

Các đoàn thể quần chúng như phụ lão, nông dân, thanh niên, phụ nữ đều có những hoạt động cụ thể và thiết thực; nội dung hoạt động chủ yếu hướng vào việc giúp đỡ bộ đội, thương binh và phục vụ tiền tuyến.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Đại hội Đảng bộ liên khu I và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, vấn đề xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương được Đảng bộ Đại Từ đặt thành một nhiệm vụ quan trọng. Yêu cầu bảo vệ căn cứ địa vững chắc và chi viện cho các chiến trường đánh thắng đòi hỏi Đảng bộ phải chăm lo phát triển cả về số lượng và chất lượng lực lượng vũ trang, nhất là dân quân, du kích.

Tính đến giữa năm 1951, huyện Đại Từ có một đại đội bộ đội địa phương với quân số khoảng 100 người; về sau được cấp trên điều động, bổ sung cho trung đoàn chủ lực 238. Toàn huyện có 3.119 dân quân, du kích⁽¹⁾. Ngoài nhiệm vụ giữ gìn

⁽¹⁾ Trong số này có 2.010 dân quân và 1.049 du kích.

trật tự trị an, bảo vệ làng xã, tuần tra, canh gác, lực lượng dân quân du kích còn làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông, phục vụ tiền tuyến, phục vụ giảm tô và cải cách ruộng đất.

Từ khi tỉnh Thái Nguyên thực hiện “chế độ quân vụ” (đầu năm 1951) và nhất là từ khi thực hiện giảm tô và thí điểm cải cách ruộng đất ở huyện, Đảng bộ Đại Từ rất coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ dân quân, du kích. Thông qua các đợt giảm tô và cải cách ruộng đất, tuyên truyền, giáo dục quần chúng thuộc thành phần cơ bản và cốt cán, huyện tiến hành xét duyệt để kết nạp một số người có đủ tiêu chuẩn vào dân quân, du kích. Các xã đội và thôn đội được củng cố; những cán bộ, đảng viên ưu tú được đưa vào các ban chỉ huy. Song song với việc xét kết nạp những người đủ tiêu chuẩn vào dân quân, du kích, huyện còn loại những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi đội ngũ.

Bên cạnh những bước chuyển biến trên, việc xây dựng lực lượng vũ trang nhất là dân quân, du kích còn nhiều hạn chế. Từ sau ngày giải phóng, nhất là sau khi giặc Pháp rút khỏi Thái Nguyên tháng 10/1950, trong cán bộ và nhân dân có tư tưởng chủ quan, khinh địch, cho rằng địch không còn đủ sức tấn công lên Thái Nguyên nữa nên thiếu quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, không đặt thành một nhiệm vụ hàng đầu. Ban chỉ huy quân sự huyện giảm hẳn quân số, do đó thiếu người theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng dân quân, du kích. Một số đội viên du kích cho rằng nhiệm vụ chiến đấu đã kết thúc, lại gặp hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên muốn xin ra khỏi đội du kích. Trong công tác củng cố để nâng cao chất lượng dân quân, du kích có nơi, có lúc chỉ nhấn mạnh thành phần cơ bản, nên đưa cả những người

không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe vào; có nơi gạt bỏ những cán bộ cũ, kể cả những cán bộ lâu năm thuộc thành phần trung nông ra khỏi ban chỉ huy, làm cho anh em hoang mang. Một số cán bộ mới, thuộc thành phần bần, cố nông được đề bạt nhưng vì chưa trải qua huấn luyện và chiến đấu nên ít kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy. Một số cán bộ, dân quân, du kích bị quy sai là địa chủ, phú nông trong đợt cải cách ruộng đất, sinh ra tư tưởng tiêu cực, bất mãn.

Tất cả những thiếu sót đó đều ảnh hưởng không tốt đến phong trào.

Từ sau chiến thắng biên giới thu - đông 1950, giữ vững và phát huy quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), quân ta liên tiếp mở các chiến dịch tiến công địch. Cũng từ đó, nhu cầu huy động nhân, tài, vật lực ở hậu phương cung cấp cho tiền tuyến ngày càng tăng.

Ý thức được điều đó, với tấm lòng của người hậu phương, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ sẵn sàng đóng góp hết sức mình, góp phần bảo đảm cho bộ đội ta ăn no, đánh thắng. Ngay sau khi nhận được tin chiến thắng dồn dập ở mặt trận biên giới và sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên, Đảng bộ Đại Từ mở một tuần lễ tuyên truyền rộng rãi. Thông qua đó, Đảng bộ đã gây được phong trào thi đua ủng hộ và tiếp tế bộ đội; xã nào cũng ủng hộ trên một vạn đồng; đặc biệt, xã Văn Yên ủng hộ trên 10 vạn đồng⁽¹⁾. Nhân dân các xã Toàn Thắng, Trần Phú còn chủ động mang tiền, gạo ủng hộ bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Từ năm 1951,

⁽¹⁾ "Tiến Mạnh", nội san của Đảng bộ liên khu Việt Bắc, số 20, ra ngày 06/01/1951, tr.23.

phong trào quyên góp, ủng hộ bộ đội, thương binh tiếp tục duy trì và mở rộng. Hội phụ lão (1.432 cụ) ủng hộ bộ đội với tổng số tiền là 48 nghìn đồng (bằng 8 nôi thóc). Hội liên hiệp phụ nữ huyện ngoài việc tổ chức được 70 chị em làm nhiệm vụ ở dọc đường khi có chiến dịch, còn huy động 43 chị vào giúp việc trong các trại thương binh, đồng thời ủng hộ anh em thương binh 593.695 đồng.

Khi chính sách thuế nông nghiệp được Chính phủ ban hành tháng 5/1951, Đảng bộ tổ chức học tập, trước hết trong cán bộ, đảng viên; sau đó về phổ biến cho nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa việc thu thuế. Huyện ủy và Ủy ban còn cử cán bộ đi xuống cơ sở để chỉ đạo giúp đỡ các xã thực hiện công tác thuế. Nhờ đó, nhìn chung, nông dân các dân tộc trong huyện đều hăng hái nộp thuế. Cứ sau mỗi vụ gặt, bà con phơi khô, quạt sạch và dành những hạt thóc chắc nhất để nộp vào kho của Nhà nước. Đặc biệt, trong đợt thu thuế vụ hè năm 1954, do Huyện ủy tổ chức học tập chu đáo, chỉ đạo chặt chẽ, cho nên nhân dân phấn khởi đóng vượt mức trên giao cho huyện⁽¹⁾.

Một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ trong thời kỳ 1950 - 1954 là tham gia sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông thông suốt và đi dân công phục vụ chiến dịch. Ngay sau khi giặc Pháp thất bại trong chiến dịch "Phốc" và rút khỏi Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định huy động dân công để sửa chữa cầu đường. Trong

⁽¹⁾ Thu vụ hè thu 1954: Tổng cộng 1063.966kg thóc; thu số thóc còn thiếu của năm 1953: 10.259kg và thu số thóc còn thiếu của 1951 - 1952 là 174kg (theo "Báo cáo công tác từ 15/6 đến 15/7/1954 số 15-BC-DT").

số 4 đường phải sửa gấp, Tỉnh ủy chỉ rõ phải đặc biệt chú trọng hai tuyến đường huyết mạch của căn cứ địa là đường số 3 và đường 13A.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức huy động dân công. Huyện thành lập ban chỉ huy công trường; ở các xã thành lập ban huy động dân công. Hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của chiến dịch sửa chữa cầu, đường, thanh niên, nam nữ và cả những người lớn tuổi hăng hái đi dân công. Trên khắp các nẻo đường, hàng ngàn dân công vượt qua mọi khó khăn về hoàn cảnh gia đình, về thời tiết, về bom đạn địch bắn phá thường xuyên, mang theo dụng cụ, lương thực... phấn khởi làm nhiệm vụ sửa đường. Không khí lao động thật là náo nhiệt, khẩn trương. Trong những ngày đó, thanh niên huyện Đại Từ động viên nhau đi tòng quân, đi dân công; ngoài việc thành lập một đoàn gồm 120 người đi phục vụ bốn tháng liên tục, anh chị em còn tổ chức một đoàn kịch đi phục vụ dân công trên các công trường. Sau một thời gian lao động, nhân dân các dân tộc Đại Từ cùng với nhân dân các địa phương trong tỉnh đã hoàn thành khôi phục các tuyến đường số 3 (đoạn Bờ Đậu - Chợ Mới), đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế) và các đường Bờ Đậu - thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, km 31 (trên đường số 3) - Quán Vuông - Đại Từ... Trên các tuyến đường mới được sửa chữa hoặc mở rộng, bộ đội, dân công và xe cộ các loại, ngày đêm tấp nập ra mặt trận.

Nhìn chung, trong tất cả các đợt huy động dân công, huyện Đại Từ đều đạt được chỉ tiêu trên giao. Có những lúc, như vụ hè năm 1954, dù đang giữa vụ gặt, một số xã đang thực hiện cải cách ruộng đất, nhưng huyện đã kịp thời chỉ đạo, đôn đốc

các xã huy động được 1.932 dân công, trong đó có 31 thợ mộc và 52 xe đạp thồ đi làm nhiệm vụ. Có thời kỳ (1950 - 1951), cấp trên huy động tới 6 - 7 đợt dân công trong một năm, nhưng huyện vẫn đảm bảo quân số. Ngoài ra, trong những năm 1950 - 1954, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ còn huy động viên nhiều con em ưu tú tham gia tòng quân, gia nhập các đơn vị bộ đội chủ lực và trực tiếp chiến đấu trên các chiến trường.

Được hậu phương cả nước thường xuyên tiếp sức, chi viện, bộ đội ta liên tiếp lập nhiều chiến công. Sau những thắng lợi to lớn: trung du (tháng 01/1951), đường số 18 (tháng 3/1951), Hà - Nam - Ninh (tháng 5/1951), Hòa Bình (đông xuân 1951 - 1952), Tây Bắc (thu đông 1952), Thượng Lào (xuân hè 1953), bước vào đông xuân 1953 - 1954, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương. Ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; ngày 07/5/1954, chiến dịch toàn thắng. Trong tất cả các chiến thắng đó, đều có một phần công sức và xương máu của con em đồng bào các dân tộc huyện Đại Từ.

Chiến thắng Điện Biên phủ đã trực tiếp dẫn tới thắng lợi của ta tại hội nghị Giơ-ne-vơ. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ kết thúc thắng lợi đã khôi phục lại nền hòa bình ở Đông Dương. Miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Song, miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm; do đó vẫn phải tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Cùng với đồng bào cả nước, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phấn khởi, tin tưởng bắt tay vào nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

*

*

*

Đảng bộ huyện Đại Từ ra đời từ sau Cách mạng tháng Tám và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Những thành tích đạt được trên mọi lĩnh vực từ năm 1946 đến năm 1954 đã khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ. Đồng thời, cũng chính thông qua thực tiễn phong phú, sinh động ở địa phương trong thời gian đó, Đảng bộ đã trưởng thành về mọi mặt.

Từ một chi bộ thành lập cuối năm 1945 với 6 đảng viên, đến đầu năm 1946 phát triển thành 3 chi bộ, gồm 10 đảng viên. Cùng thời gian này, Huyện ủy lâm thời thành lập⁽¹⁾. Cho đến sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, cơ sở Đảng ở huyện vẫn còn mỏng. Tình hình này ảnh hưởng không tốt đến việc tổ chức lãnh đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cấp trên. Vì vậy, vào thời gian này, cùng với các mặt chuẩn bị kháng chiến, Đảng bộ huyện tập trung vào việc thực hiện “*thi đua phát triển Đảng*” theo chủ trương của Tỉnh ủy.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Tỉnh ủy Thái Nguyên chỉ rõ: mỗi đảng viên chính thức phải bồi dưỡng và giới thiệu với tổ chức cơ sở một quần chúng đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng; đồng thời quy định: mỗi Huyện ủy viên phải xây dựng được 1 chi bộ.

⁽¹⁾ Do đồng chí Đàm Văn Ứng làm Bí thư.

Thông qua cuộc vận động “*thi đua phát triển Đảng*”, tổ chức cơ sở Đảng và số đảng viên trong huyện tăng nhanh. Nhưng trong quá trình đó, Đảng bộ thiên về số lượng, coi nhẹ việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nội bộ; một số cơ sở Đảng kém nết, thậm chí có nơi “*tổ chức Đảng tê liệt, mất tác dụng, gây ảnh hưởng xấu cho phong trào*”⁽¹⁾. Trong khi đó, bí thư Huyện ủy lại thay đổi thường xuyên; thậm chí có lúc Huyện ủy không có Bí thư⁽²⁾. Bước vào năm 1948, tình trạng yếu kém, mất đoàn kết... vẫn tồn tại trong một số cơ sở Đảng, kể cả trong cấp ủy. Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (ngày 09/6/1948) đã nghiêm khắc phê bình “*Đại Từ 4 huyện ủy viên kém, thiếu tập đoàn chỉ huy, cá nhân phụ trách, trông nom đến cứu quốc, cho rằng có Tỉnh ủy viên ở trong, chủ trương công tác không sát, không bao quát được tình hình địa phương. Về nội bộ trước đây thiếu thành thực, nhưng gần đây đã hiểu nhau hơn, nhưng sự làm việc vẫn không được ăn khớp*”.

Những mặt yếu kém trên đây từng bước được khắc phục. Đầu năm 1949, thực hiện chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, Đảng bộ tỉnh mở hội nghị “Đảng vụ” toàn tỉnh. Hội nghị đã giúp cho các cán bộ Đảng hiểu rõ nguyên tắc, phương hướng công tác xây dựng Đảng và nội dung sinh hoạt chi bộ. Nhờ đó, tổ chức cơ sở Đảng ở huyện Đại Từ trong năm 1949 phát triển

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1980), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, tập 1, tr.303.

⁽²⁾ Theo tài liệu điều tra, ngày 1/10/1947, đồng chí Ngọc Lan được cử làm Bí thư thay đồng chí Đàm Văn Ứng, khoảng tháng 11/1947, đồng chí Ngọc Lan lại được điều đi nơi khác; từ đó cho đến 12/1947, Huyện ủy thiếu Bí thư. Tháng 12/1947, đồng chí Trung Thành được bổ nhiệm làm Bí thư và đồng chí Ma Khánh Bình làm Phó Bí thư.

nhANH chóng. Nếu quý I năm 1949, toàn huyện có 908 đảng viên (670 chính thức và 238 dự bị), 21 chi bộ (trong đó có 20 chi bộ chính thức có chi ủy; 1 dự bị), thì đến tháng 10 năm đó, tổng số đảng viên lên tới 981 đồng chí (699 chính thức và 282 dự bị); 22 chi bộ (17 chi xã, 2 chi bộ ghép, 1 chi bộ xí nghiệp, 2 chi bộ cơ quan; trong đó 20 chi bộ có chi ủy và 20 chi bộ có tiểu tổ⁽¹⁾). Như vậy, cho đến lúc này, cơ sở Đảng đã phát triển phần lớn trong các xã, có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện mọi mặt công tác ở địa phương. Điều đáng chú ý là, một số xã thuộc vùng xung yếu như Tân Thái được tỉnh và huyện chỉ đạo điển hình đã làm tốt công tác xây dựng Đảng. Cũng trong năm 1949, theo quyết định của Tỉnh ủy, Ban Huyện ủy được tăng cường gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trung Thành làm Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính⁽²⁾. Sau đó, Tỉnh ủy bổ sung thêm 3 đồng chí (Nguyễn Hữu Uẩn, Hoàng Tiến, Phan Quế) vào Huyện ủy Đại Từ. Từ đó, sự lãnh đạo của Huyện ủy được thuận lợi hơn trước.

Từ năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy chủ trương chuyển trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố. Đảng bộ tỉnh liên tiếp phát động các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Từ đầu năm, Tỉnh ủy mở cuộc vận động: *"Học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng"*. Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ lại phát động *"tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính"*... Tất

⁽¹⁾ Theo báo cáo năm 1949 của Đảng bộ Thái Nguyên - số 01 ngày 20/01/1949.

⁽²⁾ Đến năm 1950, đồng chí Cương làm Bí thư thay đồng chí Trung Thành, năm 1951, đồng chí Mỹ làm Bí thư (khoảng 4 tháng) và sau đó là đồng chí Hoàng Tiến.

cả những cuộc vận động trên đều giúp cho Đảng bộ Đại Từ xác định đúng phương hướng trong công tác xây dựng và phát triển Đảng ở địa phương.

Tháng 8/1950, Ban Chấp hành Trung ương mở cuộc vận động phê bình và tự phê bình trong Đảng. Thực hiện cuộc vận động này, Tỉnh ủy đặt kế hoạch cho các cấp Đảng bộ ở địa phương. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy lập 2 đoàn hướng dẫn việc thực hiện ở một số chi bộ để rút kinh nghiệm chung toàn tỉnh. Đoàn đi công tác ở khu vực phía Bắc tỉnh đến Đại Từ vào ngày 29/10/1950. Sau khi họp đoàn và thảo luận với Huyện ủy về tình hình các mặt, đoàn đã chọn Chi bộ xã Trần Phú làm thí điểm. Trải qua 10 ngày làm việc, đoàn đã giúp chi bộ thấy rõ những mặt yếu của chi bộ và của từng đảng viên; trên cơ sở đó phân loại đảng viên và xây dựng kế hoạch củng cố chi bộ, bao gồm những nội dung sau:

- Chấn chỉnh lại Ban chi ủy, đặt lại nền nếp làm việc cho toàn chi bộ.
- Sắp xếp lại bộ máy chính quyền.
- Đặt kế hoạch giáo dục đảng viên; theo dõi giúp đỡ các đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức cơ sở Đảng các cấp trong huyện bước đầu được củng cố. Ban chi ủy ở các xã từng bước được kiện toàn. Sinh hoạt của chi bộ, chi ủy bắt đầu đi vào nề nếp. Trình độ giác ngộ chính trị và ý thức Đảng trong đảng viên cũng được nâng lên. Đảng viên trong các tổ chức Đảng cơ sở nhìn chung đã nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu; tích cực vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Ban Huyện ủy thường

xuyên theo dõi giúp đỡ các chi bộ ở cơ sở; giữ vững chế độ sinh hoạt, đề cao tự phê bình và phê bình trong Đảng. Từ sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III (ngày 01/6/1952), Ban Huyện ủy cũng như các Ban chi ủy đều được củng cố và kiện toàn⁽¹⁾. Những đảng viên thoái hóa, biến chất hoặc không đủ tiêu chuẩn về chính trị được đưa ra khỏi cấp ủy và tổ chức Đảng. Phần lớn cấp ủy viên là những người xuất thân từ thành phần cơ bản như bần nông, cố nông, trung nông lớp dưới. Sau Đại hội, từ Huyện ủy xuống đến các chi bộ, nhìn chung đi dần vào ổn định; sự đoàn kết nhất trí trong Đảng từng bước được tăng cường, cán bộ, đảng viên phấn khởi và tin tưởng, phát huy được tác dụng trong quần chúng.

Trong quá trình phát triển đi lên, Đảng bộ Đại Từ luôn luôn phải đấu tranh để loại trừ những tư tưởng tự tư, tự lợi, gây chi rẽ đoàn kết nội bộ, quan liêu, xa rời quần chúng... Những cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, không tích cực thi hành chủ trương, chính sách của Đảng... lần lượt bị thải hồi. Có lúc, Đảng bộ phải đấu tranh chống những phần tử xấu tìm cách chui vào Đảng và giữ cương vị chủ chốt (như chi bộ xã An Khánh), làm cho tổ chức Đảng luôn được trong sạch.

Nhờ đó, mặc dù còn rất non trẻ và nhiều hạn chế, nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ vẫn được nhân dân tin tưởng, ủng hộ. Đây chính là nguồn sức mạnh để Đảng bộ hoàn thành vai trò lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến

⁽¹⁾ Đại hội được tổ chức tại nhà ông Thôn (thôn Suối Cát, xã Hà Thượng). Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 1953, đồng chí Uẩn được điều về tỉnh. Tỉnh ủy bổ nhiệm đồng chí Trần Văn Thực làm Bí thư.

tháng 9/1954, trong đợt chỉnh đốn cơ quan chỉ đạo cấp huyện, Huyện ủy Đại Từ được bầu lại, gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Thục làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Lịch (tức Dục Lam) làm Phó Bí thư. Cũng từ đó, Ban Huyện ủy mới chịu trách nhiệm lãnh đạo toàn dân trong huyện thực hiện những nhiệm vụ to lớn trong giai đoạn mới, trước mắt là hoàn thành cải cách ruộng đất.

Là một trong những địa phương có sơ sở Đảng ra đời sớm nhất tỉnh, từ nửa cuối của thập kỷ 30 của thế kỷ XX, huyện Đại Từ đã có phong trào cách mạng khá phát triển. Trải qua thực tiễn đấu tranh trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939) và nhất là trong những năm đấu tranh bí mật (1939 - 1945), cán bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ được rèn luyện về nhiều mặt. Cũng vì lẽ đó, ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cứu quốc, các cuộc khởi nghĩa từng phần đã diễn ra sôi nổi hầu khắp trong huyện. Cho đến tháng 8/1945, khi Nhật đầu hàng Đồng minh, cùng với cả nước, nhân dân các dân tộc Đại Từ nổi dậy giành chính quyền thắng lợi.

Trở thành người làm chủ xã hội, được sống trong độc lập, tự do, đồng bào các dân tộc Đại Từ đoàn kết chặt chẽ, ra sức xây dựng cuộc sống mới; đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ra đời và lớn lên từ những ngày đầu đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, Đảng bộ Đại Từ đã đứng ra đảm nhận vai trò tổ chức, lãnh đạo toàn dân tham gia sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc. Trong quá trình đó, Đảng bộ biết phát huy những thuận lợi ở địa phương, luôn luôn dựa vào

quần chúng, lấy quần chúng làm lực lượng cơ bản để hoàn thành mọi nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ cách mạng. Có thể nói, thành công to lớn của Đảng bộ trong những năm sau khi thành lập chính quyền cách mạng cho đến chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là sớm gây được niềm tin yêu trong quần chúng. Nhờ đó, mặc dù còn non trẻ, số lượng đảng viên còn rất ít, nhưng Đảng bộ có đủ sức mạnh để lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương vượt qua thời kỳ khó khăn ban đầu; đồng thời tổ chức tiếp nhận các cơ quan Trung ương và nhân dân tản cư từ miền xuôi lên.

Từ khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương trực tiếp chiến đấu, góp phần cùng quân dân Việt Bắc đánh bại âm mưu của địch, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến.

Trong những năm 1948 - 1954, nhận rõ trách nhiệm của địa phương đối với sự nghiệp kháng chiến của Đại Từ, Đảng bộ tích cực lãnh đạo nhân dân các dân tộc xây dựng hậu phương vững mạnh, tham gia đóng góp nhân tài, vật lực cho tiền tuyến. Các chiến thắng biên giới (thu đông 1950), Trung du (năm 1951), Hòa Bình (đông xuân 1951 - 1952)... cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ (xuân hè 1954) đều có một phần công sức và xương máu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ.

Thành tích nổi bật nhất và đáng tự hào nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp là đã trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ thành công ATK.

Có được những thành tích trên, trước hết là do Đảng bộ ý thức được trách nhiệm và vai trò của mình đối với sự nghiệp cách mạng ở địa phương. Để xứng đáng là người lãnh đạo phong trào quần chúng trong huyện, Đảng bộ luôn luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Những biểu hiện sai trái được kịp thời đấu tranh và khắc phục. Do đó, dù có những hạn chế, yếu kém, nhưng Đảng bộ vẫn phát huy được vai trò lãnh đạo đối với quần chúng, có khả năng động viên, tập hợp được quần chúng trong mọi hoạt động của kháng chiến. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đảng bộ trưởng thành nhanh chóng không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng.

Trong quá trình tổ chức và lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương, Đảng bộ Đại Từ luôn luôn quán triệt mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cấp trên. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã biết vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương trong từng thời kỳ. Tuy có những lúc còn lúng túng do trình độ còn nhiều hạn chế, nhưng nhìn chung, các chủ trương, chính sách của Trung ương, Liên Khu ủy và Tỉnh ủy đều được Đảng bộ triển khai thực hiện có kết quả. Đây cũng chính là một trong những lý do rất cơ bản để Trung ương Đảng và Chính phủ chọn Đại Từ là nơi làm thí điểm nhiều chính sách lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Đại Từ là một huyện miền núi có nhiều thành phần dân tộc khác nhau, lại bọn thực dân - phong kiến thường gây chia rẽ, thù hằn trong suốt mấy chục năm. Nhận rõ điều đó, Đảng bộ rất chú trọng xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Cùng với việc chăm lo nâng cao đời sống cho nhân dân, thông qua các phong

trào thi đua được phát động thường xuyên, Đảng bộ đã giáo dục ý thức đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc. Mặt khác, trong quá trình xây dựng, củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, Đảng bộ đã biết quan tâm bồi dưỡng cán bộ các dân tộc, không ngừng nâng cao trình độ cán bộ thuộc dân tộc ít người. Đó chính là một trong những kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ về việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở một địa phương miền núi.

Bằng những hoạt động cụ thể, cùng với những thành tích đã đạt được, Đảng bộ huyện Đại Từ không ngừng trưởng thành, vượt qua những khó khăn và yếu kém, vươn lên làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo phong trào ở địa phương. Những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ là một thời gian thử thách và khẳng định sự vững vàng của Đảng bộ Đại Từ; đồng thời giúp cho Đảng bộ thấy được những hạn chế trong công tác lãnh đạo của mình.

Phát huy những thành tích, những ưu điểm, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm đã mắc phải, Đảng bộ Đại Từ tiếp tục vươn lên để làm tròn vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 - 1965)

I. Tiến hành cuộc cách mạng ruộng đất

1. Tình hình phân bố ruộng đất và sự bóc lột của địa chủ đối với nông dân ở Đại Từ

Đại Từ là một huyện miền núi, có diện tích canh tác khoảng 17.230 mẫu. Ruộng đất công và nửa công nửa tư ở đây không đáng kể, chủ yếu thuộc quyền sở hữu của tư nhân.

Cũng như những nơi khác trên đất nước Việt Nam, đặc trưng cơ bản của tình hình phân bố ruộng đất ở Đại Từ trước ngày cải cách ruộng đất là không đồng đều và không công bằng. Riêng trong 6 xã: Bình Thuận, An Mỹ, Trần Phú (nay là Khôi Kỳ), Độc Lập (nay là Tiên Hội), Tân Thái, Hùng Sơn, 97 địa chủ (khoảng 3,69% số hộ) chiếm trên 1.667 mẫu (gần 30% diện tích ruộng đất); tầng lớp phú nông - có 71 hộ, chiếm trên 415 mẫu; trung nông - có 768 hộ, chiếm trên 2.000 mẫu; bần nông - có 684 hộ, chiếm khoảng 506 mẫu; cố nông có 490 mẫu, chiếm khoảng 89 mẫu. Bình quân chiếm hữu ruộng đất của một hộ địa chủ (trên 17 mẫu) gấp 7 lần một hộ trung nông, gấp hơn 24 lần một hộ bần nông và gấp 85 lần một hộ cố nông. Rõ ràng, phần lớn ruộng đất trong vùng đều bị địa chủ chiếm đoạt.

Tình hình phân bổ ruộng đất ở 6 xã trên cũng là tình hình chung của toàn huyện. Ngoài phần lớn ruộng đất của địa chủ người Việt, một phần ruộng đất phì nhiêu nhất nằm trong tay địa chủ người Pháp. Ngay từ khi đem quân đánh chiếm vùng Đại Từ, dựa vào thế lực của chính quyền thực dân, một số tên địa chủ người Pháp trắng trợn cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. Chỉ tính riêng đồn điền của Ga-ri (Garigue) ở Tân Thái đã chiếm trên 363 mẫu trong tổng số 950 mẫu toàn xã; đồn điền của O-lét (xã Vạn Thọ) chiếm 200 mẫu. Nhà thờ Yên Huy (Hùng Sơn) cũng chiếm trên 190 mẫu ruộng tốt. Bằng mọi thủ đoạn vừa trắng trợn, vừa tinh vi, xảo quyệt, chính quyền thực dân, phong kiến chiếm tới 70% ruộng đất trong huyện. Nông dân lao động chiếm số đông trong dân số nhưng chỉ có trên 20% ruộng đất để trồng trọt. Với số ruộng ít ỏi đó, người nông dân không thể có một cuộc sống đủ ăn, buộc phải nhận ruộng phát canh của địa chủ, phú nông và chịu mọi hình thức bóc lột tàn bạo của chúng.

Địa tô là hình thức bóc lột đặc trưng của chế độ phong kiến. Ở Đại Từ, hình thức địa tô chủ yếu là tô hiện vật. Tô hiện vật có hai hình thức: tô đông và tô rẽ. Với hình thức tô đông, tùy theo từng loại ruộng đất tốt hay xấu, xa hay gần, dễ làm hay khó làm, địa chủ ấn định trước một số lượng thóc tô mà tá điền phải nộp trên mỗi mẫu, dù vụ đó có được thu hoạch hay không. Một mẫu loại ruộng tốt, người nông dân phải nộp từ 13 đến 15 nôi thóc; một mẫu ruộng loại trung bình hoặc xấu, phải nộp từ 10 đến 12 nôi⁽¹⁾. Do đó, bằng loại tô này, địa chủ

⁽¹⁾ Một nôi thóc bằng 22kg.

nắm phần chắc trong tay, dù có mất mùa thì chúng cũng vẫn thu mức tô đã định.

Với hình thức tô rẽ, trên cơ sở thu hoạch cụ thể của từng thửa ruộng, địa chủ thu thóc tô của nông dân theo một tỷ lệ ấn định từ trước, thường là từ 1/2 đến 2/3.

Ngoài địa tô chính bằng thóc, người nông dân còn phải nộp địa tô phụ cho địa chủ dưới hình thức lễ bặt, biểu xén...

Song song với hình thức phát canh thu tô, địa chủ còn bóc lột nông dân dưới hình thức cho thuê trâu, bò với giá cắt cổ. Trước Cách mạng tháng Tám, ở Bình Thuận, địa chủ Thị Mai có tới 300 con trâu cho thuê khắp trong huyện; sau cách mạng, địa chủ này vẫn còn 100 con. Trung bình, mỗi con trâu cho thuê trong một năm địa chủ thu từ 12 đến 15 nôi thóc; có nơi như An Khánh, Lục Ba, Ký Phú, Tân Thái... địa chủ còn bắt người thuê trâu đến cày cấy không công cho chúng từ 5 đến 10 ngày.

Người nông dân sau khi nhận ruộng và thuê trâu của địa chủ phải nai lưng ra cày cấy, chăm sóc. Đến mùa thu hoạch, số thóc thu được cũng chỉ đủ để nộp tô cho địa chủ. Rơi vào bước đường cùng, nhất là vào lúc giáp hạt, các gia đình nông dân lại phải tìm đến địa chủ để vay thóc, vay tiền. Hiện tượng phổ biến ở trong huyện là vay thóc, vay một phải trả hai. Nhiều nơi, địa chủ còn dùng thủ đoạn để kiếm lời: khi cho vay thì chúng dùng thùng nhỏ và đóng nhẹ gạt nặng; đến lúc thu nợ, chúng lại dùng thùng to, đóng mạnh gạt nhẹ.

Giống như khi đi vay thóc, những lúc nông dân đi vay tiền cũng là những lúc khốn quẫn cùng cực. Do vậy, họ phải chấp nhận mọi điều kiện ngặt nghèo do địa chủ đưa ra. Trước lúc

cho vay, địa chủ không quên nhòm ngó nhà cửa, mảnh vườn, ao cá hay những thửa ruộng cuối cùng của người nông dân. Thời gian trả nợ thường ngắn, tỷ lệ lãi sau một vụ thường là một vốn một lãi (100%) và nếu đến hạn không trả được, người nông dân phải gán đất, gán nhà, thậm chí phải gán cả con đến nhà chủ làm thuê trả nợ. Ở Vạn Thọ, gia đình ông Nguyễn Đình Ngũ vay địa chủ 4 đồng; sau một vụ, cả vốn và lãi thành 8 đồng; hết một năm, lãi đập vào vốn thành 16 đồng... Cứ thế, lãi mẹ đẻ lãi con, ông Ngũ không trả hết nợ, phải cho hai con trai của mình đến ở nhà chủ 10 năm mà vẫn không trả hết nợ.

Ngoài địa tô và cho vay nặng lãi, địa chủ còn dùng thủ đoạn bóc lột nhân công rất tàn tệ như mướn người ở năm, ở tháng, công ngày... Theo thống kê ở 6 xã (Bình Thuận, An Mỹ, Trần Phú, Độc Lập, Tân Thái, Hùng Sơn), trong năm 1945 có 32 hộ địa chủ đã mướn tới 90 người ở năm; có tên mướn tới 5 người; trong số 32 hộ đó, có 20 hộ mướn cả công tháng hoặc công mùa: Những người đi ở năm cho địa chủ thường là những lực điền có khả năng lao động tốt. Địa chủ còn mướn cả đàn bà hoặc trẻ em để làm những việc như chăn trâu, cắt cỏ, gánh phân, tát nước... Nhiều nơi, địa chủ còn dùng hình thức vợ lẽ, con nuôi để vừa bóc lột được nhiều, vừa tạo ra mối quan hệ ràng buộc giữa chủ và người ở. Ở xã Hùng Sơn có địa chủ thường xuyên trong nhà có 10 con nuôi; có người đã ở cho chủ tới 30 năm. Vợ lẽ, con nuôi thực chất chỉ là con ở, bị địa chủ đối xử, đánh đập rất dã man. Hàng ngày, từ sớm tinh mơ, người ở đã phải ra đồng cày cấy; tối về phải xay thóc, giã gạo và làm nhiều việc khác trong gia đình tới tận khuya. Khi ốm đau, bệnh tật, họ bị chủ hắt hủi, đuổi đi.

Bởi vậy, những người dân Đại Từ đã có câu ca nói lên thân phận tủi nhục của người đi ở:

“Con khỏe con ở cùng bà,

Đến khi con ốm, con ra rặng nào”.

Cùng với địa chủ người Việt, trong thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, bọn địa chủ người Pháp cũng áp dụng phương thức phong kiến để bóc lột nông dân như phát canh thu tô. Ngoài ra, chúng cũng cho thuê trâu, cho vay nặng lãi, thuê người làm với tiền công rẻ mạt. Tại đồn điền của tên chủ Ga-ri, hàng năm tá điền phải nộp tô từ 10 đến 12 nôi thóc một mẫu, thuê trâu mỗi con từ 12 đến 15 nôi. Trên các đồi cây, rừng rậm, Ga-ri thuê hàng trăm người làm. Ngày lao động ở đây thường kéo dài; khí hậu độc, công việc nặng nhọc, nhưng mỗi công nhân cũng chỉ được lĩnh 0đ.10 mỗi ngày.

Hàng năm, cứ đến dịp lễ Nô-en, Tết Dương lịch và nhiều khi cả Tết Nguyên Đán, người nông dân tá điền cũng phải thông qua bọn quản lý để lễ lạt chủ đồn điền. Đó cũng là những dịp để cho bọn quản lý - tay chân của chủ đồn điền - tha hồ đục khoét, kiểm chác.

Có thể nói rằng, dưới chế độ thực dân - phong kiến, người nông dân Đại Từ bị dồn ép vào tình thế cùng quẫn bởi sưu cao, thuế nặng, địa tô, nợ lãi và đủ mọi hình thức bóc lột khác. Nguồn gốc của mọi sự đau khổ đó bắt nguồn từ chế độ phân phối ruộng đất bất hợp lý - mà nét nổi bật là phần lớn ruộng đất cùng với các tư liệu sản xuất đều nằm trong tay bọn địa chủ.

Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945, người nông dân được giải phóng khỏi ách bóc lột của đế quốc. Các đồn điền

của địa chủ thực dân đã bị chính quyền cách mạng tịch thu và tạm cấp cho dân cày. Uy thế chính trị của giai cấp địa chủ phong kiến bị đả kích, nhưng quyền chiếm hữu ruộng đất của chúng vẫn tồn tại. Nông dân các dân tộc Đại Từ tuy đã giành được quyền làm chủ về chính trị, nhưng về kinh tế, họ vẫn bị giai cấp địa chủ phong kiến bóc lột nặng nề.

Tình hình phân phối ruộng đất và sự áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến đối với nông dân đặt ra một yêu cầu cấp bách là phải sớm giải quyết vấn đề ruộng đất, giải phóng hoàn toàn giai cấp nông dân.

2. Tình hình thực hiện chính sách ruộng đất ở Đại Từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước cải cách ruộng đất

Vấn đề cách mạng ruộng đất đã được bản Luận cương chính trị (tháng 10/1930) của Đảng ta nêu lên một cách rõ ràng. Giá trị lịch sử của Luận cương là ở chỗ, nó chỉ ra một cách đúng đắn những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng, đặt cơ sở vững chắc cho đường lối vận động cách mạng ở Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, cách mạng ruộng đất đã được đặt thành một nhiệm vụ cơ bản của cách mạng, gắn liền với nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, trong quá trình tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, Đảng ta từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Từ cuối năm 1945 đến trước cải cách ruộng đất, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cải cách dân chủ, từng bước đem lại quyền lợi cho nông dân.

Để làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của nông dân, tháng 11/1945, Bộ Nội vụ ra thông tư quy định giảm tô 25% so với

mức tô trước Cách mạng tháng Tám. Đây là lần đầu tiên chính quyền cách mạng ra một bản pháp lệnh chính thức tấn công vào sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến và tỏ rõ thái độ ủng hộ cuộc đấu tranh của nông dân.

Tuy nhiên, bản thông tư này ban hành chưa được bao lâu thì cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đảng bộ và nhân dân Đại Từ một mặt tập trung vào việc xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến; một mặt lo tổ chức tiếp nhận nhân dân và các cơ quan Trung ương từ miền xuôi tản cư lên. Do đó, việc thực hiện giảm tô theo thông tư của Bộ Nội vụ chưa được coi trọng.

Ngày 14/7/1949, trước yêu cầu bồi dưỡng lực lượng nông dân, đẩy mạnh kháng chiến, Chính phủ ban hành sắc lệnh giảm tô, quy định rõ phải giảm tô 25%.

Từ sau khi ban hành sắc lệnh trên, việc giảm tô được các cấp thực hiện khẩn trương hơn.

Tại Đại Từ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, ở nhiều xã phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra sôi nổi suốt trong thời kỳ kháng chiến, buộc giai cấp địa chủ phải thi hành đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Mặc dù vậy, ở một số nơi địa chủ vẫn không chịu giảm đúng mức, thậm chí chúng ngoan cố chống lại, nâng mức tô cao hơn trước (như ở Trần Phú, Tân Thái...). Có nơi, như ở Văn Yên, khi nhận được lệnh giảm tô, địa chủ cho vợ con đi đòi những món nợ cũ để uy hiếp tinh thần đấu tranh của nông dân. Có nơi, chúng đe dọa: nếu ai đấu tranh đòi giảm tô, thì đến lúc giáp hạt, chúng sẽ không cho vay thóc, không cho thuê trâu, bò... nhằm gây khó khăn cho nông dân trong sản xuất.

Để ngăn chặn hành động chống đối của giai cấp địa chủ, tháng 5/1950, Chính phủ ban hành sắc lệnh về thể lệ lĩnh canh và sắc lệnh về giảm tức. Tiếp đó, chính sách thuế nông nghiệp được ban hành năm 1951. Tất cả những chủ trương, chính sách đó thực sự trở thành chỗ dựa về pháp lý cho nông dân đẩy mạnh cuộc đấu tranh hạn chế sự bóc lột của giai cấp địa chủ.

Đặc biệt, từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ IV (tháng 1/1953) quyết định phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô (bao gồm cả thoái tô), thực hiện giảm tức, tư tưởng nông dân mới được phát động mạnh hơn. Từ đó, phong trào nông dân đấu tranh buộc địa chủ phải thi hành các chính sách cải cách dân chủ của Đảng và Chính phủ, chủ yếu là giảm tô, ngày càng sôi nổi.

Mục đích của công cuộc phát động quần chúng giảm tô là *“Đánh đổ thế lực phản động, làm yếu thế lực kinh tế của phong kiến, đập tan thế lực chính trị của phong kiến, thỏa mãn một phần yêu cầu kinh tế của nông dân và giành ưu thế chính trị cho nông dân lao động ở nông thôn, củng cố liên minh công nông, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, chuẩn bị điều kiện cải cách ruộng đất⁽¹⁾”*.

Để đạt được mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, mọi công tác đều quán triệt đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn là *“dựa hẳn vào bản, cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, đánh đổ địa chủ Việt gian phản động và cường hào gian ác”*.

⁽¹⁾ Chỉ thị số 37, ngày 20/4/1953 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Theo sự chỉ đạo chung của Trung ương, mỗi đợt phát động quần chúng được thực hiện theo 4 bước: nội dung của bước một là tuyên truyền chính sách, tìm hiểu tình hình, *“ba cùng, thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế râu chuổi”*, xây dựng lực lượng đấu tranh và sơ bộ chỉnh đốn tổ chức. Nội dung của bước hai là mở đại hội nông dân, phát động quần chúng đấu tranh đánh đổ địa chủ Việt gian phản động, cường hào gian ác. Nội dung của bước ba là tiến hành giảm tô, thoái tô, thoái tiền công quỹ và chia những thứ đấu tranh được cho nông dân. Nội dung của bước bốn là củng cố tổ chức, tổng kết thắng lợi, rút kinh nghiệm, đẩy mạnh sản xuất.

Sắc lệnh của Chính phủ về phát động quần chúng giảm tô được công bố đã đem lại một bầu không khí mới ở khắp huyện Đại Từ. Tuyệt đại đa số nông dân đều rất phấn khởi, nhất là bần, cố nông. Họ hân hoan truyền cho nhau tin tức đấu tranh thắng lợi của nông dân các nơi khác và náo nức chờ mong đội công tác về xã mình phát động đấu tranh.

Đầu tháng 4/1953, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, đợt một phát động quần chúng giảm tô và cũng là đợt thí điểm được mở ra trong 25 xã thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ và Thanh Hóa để rút kinh nghiệm, xây dựng chủ trương chính sách và kế hoạch cụ thể. Trên cơ sở đó dưới ánh sáng Nghị quyết Bộ Chính trị (tháng 8/1953), đợt 2 giảm tô được tiến hành trong phạm vi rộng lớn. Một số xã trong huyện Đại Từ cũng được chọn để tiến hành trong đợt này. Dưới sự chỉ đạo chung của Đoàn ủy, mỗi xã có một đội công tác phụ trách gồm khoảng 20 cán bộ.

Tỏa về các thôn xóm, cán bộ trong các đội công tác đi sâu vào đời sống quần chúng bần, cố nông, thực hiện *“ba cùng,*

thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế xấu chuối”, tuyên truyền rộng rãi đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Có sự lãnh đạo của đội công tác, nông dân đã vạch trần và đấu tranh đánh đổ những tên địa chủ Việt gian phản động, cường hào gian ác. Qua cuộc đấu tranh của nông dân, tội ác của địa chủ bị vạch trần⁽¹⁾.

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách về cải cách dân chủ của Đảng và Chính phủ, nhất là cuộc vận động giảm tô, đã từng bước hạn chế sự bóc lột của giai cấp địa chủ. Vì thế, giai cấp địa chủ chống đối bằng những thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi hơn trước, như cho ruộng, giao canh hoặc bán ruộng⁽²⁾. Nhưng trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nông dân, địa chủ ở các xã buộc phải thực hiện chủ trương của Đảng đã ban hành.

Tại xã Trần Phú, nông dân đấu tranh chống lại hành động của một số địa chủ định đòi lại ruộng lĩnh canh của nông dân để bán hoặc phân tán cho người khác, buộc chúng

⁽¹⁾ Riêng 8 xã trong đợt giảm tô (An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Ký Phú, Lục Ba, Phục Linh, Vạn Thọ, Văn Yên) có 59 hộ địa chủ.

⁽²⁾ Tình hình phân tán ruộng đất của địa chủ trong 6 xã:

- Bình Thuận: Tổng cộng là 164m.7s.09t, trong đó cho ruộng 14m0.00, giao canh 89m.4s.08t, bán ruộng 61m.3s.01t.

- An Mỹ: Tổng cộng là 199.6.04, trong đó cho ruộng 129.3.08, giao canh 1.3.13, bán ruộng 68.8.13.

- Trần Phú: Tổng cộng là 207.1.08, trong đó cho ruộng 2.8.04, giao canh 137.3.10, bán ruộng 66.9.09.

- Độc Lập: Tổng cộng là 115.4.00, trong đó cho ruộng 1.3.08, giao canh 62.5.05, bán ruộng 51.5.02.

- Tân Thái: Tổng cộng là 115.8.02, trong đó giao canh 110.2.03, bán ruộng 55.14.

- Hùng Sơn: Tổng cộng là 232.9.04, trong đó cho ruộng 25.9.01, giao canh 103.2.11, bán ruộng 103.7.07.

phải bảo đảm quyền lĩnh canh của nông dân từ 3 đến 5 năm. ở Hùng Sơn, Hà Thượng, Văn Yên,... do nông dân đấu tranh mạnh, địa chủ phải giảm tô từ 10 nôi thóc xuống còn 7 nôi. Tại Bình Thuận, lực lượng du kích vào tận nhà bắt địa chủ phải nộp thuế và thoái tô cho 52 gia đình nông dân, với số lượng là 15.147kg thóc. Mặt khác, từ sau Cách mạng tháng Tám, bọn chủ đồn điền người Pháp và một số tên địa chủ cường hào gian ác đã bỏ chạy, để lại một số ruộng đất khá lớn. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện đã tịch thu số ruộng đó cùng với ruộng đất công ở địa phương đem chia cho các gia đình nông dân thiếu ruộng hoặc không có ruộng. Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo việc tịch thu đồn điền Ga-ri, tạm cấp cho nông dân, nhằm rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trên phạm vi toàn tỉnh Thái Nguyên.

Cuộc vận động thực hiện giảm tô, kết hợp với công tác chỉnh đốn tổ chức đã làm cho đảng viên và quần chúng nâng cao thêm một bước về lập trường tư tưởng, phân rõ ranh giới giữa nông dân lao động với giai cấp bóc lột; hiểu rõ nguồn gốc khổ cực của nông dân và do đó đã gây được lòng căm thù sâu sắc trong quần chúng nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Mặt khác, qua công tác chỉnh đốn tổ chức, những đảng viên thuộc thành phần giai cấp bóc lột không chịu cải tạo, phần tử có tác phong xấu được đưa ra khỏi tổ chức Đảng, đoàn thể và chính quyền, đồng thời kết nạp thêm những đảng viên có thành phần cơ bản; đào tạo được một số cán bộ thuộc bản, cố nông, bổ sung cho bộ máy lãnh đạo cấp xã⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Toàn huyện kết nạp thêm 187 đảng viên.

Bên cạnh những kết quả đó, trong quá trình thực hiện giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, chúng ta đã mắc phải một số sai lầm⁽¹⁾.

Một trong những sai lầm nghiêm trọng là đánh giá chi bộ không đúng, không tin tưởng vào đảng viên, cho đảng viên cũ là xấu; do đó trong công tác chỉnh đốn tổ chức, các đội công tác đã bất chấp cả phương châm, chính sách của Đảng. Trong quá trình thực hiện, phương pháp tiến hành thiếu dân chủ, không tôn trọng nguyên tắc của Đảng, không quan tâm giáo dục làm cho đảng viên tự nguyện tự giác, mà lại dùng lối mệnh lệnh, truy bức, quy chụp tội lỗi cho đảng viên, đi đến xử lý tràn lan, bừa bãi, đánh nhầm vào nội bộ của ta, gây nên không khí căng thẳng ở nông thôn.

Những sai lầm trên đã làm tổn thất nặng nề đến lực lượng của Đảng, làm cho tinh thần chiến đấu của đảng viên bị giảm sút; nội bộ Đảng mất đoàn kết, gây tác hại không nhỏ đến uy tín của Đảng.

Dù có những sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức, nhưng việc thực hiện một cách có hệ thống các chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, nhất là thông qua cuộc vận động giảm tô, nông thôn tỉnh Thái Nguyên nói chung và Đại Từ nói riêng có sự chuyển biến bước đầu trong chế độ ruộng đất cũng như trong quan hệ giai cấp. Chế độ chiếm hữu ruộng

⁽¹⁾ Trong đợt giảm tô, toàn huyện có 137 đảng viên bị xử trí, trong đó:

- Xử trí đúng: 73 đảng viên (54%)

- Xử trí sai: 64 đảng viên (46%).

Riêng Chi bộ Hùng Sơn với 61 đảng viên có 18 đảng viên bị xử trí (29,5%); trong đó xử trí đúng: 10 đảng viên (55,56%); sai: 8 đảng viên (44,44%).

đất của giai cấp địa chủ bị thu hẹp: sự bóc lột của địa chủ bị hạn chế rõ rệt. Đời sống của nông dân lao động do đó được cải thiện từng bước; xu hướng trung nông hóa bắt đầu xuất hiện. Nông dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Tuy vậy, cho đến trước cải cách ruộng đất, chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vẫn tồn tại. Giai cấp địa chủ vẫn là giai cấp chiếm hữu nhiều ruộng đất nhất. Giai cấp nông dân vẫn bị địa chủ bóc lột nên họ thiếu điều kiện để phát triển sản xuất. Tình trạng đó đặt ra yêu cầu bức thiết là phải xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, xác lập chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến tới thắng lợi hoàn toàn.

3. Cuộc cải cách ruộng đất

Từ giữa năm 1953 trở đi, cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước vào thời kỳ gay go, quyết liệt. Trên khắp các chiến trường, bộ đội ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi to lớn và đang chuẩn bị bước vào cuộc tiến công chiến lược. Yêu cầu cung cấp về mọi mặt cho cuộc kháng chiến lúc này trở nên rất to lớn, đòi hỏi phải động viên được sự tham gia đông đảo của lực lượng toàn dân, chủ yếu là giai cấp nông dân. Muốn vậy, điều chủ yếu là phải không ngừng bồi dưỡng lực lượng nông dân, mà cơ bản là giải quyết vấn đề ruộng đất.

Những chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ được thực hiện từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 Trung ương có tác dụng tích cực trên nhiều mặt, nhưng khẩu hiệu “người cày có ruộng” vẫn chưa được giải quyết căn bản.

Việc phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất lúc này trở thành một yêu cầu cấp bách, đòi hỏi phải được giải quyết. Chỉ có như vậy mới có thể bồi dưỡng được những yếu tố đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chủ tịch đã nói: *"Then chốt thắng lợi của cuộc kháng chiến là củng cố mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố khối công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển quân đội, củng cố Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Chỉ có phát động cải cách ruộng đất ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi"*⁽¹⁾.

Xuất phát từ yêu cầu đó, đầu tháng 11/1953, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần V quyết định phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất. Tiếp đó, đầu tháng 12/1953, Quốc hội họp lần III thông qua luật cải cách ruộng đất. Ngày 19/12/1953, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh ban hành luật cải cách ruộng đất.

Chủ trương cải cách ruộng đất của Đảng nhằm mục đích: *"cải thiện đời sống cho nông dân, triệt để động viên sức người, sức của nhân dân, đẩy kháng chiến trường kỳ, đánh đuổi đế quốc Pháp, can thiệp Mỹ, đánh đổ nguy quyền, hoàn toàn giải phóng dân tộc"*; *"giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở đường cho công thương nghiệp phát triển, lợi cho kháng chiến và kiến quốc"*; *"tiêu diệt chế độ chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai*

⁽¹⁾ Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc của Đảng từ ngày 14 đến 23/11/1953.

cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện người cày có ruộng⁽¹⁾.

Cuộc phát động quần chúng cải cách ruộng đất phải đạt được những yêu cầu sau đây:

- Xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện người cày có ruộng;

- Đập tan uy thế chính trị của giai cấp địa chủ, củng cố uy thế chính trị của nông dân lao động;

- Phát động giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp của nông dân;

- Chinh đồn tổ chức Đảng, chính phủ, quân, dân ở xã.

Để thực hiện cương lĩnh ruộng đất của Đảng và đạt được những mục đích - yêu cầu của cuộc vận động, Đảng đề ra đường lối giai cấp ở nông thôn là: *"dựa hẳn vào bản cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến"*.

Về phương châm và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa vào quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng, tổ chức, giáo dục và lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh; đồng thời phải kết hợp đấu tranh của quần chúng với đấu tranh bằng biện pháp hành chính của chính quyền nhân dân.

Về kế hoạch tiến hành, mỗi đợt cải cách ruộng đất chia làm bốn bước: Bước một nhằm tuyên truyền chính sách, tìm

⁽¹⁾ *Cách mạng ruộng đất, Ủy ban kháng chiến - hành chính, tr.139.*

hiểu tình hình, bắt rẽ tìm chỗ dựa và bước đầu củng cố tổ chức. Bước hai nhằm phân định thành phần giai cấp, phân rõ ranh giới giữa nông dân và địa chủ. Bước ba là tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và tài sản của địa chủ chia cho nông dân. Bước bốn nhằm tổng kết và chỉnh đốn tổ chức ở xã. Chủ trương phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất của Đảng và Chính phủ được đông đảo nông dân nhiệt liệt hưởng ứng.

Đại Từ là một huyện có cơ sở Đảng hình thành tương đối sớm. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, cơ sở Đảng ở Đại Từ phát triển tương đối nhanh chóng. Năm 1945, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện đứng lên lật đổ cách thống trị của đế quốc - phong kiến, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.

Từ những năm 1946 - 1947, cơ sở Đảng, nhất là các chi bộ nông thôn phát triển mạnh; hầu hết các xã đều thành lập được chi bộ. Trong thời kỳ kháng chiến, những chi bộ này là hạt nhân lãnh đạo nhân dân trong xã chiến đấu, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, bảo vệ ATK của Trung ương. Trải qua cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, qua các đợt chỉnh huấn chính trị, hầu hết đảng viên và quần chúng cách mạng được rèn luyện về lập trường tư tưởng, về giác ngộ quyền lợi giai cấp...

Từ sau cuộc vận động thực hiện giảm tô, các chi bộ nông thôn ở Đại Từ được chỉnh đốn một bước về tổ chức. Mặt khác, trải qua các đợt giảm tô, cán bộ và quần chúng ở địa phương có thêm kinh nghiệm trong việc tổ chức đấu tranh đập tan thế lực của giai cấp địa chủ.

Đại Từ là một huyện miền núi, nhưng hình thành hai vùng rõ nét: vùng cao (gồm các xã phía bắc, tây bắc và đông

bắc) và vùng thấp (gồm các xã phía nam và đông nam). Tại vùng thấp, sự phân hóa giai cấp đã sâu sắc. Yêu cầu của nông dân về việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở đây từ lâu đã thành cấp bách.

Từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Đại Từ cũng là một trong những địa phương được Trung ương chọn làm ATK. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi rất cơ bản để Đảng bộ và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và chính phủ.

Tất cả những đặc điểm trên chính là cơ sở để Trung ương quyết định chọn 6 xã (Hùng Sơn, Bình Thuận, Trần Phú, Tân Thái, Độc Lập, An Mỹ) thuộc huyện Đại Từ làm nơi thí điểm thực hiện cải cách ruộng đất.

Đợt thí điểm cải cách ruộng đất có ý nghĩa to lớn đối với việc thể nghiệm chủ trương, chính sách của Đảng; thông qua đó sẽ rút ra những kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cải cách ruộng đất trên phạm vi cả nước. Do đó, công cuộc thí điểm cải cách ruộng đất được đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương⁽¹⁾, do một Đoàn ủy trực tiếp chỉ đạo.

Ngày 25/12/1953, khi cuộc phát động quần chúng giảm tô đã chuyển sang đợt 3 thì cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu mở đợt thí điểm trong 6 xã. Mỗi xã có một đội công tác, gồm khoảng 20 cán bộ, phụ trách.

Tin cải cách ruộng đất truyền về làm cho quần chúng nông dân hết sức vui mừng; ngược lại, giai cấp địa chủ hoang mang, lo sợ và tìm mọi cách chống đối.

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng.

Ngay từ lúc các đội công tác chưa về tới các xã, giai cấp địa chủ đã có những hành động nhằm chia rẽ, mua chuộc quần chúng, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, ly gián cán bộ với quần chúng. Trắng trợn hơn, chúng còn đe dọa nông dân, phá hoại hoa màu, bán trâu bò, phân tán ruộng đất, cất giấu tài sản... Một số quần chúng tỏ ra hoang mang, dao động, sợ địa chủ trả thù.

Nhận thức được tình hình đó, ngay từ khi bắt đầu đặt chân xuống xã, đội công tác vừa tiến hành công tác tuyên truyền rộng rãi. Chính sách cải cách ruộng đất, vừa đi sâu vào quần chúng nông dân lao động để tìm hiểu tình hình nông thôn sau ngày phát động giảm tô, nhất là tình hình các tổ chức ở xã.

Các đội công tác họp với các chi ủy và chi bộ xã để bước đầu tìm hiểu tình hình trong xã, giải thích chính sách và động viên các đảng viên tích cực tham gia cuộc phát động quần chúng. Tiếp theo là các cuộc họp cán bộ quân, dân, chính, hợp thanh niên, phụ nữ, dân quân... để tuyên truyền chính sách, giải đáp thắc mắc, động viên mọi người tích cực thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ. Nhiều cuộc họp quần chúng rộng rãi, những cuộc mít tinh toàn xã được triệu tập. Tư tưởng của nông dân được phát động; khí thế quần chúng lên cao.

Trong khi đó, đại bộ phận cán bộ trong đội công tác phân công nhau về các xóm, đi vào quần chúng “nghèo khổ”, thực hiện “*ba cùng*” (cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với nông dân), “*thăm nghèo hỏi khổ*”, “*bắt rế*”, “*xâu chuối*” để tìm chỗ dựa.

Thông qua việc đi sâu vào quần chúng, thực hiện “*ba cùng*”, phát động quần chúng tố khổ, một mặt nông dân lao động

thấy rõ tội ác của giai cấp địa chủ và nguồn gốc cực khổ của mình; mặt khác, cán bộ đội công tác có điều kiện tìm ra được người tốt để “bắt rế”.

“Bắt rế” là khâu công tác đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ công tác của đợt phát động quần chúng. Bắt rế có nghĩa là xây dựng chỗ dựa cho đội công tác và tạo ra những hạt nhân của phong trào quần chúng.

Trong phát động quần chúng, nhiều cán bộ trong các đội công tác đã rèn luyện được tác phong đi sâu điều tra nghiên cứu, thực hiện “ba cùng”, nắm vững quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng và đường lối nông thôn của Đảng tin tưởng vào khả năng của bần, cố nông; nhờ đó đã lựa chọn chính xác và bồi dưỡng được những “rế tốt”, tiêu biểu là đội An Mỹ. Tuy nhiên, cũng có những cán bộ ngại gian khổ, thiếu quan điểm quần chúng, nên đã bắt lầm phải “rế thối”; hoặc lúng túng, không “bắt được rế”.

Trên cơ sở bắt “rế tốt”, các đội công tác đi sâu tìm hiểu tình hình thôn, xã và mở rộng “xâu chuỗi”. “Xâu chuỗi” về thực chất là mở rộng đội ngũ cốt cán bằng hình thức đi sâu phát động tư tưởng từng người, tuyên truyền và tổ chức từng người một cách vững chắc.

Sau khi tổ chức quần chúng, có cốt cán vững chắc làm nòng cốt, đội công tác tổ chức quần chúng học tập phân định thành phần giai cấp. Đây là công tác trọng yếu bậc nhất trong cải cách ruộng đất nhằm phân rõ ranh giới giữa nông dân và địa chủ, đoàn kết nông dân lao động và đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ. Phân định thành phần giai cấp ở nông thôn là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa nông dân và địa chủ. Giai cấp địa chủ dùng mọi thủ đoạn phân tán

ruộng đất, tài sản cho vợ con tham gia lao động đôi chút, giả nghèo giả khổ; đồng thời mua chuộc, đe dọa khổ chủ để che giấu tội ác bóc lột của chúng. Trong nông dân cũng có nhiều người e ngại, không dám phát hiện địa chủ, sợ mang thù chuốc oán vào người hoặc nể nang do mối quan hệ họ hàng, quen biết... Do đó, trong việc phát hiện và đấu tranh vạch rõ thành phần giai cấp, một mặt, cán bộ phải nắm vững tiêu chuẩn phân định thành phần, mặt khác, phải giáo dục cho nông dân hiểu rõ và chấp hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ.

Trong quá trình phân định thành phần, đội cải cách ruộng đất ở An Khánh đã có nhiều kinh nghiệm tốt. Cán bộ của đội tỏa về các xóm đồng bào Sán Dìu, đi vào các gia đình bản, cố nông để giáo dục, tuyên truyền, thăm nghèo hỏi khổ. Nhờ đó, đồng bào Sán Dìu đoàn kết cùng với đồng bào Kinh đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ.

Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nông dân, tội ác và thủ đoạn bóc lột của địa chủ bị vạch trần. Những địa chủ cường hào gian ác bị đưa ra trước quần chúng để vạch mặt và kết tội.

Sau khi phân định thành phần giai cấp, việc tịch thu, trưng thu và trưng mua được tiến hành. Trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã (từ ngày 25/12/1953 đến ngày 30/3/1954), chúng ta đã tịch thu 795 mẫu, trưng thu 1.580 mẫu, trưng mua 164 mẫu cùng với 352 trâu bò, 1.062 nông cụ, 33 nhà cửa và trên 26,4 tấn lương thực chia cho các hộ nông dân lao động.

Giai cấp nông dân phấn khởi đón nhận những phần được chia quả thực. Ngày đi cấy thửa nhận ruộng như một ngày hội, đánh dấu một bước biến đổi trong đời sống của người

nông dân Đại Từ. Từ sáng sớm, các gia đình nông dân - từ già đến trẻ - lũ lượt kéo nhau ra đồng. Họ vui mừng nhận tấm biển ghi tên mình để cắm trên thửa ruộng được chia. Kể từ đó, ruộng đất trong 6 xã đã thực sự trở về tay nông dân. Ngày đi cắm thẻ nhận ruộng còn in đậm trong ký ức mỗi người. Nông dân Đại Từ ghi sâu công ơn của Đảng, của Bác Hồ không chỉ đem lại độc lập tự do mà còn đem lại ruộng đất, trâu bò, đưa người dân thoát khỏi cuộc đời khổ cực, đắng cay.

Đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã kết thúc. Thế lực kinh tế và chính trị của giai cấp địa chủ ở 6 xã này cơ bản bị đánh đổ. Giai cấp nông dân đã thật sự làm chủ ruộng đất, làm chủ nông thôn, phấn khởi phát triển sản xuất. Khối đoàn kết nông dân lao động được tăng cường.

Thắng lợi của đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc Đại Từ đã vượt ra ngoài phạm vi của những địa phương nhỏ hẹp. Những thành quả này đã lan rộng ra toàn quốc, làm vững lòng quần chúng công - nông ở hậu phương và bộ đội ngoài mặt trận. Những thành tích trong vận động giảm tô và đợt thí điểm cải cách ruộng đất đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (ngày 07/5/1954).

Với những kết quả to lớn đó, đợt thí điểm cải cách ruộng đất đã chứng minh chủ trương phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất do Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời, thông qua đợt thí điểm này, Đảng ta có thêm cơ sở thực tiễn để xem xét và bổ sung một số chính sách cụ thể trong chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất.

Tuy nhiên, trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã, một số cán bộ và đội công tác đã phạm phải một số khuyết

điểm. Một số cán bộ có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, không chịu đi sâu phát động quần chúng nông dân nghèo khổ, do đó không chọn và bồi dưỡng được cốt cán. Một số cán bộ chưa đi sâu, đi sát vào quần chúng để tìm hiểu tình hình, mà chỉ dùng phương pháp hành chính, thống kê đơn thuần trong khi tính toán ruộng đất và thành phần giai cấp bóc lột, cho nên đã để một số địa chủ cường hào gian ác lọt lưới; tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của giai cấp địa chủ một cách thiếu triệt để do đó không thỏa mãn yêu cầu của quần chúng bản, cố nông trong khi chia ruộng đất và các tài sản khác.

Những thiếu sót “hữu” khuynh trên đây được phát hiện kịp thời và phê phán nghiêm khắc, từ đó có biện pháp khắc phục một phần khá lớn.

Song, chính trong tình hình đó, cán bộ tham gia cải cách ruộng đất bắt đầu có tâm lý “*thà tả một tí còn hơn mang tiếng là hữu*”. Những sai lầm “tả” khuynh vì thế xuất hiện mà không được phát hiện đầy đủ và phê phán đúng mức, kịp thời.

Trên thực tế, những mầm mống “tả” khuynh đã nảy sinh trong một số cán bộ từ ngay khi bước vào cuộc phát động quần chúng giảm tô. Vào thời gian này, một số cán bộ có những nhận định không đúng: chỉ nhấn mạnh những thiếu sót trong việc thực hiện chính sách ruộng đất trong những năm đầu kháng chiến; ngược lại, đánh giá quá thấp những thành quả cải cách dân chủ đã đạt được; không thấy hết những chuyển biến trong mối quan hệ giai cấp và lực lượng đối sánh ở nông thôn; phần nào đánh giá quá cao lực lượng và sự phản ứng của giai cấp địa chủ trong khi đó lại đánh giá quá thấp các tổ chức của ta ở nông thôn.

Những nhận định không đúng trên đây lúc đầu chưa gây tác hại rõ rệt. Nhưng trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất, vì không thấy hết những diễn biến tư tưởng của cán bộ, nên ban chỉ đạo đã không uốn nắn những thiếu sót “tả” khuynh đó một cách kịp thời. Những thiếu sót này ảnh hưởng không tốt tới các đoàn, đội công tác. Một số cán bộ nhận định rằng: sau giảm tô, chi bộ nông thôn vẫn phức tạp; trong ban chỉ ủy hầu hết còn “chân tay” của địa chủ, do đó chủ trương cải biến thành phần chi bộ, đặt vấn đề chỉnh đốn tổ chức thành một yêu cầu cao hơn so với thời kỳ giảm tô.

Tiếp theo đợt thí điểm, từ ngày 25/5/1954, đợt 1 cải cách ruộng đất bắt đầu được mở trên phạm vi rộng, gồm 6 xã thuộc tỉnh Thanh Hóa và 47 xã thuộc tỉnh Thái Nguyên; trong đó có 10 xã thuộc huyện Đại Từ⁽¹⁾.

Đợt 1 cải cách ruộng đất tiếp tục phát huy những thắng lợi của đợt thí điểm, nhưng những sai lầm, thiếu sót trước đây vẫn kéo dài và với mức độ nặng hơn.

Đại đa số quần chúng nông dân rất phấn khởi vì cải cách ruộng đất đã đem lại cho họ những quyền lợi chính trị và kinh tế to lớn. Trước cải cách ruộng đất, nhiều xã trong huyện có từ 20 đến 30 hộ nông dân không có ruộng cày; nhưng sau 2 đợt cải cách ruộng đất, bình quân mỗi nhân khẩu nông dân có từ 4 đến 5 sào cùng các tài sản khác. Đó là một trong những thắng lợi to lớn, rất căn bản của cuộc cải cách ruộng đất.

Cùng với kết quả trên, thông qua 2 đợt cải cách ruộng đất, kết hợp với công tác chỉnh đốn tổ chức, các chi bộ Đảng, chính

⁽¹⁾ 10 xã thực hiện cải cách ruộng đất đợt 1 là: An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Thượng, Bình Dân, Ký Phú, Văn Yên, Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ.

quyền và đoàn thể nhân dân được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Quan điểm, lập trường và phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn trước.

Tuy vậy, do những sai lầm, lệch lạc “tả” khuynh, tình trạng hoang mang, lo ngại cũng bắt đầu nảy sinh trong một bộ phận quần chúng và đảng viên. Trung ương đã có chỉ thị nhắc nhở các đoàn, đội chú ý nắm vững chính sách, phê phán tư tưởng “thà tả còn hơn hữu”; nhưng những chỉ thị đó chưa được quán triệt đầy đủ trong quá trình tiến hành đợt 1 cải cách ruộng đất. Những hiện tượng đả kích tràn lan, “đánh nhầm” vào nội bộ Đảng vẫn tiếp tục diễn ra. Qua 2 đợt cải cách ruộng đất ở 16 xã thuộc Đại Từ, chúng ta đã xử trí 251 đảng viên, trong đó có 59 trường hợp xử trí đúng (23,5%) và 50 trường hợp xử trí sai (76,5%)(¹); đồng thời quy 176 hộ là địa chủ, trong đó quy đúng là 45 hộ và quy sai là 131 hộ (chiếm tỷ lệ 74,43%)(²).

Những sai lầm trên đây chủ yếu bắt nguồn từ sự nhận thức lệch lạc, phương pháp tư tưởng chủ quan, máy móc, giáo điều; tác phong quan liêu mệnh lệnh, độc đoán; tổ chức thực hiện không đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng (các cơ quan cải cách ruộng đất tổ chức thành hệ thống riêng từ trên xuống dưới với những quyền hạn quá rộng nên dễ lạm quyền, không dựa vào cơ sở Đảng và cấp ủy địa phương, quá đề cao những cốt cán và cán bộ mới bồi dưỡng trong cải cách ruộng đất nên

(¹) Dự thảo báo cáo công tác chỉnh đốn tổ chức trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, bản đánh máy, tr.19, lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

(²) Báo cáo tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thái Nguyên, số 24 BC/TN, bản đánh máy, tr.23, lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

nhiều cán bộ, đảng viên có nhiều thành tích và kinh nghiệm không được sử dụng...).

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, Trung ương Đảng đã có những chỉ thị vạch rõ cần kết hợp những bước cuối của đợt cải cách ruộng đất mà tiến hành kiểm tra và sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

Nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng lần thứ X nêu rõ: *“Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ đó thì dựa trên đường lối nông thôn của Đảng, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng ta và của nhân dân ta, thi hành đúng chính sách cụ thể sửa chữa sai lầm nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà”*⁽¹⁾.

Công tác sửa sai phải đạt được những yêu cầu sau đây:

- Sửa chữa tốt những sai lầm để thực hiện thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết nội bộ, củng cố tổ chức, tăng cường lãnh đạo và nâng cao uy tín của Đảng.

- Kết hợp với củng cố Đảng mà sửa chữa những sai lầm đối với các tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng nhằm củng cố những tổ chức đó.

⁽¹⁾ Xem Cách mạng ruộng đất, Sdd, tr.119.

- Dần dần ổn định tư tưởng, giải quyết mọi mâu thuẫn, thù oán, thực hiện đoàn kết, củng cố khối liên minh công nông, củng cố và mở rộng mặt trận, nâng cao lòng tin tưởng và phấn khởi của nhân dân, trên cơ sở đó mà đẩy mạnh sản xuất..

Nghị quyết X nêu lên phương châm chỉ đạo công tác sửa sai là *"kiên quyết, khẩn trương và thận trọng, có từng bước, có trọng điểm, có kế hoạch chu đáo, có lãnh đạo chặt chẽ và cảnh giác đề phòng những hành động phá hoại của địch"*.

Dưới ánh sáng Nghị quyết X của Trung ương Đảng, các địa phương miền Bắc khẩn trương bắt tay vào công tác sửa sai.

Từ cuối năm 1956, Huyện ủy Đại Từ được Tỉnh ủy Thái Nguyên giao nhiệm vụ sửa sai đợt 1 trong phạm vi 5 xã; từ ngày 18/12/1956, tiến hành sửa sai ở toàn bộ các xã đã tiến hành cải cách ruộng đất.

Tuyệt đại đa số nhân dân trong huyện vẫn giữ vững niềm tin đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Cán bộ, đảng viên đều có thái độ đúng đắn, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, tích cực sửa chữa sai lầm.

Tuy nhiên, trong buổi đầu tiến hành sửa sai, tình hình diễn biến khá phức tạp. Trong những nông dân bị đấu tố oan, bên cạnh số cán bộ đảng viên và quần chúng có thái độ đúng mực, bình tĩnh chờ đợi sửa sai, một số chưa thông hiểu chính sách đã có những hành động bất mãn, kích động quần chúng, dả kích vào bản, cố nông và những người đấu tố họ. Số cán bộ cốt cán được đào tạo, bồi dưỡng trong cải cách ruộng đất tỏ ra hoang mang, lo sợ bị trả thù; một số không dám đi họp; một số bỏ về xuôi, nghi ngờ đường lối của Đảng. Đáng chú ý là một số phần tử xấu lợi dụng cơ hội đã tạo dư luận nhằm

gây ra những vụ lộn xộn ở nông thôn, có hành động gây gổ với cán bộ cốt cán và bản, cố nông để, đòi lại ruộng đất, trâu bò của nông dân đã được chia trong cải cách ruộng đất.

Trước tình hình đó, Huyện ủy đã triệu tập những đảng viên bị xử trí oan học tập Nghị quyết X của Trung ương; tổ chức cho nhân dân học tập thông cáo của Hội đồng Chính phủ; tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập mục đích, yêu cầu của công tác sửa sai. Do tiến hành trong những điều kiện phức tạp, công tác sửa sai một mặt phải nhằm khắc phục sai lầm, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, ổn định tư tưởng quần chúng, trả lại tự do và khôi phục danh dự cho những người bị xử trí oan, đền bù ruộng đất và tài sản cho những người quy oan. Mặt khác, Huyện ủy phải tiếp tục chỉ đạo cuộc đấu tranh giai cấp chống bọn địa chủ phản động âm mưu xóa bỏ thành quả của cải cách ruộng đất.

Nhờ có sự ủng hộ tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng, công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất do Huyện ủy tổ chức chỉ đạo đã thu được nhiều thành tích đáng kể.

Trong và sau khi sửa sai, những người bị xử trí oan trong cải cách ruộng đất đã được trả lại tự do⁽¹⁾; hơn 200 đảng viên được minh oan, trả lại Đảng tịch, phục hồi danh dự và chức vụ. Một số cán bộ chính quyền và đoàn thể quần chúng cũng được phục hồi chức vụ.

Thông qua đợt sửa sai, Ban Huyện ủy và các ban chi ủy được kiện toàn. Huyện ủy chọn 2 xã vùng cải cách ruộng đất

⁽¹⁾ Trả lại tự do cho 23 người bị giam giữ, trong đó có 8 đảng viên.

để tổ chức thí điểm bầu chi ủy; đồng thời cho bầu lại 13 ban chi ủy ở vùng giảm tô. Nhờ đó, các ban chi ủy có nhiều chuyển biến tốt hơn trước, nổi bật là các xã Tân Thái, Bình Thuận, An Khánh... Nội bộ Đảng được thống nhất, vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và mối quan hệ với quần chúng trong huyện được tăng cường...

Một trong những vấn đề mấu chốt của công tác sửa sai là sửa đổi thành phần và đền bù tài sản. Huyện ủy đã chọn xã Bình Thuận làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

Trải qua 10 tháng, toàn huyện đã sửa sai 26/29 xã. Các thành phần quy sai trong cải cách ruộng đất đã được sửa đổi⁽¹⁾. Do vậy, khối đoàn kết ở nông thôn được củng cố trở lại.

Công tác sửa sai hoàn thành đã kết thúc thắng lợi cuộc vận động cải cách ruộng đất, tạo nên bước chuyển mới trong nông thôn Đại Từ.

Phấn khởi vì được làm chủ ruộng đồng, nông dân các dân tộc huyện Đại Từ ra sức đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phục hồi và phát triển kinh tế, phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

⁽¹⁾ Thống kê sửa đổi thành phần giai cấp ở nông thôn Đại Từ sau cải cách ruộng đất:

- Trong cải cách ruộng đất đã quy 48 người là địa chủ, cường hào gian ác (trong đó quy sai cho 35 người, sau sửa xuống thành 12 địa chủ thường, 1 địa chủ kháng chiến, 11 phú nông, 9 trung nông và 2 lao động khác).

- Quy địa chủ thường có 202 người (trong đó quy sai cho 134 người, sau sửa xuống thành 11 địa chủ kháng chiến, 38 phú nông, 81 trung nông, 1 ít ruộng đất, 2 viên chức, 1 lao động khác).

- Quy phú nông có 205 người (trong đó quy sai cho 19 người, sau sửa xuống thành 17 trung nông và 2 công thương).

II. Khôi phục, cải tạo các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1955 - 1960)

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (ngày 7/5/1954), Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (ngày 21/7/1954). Theo tinh thần Hiệp định, đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng với âm mưu xâm lược, đế quốc Mỹ từng bước thay chân thực dân Pháp phá hoại Hiệp định, biến miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Do đó, trong thời kỳ này, đất nước ta phải đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng. Miền Bắc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, chi viện cho miền Nam tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh, cải tạo các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa với rất nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

Vốn có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động, sau 9 năm kháng chiến gian khổ chịu nhiều hy sinh, nay được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, nhân dân các dân tộc Đại Từ phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới.

Là hậu phương kháng chiến, trong những năm cuối của cuộc chiến tranh, Đại Từ được Trung ương Đảng, Chính phủ chọn làm nơi thí điểm thực hiện một số chính sách mới, mang lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân, nhất là nông dân.

Tuy vậy, cũng do hoàn cảnh chiến tranh, nhiều diện tích ruộng đất bị bỏ hoang. Hòa bình lập lại, số diện tích ruộng hoang lại tăng lên do số đồng bào tản cư trở về quê cũ. Trình độ thâm canh và điều kiện đầu tư chăm bón cây trồng còn hạn chế, nên sản lượng lương thực thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ người dân thiếu đói trong các kỳ giáp hạt (tháng 3, tháng 8) hàng năm còn chiếm một tỷ lệ khá cao.

Trình độ dân trí nói chung, trình độ văn hóa nói riêng tuy được nâng lên, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều hủ tục vẫn còn duy trì trong nhân dân. Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống, chữa bệnh cho nhân dân còn nhiều khó khăn do thiếu thuốc, thiếu cán bộ y tế.

Trong khi đó, những phần tử phản động, tay sai của thực dân Pháp cũng nổi lên chống phá. Chúng dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào miền Nam. Đồng thời, chúng lợi dụng một số sai lầm trong giảm tô, cải cách ruộng đất, tiến hành các hoạt động kích động, chia rẽ, làm cho tình hình thêm rối ren, phức tạp.

Trước những khó khăn và thuận lợi trên, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết Đảng bộ chỉ đạo các ngành, các cấp tiến hành nhiều biện pháp tích cực nhằm đem lại sự ổn định tình hình tư tưởng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Các biện pháp đó là: đấu tranh với bọn phản động, tuyên truyền, giác ngộ nhân dân hiểu rõ chính sách đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết lương giáo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước ta; từng bước sửa chữa những sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất.

Để khôi phục và phát triển sản xuất, Đảng bộ phát động trong toàn huyện phong trào thi đua “sản xuất - tiết kiệm - cứu đói”, trước mắt là trồng các loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày như khoai lang, ngô, bí, các loại rau, đậu. Cuộc vận động tương trợ cứu đói được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Chỉ trong một tháng (15/8 - 15/9/1955), nhân dân trong huyện đã giúp đỡ nhau 3.054kg thóc, 384kg gạo, 213kg khoai, 148kg bí và 3.800 đồng, góp phần khắc phục kỳ đói giáp hạt. Phong trào khai hoang, phục hóa cả trên những diện tích đồng bào tản cư trở về quê cũ bỏ lại để mở rộng diện tích gieo trồng cũng thu được kết quả khá. Từ năm 1955 đến năm 1957, mỗi năm huyện khai phá được hàng chục héc-ta ruộng đất đưa vào sử dụng; cùng với thâm canh tăng vụ, diện tích gieo trồng ngày càng được mở rộng⁽¹⁾.

Để khắc phục tình trạng thiếu sức kéo trong sản xuất, đầu vụ mùa năm 1956, Huyện ủy chỉ đạo ngân hàng huyện cho nhân dân vay tiền mua được 27 con trâu, điều hòa 213 con trâu từ nơi thừa, hộ thừa sức kéo đến nơi thiếu, hộ thiếu sức kéo, đồng thời xuất cho nhân dân vay 3.300kg thóc giống bảo đảm tiến độ gieo trồng. Các biện pháp kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc cũng được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Chỉ tiêu phân bón ở các xã vùng ngược là phấn đấu sử dụng hết nguồn phân chuồng; các xã vùng xuôi ngoài nguồn phân chuồng cần khai thác thêm nguồn phân xanh, phân bắc, phân hóa học. Để chủ động nước tưới cho đồng ruộng, cùng với việc tu sửa mương máng, làm cọn, các xã tận dụng các khe suối, đắp đập

⁽¹⁾ Diện tích lúa chiêm và Nam Ninh năm 1955 = 2.918ha; năm 1957 = 3.004ha; diện tích lúa mùa 1955 = 5.313ha, 1957 = 5.827ha.

trữ nước. Huyện huy động hàng ngàn ngày công đắp đập thủy lợi An Mỹ. Các biện pháp cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn bước đầu được chú trọng. Do đó, mặc dù trong những năm này, thời tiết diễn biến phức tạp: hạn, lụt, sâu bệnh phá hoại nặng nề⁽¹⁾ nhưng năng suất lúa và hoa màu trong huyện vẫn mỗi năm một tăng và luôn cao hơn năng suất lương thực bình quân toàn tỉnh⁽²⁾.

Trên đà phát triển, từ năm 1957 đến năm 1960, phong trào sản xuất của huyện tiếp tục thu được kết quả tốt. Các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lúa đều tăng. Tính riêng sản lượng lúa mùa toàn huyện tăng từ 9.857 tấn (năm 1957) lên 11.456 tấn (năm 1960). Các loại hoa màu (ngô, khoai, sắn, rau, đậu) giữ ở mức ổn định hoặc tăng lên ít nhiều; các loại cây công nghiệp như mía tăng 300% về diện tích, chè búp khô tăng 1,5 lần về sản lượng. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện; diện thiếu đói trong các kỳ giáp hạt tuy vẫn còn rộng nhưng đã đỡ gay gắt hơn trước; việc đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao.

Trên mặt trận văn hóa - xã hội, phong trào bình dân học vụ thu được kết quả khá. Nhân dân hăng hái tham gia học tập, quyết tâm thanh toán nạn mù chữ. Được sự chỉ đạo của

⁽¹⁾ Tính riêng vụ mùa 1955 diện tích bị hạn, lụt, sâu bệnh phá hoại thiệt hại khoảng hơn 300 tấn lúa.

⁽²⁾ Năng suất lương thực bình quân các năm 1955 - 1957:

- Năm 1955: Tỉnh Thái Nguyên 1.234kg/ha, huyện Đại Từ 1.473kg/ha

- Năm 1956: Tỉnh Thái Nguyên 1.508kg/ha, huyện Đại Từ 1.802kg/ha

- Năm 1957: Tỉnh Thái Nguyên 1.446kg/ha, huyện Đại Từ 1.691kg/ha.

các cấp ủy, chính quyền, ban bình dân học vụ các xã tổ chức nhiều hình thức thi đua học tập, động viên kịp thời mọi người theo học. Mỗi năm huyện thanh toán nạn mù chữ cho hàng ngàn người. Đến năm 1960, gần 80% số người trong độ tuổi được công nhận thoát nạn mù chữ. Phong trào bỏ túc văn hóa trong những năm đầu phát triển chậm do khâu tổ chức động viên chưa tốt. Số học viên theo học đạt tỷ lệ thấp. Khóa học mùa xuân năm 1956 chỉ có 27% cán bộ, 7% nhân dân trong các lớp theo học hết khóa. Số còn lại bỏ học giữa chừng do bận công tác, sản xuất hoặc do nhận thức chưa đúng của nhân dân (nhất là tầng lớp trung niên và phụ nữ cho rằng cao tuổi rồi chỉ cần học để biết đọc, biết viết là đủ). Trước tình hình trên, để thúc đẩy phong trào phát triển, Huyện ủy đã chỉ đạo ngành giáo dục huyện xây dựng chế độ bồi dưỡng hợp lý đối với đội ngũ giáo viên, đồng thời cải tiến phương pháp quản lý, giao cho các địa phương tổ chức mở lớp, đưa công tác phát triển phong trào thành một chỉ tiêu thi đua trong các cơ quan, các hợp tác xã. Nhờ có chủ trương đúng, biện pháp phù hợp, phong trào bỏ túc văn hóa nhanh chóng phát triển sôi nổi, rộng khắp.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, giáo dục phổ thông ở Đại Từ phát triển mạnh. Hầu hết trẻ em đến tuổi đi học đều được cấp sách tới trường. Nhân dân các dân tộc trong huyện đã bỏ ra hàng ngàn ngày công xây dựng trường lớp, đóng bàn ghế đảm bảo đủ chỗ cho con em mình theo học. Nhiều gia đình kinh tế còn khó khăn, có khi phải chạy ăn từng bữa nhưng vẫn cố gắng dành dụm tiền mua sách vở, bút mực... cho con em đến trường. Do đó, số học sinh theo học mỗi năm một tăng. Từ năm 1956 đến năm 1960, tổng số học sinh toàn huyện tăng gần 2 lần. Để tạo điều kiện cho các em học tập, các trường phổ thông cấp I thành lập các lớp lẻ, lớp ghép đến tận các

bản làng. Trường phổ thông cấp II mở thêm loại hình phổ thông ngắn hạn, thu hút nhiều học sinh lớn tuổi theo học. Nhiều học sinh bỏ học hai, ba năm lại tiếp tục đến trường.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chu đáo. Đến đầu năm 1956, toàn huyện đã thành lập được 29 ban phòng bệnh ở 29 xã. Các xóm đều có tủ thuốc, có cán bộ y tế phụ trách. Hàng năm huyện đều có kế hoạch đào tạo, tăng cường đội ngũ cán bộ y tế cho cơ sở. Riêng năm 1959, toàn huyện đã có thêm 49 cán bộ y tế, trong đó có 10 y tá sơ cấp, 19 nữ hộ sinh. Công tác tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, dùng thuốc chữa bệnh... được triển khai rộng khắp. Hiện tượng nhân dân cầu cúng chữa bệnh khi ốm đau đã giảm hẳn. Mỗi năm, ngành y tế huyện đều tổ chức phun thuốc DDT từ 1 đến 2 lần ở tất cả các thôn xóm để diệt trừ dịch bệnh, chủ yếu là bệnh sốt rét.

Công tác thông tin văn hóa, văn nghệ cũng được mở rộng. Mỗi thôn xóm đều có tổ thông tin, tập hợp và phản ánh kịp thời những chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ đến nhân dân. Đội văn nghệ của xã tích cực hoạt động. Lời ca, tiếng hát, điệu múa, vở kịch... của các đội văn nghệ đều tập trung ca ngợi và động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới.

Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Đại Từ đến đầu những năm 60 đã được cải thiện rõ rệt. Tuy vậy, khó khăn vẫn còn nhiều, nhất là công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hiện tượng ốm đau không có thuốc, hoặc thiếu thuốc còn khá phổ biến. Bệnh sốt rét vẫn còn là nỗi lo lắng thường xuyên của nhân dân. Để ngăn chặn nạn mê tín dị đoan, Đảng bộ, chính quyền huyện đã có nhiều biện pháp răn đe, giáo dục những người làm nghề bói toán, cầu cúng,

đồng thời tuyên truyền giáo dục nhân dân lên án, bài trừ hủ tục nhưng những hiện tượng nói trên vẫn xảy ra ở một số nơi. Có nơi (như xã Cù Vân), cán bộ chủ chốt của xã còn tham gia vào các hoạt động mê tín.

Song song với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, từ năm 1955, Đại Từ được chọn thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Phong trào xây dựng tổ đổi công phát triển sản xuất ở Đại Từ được thực hiện từ năm 1953⁽¹⁾, đến năm 1955 toàn huyện đã có 857 tổ, trong đó có 21 tổ đổi công thường xuyên. Từ những tổ đổi công hoạt động tốt, đạt hiệu quả cao trong sản xuất, năm 1955 Đại Từ xây dựng 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập, Xóm Gò thuộc xã Hùng Sơn với 34 hộ xã viên. Đây là 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đầu tiên của huyện, cũng là đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1956, Đại Từ phát triển thêm 2 hợp tác xã: Đồng Mạc và Trung Na (xã Độc Lập, nay thuộc Tiên Hội), đưa tổng số hộ tham gia hợp tác xã toàn huyện lên 81 gia đình. Buổi đầu bỡ ngỡ, thiếu kinh nghiệm, các hợp tác xã đều lúng túng trong quản lý lao động, ruộng đất, điều hành sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm. Cuối năm 1956, cùng với việc phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, tổ đổi công tan vỡ từng mảng. Riêng xã Hùng Sơn có 51 tổ, trong đó 36 tổ đổi công thường xuyên, 11 tổ có bình công chấm điểm, đến năm 1957 chỉ còn 3 tổ hoạt động. Trong 5 hợp tác xã được thành lập chỉ có 3 hợp tác xã hoạt động cầm chừng là hợp tác xã Cầu Thành, hợp tác xã Sơn Tập (xã Hùng

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1955 - 1975), tr.25.

Sơn) và hợp tác xã Đồng Mạc (xã Độc Lập); 2 hợp tác xã Xóm Gò (xã Hùng Sơn) và Trung Na (xã Độc Lập) không còn hoạt động, đến giữa năm 1957, một hợp tác xã tan vỡ.

Trước tình hình trên, với quyết tâm đưa nông dân vào làm ăn tập thể bằng con đường hợp tác hóa nông nghiệp, theo chủ trương, đường lối của Đảng, các cấp bộ Đảng từ tỉnh đến huyện, xã đã thành lập và cử nhiều đoàn cán bộ xuống cơ sở xây dựng, củng cố và phát triển phong trào.

Ngày 02/3/1958, cán bộ và nhân dân Đại Từ được vinh dự đón Hồ Chủ tịch đến thăm. Xã viên trong 4 hợp tác xã và đồng bào thuộc 2 xã Hùng Sơn, Tiên Hội cùng một số cán bộ khu, tỉnh, huyện tập trung ở hợp tác xã Cầu Thành đón Bác. Nói chuyện với cán bộ và nhân dân địa phương, Bác căn dặn, đồng viên đồng bào phải hăng hái tham gia tổ đổi công, hợp tác xã, hăng hái tăng gia sản xuất xây dựng quê hương giàu đẹp... Thực hiện lời dạy của Bác, trên cơ sở những kinh nghiệm đã được tổng kết tại hội nghị đổi công toàn tỉnh tháng 5/1957, với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và nhân dân, phong trào tổ đổi công được phục hồi. Đến 1959, ngoài những tổ chuyển lên xây dựng hợp tác xã, toàn huyện vẫn còn 874 tổ, trong đó có 432 tổ đổi công thường xuyên⁽¹⁾. Phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp thu được kết quả tốt. Từ 7 hợp tác xã với 93 hộ xã viên năm 1958, đến hết năm 1959, tất cả 28 xã trong huyện đã xây dựng được hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, trong đó, các xã Phúc Lương, Đức Lương và Bình Dân (nay là xã Cát Nê) đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ vận động nhân dân vào làm ăn tập thể. Đến cuối năm 1960, toàn huyện

⁽¹⁾ Tài liệu thống kê năm 1959 - Chi cục thống kê Thái Nguyên.

đã xây dựng được 177 hợp tác xã với 6.070 hộ xã viên, chiếm 87,72% tổng số hộ nông dân trong huyện.

Sống trong hòa bình, độc lập, tự do nhưng Đảng bộ huyện Đại Từ luôn quan tâm đến công tác quân sự địa phương. Các Ban chỉ huy xã đội, trung đội dân quân thường xuyên được củng cố và kiện toàn đủ về số lượng, vững về chất lượng. Nguồn bổ sung chủ yếu của lực lượng dân quân tự vệ là những cán bộ chiến sỹ quân đội phục viên về địa phương, những đồng chí đã được tôi luyện trong quân ngũ, có tư cách đạo đức tốt, có chuyên môn nghiệp vụ. Việc quản lý, phân loại dân quân (loại I, loại II) theo sức khỏe, lứa tuổi được theo dõi chặt chẽ. Mỗi xã có từ 1 đến 3 trung đội dân quân loại I được biên chế thành từng tiểu đội theo khu vực xóm hoặc liên xóm. Kế hoạch huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cho lực lượng dân quân hàng năm được thực hiện một cách nghiêm túc. Quân số tham gia huấn luyện đều đạt từ 85% trở lên.

Thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 12 (mở rộng) của Trung ương Đảng về *"tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng"* (tháng 3/1957), đầu năm 1958, Đại Từ là một trong bốn huyện của tỉnh Thái Nguyên (Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương) được khu Việt Bắc chọn làm địa phương thực hiện thí điểm chế độ nghĩa vụ quân sự. Theo chủ trương trên, đầu năm 1959, huyện đã tổ chức đăng ký thanh niên từ 18 đến 25 tuổi, dân quân tự vệ đến 40 tuổi, quân nhân phục viên chuyển ngành đến 45 tuổi vào lực lượng dự bị. Cũng trong năm 1959, Đại Từ đã tiến hành vận động tuyển quân được 1 tiểu đoàn bộ binh đúng thời gian, bảo đảm chất lượng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1991), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Bắc Thái*, tr.46.

Tuy còn nhiều khó khăn và thiếu thốn trong đời sống kinh tế, văn hóa, đội ngũ cán bộ còn non yếu trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động xã hội, nhưng những thành tích đạt được, những kinh nghiệm thành công và chưa thành công những năm qua là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân Đại Từ bắt tay vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

III. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3 (tháng 9/1960), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (tháng 3/1961), Đảng bộ huyện Đại Từ xác định: tập trung sức phát triển nông, lâm nghiệp trên cơ sở củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã nông nghiệp nhằm đảm bảo nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước; phát triển tiểu thủ công nghiệp, góp phần sản xuất nông nghiệp và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, để tạo khí thế cho sản xuất, trong các năm 1961 - 1962, Huyện ủy liên tiếp chỉ đạo các ngành vận động nhân dân trong huyện hưởng ứng các phong trào thi đua do tỉnh phát động. Phong trào: *"Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện"* (vụ chiêm 1960 - 1961); phong trào: *"Phát cao cờ hồng, vượt gió Đại Phong, vụ mùa đại thắng"* (vụ mùa năm 1961); phong trào: *"Phát cao cờ hồng, đông xuân mười giỏi, chiến thắng nghèo nàn, đẩy lùi lạc hậu"*... cùng với phong trào thi đua: *"Sóng Duyên Hải, gió Đại Phong, cờ ba nhất"* đã cổ vũ lòng nhiệt tình thi đua yêu nước của cán bộ, đảng viên và

nhân dân trong huyện hăng hái tăng gia sản xuất. Do đó, các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lương thực 2 năm này đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Mỗi lần, trước khi phát động các phong trào thi đua, Huyện ủy đều triệu tập các đồng chí cán bộ chủ chốt các xã về huyện học tập quán triệt mục đích, yêu cầu của cuộc vận động. Trên cơ sở đó, việc tổ chức học tập được triển khai đến tận các thôn xóm. Huyện còn phân công hàng trăm cán bộ, công nhân viên các ban, ngành trực tiếp xuống các xã chỉ đạo phong trào, tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất theo 4 mục tiêu: diện tích nhiều nhất, năng suất cao nhất, đời sống và tích lũy khá nhất, thực hiện nghĩa vụ tốt nhất.

Để đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng, từ năm 1961 đến năm 1965, bình quân mỗi năm huyện huy động gần 30.000 ngày công lao động đắp bờ, hồ, đập, sửa chữa và làm mới kênh mương, cọn nước⁽¹⁾. Trong đó có 2 công trình lớn là đập Rừng Chùa (xã Phục Linh), khởi công năm 1962, hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1963, tưới nước cho 185ha lúa. Năm 1964, huyện tiếp tục triển khai đắp hồ Phượng Hoàng. Công trình này cung cấp đủ nước tưới cho 270ha ruộng hai vụ. Cùng với phong trào khai hoang, phục hóa, mỗi năm huyện có thêm hàng trăm mẫu ruộng đưa vào gieo cấy. Riêng năm 1961, các xã: Lục Ba tăng thêm 60 mẫu, Phục Linh 59 mẫu, Cù Vân, An Khánh mỗi xã 15 mẫu... Do đó, tổng diện tích trồng lúa hàng năm đều tăng lên. Năm 1960 có 9.664ha, năm 1964 tăng lên 11.357ha, đến năm 1965 là 11.947ha.

⁽¹⁾ Cọn nước thường được làm bằng tre, nứa, kết lại thành một guồng quay nhằm tận dụng sức nước từ các dòng chảy tự nhiên để đưa nước lên cao, dẫn nước về các đồng ruộng và thôn bản.

Ngoài thủy lợi, các biện pháp kỹ thuật cày sâu, bừa kỹ, cấy dày... vẫn được duy trì. Phong trào sản xuất và dùng nông cụ cải tiến phát triển mạnh⁽¹⁾. Trong huyện đã có một số tổ sản xuất nông cụ cải tiến ở hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn), hợp tác xã Đồng Đa (xã Cù Vân). Các hợp tác xã Tân Sơn (xã An Khánh), Thành Công, Sơn Tập (xã Hùng Sơn), hợp tác xã Đồng Quan (xã Yên Lãng) đã dùng 100% cày cải tiến.

Các lớp tập huấn kỹ thuật chọn và nhân giống cho đội giống của các hợp tác xã được thường xuyên tổ chức. Các hợp tác xã đều khoanh vùng gieo cấy, lúa giống được chăm sóc, chọn lọc kỹ. Hơn 70% lượng thóc giống được xử lý bằng lò thóc mầm 54°C.

Phong trào làm phân bón ruộng phát triển mạnh mẽ. Nếu như thời gian đầu sau khi hòa bình lập lại, tại nhiều nơi nhân dân trong huyện chưa có thói quen dùng phân chuồng bón ruộng thì đến nay, khắp nơi nhân dân thi đua làm nhiều phân bón với hình thức phong phú. Đoàn Thanh niên có phong trào “*thanh niên ngàn cân*”, phụ nữ có phong trào “*đi không về có*”, “*sạch làng tốt ruộng*”... Do đó, lượng phân hữu cơ bón lúa tăng bình quân từ 43 gánh một mẫu (0,36ha) năm 1962 lên 50 gánh một mẫu năm 1964. Các loại phân vô cơ cũng tăng từ 3 đến 5 lần trong thời gian nói trên.

Do được quan tâm đầu tư về thủy lợi, phân bón, cải tiến kỹ thuật gieo cấy và chăm sóc nên năng suất lúa của huyện mỗi năm một tăng. Năm 1960, năng suất trung bình cả năm đạt

⁽¹⁾ Tổng số cày cải tiến năm 1962 tăng 2 lần so với năm 1961. Tổng số bừa sắt năm 1962 tăng 25% so với năm 1961. Tổng số bừa cải tiến năm 1962 tăng 89 cái.

16,49 tạ/ha; đến năm 1965 tăng lên 19,46 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực năm 1960 là 15.941 tấn, năm 1965 tăng lên 23.256 tấn.

Tuy vậy, cây màu do chưa được chú ý đúng mức nên phát triển không ổn định. Sản lượng ngô năm 1960 đạt 76 tấn, năm 1964 đạt 165 tấn; đến năm 1965 giảm xuống còn 158 tấn; khoai lang năm 1960 là 234 tấn, năm 1964 vượt lên 1.603 tấn, năm 1965 lại giảm xuống còn 814 tấn.

Không những giữ vững và phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, Đại Từ còn phấn đấu hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Mặc dù yêu cầu đóng góp ngày càng lớn nhưng huyện Đại Từ luôn luôn là đơn vị dẫn đầu của tỉnh⁽¹⁾. Năm 1961, toàn huyện huy động được 3.423 tấn, năm 1964 được 5.417 tấn và năm 1965 được 5.131 tấn.

Do có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển đàn trâu nên đàn trâu của huyện phát triển nhanh. Năm 1960 có 9.923 con, đến năm 1965 tăng lên 12.166 con. Tuy vậy, do tập quán chăn nuôi nên đàn bò, ngựa, dê trong huyện tăng chậm.

Được quan tâm đầu tư giống, kỹ thuật chăn nuôi và việc phòng chống dịch bệnh tốt nên đàn lợn phát triển mạnh. Năm 1965, tổng đàn lợn toàn huyện có 20.400 con, tăng gần 2 lần so với năm 1960. Trọng lượng lợn thịt xuất chuồng ngày càng cao hơn. Đàn lợn phát triển không chỉ giải quyết nhu cầu thực phẩm trong nhân dân mà còn góp phần hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước.

⁽¹⁾ Niên giám thống kê "13 năm phát triển của tỉnh Bắc Thái", tr.210.

Đàn gia cầm (chủ yếu là gà, vịt) cũng phát triển mạnh. Trong điều kiện nền kinh tế tự cung tự cấp, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, việc mua bán trao đổi có nhiều trở ngại thì đàn gà, vịt trong các gia đình là nguồn dự trữ thực phẩm quan trọng của nhân dân.

Ngoài nghề chài lưới đánh bắt cá trên các sông suối, nhân dân Đại Từ còn tận dụng những vùng đất trũng, những khe suối nhỏ, đào đắp thành ao, hồ nuôi cá. Nhưng do chưa có nhiều giống tốt và chưa có thói quen đầu tư thức ăn nuôi cá nên sản lượng cá thịt còn thấp.

Là địa phương có diện tích rừng và đất rừng rộng lớn, với nhiều loại lâm sản quý, trong giai đoạn này, rừng Đại Từ là nguồn lợi lớn trong thu nhập của nhân dân địa phương. Ngoài những sản vật dùng làm thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh có giá trị như măng, mộc nhĩ, nấm hương, mật ong..., mỗi năm rừng Đại Từ còn cung cấp hàng ngàn mét khối gỗ, củi, hàng chục vạn cây tre, nứa, vầu, hàng vạn tàu lá cọ cho nhân dân địa phương và cho các tỉnh miền xuôi. Hầu hết các xã nằm dọc sườn dãy Tam Đảo đều có những đội khai thác lâm sản. Hàng năm, nếu là mùa khô, gỗ, tre, nứa, vầu của Đại Từ theo đường bộ, nếu là mùa mưa được gắn thành bè, mảng theo dòng sông Công xuôi về đồng bằng, phục vụ cho nhu cầu kiến thiết của nhân dân và các khu công nghiệp.

Tuy nhiên, do công tác quản lý không chặt chẽ dẫn đến tình trạng khai thác bừa bãi, khai thác không đi đôi với tu bổ, chăm sóc nên tài nguyên rừng nhanh chóng bị cạn kiệt. Cùng với tập quán phát rừng làm nương rẫy của nhân dân, mỗi năm hàng trăm héc-ta rừng bị tàn phá. Trong hai năm 1964,

1965, Đại Từ đã trồng 491ha lúa rẫy⁽¹⁾ (cũng có nghĩa từng đó diện tích rừng bị tàn phá). Phong trào trồng cây gây rừng hàng năm tuy được phát động nhưng công tác chăm sóc và bảo vệ còn kém hiệu quả nên kết quả rất thấp, dẫn tới tình trạng diện tích rừng nhanh chóng bị thu hẹp.

Trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo mục tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiệm vụ củng cố, phát huy tác dụng của hợp tác xã luôn được Đảng bộ quan tâm. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, phong trào hợp tác hóa trong sản xuất nông nghiệp của địa phương không vững chắc.

Do tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích, cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh, trong quá trình vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ huyện Đại Từ có một số biểu hiện vi phạm ba nguyên tắc (tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi).

Thực hiện chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã đón tiếp và tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào miền xuôi lên nhanh chóng ổn định cuộc sống, hình thành 28 hợp tác xã độc lập⁽²⁾, không kể nhiều gia đình xen ghép vào các hợp tác xã khác trong huyện. Đồng bào miền xuôi lên khai hoang mang theo nhiều kinh nghiệm sản xuất cùng những phong tục tập quán tốt, góp phần xây dựng và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương. Cơ

⁽¹⁾ Niên giám thống kê "13 năm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Thái", xuất bản năm 1974, tr.67.

⁽²⁾ Báo cáo năm 1964 của huyện Đại Từ.

cấu dân cư và cơ cấu kinh tế trong huyện thay đổi, vùng chuyên canh chè và các nghề nung vôi, làm gạch, ngói... lần lượt hình thành. Tuy vậy, việc chuyển dân nói trên làm tăng dân số một cách đột biến, trong khi sản xuất phát triển không tương xứng. Bình quân diện tích canh tác giảm, bình quân lương thực đầu người cũng giảm theo.

Đội ngũ cán bộ Ban quản trị hợp tác xã nhiệt tình, năng nổ, tận tụy với nhiệm vụ, với công việc chung, nhưng do trình độ văn hóa thấp, chưa có nhiều kiến thức quản lý kinh tế nên tiếp thu khoa học kỹ thuật và lãnh đạo kém hiệu quả, dẫn đến thất thoát, tham ô lãng phí trong một số cơ sở sản xuất. Việc xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức lao động không khoa học, thiếu chính xác gây nhiều thắc mắc, suy bì trong nhân dân. Chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã liên xóm với quy mô lớn càng gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý vốn đã yếu kém. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện hàng năm tăng lên nhưng chủ yếu ở khu vực kinh tế gia đình. Hiện tượng rong công, phóng điểm làm cho giá trị ngày công trong các hợp tác xã ngày càng thấp. Vì thế ngay từ cuối năm 1960, khi phong trào xây dựng hợp tác xã còn đang ở đỉnh cao, trên địa bàn huyện đã xuất hiện một số gia đình xã viên không muốn làm ruộng của hợp tác xã mà muốn xin ruộng hợp tác xã cấy không hết (vụ chiêm) hoặc đi vỡ hoang để làm riêng... Khi phong trào hợp tác xã giảm sút, nhiều gia đình xã viên xin ra hợp tác xã. Năm 1961, trong khi vận động xây dựng thêm 1 hợp tác xã (77 hộ), kết nạp thêm 294 hộ ở 24 xã thì cũng có hàng trăm hộ gia đình xin ra hợp tác xã: xã Cát Nê 101 hộ, xã Khôi Kỳ 29 hộ, các xã khác cũng đều có hiện tượng bỏ hợp tác xã. Do đó, tổng số hộ xã viên

trong các hợp tác xã từ 87,2% (cuối năm 1960) giảm xuống 80,88% (cuối năm 1961). Đến tháng 3/1962, toàn huyện có 40/165 hợp tác xã có nguy cơ tan vỡ.

Khó khăn của Đại Từ cũng là khó khăn chung của tỉnh Thái Nguyên và nhiều tỉnh trong khu vực. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh, từ năm 1963, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo tổ chức cải tiến quản lý trong các hợp tác xã. Sau khi tổ chức làm thí điểm rút kinh nghiệm ở hợp tác xã xóm Gió (xã Ký Phú), thực hiện cuộc vận động này, Đại Từ quyết định chia 4 hợp tác xã lớn thành 13 hợp tác xã nhỏ, củng cố và kiện toàn các ban quản trị hợp tác xã.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo các ngành trong huyện tổ chức nhiều lớp học cho cán bộ chủ chốt xã và các hợp tác xã trong toàn huyện về kiến thức quản lý kinh tế, điều hành sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm...

Cùng với cải tiến quản lý, kỹ thuật, tỉnh còn đầu tư cán bộ, hỗ trợ kinh phí giúp Đại Từ xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi. Đồng thời chọn xã Phú Xuyên làm thí điểm chủ trương ổn định nghĩa vụ lương thực trong các hợp tác xã để nhân dân yên tâm sản xuất, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác xã nông nghiệp.

Mặc dù các cấp bộ Đảng từ tỉnh đến huyện, xã đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp chỉ đạo sát sao nhưng phong trào vẫn gặp nhiều khó khăn. Trong khi củng cố các hợp tác xã yếu kém, phát triển thêm một số hợp tác xã mới thì vẫn có một số hợp tác xã bị vỡ, nhiều hộ xã viên vẫn tiếp tục xin ra hợp tác. Đến tháng 10/1964, Đại Từ chỉ còn 75,5% số hộ nông dân

tham gia hợp tác xã (trong đó kể cả đồng bào miền xuôi lên khai hoang).

Trong phong trào xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, một số nơi đã xuất hiện các điển hình tốt, tiêu biểu là hợp tác xã Thành Công - lá cờ đầu của phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh. Các hợp tác xã: Đồng Quan (xã Yên Lãng), Khánh Hòa, Đá Liền (xã Hà Thượng), Bình Định (xã Đoàn Kết, nay là xã Hoàng Nông) là những đơn vị tiên tiến, được Ủy ban hành chính tỉnh cấp bằng khen.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, ngành tiểu thủ công nghiệp cũng được các cấp, các ngành trong huyện quan tâm. Tại xã Hùng Sơn và khu vực huyện lỵ đã hình thành một số hợp tác xã, tổ sản xuất tiểu thủ công nghiệp: rèn, mộc, may, gò hàn tôn, thiếc... sản xuất nông cụ, dụng cụ sinh hoạt phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Nhiều xã phía Nam huyện sản xuất và kinh doanh voi. Xưởng phốt phát Núi Vắn được tỉnh đầu tư xây dựng từ năm 1960, mỗi năm sản xuất 3.000 tấn phân phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong huyện và một số địa phương khác trong tỉnh.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng sự nghiệp giáo dục vẫn không ngừng phát triển. Ngành bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năm 1962, Đại Từ có 19/29 xã mở được lớp cho 615 học viên theo học. Số học viên khi chuyển lớp, chuyển cấp là 344 người, tăng gần 3 lần so với năm 1961.

Đặc biệt, giáo dục phổ thông có bước phát triển mạnh. Tất cả các cấp bộ đảng trong huyện đều nhận thức đúng và quan

tâm chỉ đạo sát sao sự nghiệp giáo dục. Nhân dân các dân tộc Đại Từ đã dành hàng ngàn ngày công xây dựng trường sở với nhiều loại hình trường lớp, thỏa mãn nhu cầu học tập của thế hệ trẻ. Năm học 1960 - 1961, toàn huyện có 4.583 học sinh phổ thông. Năm học 1961 - 1962, huyện mở thêm hai lớp 5, một lớp 8 và hai trường phổ thông ngắn hạn cấp II với tổng số học sinh là 6.083 em. Năm học 1962 - 1963, cùng với 6.093 học sinh phổ thông của 3 cấp, huyện tiếp tục mở thêm một trường thanh niên xã hội chủ nghĩa - vừa học vừa làm cho 56 học sinh lớn tuổi theo học (chủ yếu là học sinh vùng sâu, vùng xa của huyện).

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, mỗi khi vào đầu năm học, phòng giáo dục đều mở thêm lớp chuyên môn nghiệp vụ cho tất cả giáo viên trong huyện. Phong trào thi đua “hai tốt” được phát động từ năm học 1961 và được duy trì đều nên chất lượng dạy và học được nâng cao. Số học sinh thi chuyển lớp, thi tốt nghiệp hàng năm đều đạt trên 90%. Năm học 1964 - 1965, ba trường cấp II (Bình Thuận, Tân Thái, Hùng Sơn) và trường cấp III huyện đều đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến, được Ủy ban hành chính tỉnh tặng bằng khen. Nhiều đơn vị được bình bầu là Tổ lao động xã hội chủ nghĩa.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân cũng được các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo. Mạng lưới y tế trong huyện thường xuyên được củng cố về cơ sở vật chất, đổi mới phương thức hoạt động. Đội ngũ thầy thuốc thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nên chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Trên 2/3 số trạm xá các xã đã quản lý, theo dõi, khám định kỳ và hướng dẫn vệ sinh cho chị em phụ nữ mang thai. Các chiến dịch tiêm phòng lao, bạch

hầu, bại liệt... được duy trì đều hàng năm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh vẫn được giữ vững nên không xảy ra các đợt dịch lớn trong nhân dân. Mặc dù Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã có rất nhiều cố gắng phòng chống, nhưng bệnh sốt rét vẫn là căn bệnh có số lượng bệnh nhân nhiều nhất ở địa phương. Do đó năm 1961, Đại Từ được Trung ương và tỉnh chọn làm thí điểm thanh toán căn bệnh này. Thực hiện chỉ đạo thí điểm, Đại Từ tiến hành hàng loạt các biện pháp phòng trừ dịch bệnh: tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân thực hiện ăn chín, uống sôi, bồi dưỡng tăng cường sức khỏe, nằm ngủ có màn, phát quang bụi rậm, san lấp các vũng nước tù đọng quanh nhà...Được Trung ương và tỉnh đầu tư phương tiện, thuốc phòng và hướng dẫn kỹ thuật, mỗi xã trong huyện thành lập một tổ phun thuốc DDT định kỳ 5 lần một năm. Nhờ những cố gắng trên, đến tháng 8/1962, Viện sốt rét Trung ương đã công nhận huyện Đại Từ căn bản hoàn thành nhiệm vụ thanh toán bệnh sốt rét.

Công tác thông tin - văn hóa tiếp tục được duy trì và mở rộng, kịp thời chuyển tải tới nhân dân tin tức thời sự, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tài liệu, sách báo, phim ảnh và các ấn phẩm văn hóa được phát hành ngày càng rộng rãi, tạo điều kiện tốt để nhân dân tiếp thu khoa học kỹ thuật và văn học nghệ thuật.

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, nhiệm vụ chăm sóc, giúp đỡ gia đình cách mạng, gia đình có công với nước, gia đình liệt sỹ, thương binh được các cấp bộ Đảng quan tâm chu đáo.

Thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong 10 năm đầu thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Đại Từ trước hết là do có sự lãnh đạo của Đảng bộ. Để các cấp bộ Đảng có

đủ khả năng lãnh đạo công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, Đảng bộ chú trọng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên thông qua việc học tập chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các đợt triển khai chỉ thị, nghị quyết của các cấp bộ Đảng, các đợt chỉnh huấn của Đảng. Nhờ đó, nhận thức chính trị, lập trường tư tưởng của đảng viên vững vàng; tinh thần công tác, ý thức chấp hành chính sách ngày càng cao, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phong trào chung.

Tình trạng yếu kém của nhiều cơ sở Đảng trong và sau công tác sửa sai dần dần được khắc phục. Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tình hình sinh hoạt, hoạt động của các chi bộ cơ sở ngày càng đi vào nền nếp và đạt chất lượng cao, 6 tháng đầu năm 1961, khi đánh giá chất lượng chỉ có 2/30 chi bộ được xếp loại khá. Sau hai đợt chỉnh huấn (đợt I cho cấp ủy xã và cán bộ chính quyền huyện, đợt II mở rộng cho đảng viên, cán bộ và nhân dân tham gia học tập), hoạt động của các chi bộ chuyển biến rõ rệt. Sáu tháng cuối năm, số chi bộ xếp loại khá tăng lên 13 chi bộ. Chất lượng đảng viên xếp loại khá năm 1962 tăng 10,9% so với năm 1961, đảng viên xếp loại kém giảm từ 21,6% (năm 1961), xuống 13,8% (năm 1962). Các chi bộ Bình Thuận, Tân Thái, Lục Ba, Thắng Lợi (nay là Na Mao) từ yếu kém đã phấn đấu đạt tiêu chuẩn chi bộ khá.

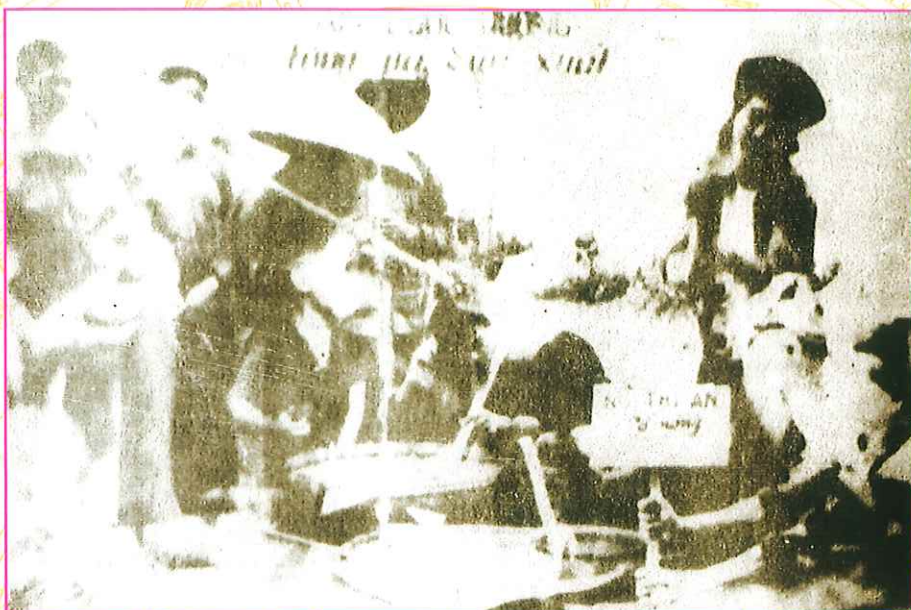
Đội ngũ của Đảng cũng ngày càng đông đảo. Tư tưởng hẹp hòi, thành kiến với lớp trẻ trong công tác phát triển Đảng đã được uốn nắn và khắc phục dần. Nếu như năm 1961, toàn Đảng bộ chỉ có 11/30 chi bộ kết nạp được 58 đảng viên, 4 chi bộ (Yên Lãng, Tân Thành, nay là xã Quân Chu, Tiên Hội

(Độc Lập), Phúc Tân⁽¹⁾ 4 năm liền không phát triển được đảng viên nào thì 6 tháng cuối năm 1962, toàn Đảng bộ kết nạp được 145 đảng viên mới, trong đó có 20 nữ, 57 đảng viên còn ở tuổi thanh niên. Tổng số chi bộ tăng từ 30 (năm 1961) lên 38 (cuối năm 1962) với 1.178 đảng viên. Cũng trong năm 1962, Đảng bộ đã thành lập được 3 Đảng bộ xã (Phúc Lương, An Khánh, Mỹ Yên). Cuối năm 1964, toàn Đảng bộ đã xây dựng được 17 Đảng bộ xã; tổng số đảng viên toàn huyện là 1.386 đồng chí, sinh hoạt trong 124 chi bộ. Mặt yếu của công tác xây dựng Đảng là phát triển không đều, các thôn, xóm vùng sâu, vùng xa chưa được chú trọng.

Song song với nhiệm vụ phát triển, công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng cũng được thực hiện nghiêm túc. Nhận thức rõ kiểm tra là một trong ba mặt của công tác xây dựng Đảng, hàng quý, hàng năm, Huyện ủy đều tổ chức sơ, tổng kết công tác kiểm tra. Thông qua những cuộc vận động củng cố xây dựng Đảng, công tác kiểm tra đã giúp đỡ nhiều đảng viên và tổ chức Đảng phấn đấu từ yếu kém trở thành đảng viên, đơn vị phấn đấu tốt. Từ năm 1961 - 1965, công tác kiểm tra đã giúp các cấp ủy phát hiện, xử lý bình quân mỗi năm trên 10 đảng viên, trong đó có cả cấp ủy viên, góp phần làm trong sạch đội ngũ, nâng cao sức chiến đấu, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng những thành tựu và kinh nghiệm trong 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội giúp Đảng bộ và nhân dân Đại Từ vững tin bước vào giai đoạn cách mạng mới.

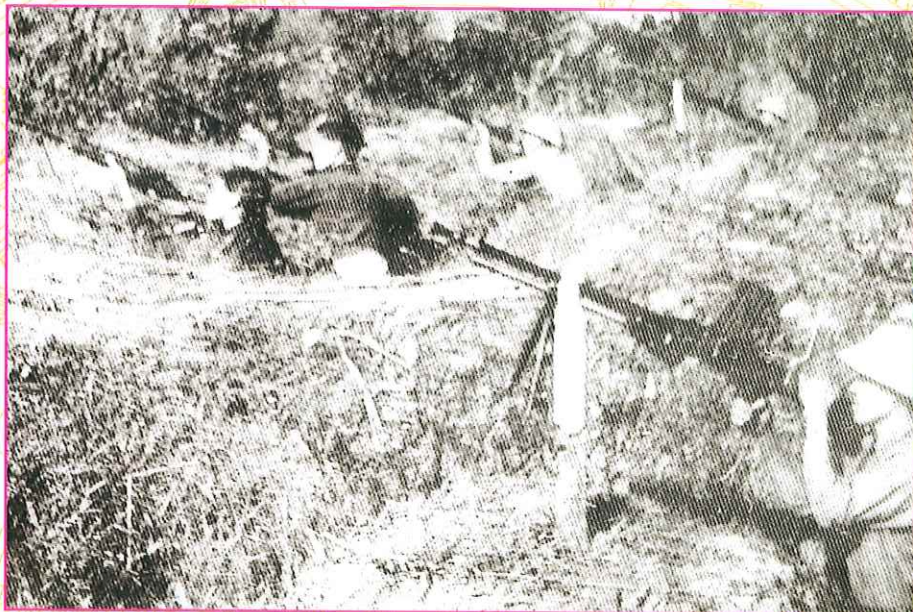
⁽¹⁾ Xã Phúc Tân nay chuyển về huyện Phổ Yên.



Cắm thẻ nhận ruộng trong giảm tô, cải cách ruộng đất



Thanh niên Đại Từ chuẩn bị lên đường tòng quân chống Mỹ cứu nước



Trận địa bắn máy bay của dân quân xã Hà Thượng (năm 1966)



Dấu tích nơi máy bay Mỹ rơi tại xóm Bầu, xã Văn Yên (năm 1966)

CHƯƠNG VII

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHIẾN ĐẤU VÀ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIÊN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM (1965 - 1975)

I. Đẩy mạnh sản xuất, trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 3/1968)

Từ lâu, đế quốc Mỹ đã nhận rõ vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Vì vậy, ngay từ đầu và trong tất cả các thời kỳ của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam; chúng luôn dùng mọi thủ đoạn ngăn chặn, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc.

Sau khi dựng lên “*Sự kiện vịnh Bắc Bộ*” (đêm 04/8/1964) để lấy cớ đánh trả đũa, từ ngày 5/8, không quân Mỹ được lệnh ném bom bắn phá một số nơi trên miền Bắc. Đêm ngày mùng 6, sáng ngày 7/02/1965, lấy cớ quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại ở Plây-cu, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom phá hoại thị xã Đồng Hới và chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Chúng huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân với nhiều máy bay tối tân, các loại vũ khí hiện đại tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy xí nghiệp, hầm mỏ, khu đông dân, thậm chí cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, tăng cường bắn phá các đầu mối giao thông từ Bắc vào Nam. Trước tình

hình đó, quân dân miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa giữ vững sản xuất, tiếp tục chi viện chiến trường miền Nam.

Như nhiều địa phương khác, Đại Từ bước vào thời kỳ có chiến tranh: 26/30 xã bị ném bom, một số xã bị đánh phá ác liệt: Cù Vân 13 lần, Tiên Hội 6 lần... Tuy vậy, so với nhiều nơi, huyện Đại Từ nhìn chung chưa phải là trọng điểm bắn phá của máy bay Mỹ; nhiều xã vẫn nằm trong trạng thái phòng thủ bình thường. Do đó, Đại Từ trở thành nơi sơ tán của nhiều cơ quan, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Đồng bào miền xuôi lên khai hoang và sơ tán đến Đại Từ cũng ngày một nhiều. Mật độ dân số trong huyện tăng lên. Không kể các đơn vị bộ đội, riêng đồng bào và các cơ quan đến sơ tán ở Đại Từ là 16.000 người⁽¹⁾.

Trong khi đó, tình hình sản xuất của huyện còn có nhiều khó khăn. Hợp tác xã bậc cao chỉ chiếm 9% tổng số hợp tác xã (trong khi huyện Phú Bình là 83,5%), trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn non yếu. Việc xây dựng cơ sở vật chất và kinh doanh thêm ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp. Số hợp tác xã chỉ có lò gạch còn chiếm 12%, có lò vôi là 9%. Số hợp tác xã có nhà kho là 64,2% nhưng chưa có nhà ủ phân, cào cỏ đẩy tay và xe cải tiến (trong khi ở Phú Bình, 146 hợp tác xã có nhà ủ phân, 42 hợp tác xã có nhà cào cỏ đẩy tay, 90 hợp tác xã có xe cải tiến). Chăn nuôi tập thể của hợp tác xã nông nghiệp phát

⁽¹⁾ Báo cáo thành tích 5 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Huyện ủy Đại Từ, ngày 2/1/1970, Hồ sơ 333, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

triển chậm, do sợ lỗ nên không chuẩn bị tốt cả ba khâu: thức ăn, giống và chuồng trại⁽¹⁾.

Trước tình hình trên, Huyện ủy tập trung lãnh đạo thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đã được xác định tại Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII (tháng 12/1964) là *“phát triển sản xuất lương thực là trọng tâm, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, coi trọng phát triển hoa màu, chăn nuôi trâu, bò, lợn để hỗ trợ cho trồng trọt”*⁽²⁾. *“Trong sản xuất nông nghiệp, lấy lúa hai vụ làm chính, đưa hệ số sử dụng đất từ 1,8 lần lên 1,92 lần. Phải nắm vững phương châm thâm canh lúa và các cây trồng khác nhằm đạt tới năng suất cao, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, xuất khẩu”*⁽³⁾.

Được sự chỉ đạo của tỉnh, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp. Sau hội nghị phát động vụ mùa thực hiện thâm canh của tỉnh được tổ chức ở Đại Từ, huyện đã triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt để phát động phong trào và giao chỉ tiêu cho các xã. Huyện chia thành 8 vùng sản xuất, mỗi vùng có một đồng chí ủy viên thường vụ Huyện ủy phụ trách. Các huyện ủy viên, cán bộ và ủy viên Ủy ban đều được phân công đi xuống các xã. Các đảng ủy viên và cán bộ Ủy ban xã được phân công phụ trách hợp tác xã. Hai xã Trần Phú (chủ yếu là hợp tác xã Hòa Bình) và xã Hà Thượng (chủ yếu là hợp tác xã Suối Cát) được tỉnh và huyện chọn để rút kinh nghiệm.

⁽¹⁾ Báo cáo của chi cục thống kê tỉnh Bắc Thái, Số 380/BCTH, ngày 9/10/1965, Tr.2 - 3, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hồ sơ 16.

⁽²⁾ Báo cáo tổng kết công tác 1965 của BCH Huyện ủy Đại Từ, số 7.BC/ĐT, ngày 15/3/1966, Hồ sơ 334, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽³⁾ Báo cáo tổng kết công tác 1965 của BCH Huyện ủy Đại Từ, số 7.BC/ĐT, ngày 15/3/1966, Hồ sơ 334, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Từ vụ mùa năm 1965, Đại Từ mở lớp bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất cho các cán bộ trung, sơ cấp và cán bộ kỹ thuật ở các đội sản xuất. Đồng thời, huyện cũng phát động phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật làm mùa. Hội Phụ nữ huyện cũng tổ chức hội nghị bàn về kỹ thuật cấy thẳng hàng. Đại biểu 17 xã tham dự hội nghị và thực hành cấy thẳng hàng trên đồng ruộng, sau đó trở về triển khai trong xã.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng huyện, dù trong hoàn cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt, nhất là từ năm 1966 trở đi, thời tiết không thuận lợi (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh), khí thế lao động ngày càng sôi nổi. Phong trào áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (thả bèo hoa dâu, cấy thẳng hàng...) được đẩy mạnh. Diện tích thả bèo hoa dâu, tính đến tháng 02/1967, tuy so với kế hoạch còn thấp, nhưng tăng hơn 168 mẫu so với vụ đông xuân 1965 - 1966. Toàn huyện có 27/30 xã có phong trào cấy thẳng hàng và làm ruộng tăng sản. Việc làm phân bón và thủy lợi được đặc biệt chú ý.

Các cấp lãnh đạo từ huyện xuống cơ sở đều nhận thức phân bón là cơ sở cho năng suất cây trồng. Do đó, để khắc phục tình trạng của những năm trước (trung bình mỗi héc-ta chỉ bón được 4 tấn phân, có nơi cấy chay), huyện kiên quyết chỉ đạo dứt điểm việc xây dựng hệ thống chuồng trại, nhà chế biến phân, mạnh dạn đưa bèo hoa dâu vào đồng ruộng. Không kể bèo dâu, riêng vụ mùa năm 1967, bình quân mỗi héc-ta ruộng đã được bón 6 tấn phân chuồng, 80kg vôi, 60kg phốt phát.

Trong những năm 1964 - 1965, Đại Từ đã có một số hợp tác xã làm tốt công tác thủy lợi, điển hình là xã Hà Thượng, nhưng nhìn chung chưa trở thành một phong trào sâu rộng và

phổ biến. Từ năm 1966, nhất là sau hội nghị công tác sơ kết thủy lợi do tỉnh tổ chức tại xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, phong trào làm thủy lợi có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Tư tưởng ỷ lại vào thiên nhiên giảm dần. Cán bộ và xã viên ngày càng nhận rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi, coi đó là biện pháp hàng đầu để thực hiện thâm canh lúa.

Ngoài việc xây dựng những công trình đòi hỏi phải huy động nhiều nhân công, các hợp tác xã đều tổ chức đội thủy lợi; các đội sản xuất đều có người chuyên trách quản lý và điều hành hệ thống tưới tiêu. Công tác đắp bờ vùng, bờ thửa ở các huyện miền núi như Đại Từ gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn được đẩy mạnh. Từ một điển hình tốt (hợp tác xã Khánh Hòa, Hà Thượng), huyện đã kịp thời tuyên truyền và phát động phong trào thi đua làm thủy lợi trong tất cả các hợp tác xã. Từ phong trào chung, Huyện ủy đi sâu chỉ đạo việc kiến thiết bờ vùng, bờ thửa ở 2 hợp tác xã Đông Quan và Bàn Cờ.

Từ 2 điểm chỉ đạo, Huyện mở hội nghị chuyên đề cho cán bộ chủ chốt, mở các lớp đào tạo ngắn ngày về xây dựng quy hoạch, về phương pháp tưới tiêu cho cán bộ chuyên trách của hợp tác xã. Với chiến dịch *"Rục lửa đêm đông, kiến thiết ruộng đồng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ cứu nước"* do Huyện ủy phát động, phong trào làm thủy lợi được duy trì và đến tháng 8/1967 trở nên sôi nổi trong tất cả các hợp tác xã. Có ngày, hàng vạn xã viên trong toàn huyện ra đồng làm thủy lợi. Vào thời gian này, Đại Từ có 17 xã xây dựng bờ vùng, bờ thửa, các hệ thống tưới tiêu đảm bảo cung cấp đủ nước cho đồng ruộng. Riêng các xã Độc Lập, Bình Thuận, Hùng Sơn, Tân Thái... đã biết kết hợp làm thủy lợi với xây dựng giao thông nông thôn.

Với khí thế lao động sôi nổi, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha, trong năm 1967, Đại Từ đã đào đắp được 124.736m³ đất đá, xây dựng 18 công trình thủy lợi, tu sửa và kéo dài thêm hàng trăm ki-lô-mét nương tưới, tiêu; kiến thiết 1.310ha ruộng có bờ vùng, bờ thửa. Trên 100 cán bộ các xã đã biết lên quy hoạch thủy lợi và tưới, tiêu theo phương pháp mới. Nhờ biết làm công tác thủy lợi, diện tích gieo trồng năm 1967 tăng thêm 1.000 mẫu Bắc Bộ so với năm 1966⁽¹⁾.

Ngoài hệ thống thủy lợi nhỏ, Đại Từ còn xây dựng được 2 công trình thủy nông lớn, trong đó đập Phượng Hoàng có trữ lượng 6 triệu mét khối nước, phục vụ tưới tiêu cho trên 1.000 mẫu ruộng.

Tính chung trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần I, nhân dân huyện Đại Từ đóng góp 809.279 ngày công, đào đắp 149.934m³ đất, khai thác 130.0293 đá học để xây dựng 14 công trình thủy lợi loại vừa, 70 công trình loại nhỏ⁽²⁾.

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật cũng được đẩy mạnh. Trong những năm 1966 - 1967, địch đánh phá ác liệt, việc đi lại khó khăn nhưng nhiều xã đã cử cán bộ về các tỉnh Thái Bình, Nam Hà (nay là hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) để mua bèo giống, thóc giống mới có năng suất cao. Từ chỗ không có, đến năm 1968, huyện Đại Từ đã có 40% diện tích cấy lúa được thả bèo dậu. Các giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào đồng ruộng, thay thế các giống lúa địa phương. Trong 34 loại giống, huyện đã tuyển chọn 9 loại giống có

⁽¹⁾ Báo cáo thâm canh lúa năm 1967 và phương hướng năm 1968 của Huyện ủy Đại Từ, tr.6, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

⁽²⁾ Báo cáo thành tích sản xuất của Huyện ủy Đại Từ, ngày 2/1/1970, tr.3, Hồ sơ 333, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

năng suất cao. 100% thóc giống được xử lý qua lò 54°C. Kỹ thuật cấy lúa cũng được cải tiến. Từ thói quen cấy to, thưa khóm, cấy tự do, bà con nông dân trong huyện chuyển dần sang kỹ thuật cấy dày, cấy thẳng hàng. Đến năm 1968, toàn huyện có 50% diện tích ruộng được cấy đúng kỹ thuật. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, toàn huyện đã lập được 73 tổ khoa học kỹ thuật có nhiệm vụ hướng dẫn bà con nông dân thực hiện những biện pháp kỹ thuật theo một quy trình sản xuất đã xây dựng.

Việc chăm sóc đồng ruộng và thực hiện các biện pháp kỹ thuật có nhiều chuyển biến. Diện tích thửa ruộng chăm sóc được mở rộng, có đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên tham gia. Năm 1966, toàn huyện chỉ có 554 đảng viên nhận quản lý, chăm bón ruộng. Đến năm 1967 đã có 1.120 đảng viên, 1.101 đoàn viên thanh niên và nhiều hội viên Hội Phụ nữ xung phong nhận chăm bón thửa ruộng 5 tấn mang tên Nguyễn Văn Trỗi. Mỗi cánh đồng đều có đảng ủy viên, đoàn viên phụ trách. Những xã đăng ký phấn đấu đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha đều duy trì tốt phong trào chăm sóc đồng ruộng: cấy ngửa tay, làm vệ sinh bờ ruộng, đảm bảo đủ nước, nhiều phân, làm cỏ sục bùn, phát hiện sâu bệnh kịp thời và thực hiện “ba chuyên” (người chuyên làm giống, đội chuyên làm giống, ruộng chuyên để giống). So với toàn tỉnh, diện tích cấy lúa thẳng hàng của huyện Đại Từ chiếm 23,3%, cấy lúa cao sản chiếm 19%, cấy giống lúa mới chiếm 35,8%, xử lý giống chiếm 17,3%, phân bón bình quân tăng hơn mức bình quân toàn tỉnh 1 tấn/ha⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp 9 tháng năm 1967, tr.4, Chi cục thống kê Bắc Thái, Số 712.TK/NN, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngoài tập huấn từng việc, từng vụ cho cán bộ, đảng viên và đoàn viên, xã viên, trong những năm 1965 - 1968, Đại Từ đã đào tạo được 154 cán bộ trung cấp và sơ cấp kỹ thuật nông nghiệp cho các hợp tác xã. Từ một lá cờ đầu là hợp tác xã Thành Công, Huyện ủy đã phát động phong trào cải tạo đồng ruộng. Các tuyến bờ vùng được đào đắp với chiều dài 167km, 1.160ha ruộng được cải tạo có bờ vùng, mương tưới, mương tiêu; 320ha ruộng được cải tạo hoàn chỉnh. Hệ số sử dụng ruộng đất từ 1,65 lần nâng lên 1,85 lần.

Đánh giá việc chỉ đạo sản xuất của Huyện ủy Đại Từ, Tỉnh ủy Bắc Thái nêu rõ: *"Huyện Đại Từ đã kiên trì chỉ đạo giống lúa mới ngay từ những năm chống chiến tranh phá hoại lần I. Đại Từ không những tạo được sự nhất trí cao trong các cấp, các ngành, mà còn có tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm"*.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn và bảo đảm các quy trình kỹ thuật đối với giống lúa xuân đã trở thành nền nếp trong các hợp tác xã của toàn huyện, coi trọng việc cải tạo đất chua, trầm thụt bằng biện pháp làm bèo hoa dâu và bón vôi. Cách làm của Đại Từ thể hiện tinh thần quyết tâm cao, từ khâu xử lý giống, cấy, chăm sóc đến thu hoạch, cải tạo ruộng đồng đều đòi hỏi rất công phu, đúng với ý nghĩa của nó là *"cuộc cách mạng về giống mới"*⁽¹⁾.

Những năm 1966 - 1967 là thời gian Mỹ ném bom bắn phá ác liệt, thời tiết cũng không thuận lợi, sâu bệnh, hạn hán, lũ lụt xảy ra thường xuyên. Riêng trong vụ mùa năm 1966, một

⁽¹⁾ Báo cáo kiểm điểm chỉ đạo sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân 1971 - 1972 của Tỉnh ủy Bắc Thái, tr. 3 - 4, Hồ sơ 98 - Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

trận lũ kéo dài 3 giờ đồng hồ đã cuốn trôi 17.000 mẫu lúa và hoa màu, 46 gian nhà, hàng nghìn lợn, gà. Vụ chiêm năm 1968 có hạn hán, sương giá kéo dài làm cho hầu hết lúa chiêm trong huyện bị bạc lá; nhiều cánh đồng lúa bị chết trụi⁽¹⁾. Nhưng nhờ biết làm “*cuộc cách mạng về giống mới*”, Đại Từ đã đưa năng suất và tổng sản lượng lúa ngày càng lên cao. Năm 1964, năng suất bình quân đạt 38,49 tạ/ha, năm 1967 đạt 44 tạ và năm 1968 đạt 45,6 tạ/ha. Tốc độ bình quân hàng năm tăng 4%. Tổng sản lượng lúa năm 1965 đạt 22.821 tấn, năm 1967 đạt 26.397 tấn; tốc độ bình quân hàng năm tăng 8%⁽²⁾. Từ chỗ chưa có một đơn vị nào, đến năm 1968, toàn huyện có 5 xã và 23 hợp tác xã đạt mục tiêu từ 5 tấn đến 6,4 tấn/ha gieo trồng trong một năm⁽³⁾.

Ngoài lúa, Huyện ủy chú trọng chỉ đạo phát triển cây hoa màu. Diện tích canh tác và sản lượng hoa màu đều tăng lên. Một số hợp tác xã từ chỗ độc canh cây lúa, nay đã phát triển thêm hoa màu, đưa tỷ trọng hoa màu tập thể từ 1,6% lên 1,93%, cao nhất là hợp tác xã Phú Sơn (đạt 2,4%).

Các loại cây công nghiệp cũng được quan tâm phát triển. Vùng cây công nghiệp bước đầu được quy hoạch. Đến năm 1968, Đại Từ đã có 20 cơ sở trồng cây công nghiệp được đặt tại các xã Hà Thượng, Yên Lãng, Bình Thuận, Lục Ba, An Mỹ, Vinh Quang (nay là xã Phú Lạc), Phục Linh, Thắng Lợi (nay là xã Na Mao), Minh Tiến, Phú Xuyên, gồm 495 hộ tham gia. Riêng cây chè - một đặc sản của huyện Đại Từ, từ năm

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Báo cáo thành tích 5 năm kháng chiến chống Mỹ, tài liệu đã dẫn, tr.1.

⁽³⁾ Báo cáo sơ kết bước 1 của huyện Đại Từ về cuộc động viên chính trị toàn dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, ngày 10/4/1968, Hồ sơ 59, tr.1, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

1965 được trồng trên diện tích khoảng 153ha, đến năm 1967 tăng lên 364,68ha (tăng 137,8%). Sản lượng chè năm 1965 đạt 24,553 tấn, năm 1967 đạt 25,835 tấn và đến năm 1968 tăng lên 32,644 tấn⁽¹⁾.

Song song với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, Huyện ủy rất coi trọng củng cố phong trào hợp tác hóa. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Năm 1964, toàn huyện có 81% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã, đến năm 1968, số hộ xã viên đã chiếm 90% tổng số hộ nông dân trong huyện. Các vùng dân tộc ít người và vùng đồng bào Thiên chúa giáo không còn tình trạng “xóm trắng” hợp tác xã. Hợp tác xã bậc cao từ chỗ chỉ chiếm 10% (năm 1964) đã lên tới 90% tổng số hợp tác xã (năm 1968). Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các hợp tác xã cũng được trang bị ngày càng tốt hơn trước. Mặc dù vậy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong huyện không đều; số hợp tác xã trung bình và kém vẫn còn chiếm tới 50%. Xuất phát từ thực tế này, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo là phải làm thay đổi cục diện để Đại Từ xứng đáng là một huyện tiên tiến của tỉnh Bắc Thái.

Là một huyện có diện tích đồi núi và rừng chiếm 86% diện tích tự nhiên, Đại Từ rất chú ý đến việc trồng cây gây rừng. Tuy nhiên, tình trạng phát rừng là một hiện tượng phổ biến và kéo dài trong nhiều năm. Một số xã và hợp tác xã năm sau phát rừng nhiều hơn năm trước. Một số cơ quan Trung ương,

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết hợp tác hóa nông nghiệp 10 năm của huyện Đại Từ, ngày 12/12/1968, tr.3, Hồ sơ 92, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Khu và các trường chuyên nghiệp sơ tán lên Đại Từ cũng tự do phát rừng làm rẫy để tự túc lương thực. Tính chung toàn huyện, trong năm 1966 đã phát 367ha, trong đó có 91ha rừng già và rừng đầu nguồn.

Trước tình hình trên, Huyện ủy đã đề ra nhiều biện pháp khắc phục. Đoàn kiểm tra công tác lâm nghiệp được thành lập, lần lượt đi xuống các xã để kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn nhân dân trồng cây gây rừng. Nhiều hợp tác xã có vườn ươm cây. Các đội trồng cây chuyên nghiệp được thành lập ở 13 xã, gồm hàng trăm cụ lão nông tham gia. Nhờ đó, đến đầu năm 1968, Đại Từ đã căn bản thanh toán được nạn phá rừng. Nhiều khu đất trống, đồi trọc đã trở thành những cánh rừng xanh tốt.

Chăn nuôi là một trong ba thế mạnh của huyện Đại Từ. Tính đến năm 1967, toàn huyện có 16 cơ sở chăn nuôi tập thể với tổng số 443 con lợn nái. Ngoài các trại trung tâm của hợp tác xã, Đại Từ mạnh dạn mở rộng chăn nuôi xuống các đội sản xuất. Các hợp tác xã Thành Công, Đoàn Kết đã có quy hoạch, điều chỉnh lại đất đai, dành những phần đất tốt, đất gần cho trại sản xuất thức ăn gia súc. Những hợp tác xã này cũng bố trí lại các loại cây thức ăn để đảm bảo cho đàn lợn có thức ăn tốt và thường xuyên, nhất là trong mùa đông; đồng thời xây dựng được hệ thống chuồng trại đúng kỹ thuật. Một số trại đã chọn người có kinh nghiệm đảm nhận chăn nuôi lợn nái, lợn thịt, làm men ủ thức ăn cho lợn, chăm sóc từng con chu đáo. Vì thế, đàn lợn trong thời gian này phát triển tương đối tốt. Tính chung toàn huyện, đàn lợn năm 1965 tăng 38% so với năm 1960 và năm 1967 tăng 11,6% so với năm 1965. Hợp tác xã Thành Công là một trong các hợp tác xã có nhiều

biện pháp đẩy mạnh chăn nuôi. Ban Quản trị hợp tác xã ưu tiên bán vôi, gạch cho xã viên xây dựng chuồng trại; vận động các gia đình xã viên dùng đất 5% vào việc trồng rau màu và giao cho mỗi hộ trồng từ 500 đến 1.000 gốc sắn làm thức ăn cho lợn. Nhờ có biện pháp tích cực, nghề chăn nuôi lợn trong các gia đình xã viên ngày càng phát triển, cơ sở chăn nuôi lợn tập thể của hợp tác xã cũng được mở rộng, đưa mức bình quân mỗi hộ nuôi 2,9 con (năm 1965) lên 3,1 con (năm 1967), đảm bảo mỗi héc-ta gieo trồng có 4 con lợn⁽¹⁾. Đàn trâu của huyện năm 1965 tăng 22,6% so với năm 1960 và đến năm 1967 tăng 8,8% so với năm 1965.

Ngoài chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong thời kỳ này Đại Từ còn thí điểm chăn nuôi tầm sắn lá. Từ chỗ chỉ có hai xã (trong năm 1964), đến năm 1965 đã có 23 xã và sang năm 1966 có 28 xã (chiếm 93% tổng số xã trong huyện) chăn nuôi tầm. Năm 1966, huyện lấy hợp tác xã Đồng Quan (Yên Lãng) làm thí điểm. Ngoài ra có 3 hợp tác xã: Chính Phú (Phú Xuyên), Cát Linh, Linh Tràng (Phục Linh) chăn nuôi tầm tập thể có sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ và hợp tác xã. Ban quản trị hợp tác xã cũng vận động được đại bộ phận xã viên phát triển chăn nuôi. Nhìn chung, phong trào mới chỉ có bề rộng, chưa có bề sâu, chưa thật mạnh mẽ và vững chắc.

Nhìn lại thời kỳ 1965 - 1968, sản xuất lương thực huyện Đại Từ phát triển theo chiều hướng đi lên, nhưng sự chỉ đạo của Huyện ủy vẫn chưa tập trung vào ba thế mạnh: cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Tỷ trọng cây công nghiệp

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thâm canh lúa năm 1966 - 1967 của hợp tác xã Thành Công, huyện Đại Từ, tr.6, Hồ sơ 312, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

mới chiếm 3,3%, chăn nuôi phát triển chậm và hoa màu mới chiếm 14,6%; nghề rừng chưa có phương hướng kế hoạch và biện pháp thực hiện. Tuy nhiên, do sản xuất lương thực được đẩy mạnh nên đời sống nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt. Trừ 7 xã miền núi phía Bắc do chưa tích cực củng cố phong trào hợp tác hóa, thường phải tổ chức cứu tế khi giáp hạt, mức sống của nông dân trong huyện đạt mức tương đối khá. Lương thực bình quân đầu người toàn huyện năm 1966 là 17kg thóc/tháng, năm 1967 tăng lên 20kg/tháng. Ở một số hợp tác xã loại khá, đời sống của xã viên còn cao hơn. 95% số hộ có nhà gỗ, 60% số hộ có xe đạp, nhiều gia đình có đài thu thanh. Ở hợp tác xã Thành Công, mức ăn bình quân là 24,5kg/người. Hợp tác xã còn xây dựng được ba trường cấp I, bốn nhà trẻ, một lớp mẫu giáo và một hệ thống loa truyền thanh.

Đại Từ cũng luôn luôn hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1964, huyện nhập vào kho Nhà nước 5.000 tấn thóc, 178 tấn thịt lợn. Đến năm 1968, dù phải điều chỉnh lương thực cho hơn một vạn đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, huyện vẫn nộp cho Nhà nước được 5.000 tấn thóc và bán cho Nhà nước trên 200 tấn thịt lợn. Với những thành tích trên, Đại Từ được Quốc hội, Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Cùng với việc cải thiện từng bước đời sống vật chất của nhân dân, đời sống văn hóa tinh thần trong huyện cũng được nâng lên. Năm 1965, Đại Từ mới có 11.596 học sinh phổ thông, đến năm 1968 đã tăng lên trên 24.000 em, bình quân cứ 2,5 người dân có một người theo học ở trường phổ thông. Tất cả các xã trong huyện đều xây dựng được trường cấp I,

bình quân gần 2 xã có một trường cấp II. Từ hai lớp mẫu giáo (1964), Đại Từ đã tổ chức được trên 80 lớp và là huyện dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái về giáo dục. Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Trường thanh niên dân tộc của huyện luôn luôn giữ được vị trí lá cờ đầu trong toàn tỉnh.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ dần dần trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Từ chỗ chỉ có 2 đội văn nghệ (1964), đến năm 1968, Đại Từ đã lập được 14 đội, thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân địa phương. Từ 1 đội chiếu bóng, Đại Từ đã có 2 đội, bảo đảm cho đồng bào những nơi xa xôi, hẻo lánh được xem phim nhiều lần trong năm. Năm 1964, Đại Từ mới có một cơ sở truyền thanh, phục vụ cho một số xóm trong ba xã, đến năm 1968 đã có hai cơ sở lớn và một số cơ sở nhỏ phục vụ cho đồng bào trên 10 xã. Toàn huyện đã có trên 300 đài bán dẫn. Cuộc sống vui tươi, lành mạnh ngày càng ăn sâu, lan rộng trong đồng bào các dân tộc. Nhiều phong tục, tập quán lạc hậu trong ma chay, cưới xin, cúng bái giảm dần. Nạn cờ bạc, trộm cắp được ngăn chặn. Trật tự trị an trong huyện được đảm bảo.

Công tác vệ sinh phòng bệnh được các cấp lãnh đạo trong huyện đặc biệt quan tâm. Năm 1964, toàn huyện mới có 14 trạm xá xã, đến năm 1968, tất cả 20 xã đều xây dựng được trạm xá, những loại thuốc chữa bệnh thông thường đều được trang bị đầy đủ. Phong trào “*ba dút điểm*” (giếng nước, nhà tắm, hố xí hai ngăn) được đẩy mạnh và hoàn thành vào năm 1967. Xã Vạn Thọ được Chính phủ tặng thưởng về thành tích phòng bệnh và hoàn thành “*ba dút điểm*” tốt nhất.

Song song với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa - giáo dục, trong những năm 1965 - 1968, Huyện ủy Đại

Từ còn tập trung lãnh đạo quân và dân trong huyện tổ chức chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra. Ngay từ khi tiến hành ném bom bắn phá miền Bắc nước ta, đế quốc Mỹ đã nhiều lần cho máy bay trinh sát không phận huyện Đại Từ. Vào những năm 1965 - 1968, nhất là trong 2 năm 1966 - 1967, máy bay Mỹ thường xuyên ném bom xuống địa phận các xã Cù Vân, Hùng Sơn, Tiến Bộ (nay thuộc xã La Bằng), Tân Thành, Bình Dân, Yên Lãng, Phục Linh, Văn Yên, Độc Lập, Phúc Thọ...

Tuy nhiên, mức độ đánh phá của không quân Mỹ trên địa phận Đại Từ không ác liệt như nhiều địa phương khác. Vì vậy nhiều nơi trong cán bộ và nhân dân bộc lộ tư tưởng chủ quan. Việc phổ biến chỉ thị, nghị quyết, đôn đốc, kiểm tra đào hầm hào trú ẩn và sơ tán phòng không chưa được coi trọng. Nơi làm việc của các cơ quan không có hầm hào phòng tránh. Ngay cả trụ sở Huyện ủy cũng chỉ đào được một số hầm hào. Huyện đội, công an huyện lấy lý do ở nhà dân, không có đất nên cũng không tích cực đào hầm hào. Kho bách hóa Đại Từ đặt ở xóm Trại (xã Bình Thuận) không những không có hệ thống hầm trú ẩn mà hàng hóa còn để rất bừa bãi. Bệnh viện của huyện chỉ mới có hầm cho cán bộ, chưa có hầm cho bệnh nhân. Thị trấn Đại Từ là một nơi đông dân cư, phần lớn đồng bào sinh sống bằng nghề làm nón, chưa có một nhà nào đi sơ tán. Hệ thống hầm hào của các gia đình không đảm bảo, thậm chí nhiều nhà cũng chưa có hầm hào. Một số cơ quan còn ở lại trong thị trấn tuy có hầm hố phòng tránh máy bay nhưng đã đổ nát chưa được tu sửa, củng cố. Một số gia đình ở Hà Nội lên sơ tán đã dựng nhà cửa ngay giữa phố.

Trước tình trạng trên, trong khi máy bay địch tăng cường hoạt động, thực hiện Chỉ thị 144 của Ban Bí thư Trung ương, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện triệu tập Hội nghị các bí thư, chủ tịch, trưởng công an, xã đội trưởng các xã, các bí thư, thủ trưởng các cơ quan xung quanh huyện và các cơ quan sơ tán tại huyện để phổ biến tinh thần Chỉ thị của Trung ương và triển khai thực hiện.

Sau Hội nghị trên, các xã đều tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập. Từ đó, trong nhận thức cũng như trong hành động, cán bộ và nhân dân địa phương thực sự có những chuyển biến mạnh mẽ. Các cơ quan, các hợp tác xã đều dành một số ngày cho cán bộ và nhân dân tu sửa, đào thêm hầm hào ven các trục đường giao thông, ngoài đồng và trong nhà. Các xã: Cù Vân, An Khánh, Bình Thuận, Yên Lãng, Hà Thượng, Trần Phú, Ký Phú, Văn Yên, Lục Ba, Tân Thành, Bình Dân, Hùng Sơn, Độc Lập đều tổ chức tốt việc đào hầm hào phòng tránh máy bay. Khu vực thị trấn cũng đào đủ hầm trú ẩn và tổ chức sơ tán toàn bộ trẻ em, người già yếu. Huyện còn chỉ đạo trồng chuối hai bên đường từ Bờ Đậu đến Đèo Khế để che khuất mục tiêu địch bắn phá.

Do nhận thức đúng đắn tình hình và được sự lãnh đạo, đôn đốc sát sao, chỉ sau một thời gian ngắn triệt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, toàn huyện đã sửa lại và làm thêm 25.184 hầm gia đình (trong đó có 17.274 hầm mới), bình quân mỗi hộ có từ 1 đến 2 hầm, sửa lại và đào mới 27,182km hào công cộng; 6.835 hầm ngoài đồng và dọc đường giao thông⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo 1 tháng làm hầm hào phòng không, Ủy ban hành chính huyện Đại Từ, số 262BC/PKND, ngày 19/5/1967, tr.1, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 5/1967, Ủy ban hành chính huyện Đại Từ ra thông báo, chỉ thị các chợ Cù Vân, thị trấn Đại Từ, Phú Minh, Yên Lãng... không được họp trước 5 giờ chiều, chợ nào không có hầm hào thì không được họp; củng cố tốt các hầm trú ẩn; khi có máy bay địch, không ai được ở trên miệng hầm, các xã trên trục đường Đại Từ đi An Mỹ, Đại Từ đi Ký Phú, Đại Từ đi Phú Minh, Minh Tiến, Cù Vân đi An Khánh phải tiếp tục đào hầm hai bên đường cho người qua lại.

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban hành chính huyện, công tác phòng không, sơ tán được tiến hành triệt để hơn trước. Nhờ đó, sự thiệt hại về người và tài sản khi địch đánh phá được hạn chế tới mức thấp nhất.

Trong chiến tranh, vấn đề đảm bảo giao thông thông suốt là một trong những công tác quan trọng hàng đầu. Đại Từ có Quốc lộ 13A chạy từ Bờ Đậu qua các xã, thị trấn: Cù Vân, Hà Thượng, Hùng Sơn, thị trấn Đại Từ (nay là thị trấn Hùng Sơn), Độc Lập, Hùng Cường (nay là xã Bản Ngoại), Phú Xuyên, Yên Lãng, vượt đèo Khế sang Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang). Ngoài tuyến đường giao thông huyết mạch này, Đại Từ còn có ba trục đường của huyện chạy qua 12 xã với chiều dài 44km. Các tuyến đường trục trong xã, đường liên xã, liên xóm cũng được xây dựng tạo thành một mạng lưới giao thông rất quan trọng.

Trong tình hình máy bay địch tăng cường bắn phá các trục đường giao thông, để đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, huyện có kế hoạch giao cho các xã thành lập tổ, đội xe đạp thồ để vận chuyển hàng. Huyện cũng thành lập Ban bảo đảm giao thông vận tải gồm có Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện làm trưởng ban, cán bộ Huyện đội, trưởng phòng giao

thông, Đoàn Thanh niên, Công an huyện, Hạt giao thông và các trường cung giao thông... là ủy viên. Ủy ban hành chính huyện còn chỉ định các cơ quan, các ngành phân công cán bộ xuống từng trọng điểm.

Để phục vụ sản xuất và chiến đấu, đầu tháng 9/1966, Ty giao thông kết hợp với huyện Đại Từ chỉ đạo tổ vận tải hợp tác xã Bình Định (xã Đoàn Kết) xây dựng kế hoạch giúp đỡ cho các xã mở rộng diện đội, tổ vận tải chuyên nghiệp trong nông nghiệp.

Cùng với việc đào hầm hào và đảm bảo giao thông thông suốt, lực lượng dân quân tự vệ các xã đều tích cực tập luyện, nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Các trận địa trực chiến bắn máy bay địch được xây dựng. Việc báo động chiến đấu của bộ đội và dân quân tự vệ được Huyện đội tổ chức. Bệnh viện huyện được bổ sung trang thiết bị đa khoa để có thể đáp ứng yêu cầu điều trị trong thời chiến. Ban y tế phòng không từ huyện xuống xã được thành lập và đi vào hoạt động. Các Ban này sau khi thành lập đã mở lớp bồi dưỡng cứu thương cho dân quân tự vệ. Các ban chỉ huy xã đội cũng được củng cố và kiện toàn. Cán bộ xã đội ở 27/30 xã của huyện đều hoạt động khá.

Nhờ được tổ chức luyện tập thường xuyên nên khi bước vào chiến đấu, quân và dân Đại Từ đã bình tĩnh, mưu trí và lập được chiến công xuất sắc, tiêu biểu là trung đội dân quân xã Hà Thượng.

Trưa ngày 01/8/1966, từ hướng Tuyên Quang, hai chiếc máy bay Mỹ RF4C bay ở độ cao khoảng 200m lao về hướng Đại Từ, qua không phận xã Hà Thượng. Trực chiến trên trận địa ngày hôm đó có 6 cán bộ, chiến sỹ với 2 khẩu súng máy và 3 súng

trường, do Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ và chính trị viên trung đội Nguyễn Hùng Xuân chỉ huy. Ngay sau khi nghe tiếng kêng báo động phòng không, 6 cán bộ, chiến sỹ trực chiến của trung đội dân quân xã Hà Thượng đã sẵn sàng ở vị trí chiến đấu. Chờ cho tốp máy bay địch vào đúng tầm hỏa lực, trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ ra lệnh nổ súng. Một loạt 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ vang, tập trung vào chiếc máy bay sau. Bị trúng đạn, máy bay địch vội vàng bay vòng lại phía sau định chạy trốn, nhưng đến khu vực Định Hóa thì bị rơi. Hai tên giặc lái Mỹ nhảy dù đã bị quân và dân Định Hóa bắt gọn.

Chiến công bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh là kết quả của bao ngày đêm khổ công tập luyện và ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân Hà Thượng. Chiến công này đã gây niềm tin cho quân dân huyện Đại Từ trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại. Cũng từ chiến công của dân quân xã Hà Thượng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái rút được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về cách tổ chức trận địa phục kích, đón lõng để chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ toàn tỉnh.

Với thành tích bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh, quân và dân xã Hà Thượng vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công.

Trải qua gần 3 năm ném bom tỉnh Bắc Thái nói chung và huyện Đại Từ nói riêng, đế quốc Mỹ vẫn không đạt được mục tiêu chiến tranh, lại bị thiệt hại nặng nề. Quân và dân Đại Từ cùng với các dân tộc trong tỉnh đã nêu cao truyền thống quê hương căn cứ địa kháng chiến, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân “đất đối không”, góp phần vào thắng lợi chung của

nhân dân cả nước. Ngày 31/3/1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ kết thúc thắng lợi.

Trong quá trình vừa sản xuất, vừa tham gia chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Đại Từ tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Các phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang” được phát động rộng rãi, có tác dụng động viên cao độ nhiệt tình cách mạng trong thanh niên, phụ nữ. Phong trào xung phong lên đường vào Nam đánh Mỹ không chỉ trở thành hành động cách mạng trong thanh niên mà còn được các đoàn thể, các ngành, các giới quan tâm. Nhiều gia đình tích cực động viên con em đi bộ đội. Mẹ Nguyễn Thị Liên (xã Quang Vinh) dẫn cả 2 người con trai lên huyện xin được nhập ngũ. Lớp lớp thanh niên các dân tộc Đại Từ hăng hái ghi tên đầu quân. Lãnh đạo huyện trao cho tuổi trẻ Đại Từ lên đường lá cờ thêu dòng chữ “Đèo Khế anh hùng”, nhắc nhở họ giữ vững truyền thống của quê hương.

Do làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên, trong 4 năm chống Mỹ (1965 - 1968), huyện Đại Từ đã có 27.777 thanh niên nhập ngũ⁽¹⁾, năm nào cũng đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Không những thế, nhân dân các dân tộc Đại Từ luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, thực hiện đúng khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác động viên tuyển quân 10 năm (1965 - 1975) chống Mỹ cứu nước số 27 BC/TK, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, ngày 12/3/1976, tr.3.

Cùng với nhân dân cả nước, sự đóng góp đầy đủ và kịp thời sức người, sức của của Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của đồng bào miền Nam.

II. Khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, tiếp tục chi viện miền Nam và tổ chức chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai (4/1968 - 5/1975)

Sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom bắn phá, tranh thủ thời gian hòa bình, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ ra sức phục hồi và phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất.

Trong tình hình mới, Đảng bộ huyện Đại Từ đặc biệt coi trọng công tác củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1969, toàn huyện có 95,4% số hộ tham gia hợp tác xã, đã thanh toán được tất cả các xóm trắng ở vùng dân tộc ít người và vùng Thiên chúa giáo (trừ xóm Đèo Khế, xã Yên Lãng vì dân cư quá thưa thớt). Các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi được sáp nhập với các hợp tác xã của đồng bào địa phương. Số hợp tác xã chuyển lên bậc cao đã chiếm tới 92%, huyện cũng chú ý đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các hợp tác xã. Hệ thống nhà kho, sân phơi, nhà chế biến phân, xe vận chuyển, cào cỏ cải tiến, cơ khí xay xát... đều tăng nhiều so với trước. Nhiều hợp tác xã đã huy động hàng vạn ngày công lao động vào công tác thủy lợi và cải tạo đồng ruộng. Đặc biệt, hợp tác xã Tiến Thành suốt 5 năm kiên trì làm thủy lợi theo phương pháp tưới, tiêu khoa học, đưa diện tích có nước ăn chắc hai vụ lúa từ 87ha trong năm 1968 lên 170ha trong năm 1972. Hợp tác xã Thành Công là một điển hình tốt về đầu tư xây dựng tương đối toàn diện cơ sở vật chất - kỹ thuật. Nếu tính bình quân hàng năm, hợp tác xã tích lũy được 39.000 đồng, tài sản cố

định bình quân hàng năm tăng 10.000 đồng; vốn cố định hiện có (năm 1972) lên tới 249.000 đồng, tăng 12,4% so với năm 1968⁽¹⁾. Hợp tác xã được công nhận là Hợp tác xã tiên tiến, được Bộ Nông nghiệp tặng cờ, được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Nhì. Đồng chí chủ nhiệm Trương Văn Nho được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

Công tác “ba quản”, “ba khoán” trong các hợp tác xã tiên tiến và khá cũng được thực hiện tương đối tốt. Những hợp tác xã này đều đã qua cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật. Điểm nổi bật là các hợp tác xã đã quản lý chặt chẽ ngay từ đầu diện tích ruộng nước ngoài ruộng 5% của xã viên. Trong quá trình thực hiện “ba quản”, “ba khoán”, các hợp tác xã Tiến Thành, Bình Thuận đã kịp thời khắc phục được tình trạng sử dụng ruộng đất sai chính sách. Hợp tác xã Thành Công tuy chưa tận dụng hết khả năng lao động nhưng là một mẫu mực về công tác quản lý lao động. Hợp tác xã thực hiện giao khoán sản lượng, công điểm và chi phí cho các đội, đội nào vượt mức khoán thì được hưởng, đội nào đạt sản lượng nhưng công điểm và chi phí chưa sử dụng hết thì thanh toán theo thực chi, nếu không đạt thì phạt.

Nhằm khắc phục tình trạng yếu kém trong nhiều hợp tác xã, Huyện ủy chủ trương bồi dưỡng, nâng cao trình độ tổ chức quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho đảng viên, quần chúng; đồng thời đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát huy vai trò làm chủ tập thể của xã

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết hợp tác xã tiên tiến và khá của Ủy ban hành chính tỉnh tại Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá lần I, ngày 3/10/1973, tr.8, Hồ sơ số 1, Lưu trữ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thái Nguyên.

viên, quản lý tốt đất đai, quản lý lao động, tài vụ và phân phối đúng chính sách.

Quán triệt chủ trương ấy, huyện tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, xã viên, đẩy mạnh phát triển sản xuất, lấy nội dung kinh tế để củng cố hợp tác xã, đồng thời phát động phong trào thi đua với hợp tác xã Tiến Thành (xã Tân Thái).

Thông qua các đợt vận động củng cố hợp tác xã, phong trào hợp tác hóa trong huyện có những chuyển biến tốt. Một số hợp tác xã trước tan vỡ nay đã được khôi phục và đi vào hoạt động. Hợp tác xã Thắng Lợi có biểu hiện tan vỡ đã được củng cố và ổn định. Huyện đã xây dựng thêm 8 hợp tác xã với 308 hộ. Các hợp tác xã Thành Công, Văn Yên, Hà Thượng, Phú Sơn (xã Phú Xuyên) đã tổ chức lại sản xuất, phân vùng đồng ruộng và bước đầu thực hiện được quy mô làm ăn lớn. Công tác quản lý ruộng đất, quản lý tài vụ, quản lý lao động cũng có nhiều tiến bộ. Thông qua phong trào thi đua với hợp tác xã Tiến Thành, học tập hợp tác xã Thành Công, nhiều hợp tác xã giải quyết tốt tình trạng xã viên lấn chiếm ruộng đất, thanh toán nợ nần...

Bên cạnh bước chuyển biến tốt, phong trào hợp tác hóa Đại Từ vẫn phát triển không đều. Số lượng hợp tác xã tiên tiến còn ít, diện hợp tác xã trung bình và kém còn nhiều, nhất là ở một số xã miền núi. Một số nơi (Khuôn Nanh, Đèo Khế), hợp tác xã tan vỡ vẫn chưa được củng cố. Trình độ quản lý kinh tế tập thể, quản lý hợp tác xã còn yếu. Nhiều hợp tác xã chưa xây dựng được kế hoạch hàng năm, mới chỉ đề ra được kế hoạch từng vụ, độc canh. Việc quản lý và sử dụng đất đai chưa tốt; nhiều nơi còn để ruộng hoang, thậm chí có nơi bỏ

hoang 40 - 50 mẫu. Tình trạng lấn chiếm ruộng đất, làm nhà trên diện tích đất canh tác diễn ra khá phổ biến. Vào 6 tháng đầu năm 1974, tình hình hợp tác xã nông nghiệp có nhiều diễn biến phức tạp: 17 xã (trên 50%) có 847 hộ xã viên xin ra hợp tác xã, chủ yếu ở các xã miền núi (Phú Cường, Na Mao, Phúc Linh, Phúc Thọ, Phú Thịnh, Minh Tiến...).

Trước tình trạng trên, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo phân công cán bộ xuống cơ sở, tổ chức học tập Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ 12 của Đảng bộ huyện. Huyện cũng mở được 4 lớp bồi dưỡng cho 336 cán bộ quản trị hợp tác xã về công tác “ba khoán”, về chức năng, nhiệm vụ của Ban quản trị và Ban chỉ huy đội sản xuất. Thông qua những biện pháp này, bước đầu huyện đã ngăn chặn được hiện tượng xin ra hợp tác xã, ổn định được 276 hộ nên vẫn giữ được tỷ lệ số hộ xã viên trong năm 1974 là 83%⁽¹⁾. Bước sang năm 1975, phong trào tiếp tục được củng cố, xóa được xã trắng. Mười hợp tác xã tan vỡ được khôi phục⁽²⁾. Hầu hết các hợp tác xã đã thu hồi số ruộng đất làm riêng và không đúng chính sách. Tình trạng chi tiêu không đúng nguyên tắc được khắc phục từng bước.

Tuy nhiên, công tác quản lý tư liệu sản xuất, quản lý vật tư, tiền vốn trong các hợp tác xã chưa chặt chẽ. Nhiều hợp tác xã chưa hạch toán được giá thành sản phẩm. Việc ăn chia, phân phối thiếu thống nhất, thiếu công bằng nên xã viên

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác 6 tháng đầu năm 1974, số 07-BC/HU, ngày 20/6/1974, tr.2, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/01/1976, tr.4, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

thiếu tin tưởng. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các hợp tác xã còn nghèo.

Cùng với việc củng cố phong trào hợp tác xã, Đảng bộ huyện Đại Từ rất quan tâm đến công tác thủy lợi. Phong trào cải tạo ruộng đồng được đẩy mạnh. Các xã và hợp tác xã đều có hệ thống mương tưới, mương tiêu chủ động, có bờ vùng kết hợp với giao thông vận tải. Đến năm 1973, huyện đã hoàn thành 3 công trình lớn: đập Thủy Lấn (Phú Thịnh), hồ Lưu Quang (Minh Tiến), đập Vai Làng (Văn Yên). Khối lượng đào đắp các công trình thủy lợi trong 10 tháng năm 1973 tăng 62% so với 10 tháng năm 1972.

Từ năm 1973, Nhà nước đầu tư vốn xây dựng công trình thủy nông hồ Núi Cốc. Để có mặt bằng xây dựng lòng hồ, 55 xóm và đội sản xuất thuộc 4 xã (Lục Ba, Phúc Thọ, Vạn Thọ, Tân Thái) gồm 1.230 hộ (6.617 nhân khẩu), trong đó có 148 hộ dân tộc ít người, 103 hộ công giáo và 214 hộ đồng bào miền xuôi lên xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa, gần 2.000 học sinh và 1.700 ngôi mộ phải di chuyển đến nơi khác. Ủy ban hành chính huyện phân công 1 đồng chí ủy viên thường trực và 3 cán bộ lãnh đạo huyện cùng 4 cán bộ hợp đồng chuyên trách lo việc tổ chức di dân. Từ huyện đến xã đều thành lập Ban vận động di dân.

Do tiến hành tốt công tác giáo dục tư tưởng và tổ chức, các cấp bộ Đảng và chính quyền không những vận động đồng bào 4 xã trong vùng lòng hồ nhanh chóng di chuyển mà còn sớm ổn định cuộc sống tại địa điểm mới. Xã Lục Ba đã huy động trên 6.548 ngày công, khai phá 7 quả đồi (rộng 22ha); mở một con đường dài 3,725km, rộng 3m, trồng 4,1 mẫu chè và 3.500 gốc sắn, thu hoạch 5,025 tấn lúa mốt... Xã Phúc Thọ huy động

1.136 ngày công, khai phá 56 mẫu 8 sào, thu hoạch 4,7 tấn lúa mố, 240kg vùng; tra 5 mẫu lúa mố và trồng 6 mẫu sắn⁽¹⁾... Cũng nhờ đó, việc thi công xây dựng hồ Núi Cốc được tiến hành thuận lợi. Hồ gồm 1 đập chính dài 480m và 6 đập phụ. Diện tích mặt hồ rộng 25km². Lòng hồ sâu 23m, dung tích nước là 17.500.000m³. Hồ không chỉ cung cấp nước tưới cho 12.000ha lúa ruộng và 6.900ha cây công nghiệp ở các huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình, huyện Phổ Yên và một phần tỉnh Hà Bắc (nay là 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh), mà còn cung cấp nước cho khu công nghiệp Sông Công, khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên. Ngoài ra, hồ còn là một nguồn cung cấp thủy sản và cũng là nơi nghỉ mát của cán bộ và nhân dân.

Việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, nhất là đưa giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 30 - 69 tạ/ha. Hợp tác xã Hùng Sơn, Văn Yên do Đảng bộ quyết tâm, kiên trì vận động quần chúng chủ động 60 - 100% giống lúa mới nên đã tạo được bước nhảy vọt, tăng tổng sản lượng từ 100 lên 200 tấn thóc so với vụ đông xuân năm trước.

Năm 1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ: “Đến năm 1973, là phải tự túc được nhu cầu lương thực của tỉnh. Muốn tự túc được lương thực, không có con đường nào khác là phải cách mạng khâu giống lúa và hoa màu...”⁽²⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết công tác chuyển dân ra khỏi vùng ngập hồ chứa nước Núi Cốc từ 3/1974 đến 6/1975, Số 12-TT/UB, ngày 14/7/1975, tr.3.

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/01/1976, tr.4, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Quán triệt nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đại Từ “*đã có những chuyển biến về chỉ đạo sản xuất*”, “*đã nắm tương đối chắc chắn khả năng và điều kiện sản xuất nên đã có sự tính toán và xác định diện tích cấy lúa xuân, chiêm ăn chắc*”, “*đã có sự phân công, phân nhiệm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phụ trách chỉ đạo vùng được sát, cụ thể và kịp thời quyết tâm chỉ đạo để thực hiện các mặt kỹ thuật cấy lúa*”⁽¹⁾... Dù năm 1972 đế quốc Mỹ ném bom trở lại nhưng Đảng bộ Đại Từ đã làm tốt công tác tư tưởng chống chiến tranh bắn phá của Mỹ, bám chắc đồng ruộng để sản xuất⁽²⁾. Huyện đã tích cực đào tạo cán bộ thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ kỹ thuật và Ban quản trị hợp tác xã. Trong vụ đông xuân 1972 - 1973, Đại Từ mở rộng 50% diện tích cấy giống lúa mới có năng suất cao (N.N8, Trân châu lùn, Đài Bắc 8). Các biện pháp kỹ thuật cấy thẳng hàng, làm cỏ, bón phân... tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năng suất lúa chiêm so với các vụ trước tăng lên, đạt 20 tạ/ha. Một số hợp tác xã tiên tiến (Thành Công, Hà Thượng) đạt 32 tạ/ha.

Căn cứ vào Nghị quyết 26 của Tỉnh ủy, Đảng bộ Đại Từ xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế trong năm 1973 là ra sức đẩy mạnh, phát triển nông nghiệp toàn diện, từng bước tổ chức lại sản xuất mới, trước mắt là cây lúa, cây chè, con lợn nhằm tăng nhanh tổng sản lượng lương thực để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đẩy

^{(1), (2)} Báo cáo tổng kết vụ đông xuân 1972 - 1973 và nhiệm vụ đông xuân 1973 - 1974, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái, số 58/NN/UB, ngày 18/9/1973 (sdd), tr.6.

mạnh chăn nuôi, trước hết là lợn và trâu, tạo điều kiện cho những năm sau lên quy mô lớn và trở thành ngành chính⁽¹⁾.

Thực hiện phương hướng trên, trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn do địch bắn phá, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, phát động phong trào thi đua: *"Chiến dịch phản kích Ních-xon"*, *"Đông xuân ra quân thắng Mỹ"*, *"Vụ mùa bốn nhất"*... Thông qua đó, nhân dân quyết tâm làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, làm phân bón, cấy thẳng hàng... Diện tích cấy lúa cũng như tổng sản lượng lương thực đều tăng hơn năm trước⁽²⁾. Đến năm 1975, toàn huyện có 18 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha gieo trồng. Tổng sản lượng thóc đạt 27.657 tấn.

Ngành chăn nuôi của huyện Đại Từ đã được đẩy mạnh từ trước vẫn tiếp tục được duy trì. Nếu như năm 1964, toàn huyện chỉ có 1 cơ sở chăn nuôi lợn tập thể, đến năm 1969 đã có 25 cơ sở và 7 cơ sở chăn nuôi bò tập thể. Vào thời điểm này, đàn lợn của huyện có 24.710 con, bình quân 2,2 con/hộ (tăng 126% so với năm 1964), đàn trâu có 13.043 con (tăng 120% so với năm 1964), không kể cung cấp hàng ngàn con cho miền xuôi; đàn bò có 187 con (tăng 5 lần so với năm 1964).

Nhằm phát huy thế mạnh chăn nuôi của Đại Từ, Huyện ủy đề ra phương hướng chăn nuôi trong thời gian trước mắt là mở rộng và củng cố các cơ sở chăn nuôi tập thể một cách vững chắc, đồng thời khuyến khích và đẩy mạnh chăn nuôi gia đình.

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị 1973 của Huyện ủy Đại Từ, ngày 3/11/1973, tr.1.

⁽²⁾ So với năm 1972, diện tích cấy lúa năm 1973 vượt 1,6%, tổng sản lượng lương thực tăng 1,2%.

Thực hiện phương hướng trên, trong 2 năm 1970 - 1971, phong trào chăn nuôi của Đại Từ tiếp tục phát huy. Nhiều hợp tác xã tiên tiến và khá, tiêu biểu là hợp tác xã Thành Công đã xây dựng được quy trình kỹ thuật chăn nuôi. Năm 1973, hợp tác xã đã đi vào thực “ba khoán” và hạch toán chăn nuôi, đàn lợn thường xuyên có trên 300 con; hàng năm cung cấp trên dưới 400 tấn phân chuồng, trên 1.000 con lợn giống cho xã viên và các hợp tác xã khác, đồng thời cung cấp 10 tấn thịt cho Nhà nước⁽¹⁾.

Trong 6 tháng đầu năm 1974, tình hình chăn nuôi của huyện gặp nhiều khó khăn do bệnh tụ huyết trùng và bệnh đóng dấu xảy ra kéo dài và lan rộng khắp các xã. Dịch bệnh đã làm chết 1.534 con lợn. Đàn trâu cũng chết 325 con vì già yếu.

Trước tình hình trên, huyện đã có những biện pháp khắc phục nên bước đầu nâng tổng số đàn lợn và trâu cao hơn năm trước. Tính đến ngày 01/10/1975, đàn lợn của huyện có 33.248 con, đàn trâu có 15.053 con. Mặc dù vậy, cho đến lúc này, Đại Từ vẫn chưa giải quyết được lợn giống, cũng chưa giải quyết khâu thức ăn cho chăn nuôi một cách vững chắc. Mạng lưới thú y từ huyện xuống xã và các hợp tác xã chưa được củng cố. Việc kiểm tra đôn đốc và phát hiện dịch bệnh chưa kịp thời. Các hợp tác xã chưa tận dụng được ao, hồ, đầm để nuôi cá và chăn nuôi vịt đàn, vịt nuôi theo vụ để tăng thu nhập cho xã viên.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trong những năm 70, Đại Từ cũng chú ý xây dựng và phát triển thủ

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết hợp tác xã tiên tiến và khá của Ủy ban hành chính tỉnh tại Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá lần I, sđd, tr.7.

công nghiệp. Năm 1973, Huyện ủy đề ra phương hướng phát triển nông nghiệp phải gắn liền với phát triển thủ công nghiệp, tận dụng mọi khả năng có sẵn của địa phương để đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp, trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp, cho kiến thiết và cho đời sống của nhân dân.

Trải qua một năm thực hiện phương hướng trên, giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp 9 tháng đầu năm 1973 đạt 1.009.023 đồng, trong đó giá trị sản lượng của các hợp tác xã thủ công nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp có nghề thủ công là 977.593 đồng, của thủ công cá thể là 31.430 đồng⁽¹⁾. Trong khu vực sản xuất thủ công nghiệp chuyên nghiệp gồm có tổ rèn, tổ mộc, hợp tác xã Hợp Thành đã đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng như cào cỏ, liềm, hái đáp ứng một phần cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng của nhân dân.

Tuy nhiên, ngành thủ công nghiệp của Đại Từ trong những năm này phát triển không vững chắc và gặp nhiều khó khăn. Hợp tác xã nón lá trong hai năm không có nguyên liệu, một số xã viên phải chuyển sang đan cót nhưng nguyên liệu vẫn phải mua ngoài mà sản phẩm lại bán cho Nhà nước theo giá chỉ đạo. Do thiếu nguyên liệu và phương tiện vận chuyển gặp nhiều trở ngại nên một số ngành công nghiệp địa phương như cơ khí phốt phát Núi Vắn, vôi liên hoàn phải tự giải thể. Trong năm 1974, toàn huyện có 9 hợp tác xã thủ công nghiệp tập trung ở thị trấn Đại Từ, giá trị tổng sản lượng 6 tháng đầu năm chỉ đạt 208.000đ (đạt 38% kế hoạch). Ngoài số hợp tác xã công nghiệp chuyên nghiệp, huyện có 22 hợp tác xã

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1973 của Huyện ủy Đại Từ, ngày 3/11/1973, tr.15.

nông nghiệp kiêm thủ công nghiệp với 37 lò gạch, 11 lò vôi⁽¹⁾. Sang năm 1975, ở khu vực thôn chỉ có 2 lò vôi hoạt động, sản xuất được 315 tấn (đạt 28% kế hoạch) và 35 lò gạch sản xuất được 4 triệu viên (đạt 67% so với năm 1974⁽²⁾).

Ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa của huyện Đại Từ trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày càng phát huy được vai trò quan trọng trong lưu thông phân phối. Năm 1964, Đại Từ chỉ có 14 xã có cửa hàng, đến năm 1969, tất cả có 30 xã đều có cửa hàng hợp tác xã mua bán. Một số xã đã đưa quầy hàng về các thôn, xóm.

Từ những năm 70, mâu dịch quốc doanh đẩy mạnh hoạt động, khai thác được các nguồn hàng của địa phương và tổ chức tốt việc thu mua lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống và sản xuất. Cửa hàng bách hóa thực hiện bán ra tuy mới đạt 93,2% kế hoạch nhưng đã phân phối đúng đối tượng. Thái độ phục vụ của nhân viên cửa hàng và việc bảo quản tiền, hàng có nhiều chuyển biến tốt. Hợp tác xã mua bán thực hiện tốt chức năng đại lý bán lẻ, thu mua, mở rộng diện bán ra, mua vào ở các cơ sở. Bộ máy quản lý được củng cố. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đẩy mạnh nên từng bước khắc phục được tình trạng thiếu hụt tiền, hàng.

Dù có nhiều cố gắng nhưng có những lúc ngành thương nghiệp huyện vẫn không khắc phục được tình trạng thiếu hàng, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết 6 tháng đầu 1974, số 07-BC/HU, ngày 20/6/1974.

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.4, Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục - y tế, Đại Từ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngay sau khi đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá, nhất là sau ngày ký kết Hiệp định Pa-ri (ngày 27/01/1973), nhiều xã đã tu sửa và xây dựng hệ thống trường lớp. Toàn huyện làm mới được 567 phòng học, trong đó có nhiều phòng học bán kiên cố; đóng thêm được 582 bộ bàn ghế và 55 bảng đen. Cùng với số tiền do Nhà nước đầu tư (20.000 đồng), nhân dân trong huyện đã đóng góp 246.016 đồng để xây dựng trường sở, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành giáo dục địa phương phát triển. Tính đến năm học 1972 - 1973, tổng số học sinh các cấp trong toàn huyện là 30.100 em, trung bình 2,5 người dân có một người đi học. Số học sinh cấp I thi đỗ đạt 91,2%, cấp II đạt 92,2% và cấp III đạt 76,6%. Trường phổ thông cấp III của huyện là đơn vị khá nhất của ngành giáo dục tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh. Hệ thống truyền thanh của huyện xuống 6 xã được duy trì, tích cực tuyên truyền tin chiến thắng kết hợp với các trọng tâm công tác do cấp ủy đề ra. Việc triển khai chỉ thị 214 và quy ước về việc tổ chức ma chay, cưới xin theo nếp sống mới được quán triệt trong toàn Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng. Tính đến năm 1975, toàn huyện có 23 xã lập được Ban vận động thực hiện nếp sống mới, nếp sống văn minh và xây dựng quy ước ma chay, cưới xin trong mỗi đơn vị.

Công tác y tế được đặc biệt quan tâm. Trong năm 1973, huyện đã đầu tư xây dựng 29 trạm xá xã, trong đó có 10 trạm

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1973 của Huyện ủy Đại Từ - Tài liệu đã dẫn - Tr.20, 21.

xá được xây dựng bằng gạch ngói. Mạng lưới y tế từ huyện đến xã, hợp tác xã và đội sản xuất được mở rộng và đi vào hoạt động thường xuyên. Toàn huyện có 27 y sỹ thường trực ở 24 trạm xá xã, 75 cán bộ y tế, hộ sinh và dược tá, 500 y tá ở các hợp tác xã và đội sản xuất. Bệnh viện huyện đã nâng cao chất lượng điều trị và tinh thần phục vụ bệnh nhân, biết kết hợp chữa bệnh bằng phương pháp đông - tây y, khai thác được nguyên liệu ở địa phương để chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, trong công tác đầu tư, chăm lo bảo vệ sức khỏe của cán bộ và nhân dân, huyện gặp một khó khăn lớn là thiếu thuốc, kể cả thuốc thông thường. Việc kết hợp phòng và chữa bệnh, khám và phát thuốc, bán thuốc có lúc chưa tốt, chưa tạo điều kiện phục vụ người bệnh.

Song song với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ vẫn tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu và hành động gây chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Đòn tiến công chiến lược xuân - hè 1972 của quân và dân miền Nam đã đặt chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế đó, đế quốc Mỹ âm mưu “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời liều lĩnh gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta.

Từ ngày 06/4/1972, máy bay Mỹ ném bom bắn phá một số địa phương thuộc khu IV cũ. Ngày 24/5/1972, máy bay Mỹ ném 12 quả bom và bắn một loạt đạn rốc két xuống nhà máy điện Thái Nguyên, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên địa phận tỉnh Bắc Thái.

Trước sự chuyển biến của tình hình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương củng cố các lực lượng vũ trang, thành lập lại các phân đội, cụm chiến đấu, tổ chức các tổ phục kích, cơ động, đón lõng máy bay địch. Ngày 19/4/1972, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra chỉ thị *"Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay"*. Ngày 20/4/1972, Tỉnh ủy ra chỉ thị *"Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng không và tổ chức tốt công tác sẵn sàng chiến đấu"*. Tiếp đó, trong hai ngày 24 và 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp kiểm tra lại toàn bộ phương án tác chiến và kế hoạch phòng tránh, đồng thời chỉ thị cho các huyện, thành *"phải gấp rút tổ chức sơ tán, phân tán, giảm bớt mật độ dân số quá đông ở khu vực trọng điểm, đồng thời phải đảm bảo tốt sản xuất và phục vụ chiến đấu"*.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, Đảng bộ huyện Đại Từ đi sâu lãnh đạo tốt công tác chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Rút kinh nghiệm của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, lực lượng trực chiến phòng không của dân quân các xã Hà Thượng, Hùng Sơn, Văn Yên gồm 10 khẩu đội súng máy cao xạ, 3 khẩu đội đại liên được bố trí thành 3 cụm trận địa tại các xã Văn Lãng, Ký Phú, Văn Yên, do một đồng chí chỉ huy phó Huyện đội phụ trách. Các đơn vị dân quân tự vệ các xã tích cực luyện tập bắn máy bay. Hệ thống hầm, hào và trận địa chiến đấu được củng cố.

Phong trào xung phong tòng quân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong thanh niên. Có những đợt tuyển quân tiến hành vào thời điểm thu hoạch ở nông thôn, nhưng do cấp ủy lãnh đạo tốt nên việc tổ chức giao quân diễn ra nhanh gọn, chu đáo.

Trong các đợt tuyển quân, Đại Từ luôn luôn là một đơn vị đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Tính chung, từ năm 1969 đến năm 1975, đã có 3.316 thanh niên nhập ngũ⁽¹⁾ và lên đường vào Nam chiến đấu. Nhiều người con của quê hương Đại Từ đã anh dũng hy sinh trên chiến trường miền Nam.

Ngoài nhiệm vụ chi viện sức người cho chiến trường miền Nam, Đại Từ còn luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Riêng năm 1972, dù trong hoàn cảnh chiến tranh do Mỹ ném bom bắn phá trở lại nhưng Đại Từ vẫn huy động được lương thực vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Những thành tích của quân và dân Đại Từ trong chiến đấu và sản xuất cũng là kết quả của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo mọi mặt hoạt động ở địa phương. Nhiều đảng viên tận tụy gắn bó với quần chúng. Các chi bộ: Thành Công, Tiến Thành và Đảng bộ xã Văn Yên... đã phân công đảng viên đi vào từng khâu để giải quyết dứt điểm, kiên quyết đưa hợp tác xã tiến lên.

Để tạo điều kiện cho đảng viên phát huy được vai trò lãnh đạo, Huyện ủy quan tâm đến việc bồi dưỡng trình độ văn hóa, trình độ quản lý và kiến thức khoa học cho đảng viên. Ngoài việc duy trì tốt phong trào bổ túc văn hóa, Huyện ủy thường xuyên mở nhiều lớp tập huấn kỹ thuật lúa xuân, làm bèo hoa dâu cho đảng viên và đội trưởng sản xuất. Các cuộc hội nghị bồi dưỡng công tác “ba quản”, “ba khoán” cho cán bộ chủ chốt và đảng viên cũng được tổ chức.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác động viên tuyển quân 10 năm (1965 - 1975) chống Mỹ cứu nước, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, Tài liệu đã dẫn, tr.3.

Năm 1968, Đại Từ phát động phong trào toàn dân xây dựng Đảng, vận động quần chúng tốt phê bình đảng viên và giới thiệu đảng viên tốt vào cấp ủy. Biện pháp này đã có tác dụng rất lớn trong việc củng cố Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Những biểu hiện quan liêu, hống hách trong một số cán bộ, đảng viên từng bước được khắc phục. Hiện tượng chây lười công tác, vi phạm phẩm chất đạo đức, đường lối, chính sách của Đảng đã giảm dần. Chất lượng đảng viên và các tổ chức Đảng được nâng lên⁽¹⁾.

Năm 1972, Đảng bộ huyện Đại Từ tiếp tục thực hiện nghị quyết 195 của Trung ương Đảng gắn với việc quán triệt Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 17 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đảng bộ coi đó là nội dung cơ bản bảo đảm việc gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong năm này, Đảng bộ mở nhiều hội nghị chuyên đề bàn về công tác xây dựng Đảng. Thông qua đó, Đảng bộ đúc rút được nhiều kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng và đề ra được chủ trương, biện pháp củng cố tổ chức Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên nâng cao được tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình công tác, vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp

⁽¹⁾ Năm 1964:

- Đảng viên: Khá + tốt (56%), trung bình (32%), kém (8,7%), quá kém (1,93%).
- Chi bộ: Bốn tốt (22,2%), khá (36,9%), trung bình (31,9%), kém (9%).
- Đảng ủy: Bốn tốt (4), khá (8), trung bình (11), kém (7).

Năm 1969:

- Đảng viên: Khá + tốt (68,6%), trung bình (28,2%), kém (2,1%), quá kém (0%).
- Chi bộ: Bốn tốt (43%), khá (26,8%), trung bình (23,6%), kém (6%).
- Đảng ủy: Bốn tốt (9), khá (4), trung bình (7), kém (0).

của tình hình, nâng cao ý chí phấn đấu vượt qua mọi khó khăn trong hoàn cảnh có chiến tranh.

Trong khu vực nông thôn, các cấp bộ Đảng đã gây dựng được phong trào *“Hội nghị Diên Hồng”* của Phụ lão, *“Trung Trắc phát cờ, phụ nữ Đại Từ 5 mũi tiến công”*. Những phong trào đó có tác dụng nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, động viên được khí thế lao động sản xuất và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với Tổ quốc. Nhiều chi bộ từ trung bình, yếu kém đã vươn lên thành chi bộ khá, tốt, điển hình là Chi bộ Tiến Thành (xã Tân Thái). Từ một chi bộ trung bình, Tiến Thành đã vươn lên thành một chi bộ “bốn tốt”; lãnh đạo nông nghiệp theo hướng thâm canh tốt, sản lượng tăng, do đó hàng năm đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước vượt chỉ tiêu kế hoạch; tuyển quân các đợt đều vượt mức. Trong đảng viên và quần chúng không có ai lẩn chiếm ruộng đất, nợ nần dây dưa; tất cả đảng viên đều có công tác và đời sống khá. Chi bộ được coi là một điển hình mẫu về phát huy vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu.

Sau ngày Hiệp định Pa-ri được ký kết, hòa bình lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ coi trọng việc rèn luyện, bồi dưỡng đảng viên về mọi mặt chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế nhằm nâng cao chất lượng của đảng viên và chất lượng lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, xác định rõ vị trí của chi bộ, đảng viên trong tình hình mới, làm cho chi bộ và đảng viên trở thành hạt nhân lãnh đạo vững chắc ở nông thôn.

Nhằm vào phương hướng trên, công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ

chính trị, thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Huyện ủy chủ trương phát động các chiến dịch “*Phản kích Ních - xon*”, “*Thi đua với hợp tác xã Tiến Thành*”, “*Mùa xuân đại thắng, cả huyện biết ơn*”, “*Vụ mùa bốn nhất*”... Trong năm 1973, huyện tổ chức 3 đợt học tập, mỗi đợt từ 4 đến 10 ngày. Thông qua học tập, nhiều chi bộ đã xác định được nhiệm vụ chính trị, phương hướng sản xuất của hợp tác xã và đi vào tổ chức lại sản xuất, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Bước vào năm 1975, Huyện ủy xác định nội dung chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng là tập trung lãnh đạo cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 228, Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng. Kết hợp việc học tập các nghị quyết trên, Huyện ủy phát động phong trào thi đua “*Miền Nam vùng lên, Đại Từ đồng khởi*” và phong trào “*Vụ mùa đại thắng*” nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, củng cố hợp tác xã, nhất là những nơi yếu kém.

Thông qua học tập Chỉ thị 192 và Nghị quyết 24, những đảng viên có đủ năng lực và uy tín được đưa vào cấp ủy; trong đó cán bộ trẻ chiếm 31%. Đội ngũ đảng viên được sàng lọc: 241 đảng viên trên tổng số 2.848 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 85 người bị đưa ra khỏi Đảng⁽¹⁾. Chất lượng nhiều tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên. Đại đa số đảng viên phát huy được vai trò lãnh đạo, quyết tâm khắc phục khó khăn, vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nhờ có sự hoạt động tích cực và vai trò xung phong

⁽¹⁾ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.8, Lưu trữ tỉnh ủy Thái Nguyên.

gương mẫu của đảng viên, trong năm 1975, Đại Từ đã khôi phục được 10 hợp tác xã bị tan vỡ từ trước và đưa 357 hộ trở lại hợp tác xã⁽¹⁾.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy Đại Từ chú trọng đến việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Thông qua các khóa bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từ huyện xuống xã ngày càng phát huy được vai trò và năng lực trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch, động viên được nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tuy vậy, phân công nhiệm vụ giữa Đảng và chính quyền có lúc, có nơi chưa rõ ràng. Ở một số nơi, Ủy ban hành chính chưa đi sâu, đi sát tổ chức quản lý kinh tế, trực tiếp giúp đỡ hợp tác xã. Xuất phát từ thực tế này, trong những năm sau, Đảng bộ đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn cho các cán bộ chủ chốt ở cấp xã. Những đảng viên có phẩm chất, tư cách tốt, có năng lực và đầy đủ uy tín được đưa sang nắm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền.

Được sự chỉ đạo của Đảng bộ, các đoàn thể quần chúng trong huyện ngày càng phát huy được vai trò tổ chức và động viên quần chúng tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Đoàn Thanh niên tổng kết phong trào “ba sẵn sàng” và phát động phong trào “tình nguyện lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Mỗi đoàn viên thanh niên đều tự nguyện thực hiện công thức “8+2” và 42 giờ lao động cộng

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1975, số 08/HU, ngày 8/1/1976, tr.8, Lưu trữ tỉnh ủy Thái Nguyên.

sản. Trong phong trào “*ba sẵn sàng*”, hàng ngàn thanh niên tình nguyện lên đường chiến đấu, vượt mức chỉ tiêu trên giao; số thanh niên tình nguyện đi lao động xây dựng Tổ quốc cũng vượt 8,5% mức tỉnh giao⁽¹⁾.

Đoàn Thanh niên cũng là lực lượng xung kích, luôn đi đầu trong việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo tốt khâu xử lý giống, xây dựng khu đồng 5 tấn. Phong trào làm phân, chế biến phân cũng được đẩy mạnh, trong đó hăng hái nhất là lực lượng thanh niên. Tính riêng trong năm 1973, thanh niên Đại Từ đã làm được 379.290kg phân; nhiều thanh niên làm phân bón đạt từ 5 tấn trở lên. Phong trào làm bèo hoa dâu phần lớn đều do thanh niên đảm nhận.

Trong những năm 1974, 1975, Đoàn Thanh niên tập trung chỉ đạo sinh hoạt chính trị, hướng vào chủ đề “*Đoàn với việc xây dựng quê hương đổi mới, đất nước mạnh giàu*”. Huyện Đoàn liên tiếp phát động các phong trào thi đua “*ba giỏi*”⁽²⁾, thi đua “*tình nguyện vượt mức kế hoạch*” đi liền với việc củng cố cơ sở đoàn yếu kém.

Kết hợp với các ngành, các cấp, Đoàn Thanh niên Đại Từ còn làm tốt công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Riêng trong năm 1973, toàn huyện có 5.783 cháu đạt danh hiệu “*Cháu ngoan Bác Hồ*” và thành lập được 192 đội chăn trâu, bò.

Hội Phụ nữ Đại Từ với phong trào “*Ba đảm đang*” đã phát huy được vai trò quan trọng trong mọi mặt hoạt động.

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị 1973 của Huyện ủy Đại Từ, Tài liệu đã dẫn, tr.3.

⁽²⁾ Giỏi lao động, giỏi kỹ thuật, giỏi làm phân.

Các cấp Hội đã động viên chị em làm tốt nhiệm vụ sản xuất, cấy thẳng hàng, cấy kịp thời vụ, chăn nuôi gia đình. Chị em còn động viên được chồng, con đi bộ đội và đi xây dựng cơ bản, vận động thực hành tiết kiệm lương thực, thực phẩm, nông sản. Hội Phụ nữ tổ chức cho chị em học tập Nghị quyết Đại hội phụ nữ Việt Nam lần thứ IV, xây dựng người phụ nữ mới, vận động chị em tham gia phong trào thi đua sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội cũng đặc biệt quan tâm đến việc củng cố các nhóm trẻ và nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Hội Phụ lão thường xuyên duy trì được phong trào phụ lão Diên hồng, động viên con cháu đi bộ đội và lao động xây dựng Tổ quốc.

Tóm lại, kể từ ngày giặc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã vững vàng bước vào chiến đấu và phục vụ chiến đấu; đồng thời tích cực đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân và làm tròn nghĩa vụ đối với chiến trường miền Nam. Trải qua những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ Đại Từ đã trưởng thành về nhiều mặt. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, có tính quyết định, để sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo nhân dân địa phương thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG VIII

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (5/1975 - 1995)

I. Tổ chức thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1975 - 1985)

Thắng lợi vĩ đại của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam và đi đến hoàn thành thống nhất Tổ quốc. Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vui mừng vô hạn trước sự chuyển mình lớn lao của đất nước và quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bắt tay vào việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, góp phần cùng nhân dân cả nước hoàn thành thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với sự quyết tâm chỉ đạo tích cực của Đảng, chính quyền các cấp và sự nỗ lực của toàn dân, Đại Từ đã giành được một số kết quả đáng phấn khởi.

Về kinh tế: Tuy gặp nhiều khó khăn về thời tiết làm ảnh hưởng đến việc thâm canh gieo trồng, song tổng diện tích cây lương thực vẫn đạt và vượt so với năm trước. Năm 1975, do

vụ chiêm mất mùa nên năng suất lúa cả năm đạt được 47,8 tạ/ha; tổng sản lượng là 27.657 tấn, đạt 98,3% kế hoạch⁽¹⁾. Diện tích gieo trồng cây thực phẩm, hoa màu năm 1976 đều tăng hơn so với năm 1975 từ 25 - 30%⁽²⁾. Đáng chú ý là, do nhận thức rõ giá trị kinh tế của cây công nghiệp, lâm nghiệp, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo gieo trồng theo quy hoạch, theo vùng. Diện tích trồng chè năm 1975 đạt 203% so với năm 1974. Lực lượng quốc doanh khai thác gỗ được 108.000 cây, đạt 180% kế hoạch và bằng 123% so với năm trước⁽³⁾.

Tình hình chăn nuôi gia cầm ngày càng phát triển ở cả hai khu vực gia đình và tập thể. Nhiều hợp tác xã đã từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính với sự đầu tư về cơ sở vật chất và chuyên môn có chất lượng tốt. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1976, toàn huyện có 30.742 con lợn, đạt 85,3% kế hoạch⁽⁴⁾. Đại Từ đứng vị trí thứ hai trong tỉnh về số lượng cơ sở chăn nuôi và đầu lợn cao. Tuy chưa đạt kế hoạch, song nhìn chung sự phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn, bước đầu đã đáp ứng một phần nhu cầu thực phẩm trong huyện và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Mặc dù đời sống vật chất còn nhiều khó khăn nhưng nhân dân các dân tộc Đại Từ luôn phấn đấu để hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Ngay trong những tháng đầu

⁽¹⁾ Báo cáo công tác năm 1976 của huyện Đại Từ, HS 335 - C.33, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1976, HS335 - C.33, tr.1, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽³⁾ Báo cáo công tác năm 1975 của Huyện ủy Đại Từ, tr.2 - 3, HS335 - C.33, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽⁴⁾ Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 1976 - T2 - HS1939, tr.3 - tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh

sau ngày thống nhất đất nước, huyện đã tổ chức ngày hội mừng chiến thắng để đưa thóc vào kho Nhà nước được 40.337kg; thực phẩm bán tăng hơn quý I là 87,9%⁽¹⁾. Ngoài ra, huyện Đại Từ đã cho Nhà nước vay 204.068kg thóc và ủng hộ 5.235kg. Nhiều nơi còn tổ chức giúp đỡ các địa phương kết nghĩa dưới nhiều hình thức để giải quyết khó khăn trước mắt sau ngày giải phóng. Riêng hợp tác xã Khánh Hòa (xã Hà Thượng) đã cho Nhà nước vay 12.500kg lương thực, bán 2.500kg lợn và chọn 2 trâu tốt cùng một số cây bừa để ủng hộ đồng bào tỉnh Khánh Hòa kết nghĩa⁽²⁾.

Phong trào hợp tác xã trong nửa sau những năm 70 tương đối ổn định. Toàn huyện có 80 hợp tác xã, gồm 12.299 hộ, chiếm 91,22% (tăng 4,5% so với năm 1975)⁽³⁾. Qua các đợt củng cố, hợp nhất, nhiều hợp tác xã đi vào làm ăn sản xuất có hiệu quả, quản lý và thực hiện tốt “ba khoán”. Đời sống của xã viên ngày càng được cải thiện.

Tuy kinh tế còn gặp một số khó khăn nhưng văn hóa - giáo dục vẫn được giữ vững. Tổng số học sinh toàn huyện đến năm 1976 có 29.744 em, bình quân 2,9 người có 1 người đi học⁽⁴⁾. Nhiều xã đẩy mạnh phong trào xây dựng trường sở, đóng bàn ghế cho học sinh, giáo viên. Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên về tư tưởng chính trị, chuyên môn để nâng cao chất lượng dạy học.

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết công tác mặt trận 6 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối 1975 ngày 24/6/1975 - tr.5 - HS5000 - C.53 Lưu trữ Tỉnh ủy.

⁽²⁾ Báo cáo sơ kết công tác mặt trận 6 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối 1975 ngày 24/6/1975 - tr.4,5 - HS500 - C.53 Lưu trữ Tỉnh ủy.

⁽³⁾ Báo cáo công tác năm 1976 - tr.3 - HS335 - C.53 - Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽⁴⁾ Báo cáo công tác năm 1976 - tr.6 - HS335 - C.53 - Tài liệu Tỉnh ủy.

Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ và nhân dân luôn được quan tâm chu đáo, 28 trạm xá xã hoạt động đều. Một số bệnh dịch như tiêu chảy, kiết lỵ... sớm được phát hiện và kịp thời dập tắt.

Sau khi chiến tranh kết thúc, việc giải quyết chế độ đãi ngộ cho các đối tượng trong diện chính sách trở thành một vấn đề lớn của xã hội. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, các Phòng, Ban chuyên môn đã từng bước tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, góp phần động viên cán bộ và nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ gặp không ít khó khăn. Từ nền sản xuất nhỏ đi lên, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí thấp, tuy kinh tế đã có những bước phát triển, song năng suất và sản lượng chưa cao. Sự phát triển nền kinh tế trong huyện chưa toàn diện và chưa vững chắc. Cũng vì thế, đời sống của nhân dân còn thấp kém. Việc huy động và thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm nhiều năm không đạt kế hoạch. Nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức, không có khả năng quản lý kinh tế và điều hành kế hoạch sản xuất, làm cản trở quá trình tổ chức và thực hiện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ngày 14/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4 đã khai mạc tại Hà Nội. Đại hội nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội: *"Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một", "chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát*

khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, ngày mai được đảm bảo một cuộc đời văn minh, hạnh phúc... Có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh; do đó đảm bảo cho đất nước vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh"⁽¹⁾.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm của nước ta trong thời kỳ quá độ, Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế. Đại hội đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) với mục tiêu là "phát triển và cải tạo kinh tế - văn hóa, phát triển khoa học - kỹ thuật" nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Thành công của cuộc tổng Tuyển cử bầu Quốc hội cũng như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bắc Thái lần II là nguồn cổ vũ, động viên nhân dân các dân tộc Đại Từ trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn thế nữa, kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là kế hoạch dài hạn đầu tiên mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nó có một ý nghĩa, vị trí hết sức quan trọng cả về chính trị và kinh tế. Nhận thức được điều đó, với kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, Đảng bộ và nhân

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4, tr.40 - 41. Nxb. Sự thật.

dân huyện Đại Từ đã quyết tâm thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Quán triệt đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Trung ương Đảng, trước mắt là kế hoạch 5 năm, Đảng bộ huyện Đại Từ đã đề ra phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là: *"Ra sức giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý chí chiến đấu của cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nhằm thực hiện được bốn thế mạnh là lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp và nghề rừng theo hướng: tập trung chuyên canh và thâm canh, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự trị an xã hội, đảm bảo thật tốt yêu cầu của Nhà nước và đời sống của nhân dân phải được cải thiện rõ rệt cả về ăn ở, sức khỏe và học hành, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và sau kế hoạch 5 năm này Đại Từ phải trở thành pháo đài của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa"*⁽¹⁾.

Để đạt được mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ Đại Từ đề ra, thực hiện phương châm coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế xã hội, các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện đã nỗ lực đầu tư công sức cho việc củng cố phong trào hợp tác hóa, quy hoạch, phân vùng và tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với sự giúp đỡ của tỉnh, nhằm triển khai kịp thời Nghị quyết 45 - 46 của Tỉnh ủy, Huyện ủy

⁽¹⁾ Phương hướng 5 năm 1976 - 1980 và nhiệm vụ 2 năm 1977 - 1978 của Huyện ủy Đại Từ, tr.4, HS333 C33, Tài liệu Tỉnh ủy.

Đại Từ đã mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quy hoạch tại 7 xã và trực tiếp chỉ đạo xây dựng phương án để rút kinh nghiệm cho việc thực hiện. Trong năm 1976, Huyện quy hoạch được 17 xã (trong tổng số 28 xã được quy hoạch của tỉnh)⁽¹⁾. Đến năm 1978, với 23 xã được quy hoạch, Đại Từ là huyện có thành tích cao nhất trong phong trào của tỉnh về công tác quy hoạch.

Song song với công tác quy hoạch, phân vùng sản xuất, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Đại Từ tích cực, tiếp tục chỉ đạo di chuyển dân ở 4 xã: Tân Thái, Vạn Thọ, Lục Ba, Phúc Thọ ra khỏi vùng lòng hồ Núi Cốc... Nhận thấy giá trị cũng như tiềm năng to lớn về kinh tế, du lịch của công trình đại thủy nông Núi Cốc, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ nói chung, 4 xã vùng lòng hồ nói riêng đã nhanh chóng di chuyển đến vùng dân cư mới để sinh sống, lập nghiệp. Đến cuối năm 1976, việc di chuyển dân đạt 67% kế hoạch⁽²⁾.

Ngoài ra, Huyện ủy và chính quyền huyện Đại Từ còn tổ chức chu đáo công tác tiếp nhận hàng nghìn đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi. Tại các vùng dân cư mới thuộc các xã Phục Linh, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Cường, với sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước 386.078 đồng, huyện đã thành lập các hợp tác xã chuyên canh, xây dựng nhà kho, trường học, trạm xá, cửa hàng mua bán và làm đường giao thông⁽³⁾. Nhìn chung, đời sống của nhân dân căn bản ổn định và đi vào khai hoang sản xuất.

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1976, T3 - 4, HS2037, F3, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Báo cáo công tác 1976, T2, HS335, C33, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽³⁾ Báo cáo công tác 1976, T4, HS335, C33, Tài liệu Tỉnh ủy.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, phong trào làm giao thông phát triển khá. Hầu hết các xã trong huyện đều huy động hàng ngàn ngày công làm đường và sửa chữa cầu cống. Trận lụt năm 1978 đã phá hỏng nhiều công trình giao thông. Huyện đã huy động đào đắp được 38.000m³ đất đá, tổng ngày công đạt 45.800 công, khôi phục được lại 84 công trình⁽¹⁾. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện Đại Từ đã mở được một số tuyến đường vào vùng sâu, vùng kinh tế mới như: Phục Linh, Lục Ba, Cát Nê, Phú Lạc, Hà Thượng... Đến cuối năm 1978, ngoài 6 tuyến đường chính của huyện, 100% số xã đều có đường ô tô vào đến trung tâm, góp phần đảm bảo giao thông vận tải cũng như việc định canh định cư của nhân dân ở vùng kinh tế mới⁽²⁾.

Cùng với phong trào làm đường giao thông, công tác thủy lợi cũng được đẩy mạnh và trở thành phong trào rộng rãi trong nông thôn. Các xã: Văn Yên, Ký Phú, Đức Lương, Bình Thuận, Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hùng Sơn, Phú Lạc, Yên Lãng... kết hợp làm thủy lợi với cải tạo đồng ruộng. Mỗi hợp tác xã đều thành lập được một đội chuyên làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng. Ngoài công trình do nhân dân tự làm, năm 1976, Nhà nước đầu tư 141.000 đồng để hoàn chỉnh 9 công trình và 3 công trình đang làm dở, hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu cho 577ha ruộng hai vụ ăn chắc⁽³⁾. Trước những cố gắng và kết quả đạt được trong phong trào làm thủy lợi, Huyện ủy Đại Từ đã

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình công tác tháng 11, T2, HS2450, F3, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Báo cáo tình hình giao thông vận tải Bắc Thái, T2, Hs105 C2, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽³⁾ Báo cáo công tác năm 1976, tr 2, HS335, C53, Tài liệu Tỉnh ủy.

tiếp tục đầu tư, chỉ đạo việc thi công và cải tạo một số công trình như hồ Phượng Hoàng, Khôi Kỳ, Bình Thuận... góp phần đảm bảo và mở rộng diện tích canh tác những năm tiếp theo. Nhân dân các dân tộc Đại Từ không những tích cực xây dựng mạng lưới thủy lợi phục vụ sản xuất, mà còn hăng hái tham gia các chiến dịch làm thủy lợi do tỉnh phát động. Trong chiến dịch làm hệ thống kênh mương Núi Cốc 1977 - 1978, nhiều đơn vị xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đại đội xã Hà Thượng ra quân gấp 3 lần so với chỉ tiêu huyện giao và làm trong một tháng đã hoàn thành nhiệm vụ, sau đó quay trở về sản xuất. Đại đội xã Văn Yên quyết tâm ở lại trong suốt thời gian chiến dịch, đạt năng suất và quân số trên giao. Trong dịp tổng kết chiến dịch, đại đội được công nhận là đơn vị lá cờ đầu.

Từ giữa năm 1978, Huyện ủy Đại Từ tổ chức cho các Đảng bộ xã học tập Nghị quyết 8 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *"Tăng cường chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất"*. Qua học tập, các xã, hợp tác xã đã thu hồi lại những ruộng đất của xã viên sử dụng sai chính sách. Riêng hợp tác xã Bình Thuận đã thu hồi 37 mẫu ruộng sử dụng sai chính sách và 24 mẫu ruộng đất 5% đưa vào sản xuất tập thể, tập thể hóa được 56 mẫu chè của gia đình xã viên để hợp tác xã quản lý và kinh doanh chung⁽¹⁾. Đồng thời với việc xây thêm nhiều hợp tác xã chuyên canh ở vùng kinh tế mới, Huyện ủy Đại Từ chủ trương tập trung cán bộ thực hiện củng cố hợp tác xã yếu kém. Các đồng chí trong Ban Thường vụ được phân công chỉ đạo khôi phục

⁽¹⁾ Thông báo tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết 8 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất, cập 27, Tài liệu Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh.

một số hợp tác xã bị tan vỡ (Phú Thịnh, Na Mao). Nhờ có những biện pháp tích cực và chủ động, tính đến đầu năm 1978, hàng trăm hộ nông dân xin vào hợp tác xã, hợp nhất thêm được 5 hợp tác xã toàn xã (Yên Lãng, Hoàng Nông, An Khánh, Ký Phú và Bản Ngoại) đưa tổng số hợp tác xã quy mô toàn xã lên 22 trên 29 xã⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ và Nghị quyết 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ Đại Từ tập trung chỉ đạo cuộc vận động tổ chức lại sản xuất. Qua cuộc vận động, nhiều xã và hợp tác xã đã xác định đúng phương hướng sản xuất, phân công lại lao động, tổ chức lại sản xuất, thành lập đội chuyên. Khí thế lao động sản xuất diễn ra sôi nổi.

Với quyết tâm khắc phục khó khăn, chủ động về phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và giống phục vụ sản xuất... tuy bị mất diện tích canh tác của 4 xã thuộc lòng hồ Núi Cốc, huyện Đại Từ vẫn đảm bảo 10.962 ha đất canh tác lúa, năng suất đạt 21,6 tạ/ha; sản lượng đạt 23.683 tấn⁽²⁾. Diện tích trồng cây hoa màu cũng phát triển, nhất là cây sắn (diện tích 1.280 ha, năng suất 70 tạ/ha), ngô và khoai lang. Các hợp tác xã Hùng Sơn, Văn Yên không chỉ phát triển cây lương thực, hoa màu mà còn chú trọng đầu tư, gieo trồng cây thực phẩm và cây công nghiệp, nhất là cây chè. Việc thành lập các hợp tác xã chuyên canh và quy hoạch phân vùng rộng hàng trăm héc-ta cho sự phát triển cây chè là hướng đi đúng đắn của huyện Đại Từ. Cây chè trở thành một trong những thế mạnh

⁽¹⁾ Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1978, tr 2, HS335, C53, Tài liệu Tỉnh ủy.

⁽²⁾ Báo cáo số chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế Bắc Thái ngày 30/8/1979, Tr7 - 10, HS92, C10, Tài liệu Tỉnh ủy.

của Đại Từ, hàng năm cung cấp một khối lượng lớn cho nhà máy chè, đảm bảo công suất 300 tấn/năm.

Công tác trồng rừng cũng có nhiều chuyển biến tốt. Kế hoạch trồng rừng vụ xuân thường được triển khai sớm và có sự chuẩn bị từ cuối năm trước. Hàng năm, Huyện ủy tổ chức trồng rừng tập trung ở từng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc, quản lý và khai thác rừng. Nhiều hợp tác xã sau khi được tổ chức lại sản xuất, phân loại đất canh tác... đã phân công một phần lao động chuyên kinh doanh nghề rừng. Nhờ đó, công tác lâm nghiệp nói chung và trồng rừng nói riêng có bước phát triển tốt.

Từ giữa năm 1978, trong khi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đang ra sức thi đua cùng nhân dân cả nước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1976 - 1980 thì tình hình an ninh biên giới Việt - Trung bắt đầu diễn biến phức tạp, ngày càng trở nên gay gắt.

Từ tháng 5/1978, do bị một số phần tử xấu người Hoa truyền xuyên tạc, kích động, lôi kéo, nhiều người Việt gốc Hoa đang sinh sống trên địa bàn tỉnh nói chung, Đại Từ nói riêng đã tự động bán đồ đạc, mua hàng quý, không xin phép chính quyền địa phương và tự ý bỏ về Trung Quốc một cách trái phép. Đáng chú ý, trong số vượt biên đó có một số ít là cán bộ và học sinh.

Đứng trước tình hình trên, Huyện ủy đã chỉ đạo ngành Công an huyện tổ chức lực lượng bảo đảm tốt công tác quản lý trật tự xã hội. Thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Trung ương và Tỉnh trong tình hình mới, Huyện ủy Đại Từ tập trung chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở tiến hành công tác củng cố tổ chức Đảng, làm trong sạch nội bộ Đảng.

Tháng 02/1979, tập đoàn phản động Bắc Kinh đã huy động một lực lượng lớn, gồm 32 sư đoàn bộ binh (khoảng 60 vạn quân) cùng với 500 xe tăng tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta.

Để kịp thời phục vụ cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta ở tuyến đầu Tổ quốc, Huyện Đại Từ đã nhanh chóng thành lập tiểu đoàn đi xây dựng phòng tuyến và phục vụ tiền phương⁽¹⁾.

Sau khi thành lập, hai tiểu đoàn khẩn trương lên đường ra trận với khí thế phấn khởi, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng thời, huyện tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ, xây dựng phương án tác chiến tại chỗ ở cụm chiến đấu⁽²⁾.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đông đảo nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ luôn chăm chú theo dõi tình hình chiến sự. Ngày 25/02/1979, Đảng bộ và quân dân xã Lục Ba (khoảng 500 người) tổ chức mít tinh nghe tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về

⁽¹⁾ Tiểu đoàn 1 Đại Từ đóng quân ở đỉnh đèo Cò Lía, biên chế 4 đại đội với quân số 368 người. Tiểu đoàn 2 đóng ở đèo Cò Lía (xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), quân số 461 người, biên chế 1 tiểu đoàn và 4 đại đội. (Báo cáo kết quả bước đầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiền tuyến 3, HS164, C18, Tỉnh ủy).

⁽²⁾ Cụm 1 gồm các xã: An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Thượng, Tân Thái.

Cụm 2 gồm các xã: Yên Lãng, Phú Xuyên, Na Mao, Phú Thịnh.

Cụm 3 gồm các xã: Hùng Sơn, Khôi Kỳ, Tiên Hội, Bản Ngoại, Lục Ba, Bình Thuận và thị trấn Đại Từ.

Cụm 4 gồm các xã: Minh Tiến, Đức Lương, Phúc Lương, Phú Cường, Phú Lạc.

Cụm 5 gồm các xã: Nông Trường + Nhà máy chè Quân Chu, Cát Nê, Kỳ Phú, Vạn Thọ.

“Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của giới cầm quyền Trung Quốc”. Tại cuộc mít tinh, các đại biểu đã viết quyết tâm thư tỏ rõ thái độ căm thù trước cuộc chiến tranh phi nghĩa của giới cầm quyền phản động Bắc Kinh gây ra, đồng thời nêu ra 7 hành động cụ thể góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Song song với việc huy động lực lượng tham gia đánh trả quân xâm lược, Đảng bộ và chính quyền Đại Từ tích cực vận động nhân dân các dân tộc trong huyện quyên góp tiền bạc, quần áo, lương thực giúp đỡ đồng bào vùng biên giới. Qua 2 đợt phát động phong trào toàn dân đóng góp nuôi quân, ủng hộ đồng bào Cao Bằng bị quân xâm lược Trung Quốc tàn phá, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã thể hiện rõ truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Đợt 1, huyện ủng hộ được 52.695kg gạo, 3.681kg thóc, 429kg sắn và 10.000 tàu lá cọ. Đợt 2 quyên góp được 32.224 đồng, 12.502m phiếu vải, 13.000kg thóc, 3 con trâu; sách vở và đồ dùng học tập trị giá 1.500 đồng. Riêng xã Cù Vân (xã đã hoàn thành nghĩa vụ lương thực theo ký kết hợp đồng hai chiều), chỉ trong 1 ngày nhân dân đã bán thêm 10 tấn thóc, 2 tấn thịt lợn, giúp đỡ củi, rau xanh cho đơn vị đóng quân ở địa phương. Xã Hùng Sơn (xã vùng lụt) trong một ngày quyên góp, ủng hộ được 6 tấn gạo, 2 tấn khoai tây; hợp tác xã nông nghiệp bán 6 tấn thịt lợn và chị em phụ nữ xã ủng hộ trên 300 đồng; 80 hộ xã viên nông nghiệp thị trấn Đại Từ cũng vận động quyên góp trên 1 tấn thóc. Các hộ xã viên tiểu thủ công nghiệp đóng góp 1.390 đồng ủng hộ đồng bào biên giới phía Bắc⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết đợt chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược Trung Quốc (17/2 - 25/3/1979) của Đại Từ, T3, HS168, C18, Tài liệu Tỉnh ủy.

Bên cạnh những hoạt động lạc quyền, ủng hộ sức người, sức của vô tư, đầy tình nghĩa, huyện còn tổ chức tốt việc đón tiếp đồng bào sơ tán. Tính đến cuối tháng 6/1979, Đại Từ có 210 hộ, 918 nhân khẩu từ các tỉnh cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Tuyên (nay là hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang) sơ tán đến. Đảng bộ và chính quyền Đại Từ đã chỉ đạo chặt chẽ việc phân bố các hộ đến từng xã. Đồng bào sơ tán đến xã nào cũng được nhân dân các dân tộc trong huyện chu đáo giúp đỡ nơi ăn, chốn ở và công việc để sớm ổn định cuộc sống. Sự giúp đỡ đó đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong đồng bào.

Chiến tranh biên giới kết thúc, nhân dân các dân tộc Đại Từ vừa tích cực giúp đỡ các tỉnh phía Bắc khắc phục hậu quả, vừa hăng hái đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1976 - 1980.

Đầu năm 1979, Đại Từ được tỉnh chọn làm nơi thí điểm xây dựng cấp huyện theo chỉ thị nghị quyết của Hội đồng Chính phủ (tháng 01/1978). Ngân sách - tài chính, các ban ngành chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật đóng trên địa bàn đều do huyện trực tiếp quản lý và điều hành. Bộ máy chỉ đạo của huyện phải năng động chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý hành chính - kinh tế. Do xác định được mặt mạnh, mặt yếu thông qua phân cấp quản lý và sự giúp đỡ của tỉnh⁽¹⁾, Huyện ủy đã từng bước tháo gỡ khó khăn, tiến lên xây dựng Đại Từ trở thành một huyện vững mạnh.

Bước vào năm 1980, khí thế thi đua lao động sản xuất được đẩy mạnh. Ngoài việc đầu tư phân bón hóa học, thuốc trừ sâu,

⁽¹⁾ Năm 1980, tỉnh tăng cường cho huyện: 13 cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế để kiện toàn các ban chuyên môn và 11 cán bộ xuống 7 hợp tác xã vùng lúa. Báo cáo tình hình phân cấp KT - XH và tài chính - ngân sách cho huyện, T4, HS10 C1, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Huyện ủy vận động nhân dân tận dụng các nguồn phân chuồng, phân xanh, kết hợp làm thủy lợi với cải tạo đồng ruộng... nhằm góp phần tăng độ phì nhiêu của đất, nâng cao năng suất cây trồng.

Với những biện pháp tích cực và phấn đấu nỗ lực của toàn dân, Đại Từ đạt được một số kết quả đáng phấn khởi. Tuy chịu nhiều thiệt hại khá nặng do cơn bão số 4 gây ra (mưa to ở nhiều nơi trung bình là 648mm - gây ra lụt úng ở một số vùng), song năng suất lúa vẫn đạt 47,97 tạ/ha, sản lượng đạt 23.768 tấn. Tỷ lệ hoa màu trong cơ cấu lương thực cũng tăng dần⁽¹⁾. Các loại cây thực phẩm phát triển tương đối khá ở khu vực gia đình, giải quyết được nhu cầu của nhân dân. Với sự đầu tư chuyên canh chè trong những năm qua, sản xuất chè năm 1980 đạt 183,67% so với 1976⁽²⁾. Do tỷ lệ màu trong nông nghiệp ngày một tăng và thực hiện Thông tư "Dành 10 đến 15% ruộng đất để sản xuất thức ăn, phát triển chăn nuôi gia súc" (số 219-TT ngày 19/5/1978), huyện Đại Từ vẫn giữ vững và phát triển chăn nuôi theo chiều hướng tích cực. Toàn huyện có 14.826 con trâu, tăng hơn năm 1976 là 6,7%; 33.442 con lợn, đạt 108,2% so với năm 1976⁽³⁾.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên mặt trận phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hoá - giáo dục và y tế có bước chuyển

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình thực hiện công tác xây dựng huyện tăng cường cấp huyện, xây dựng pháo đài quân sự huyện của huyện Đại Từ ngày 15/8/1985, T5, C27, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (tháng 01/1985) về phê chuẩn quy hoạch tổng thể KT - XH huyện Đại Từ, T6, C28, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽³⁾ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng cấp huyện (1979 - 1982), T5, C27, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

biến khá. Năm học 1979 - 1980, toàn huyện có 27.836 học sinh. Tỷ lệ thi lên lớp đạt 76,4%⁽¹⁾. Phong trào dạy tốt, học tốt được duy trì thường xuyên, 100% trường học có tủ sách và thư viện (huyện có 3 thư viện đạt tiêu chuẩn theo quyết định 288/QĐ của Bộ Giáo dục). Nhiều trường lớp đạt danh hiệu là trường điển hình tiên tiến, tiêu biểu cho ngành giáo dục của huyện. Trường cấp 1 - 2 Hùng Sơn, trường mẫu giáo Văn Yên, Hoàng Nông... là những đơn vị có nhiều thành tích trong giáo dục. Phong trào xây dựng trường sở, xóa bỏ xã trắng về ngành mẫu giáo đều được đông đảo nhân dân nhiệt tình tham gia.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, ngành văn hóa thông tin tích cực hoạt động, luôn bám sát phục vụ các nhiệm vụ trung tâm từng thời kỳ. Các hoạt động chiếu bóng, văn nghệ, phát hành văn hóa phẩm, sách báo được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu của đời sống văn hóa tinh thần ngày càng cao trong huyện.

Ngành y tế cũng có nhiều tiến bộ vượt bậc. Được đầu tư trang thiết bị y tế, cấp phát thuốc men, bệnh viện huyện và các trạm xá xã đã tổ chức khám và chữa bệnh cho hàng nghìn người. Nhiều bệnh dịch có hiện tượng tái phát như sốt rét, tả, lỵ đều được phát hiện kịp thời và tổ chức phòng chống. Nhờ đó, tỷ lệ bệnh tật, tử vong giảm xuống rõ rệt. Sức khỏe của nhân dân nhìn chung được nâng lên.

Như vậy, với sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã khắc phục khó khăn, đạt được nhiều thành tựu trong phong trào thi đua thực hiện kế hoạch

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng cấp huyện (1979 - 1982), T5, C27, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

5 năm 1976 - 1980. Từ trong và sau kế hoạch, nhiều ngành kinh phát triển ngày càng vững chắc. Cơ sở vật chất được xây dựng. Đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Kết quả đó đã góp phần tạo bước chuyển biến mới cho việc phát triển nền kinh tế - xã hội của huyện theo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 1981 - 1985.

Bên cạnh những thành tích, thắng lợi, Đại Từ vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Sản xuất tuy tăng lên nhưng chưa tương xứng với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Một số chỉ tiêu quan trọng về sản xuất lương thực, vật nuôi, cây trồng do Đảng bộ huyện đề ra đều không đạt, làm ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân. Trong nông nghiệp còn mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, chưa phát huy được thế mạnh của địa phương. Việc quy hoạch ngành, vùng còn kém, mang tính hình thức. Sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp, công nghiệp và phân phối lưu thông tiến bộ chậm...

Nhằm khắc phục những mặt tồn tại trên, khi bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 5 (tháng 3/1982) đề ra trên cơ sở tiếp tục quy hoạch, xây dựng phương hướng sản xuất của huyện, Đại Từ đã xác định được vùng lúa tập trung, bao gồm: Hùng Sơn, Khôi Kỳ, Bình Thuận, Tiên Hội, Bản Ngoại, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ và Cát Nê. Huyện tích cực đầu tư và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa. Nhiều giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào gieo cấy đại trà như: Bao thai lùn, Xuân số 2, Nông nghiệp 8, giống 1561 - 12, Thái Bình 1, K3... Tỷ lệ lúa xuân chiếm từ 80 đến 90% (có nơi 100%) diện tích vụ đông - xuân.

Ngay từ đầu năm 1981, thực hiện Chỉ thị “*Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*” (số 100-CT/TW ngày 13/01/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, huyện đã áp dụng cơ chế khoán 100 vào sản xuất. Việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã tác động khá mạnh đến sự chuyển về tư tưởng, tâm lý của người lao động; khuyến khích người lao động quan tâm và đầu tư thích đáng hơn đối với sản xuất. Trong sản xuất lúa, nhiều khâu trước kia bị xem nhẹ thì nay được chú ý như khắc phục tình trạng thiếu mạ, cấy đúng kỹ thuật, đảm bảo mật độ từ 45 đến 50 khóm/m², làm cỏ sục bùn 3 lần và tăng cường bón phân hữu cơ. Một số xã còn tiến hành thí điểm: xây dựng cánh đồng tăng sản đạt năng suất cao (xã Yên Lãng năm 1982 đạt năng suất bình quân 70 tạ/ha/2 vụ) và từng bước nhân ra diện rộng với kết quả tốt⁽¹⁾.

Hơn một năm áp dụng cơ chế khoán và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, sản xuất, nền kinh tế Đại Từ có những chuyển biến rõ rệt với chiều hướng phát triển tốt. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do nhận thức và tổ chức thực hiện khoán của các cấp, ngành chưa sâu sát, triệt để, thiếu khoa học nên cơ bản là giao ruộng nguyên canh, khoán trắng (hợp tác xã Phú Lạc khoán 1 lao động làm 1 sào ruộng nộp 80kg thóc)⁽²⁾... cũng vì thế, hợp tác xã không điều hành được kế hoạch sản xuất; kế hoạch thiếu cụ thể, không gắn

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác xây dựng huyện Đại Từ (1979 - 1982), T2, HS2, C58, Tài liệu Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

⁽²⁾ Báo cáo sơ kết cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động, người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, T2, HS3, C63, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

với hạch toán kinh tế; sản xuất thiếu toàn diện, thiếu vững chắc. Trong một số hợp tác xã, sự chỉ đạo sản xuất còn lỏng lẻo, có hiện tượng buông trôi, phân phối ăn chia chưa công bằng, hợp lý. Cơ sở vật chất của nhiều hợp tác xã xuống cấp, tài sản hư hỏng và bị phân tán. Một số tư liệu sản xuất của tập thể bị chiếm đoạt, trở thành sở hữu cá nhân. Nhiều tài sản có giá trị kinh tế lớn bị đem ra bán hóa giá cho xã viên⁽¹⁾.

Nhiều nơi còn xảy ra tình trạng đòi ruộng cha ông, tranh chấp và lấn chiếm ruộng đất của nhau. Nội bộ hợp tác xã thiếu đoàn kết, nhiều xã viên làm đơn hoặc tự động ra khỏi hợp tác xã, làm ăn cá thể.

Để khắc phục tình trạng trên, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã nhanh chóng thành lập Ban sửa sai do lãnh đạo Huyện ủy trực tiếp làm trưởng ban. Kết hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, huyện cử cán bộ xuống tận cơ sở để theo dõi và giúp đỡ các hợp tác xã sửa khoán. Qua sửa khoán, hầu hết các hợp tác xã tổ chức lại sản xuất và tiến hành điều chỉnh lại quy mô sản xuất cho phù hợp với thực tiễn; xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công lại lao động để chuyên môn hóa, phân công ngành nghề... tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động và phát triển một cách toàn diện.

Từ năm 1980, khi tiến hành phân cấp quản lý, huyện đã xây dựng hạt lâm nghiệp thành lâm trường với chức năng kinh doanh và trồng rừng. Đến năm 1983, lực lượng lâm trường có 150 người, biên chế làm 3 đội. Kết hợp vùng với một số hợp tác xã chuyên về nghề rừng, sản xuất lâm nghiệp có

⁽¹⁾ Năm 1983, có hợp tác xã của Đại Từ đã hóa giá đàn trâu của tập thể, bán 5 máy kéo loại 12 CV cho các hộ nông dân.

nhiều chuyển biến. Huyện và ngành thường xuyên chỉ đạo chặt chẽ và toàn diện việc triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về lâm nghiệp. Công tác bảo vệ rừng được đẩy mạnh. Huyện kịp thời và kiên quyết xử lý các vụ tàn phá rừng, nhờ đó hạn chế được tình trạng phá rừng làm nương rẫy trồng màu, khai thác gỗ trái phép. Đồng thời, huyện chỉ đạo trồng 87,9ha rừng tập trung, đạt 103% kế hoạch (so với 1983 tăng 17ha, bằng 124%); khai thác 1.103m³ gỗ tròn, đạt 137% kế hoạch, 1.315 ste củi, đạt 131% kế hoạch. Ngoài ra, huyện còn thực hiện giao đất, giao rừng khoảng 5.000ha, tại 7 xã: Lục Ba, Hùng Sơn, Hà Thượng, Cù Vân, Phú Lạc, Phúc Lương và Đức Lương⁽¹⁾.

Từ ngày phân cấp quản lý, huyện thường xuyên chăm lo đến công tác củng cố, kiện toàn các phòng ban chuyên môn để đảm nhiệm và hoàn thành công việc. Với sự hỗ trợ về vốn đầu tư của Trung ương và tỉnh, huyện vận động nhân dân tham gia sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường nội huyện, mở thêm đường vào vùng kinh tế mới, đường dân sinh liên thôn, liên xóm. Huyện cũng thực hiện việc phân cấp quản lý đường cho 11 xã; chất lượng đường khá tốt, đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa. Kết hợp với làm đường giao thông, năm 1984, huyện đã đầu tư 1.300.000 đồng vào việc sửa chữa, làm tiếp và làm mới một số đập thủy lợi: đập Thắng Lợi, đập tràn Đồng Quan (Yên Lãng), đập Cù Vân⁽²⁾...

⁽¹⁾ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1985, tr.5, HS56, C9, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1985, tr.7 - 8.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện tuy còn nhỏ, song nhờ cơ chế quản lý mới và sự chỉ đạo kịp thời, năng động của Đảng bộ, chính quyền nên có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành đã liên doanh với các xí nghiệp, đơn vị của Trung ương và tỉnh để duy trì và phát triển sản xuất. Xí nghiệp vôi núi Văn liên kết được với Đoàn địa chất 110 khai thác đá, đảm bảo nguyên liệu để ổn định sản xuất. Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng như gạch ngói đặt hợp đồng cung cấp sản phẩm cho công ty xây dựng... Đến năm 1984, giá trị tổng sản lượng công nghiệp huyện là 19.368.000 đồng. Tuy chưa đạt so với kế hoạch, nhưng đã tăng hơn năm 1983: 496.000 đồng⁽¹⁾.

Ngành giáo dục - y tế của huyện Đại Từ cũng có nhiều chuyển biến mới. Mặc dù còn nhiều khó khăn về vốn, nguyên vật liệu, nhưng huyện đã có cố gắng mở thêm phân hiệu cấp 3 để phục vụ và phát triển văn hóa, giáo dục cho 12 xã phía Bắc của huyện. Ngoài ra, huyện còn nâng cấp trường, lớp và xây thêm phòng học, giải quyết được phần lớn tình trạng thiếu lớp, học sinh phải học 3 ca. Đến năm 1984, khoảng 1/3 số trường, lớp toàn huyện được xây dựng theo hướng kiên cố và bán kiên cố. Bộ mặt trường, lớp ngày càng khang trang, sạch đẹp. Phong trào "hai tốt" luôn được giữ vững nên đã thu hút thêm hàng nghìn học sinh đến trường. Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng kiến thức thường xuyên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và cải cách giáo dục. Nhờ đó, tỷ lệ thi lên lớp hàng năm đều đạt 90% ở cả 3 cấp học.

⁽¹⁾ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1984 và phương hướng mục tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1985, tr.7 - 8, H 56, C9, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Về y tế, huyện chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc men... đáp ứng yêu cầu khám chữa, chữa bệnh của nhân dân. Tính đến năm 1984, toàn huyện có 1 bệnh viện (với 100 giường bệnh nội trú), 30 trạm xá⁽¹⁾. Các trạm xá xã Hoàng Nông, La Bằng, Vạn Thọ được trang bị dụng cụ y tế của UNICEF. Đội ngũ cán bộ y tế từ huyện xuống đến các xã được củng cố, kiện toàn và không ngừng được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

Tiếp tục phát huy những mặt mạnh trong những năm trước và căn cứ vào tình hình thực tế, bước vào năm cuối của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, Đảng bộ và chính quyền Đại Từ đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy và được đông đảo quần chúng nhân dân trong huyện đồng tình ủng hộ, tích cực tham gia..., đến năm 1985, Đại Từ không những hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra mà còn giành thắng lợi to lớn, nhất là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Kết quả sản xuất lương thực 2 vụ đều cho năng suất và sản lượng cao hơn năm 1984: năng suất đạt 110,33%, sản lượng 119,64%. Diện tích lúa tăng sản so với năm 1984 tăng 675,25%. Huyện thực hiện nghĩa vụ lương thực vượt mức kế hoạch của tỉnh giao 595 tấn. Với kết quả này, Đại Từ được Bộ Lương thực thực phẩm và Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng về thành tích huy động lương thực⁽²⁾. Sản lượng các loại cây màu, cây thực phẩm đều tăng hơn so với năm trước, nhưng do thay đổi cơ chế thu mua, giao nộp nên kết

⁽¹⁾ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (t1/1985) về phê chuẩn kế hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Đại Từ, T8, C28, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Báo cáo đánh giá tình hình của Đảng bộ huyện năm 1985, T1- 2, HS227, C32, Tài liệu Tỉnh ủy.

quả thu mua thực phẩm chỉ đạt 30% kế hoạch⁽¹⁾. Sản lượng chè chuyên canh ở các xã: Hà Thượng, Cù Vân, Phục Linh, Phú Lạc, Phú Cường, Phú Thịnh... đạt 700 tấn, đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho hai xí nghiệp chè của Trung ương và tỉnh.

Ngành chăn nuôi của huyện cũng có chuyển biến. Tổng đàn trâu tăng hơn so với năm 1984 là 1.598 con, lợn tăng 652 con. Sản lượng cá đạt 260 tấn, điều về tỉnh 249 tấn, tỷ suất đạt 99,6%⁽²⁾.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được củng cố. Toàn huyện đã có trên 96% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất từ 6 đến 8 tấn/2 vụ/ha. Đời sống của nhân dân ổn định và từng bước cải thiện. Trên 85% số hộ có mức ăn khá và đủ. Gần 40% số hộ có nhà xây lợp ngói⁽³⁾.

Trong sự biến đổi chung của toàn huyện, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện, tiêu biểu là hợp tác xã Hùng Sơn. Từ chỗ độc canh cây lúa, năng suất thấp, Hùng Sơn đã vươn lên thành hợp tác xã nông - lâm nghiệp, từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, mở rộng kinh doanh toàn diện. Giá trị tổng sản lượng và tổng giá trị tài sản cố định hàng năm của hợp tác xã đều tăng hàng trăm nghìn đồng. Đời sống của xã viên được cải thiện và nâng lên rõ rệt.

⁽¹⁾ Báo cáo đánh giá tình hình của Đảng bộ huyện năm 1985, T1- 2, HS227, C32, Tài liệu tỉnh ủy.

⁽²⁾ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (Tháng 1/1985) về phê chuẩn quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Đại Từ, C28, Tài liệu Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽³⁾ Báo cáo công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đề án xây dựng huyện của huyện Đại Từ, T6, HS227, C32, Tài liệu Tỉnh ủy.

Hàng năm, huyện đầu tư vốn, tích cực khai thác vật tư nguyên liệu trong và ngoài kế hoạch, xây dựng các công trình tập thể. Một số công trình trọng điểm là: Nhà trẻ liên cơ, Nhà khách Ủy ban, Nhà làm việc và nhà ăn của Huyện ủy, trên 20 phòng học của các trường phổ thông cơ sở được đưa vào sử dụng. Đường điện hạ thế cũng được thi công xây dựng, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1981 - 1985), bên cạnh những thành tựu và tiến bộ to lớn, Đại Từ còn nhiều mặt hạn chế chưa giải quyết được. Kinh tế huyện cơ bản vẫn là nông nghiệp. Giá trị hàng hóa cũng như mặt hàng xuất khẩu của huyện chủ yếu là hàng nông sản. Quản lý kinh tế còn lỏng lẻo nên dẫn đến hiện tượng thất thoát, tiêu cực⁽¹⁾, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn huyện. Chất lượng giáo dục còn thấp, công tác y tế còn nhiều khó khăn.

Trong khi đó các thế lực đế quốc và phản động quốc tế cấu kết với nhau tìm cách chống phá cách mạng nước ta. Chúng thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, gây rối, gây bạo loạn, làm suy yếu tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được âm mưu đó, chúng dùng nhiều thủ đoạn hết sức nguy hiểm, thâm độc chống phá ta trên tất cả các lĩnh vực, bằng nhiều hướng và nhiều lực lượng. Bọn phản động đội lốt

⁽¹⁾ Cửa hàng Đại Từ đem bán 5000m vải các loại phân phối nội bộ để bán ra ngoài lấy lãi. Cán bộ nhân viên phòng lương thực Đại Từ rút hàng đối lưu đối trác, đem bán kiếm lời bất chính trên 30 ngàn đồng. Hay như một số vụ mất tài sản tập thể ở các hợp tác xã Bản Ngoại, Bình Thuận... Báo cáo tổng kết công tác kiểm soát năm 1983 - T3, 5 - HS200 - C22 - tài liệu Tỉnh ủy.

Thiên chúa giáo hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, gây hoang mang trong quần chúng.

Đứng trước âm mưu và thủ đoạn mới của kẻ thù, quán triệt Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 92 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ tỉnh Bắc Thái lần 3, Đảng bộ và nhân dân Đại Từ luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi chống phá của kẻ thù. Huyện ủy Đại Từ đã chỉ đạo lực lượng Công an huyện phối hợp với Công an tỉnh bắt những tên cầm đầu đảng phái phản động ở xã Phú Thịnh.

Ngành văn hóa thông tin tổ chức các đợt giáo dục, tuyên truyền quần chúng nâng cao ý thức cảnh giác và đề phòng những thủ đoạn thâm độc mới của kẻ thù. Đảng bộ Đại Từ lãnh đạo cơ quan Công an, Quân sự huyện xây dựng các phương án phòng, chống bạo loạn, thường xuyên kiểm tra, xét duyệt và bổ sung những phương án mới cho phù hợp với diễn biến tình hình, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Một số hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội tuy diễn biến phức tạp nhưng từng bước được ngăn chặn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội về cơ bản được giữ vững. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng tốt. Với những nỗ lực và thành tích trên, đến năm 1984, cơ quan Công an và Ban chỉ huy quân sự huyện đều được công nhận là đơn vị Quyết thắng, đơn vị khá của ngành và tỉnh.

Những thành tích tiến bộ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ trong quá trình cùng cả nước thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ sau kế hoạch 5

năm 1981 - 1985, đã và đang tạo ra thế và lực mới để huyện Đại Từ tiếp tục phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc trong những chặng đường tiếp theo.

II. Bước đầu thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng (1986 - 1995)

Sau khi kết thúc chiến tranh (tháng 4/1975), Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua 10 năm (1976 - 1985), toàn dân dốc sức dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã giành được nhiều thành tựu trên cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ta đã khôi phục tuyến đường sắt Bắc - Nam, sửa chữa và nâng cấp hệ thống đường bộ. Tất cả các cơ sở công nghiệp bị bom đạn Mỹ tàn phá trong chiến tranh được khôi phục và đi vào sản xuất. Nhiều nhà máy có quy mô lớn như thủy điện Hòa Bình, xi măng Hoàng Thạch, Bể Sơn... được xây dựng, tạo cơ sở vật chất cho xây dựng đất nước. Kinh tế nông nghiệp có bước phát triển mới so với thời kỳ còn chiến tranh. Sự nghiệp văn hóa - giáo dục đã thu được những thành tựu đáng kể. Đời sống nhân dân ổn định hơn, có bộ phận được cải thiện. Nền độc lập quốc gia được bảo vệ, an ninh chính trị, trật tự xã hội ngày một tốt hơn.

Tuy nhiên, trong 10 năm xây dựng đất nước sau chiến tranh, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta cũng gặp rất nhiều khó khăn do kẻ thù gây hấn ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, âm mưu gây bạo loạn, chiến lược diễn biến hòa bình, bao vây, cấm vận... thêm vào đó là sai lầm nóng vội, chủ quan, duy ý chí và tệ quan liêu bao cấp đã làm trầm trọng thêm tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội của đất nước thời kỳ này.

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, Đại Từ đầu là một huyện đã có nhiều kinh nghiệm vượt khó khăn, thúc đẩy sản xuất, có những thành tựu nhất định nhưng về cơ bản vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu, mang nặng tính chất tự cung, tự cấp; công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển chưa đáng kể. Ngành lâm nghiệp phát triển chưa tương ứng với tiềm năng của địa phương.

Là một huyện miền núi thấp, tỷ lệ đất nông nghiệp và đất đồi có khả năng sản xuất nông nghiệp chiếm khá lớn trong diện tích tự nhiên. Ngay từ cuối những năm 70 và những năm đầu thập kỷ 80, Đại Từ đã xác định cơ cấu kinh tế chung của huyện là nông - lâm - công nghiệp, chủ yếu tập trung chỉ đạo sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời chú trọng phát triển vùng chè, từng bước chuyên môn hóa sản xuất, phân công lao động trên địa bàn huyện, tạo ra sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hóa có tích lũy để tái sản xuất, mở rộng.

Từ hơn 100 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong những năm trước đây, đến năm 1986, huyện đã tổ chức lại còn 87 hợp tác xã, trong đó có nhiều hợp tác xã quy mô toàn xã. Là một huyện chỉ đạo điểm của Trung ương và của tỉnh, các hợp tác xã của Đại Từ đã qua nhiều đợt cải tiến quản lý, được chú trọng đầu tư, giúp đỡ về khoa học kỹ thuật. Do đó, sản xuất nông nghiệp của huyện có bước phát triển. Nhiều điển hình tiên tiến cấp tỉnh về trồng trọt, chăn nuôi xuất hiện. Đại Từ là một trong những huyện của tỉnh đạt năng suất 4,5 tấn thóc/ha, trong đó có nhiều đơn vị đã vượt chỉ tiêu 5 tấn thóc/ha như hợp tác xã Đông Quan (xã Yên Lãng), Tiên Hội, Hùng Sơn, Cù Vân... Đời sống nông dân ở những đơn vị này tương đối no đủ, nghĩa vụ đối với Nhà nước được đảm bảo.

Năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Đây thực sự là một động lực mới, tác động mạnh tới tâm lý, tư tưởng, nền nếp quản lý sản xuất của cán bộ, đảng viên và đông đảo xã viên các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện. Phần lớn các hợp tác xã triển khai đúng tinh thần Chỉ thị 100-CT/TW, người sản xuất tỏ ra phấn khởi và an tâm hơn. Mục tiêu khoán sản phẩm bước đầu đã tạo ra nhân tố kích thích sự năng động, sáng tạo của người sản xuất, có tác dụng thúc đẩy sản xuất của huyện phát triển theo chiều hướng tích cực.

Song, do ràng buộc bởi cơ chế quan liêu bao cấp quá lâu, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước còn nặng nề, hơn nữa, Chỉ thị 100 và những chủ trương, chính sách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, lưu thông của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ này còn trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm nên tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện còn chậm. Về nông nghiệp, ngành trồng trọt đạt khá, nhưng chăn nuôi giảm tương đối nhanh. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ngày càng khó khăn do thiếu vốn, thiếu nguyên, nhiên liệu. Lâm nghiệp chưa phát huy được vai trò thế mạnh của huyện miền núi... Đời sống công nhân, nông dân, thợ thủ công, giáo viên, viên chức trong huyện có lúc trở nên gay gắt do thiếu lương thực, thiếu tiền trả lương. Số người nghèo đói chiếm tới 40% dân số của huyện.

Chính vào lúc đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Luồng gió đổi mới đã tràn vào Đại Từ, đưa sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác của huyện vào thời kỳ phát triển mới,

vững chắc hơn. Một vài năm đầu, đổi mới chỉ diễn ra trong nhận thức, trong công tác chuẩn bị, tìm kiếm, lựa chọn mô hình quản lý, sản xuất. Chính trong thời điểm này, Đảng bộ Đại Từ đã tỏ rõ sự nhạy bén, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Tiếp theo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiều chủ trương, giải pháp của huyện sát thực tế, hợp quy luật, thuận lòng dân được ban hành, làm thay đổi tận gốc vị trí kinh tế hộ gia đình, tạo điều kiện giải phóng mọi năng lực sản xuất, đặc biệt là đối với sản xuất nông nghiệp. Cơ chế quản lý được đổi mới và hoàn thiện sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (năm 1988) đã làm bật dậy tiềm năng sáng tạo của hơn 13 vạn nhân dân các dân tộc trong huyện. Hộ nông dân trở thành đơn vị sản xuất tự chủ được thừa nhận cả về kinh tế, pháp lý và được quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Với hơn 11 ngàn héc-ta của hai vụ lúa mỗi năm, năm 1986, Đại Từ đạt tổng sản lượng lương thực 32.181 tấn. Đến năm 1988, toàn huyện đã thu được 36.282,9 tấn (tăng hơn 4 ngàn tấn so với năm 1987). Nông dân được hưởng 60 - 70% sản phẩm do mình làm ra. Điều này đã khuyến khích, động viên nông dân phấn khởi, yên tâm sản xuất, gắn bó với đồng ruộng. *“Cơ chế khoán mới đã khơi dậy bầu không khí dân chủ trong cuộc sống nhân dân ở các dân tộc Đại Từ. Hiện thực của đời sống xã hội trong huyện đã và đang có bước tiến triển mới”*⁽¹⁾.

Cũng như trồng trọt, do có cơ chế khuyến khích sản xuất, ngành chăn nuôi của huyện cũng có bước phát triển khá. Đàn

⁽¹⁾ Trích trong báo cáo tổng kết nhiệm kỳ khóa XVI - phương hướng nhiệm kỳ XVII (1989 - 1990) của Đảng bộ huyện Đại Từ.

trâu bò từ 17.286 con (năm 1986) tăng lên 21.302 con (năm 1988); đàn lợn giảm do dịch bệnh và thiếu thức ăn nhưng vẫn đạt 37.388 con (bằng 97,2 % kế hoạch).

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhờ chính sách đổi mới theo Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, giao quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh cho mỗi đơn vị sản xuất đã tạo động lực mới cho các cơ sở ở địa phương mở rộng sản xuất. Trong năm 1988, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp huyện đã cung cấp cho nông dân hàng vạn nông cụ như cày, bừa, liềm, hái, hơn 3.000 tấn vôi cho đồng ruộng, 1,5 vạn tấn than, chế biến 235 tấn chè khô... góp phần hình thành nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần của huyện.

Trong 10 năm (1986 - 1995), thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng lần VI đề ra, được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái thông qua các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa IV, V, VI, Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Với tiềm năng, thế mạnh kinh tế của huyện ngày càng được khai thác, mở mang và phát triển, thực hiện đường lối mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp của huyện đã có những bước tiến đáng kể. Từ một huyện miền núi, ít có cánh đồng màu mỡ, lại bị lụt lội, hạn hán thường xuyên, Đại Từ đã phấn đấu giành thắng lợi trên cả 3 mặt: diện tích, năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 44.400 tấn, vượt 3.000 tấn so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 18 đặt ra cho kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). Chăn nuôi phát triển mạnh, đặc biệt sau năm 1986, khi huyện có chủ trương hóa giá đàn trâu tập thể bán

lại cho hộ xã viên, đàn trâu của huyện đã từ 17.286 con (năm 1988) tăng lên 22.585 con (năm 1995); đàn lợn cũng tăng từ 37.000 con (năm 1988) lên 45.287 con (năm 1995). Ngoài ra, nghề nuôi dê đã và đang rất phát triển cùng với bò lai sind, cá,... mỗi năm đưa ra thị trường hàng ngàn tấn thực phẩm.

Trong những năm đổi mới, cơ cấu nông nghiệp Đại Từ có sự chuyển dịch đáng kể. Diện tích trồng chè từ 1.631ha năm 1991 tăng lên 2.250ha năm 1994, sản lượng đạt hơn 6.000 tấn (không kể chè của nông trường quốc doanh). Hàng năm, huyện xuất ra thị trường trong và ngoài nước hơn 400 tấn chè búp khô.

Về lâm nghiệp, năm 1988, trồng rừng tập trung vượt 18,8% kế hoạch, trồng cây phân tán tăng hơn năm 1987 là 202%; diện tích rừng bị phá giảm xuống 10% so với năm 1987. Các vùng đất trống đồi trọc của huyện cơ bản được phủ kín màu xanh. Hệ sinh thái được bảo vệ.

Sự nghiệp đổi mới trong lâm nghiệp của Đại Từ lúc đầu gặp nhiều khó khăn, phức tạp do các điều kiện khách quan về tự nhiên lẫn kinh tế, xã hội cùng với năng lực tổ chức quản lý của cán bộ huyện đến cơ sở... Trong tình hình đó, huyện đã chỉ đạo hết sức chặt chẽ, có kế hoạch tiến hành từng bước nhằm đảm bảo hiệu quả cao về kinh tế và xã hội.

Trước hết, Huyện ủy đã quán triệt sâu sắc những vấn đề cơ bản trong đường lối đổi mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên và đông đảo tầng lớp nhân dân các dân tộc trong huyện, động viên nhân dân xóa bỏ cách làm cũ, bảo thủ lạc hậu, xóa bỏ thói quen tự túc, tự cấp, cam chịu sự nghèo khổ, sản xuất độc canh, quảng canh, không dám mạnh dạn bỏ vốn ra thu lời sau. Từ trong quá trình chỉ đạo thực hiện chủ trương “khoán

100", Huyện ủy Đại Từ đã đi đến kết luận: Chủ trương "khoán 100" đã tạo ra sức bật mới, sức sản xuất được phát huy. Cơ chế phân phối thu nhập trong hợp tác xã đã quan tâm đến người nhận khoán ruộng đất. Song, "khoán 100" cũng còn những hạn chế, đó là: lợi ích của người nông dân nhận khoán không được chú ý đúng mức, làm yếu dần động lực trực tiếp phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, sự hợp tác, phân công lao động và công tác quản lý, tức là việc tổ chức lại sản xuất, chuyên môn hóa lao động... không được quan tâm. Vì vậy, đến năm 1984, 1985, sản xuất nông nghiệp của huyện có phần bị chững lại, tác động của "khoán 100" yếu dần.

Trước yêu cầu khách quan về việc đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp - gọi là "khoán 10", nhằm giải quyết tốt hơn lợi ích của người lao động. Tỉnh ủy Bắc Thái đã chọn Đại Từ chỉ đạo thí điểm "khoán 10" để từ đó nhân rộng ra toàn tỉnh. Cuối năm 1989, một cuộc Hội thảo về "khoán 10" được tổ chức tại Đại Từ, gồm đại biểu của tất cả các huyện, thành, thị và các ngành có liên quan của Bắc Thái tham gia. Cuộc hội thảo còn mang tính chất tổng kết gần 2 năm thực hiện "khoán 10" ở Đại Từ và rút ra những kinh nghiệm cần thiết không chỉ cho Đại Từ, mà trong phạm vi toàn tỉnh.

Với cơ chế "khoán 10", ở Đại Từ, qua hội thảo, hộ gia đình được xác định rõ là đơn vị kinh tế tự chủ, quá trình sản xuất (bao gồm cả lương thực và cây công nghiệp) được khép kín trong từng hộ. Nông dân đã có thu nhập tương đối cao do hộ được hưởng toàn bộ thành quả lao động, chi phí gián tiếp sản xuất thấp. Theo kết quả điều tra qua số liệu thống kê năm

1995, việc phân chia lợi ích kinh tế trong nông nghiệp của toàn huyện đã hợp lý hơn, lợi ích của nông dân tăng lên (Nhà nước khoảng 12%, tập thể trên dưới 18%, xã viên 70%, sau khi trừ chi phí còn được hưởng 42 - 44%). Đây là yếu tố cơ bản đưa đến sản lượng lương thực đạt trên 44.000 tấn năm 1995, bình quân lương thực lên tới 320kg/người⁽¹⁾, giảm hộ đói nghèo từ 40% xuống dưới 10% hộ nghèo và không còn hộ đói.

Cùng với đổi mới cơ chế quản lý, từ năm 1991 trở đi, Đảng bộ Đại Từ coi trọng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, văn minh. Trong sản xuất lương thực, cùng với việc đưa 80% giống lúa mới cao sản vào đồng ruộng⁽²⁾, diện tích trồng ngô đông ở huyện Đại Từ cũng tăng lên, chiếm 25% diện tích gieo trồng; năng suất đạt bình quân 21 tạ/ha, có xã (Cù Vân) đạt 30 tạ/ha.

Nhằm xây dựng nông thôn trong thời kỳ đổi mới, Đại Từ đặc biệt quan tâm đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như thủy lợi, điện, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi. Bằng sự trợ giúp của Nhà nước và vốn huy động từ nhiều nguồn, trong thời gian 1990 - 1995, Đại Từ xây dựng các hồ chứa nước Khuôn Nanh (Yên Lãng), Phú Xuyên, Phú Cường, Phú Thịnh, đập ngăn nước Bản Ngoại, trạm bơm điện Hùng Sơn. Mỗi năm, huyện đầu tư cho thủy lợi tới 27% ngân sách⁽³⁾.

⁽¹⁾ Những năm trước đó bình quân chỉ đạt từ 170 - 200kg/người/năm.

⁽²⁾ Năm 1995, huyện đã có vùng lúa cao sản 3.000ha, trong đó có 1.500ha đạt năng suất 50 tạ/vụ/ha.

⁽³⁾ Năm 1995, huyện đầu tư cho thủy lợi 6.788 triệu đồng.

Năm 1992, huyện thành lập xí nghiệp khai thác thủy nông. Nhờ đó, 20 công trình thủy lợi lớn, vừa và nhỏ được khai thác có hiệu quả cao; đảm bảo việc chủ động tưới và tiêu nước cho đồng ruộng, mở rộng diện tích gieo trồng; góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất cây trồng, đặc biệt là với cây chè, cây ăn quả và cây lương thực vụ đông.

Cùng với việc đầu tư cho thủy lợi, lựa chọn giống cây, con có chất lượng cao, ít sâu bệnh, Huyện ủy chú trọng bồi dưỡng cho người trực tiếp sản xuất những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, xử lý giống mới, thời vụ, chăm sóc, phòng, chống sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho vật nuôi.

Thực hiện chủ trương trên của Huyện ủy, từ năm 1993 đến năm 1995, trung tâm khuyến nông của huyện đã xây dựng 19 ô màu, tập huấn hơn 16 ngàn lượt hộ nông dân về kỹ thuật canh tác. Nông dân trong huyện từng bước được tiếp nhận và áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và chế biến nông sản không chỉ cho năng suất cao, mà còn tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao trên thị trường, đặc biệt là chè búp khô. Nhờ đó, thu nhập của nông dân tăng lên rõ rệt.

Xóa bỏ bao cấp, đổi mới cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp, lấy hộ làm đơn vị sản xuất đòi hỏi phải cung ứng kịp thời và đầy đủ cho nông dân về giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ cải tiến... Trong cơ chế thị trường, nông dân có thể có đủ những thứ mình cần ở ngoài thị trường, nhưng sẽ phải chịu giá cao, dễ bị ép giá lúc cao điểm và không kịp thời vụ. Hơn nữa, những hộ nghèo cũng khó kiếm đủ tiền để đầu tư cho sản xuất, chưa kể nông dân dễ mua phải loại vật tư giả, vừa tốn tiền, vừa hại cho sản xuất.

Từ nhận định trên, Huyện ủy chủ trương cải tiến chế độ cung ứng vật tư cho nông dân phù hợp với cơ chế mới, nâng cao trách nhiệm của Trạm Vật tư nông nghiệp huyện, đồng thời huy động mọi nguồn vốn vào Ngân hàng phát triển nông nghiệp của huyện để cho nông dân vay phục vụ sản xuất. Năm 1992, Đại Từ có nguồn vốn 5.592 triệu đồng cho 13.700 lượt hộ nông dân vay. Năm 1993, số vốn vay cho lên đến 9.195 triệu và số lượt người vay cũng tăng lên 19.396 người. Đến năm 1995, số vốn cho vay tăng lên gấp 2 lần năm 1993 và số người được vay cũng tăng lên nhiều.

Vào những năm đầu, nhất là khoảng thời gian từ 1989 - 1992, mặc dù là huyện chỉ đạo điểm của tỉnh nhưng việc tổ chức thực hiện đường lối đổi mới trong sản xuất nông nghiệp ở Đại Từ không tránh khỏi những vướng mắc, do đó Huyện ủy tích cực chỉ đạo các ngành tìm cách tháo gỡ để có bước đi thích hợp.

Từ chỗ là cơ quan chỉ huy, điều hành sản xuất và phân phối (nghĩa là quán xuyến toàn bộ từ tổ chức sản xuất, phân công lao động đến phân phối thu thập cho từng người trong hợp tác xã), có nơi Ban quản trị hợp tác xã gần như trở thành một cơ quan hành chính thu nhỏ. Khi chuyển đổi cơ chế quản lý mới, hộ được giao ruộng đất và là đơn vị sản xuất hoàn toàn tự chủ, Ban chủ nhiệm hợp tác xã chuyển thành Ban quản lý và chỉ còn chức năng dịch vụ cho sản xuất. Việc giao ruộng đất cho từng hộ có tác dụng giải phóng sức lao động và kích thích sức sản xuất nhưng cũng gây nên những khó khăn, phức tạp mới ở địa phương, nhất là ở những nơi trước đây không qua cải cách ruộng đất và có hàng ngàn hộ đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi.

Trước sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đồng thời đất nước chưa thoát khỏi khủng hoảng, tâm trạng hoang mang, lo lắng đã nảy sinh trong một số cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đây cũng là nhân tố khiến những người thiếu hiểu biết, thiếu vững vàng trước diễn biến mới của tình hình, suy giảm lòng tin... đứng ra tranh giành ruộng đất, lấy danh nghĩa là “đòi lại ruộng ông cha”... Hàng ngàn người, chủ yếu ở các xã miền núi của huyện, trong đó có cả đảng viên, cán bộ đầu ngành của huyện chiếm giữ ruộng đất, không những làm đình đốn sản xuất mà còn gây mất trật tự nông thôn. Tình hình nghiêm trọng đến mức những người ở các tỉnh đồng bằng lên Đại Từ sinh cơ, lập nghiệp trên dưới 30 năm, xây dựng quê hương mới, đang yên vui làm ăn, bỗng chốc hợp tác xã tan vỡ, ruộng đất không có để sản xuất, tương lai ở trong cảnh bần cùng. Trước tình thế đó, nhiều người trở về quê cũ, nhưng cũng không còn ruộng đất, phải bồng bế nhau vào Tây Nguyên.

Thấy rõ trách nhiệm, lãnh đạo huyện Đại Từ một mặt xin ý kiến chỉ đạo của tỉnh, một mặt phân công cán bộ xuống các xã, họp với các Đảng bộ, chính quyền cơ sở tìm cách ổn định tình hình và bàn với dân cùng giải quyết trên cơ sở có lý, có tình. Huyện ủy cũng nghiêm khắc phê phán những cán bộ, đảng viên có hành động sai trái trong việc tranh chấp ruộng đất, đưa ra khỏi Đảng hơn 10 đảng viên, đồng thời giáo dục, thuyết phục những người do kém hiểu biết mà vi phạm, xử lý nghiêm trọng kẻ cố tình gây căng thẳng ở nông thôn.

Cùng với những biện pháp trên, huyện tích cực mở rộng kinh tế đồi rừng, mở rộng vùng sản xuất chè, cây ăn quả, chăn nuôi thủy sản, dê, bò và các loại gia cầm mà thị trường

trong và ngoài tỉnh đang cần. Tình hình ruộng đất ở Đại Từ không còn là một vấn đề gay gắt như trước. Hộ nghèo, hộ thiếu ruộng đã có hướng giải quyết. Hàng vạn hộ nông dân Đại Từ đã yên tâm, phấn khởi sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu cho mình và cho huyện. Hàng ngàn héc-ta đồi trọc trước đây đến năm 1995 đã thành 347 trang trại, có trang trại rộng tới hơn 20ha. Từ kinh tế trang trại, có hộ một năm thu nhập tới 150 triệu đồng. Gần 200 hộ sản xuất giỏi xuất hiện, trở thành động cơ thu hút nông dân trong huyện tích cực làm giàu trên đồng ruộng, đồi rừng và cả dưới ao hồ.

Sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ cùng với những thành tựu đạt được trong thời kỳ đầu đổi mới có ý nghĩa to lớn. Nó khẳng định hướng đi do Đảng bộ đề ra là đúng đắn, đồng thời tạo thêm niềm tin cho toàn huyện trong chặng đường tiếp theo. Về cơ bản, huyện đã giải quyết được vấn đề phát triển sản xuất, mở rộng lượng hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp, ổn định tình hình nông thôn (Đại Từ đã bố trí được 417 trưởng thôn, trưởng xóm), từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp bình quân trong 5 năm (1991 - 1995) là 5,9%, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh Bắc Thái thời kỳ ấy⁽¹⁾.

Bên cạnh những thành công, Đảng ủy cũng nhận thức về nhiều các vấn đề tồn tại cần được tiếp tục giải quyết, đó là các xã vùng sâu, vùng xa của huyện vẫn còn nghèo, ruộng đất lại ít, trình độ dân trí thấp. Phương sách đưa các xã này tiến kịp các xã khác còn là một bài toán khó đối với Đảng

⁽¹⁾ Theo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ trình Đại hội Đảng bộ lần thứ 19 (ngày 30/1/1996).

bộ Đại Từ. Mặt khác, thị trường tiêu thụ nông sản của Đại Từ còn bấp bênh, thiếu ổn định. Đã có lúc thị trường xuống giá tới mức nông dân không đủ tiền chi phí. Vì vậy, đổi mới công nghệ chế biến để nâng cao giá trị nông sản hàng hóa ở Đại Từ là một đòi hỏi cấp bách. Vấn đề ở cả ba khâu: vốn, giống và kỹ thuật cũng chưa đủ để nông dân phát huy thế mạnh và tiềm năng đất đai, khí hậu và địa lý. Vốn đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp hàng năm đều tăng nhưng chưa đủ để làm bật dậy tiềm năng nông nghiệp tương đối đa dạng như huyện Đại Từ. Ngoài ra, cơ chế quản lý mới trong sản xuất nông nghiệp cũng còn nhiều lúng túng, nhất là ở những xã vùng sâu, vùng xa.

Diện tích đất lâm nghiệp của Đại Từ gồm 24.725ha, trong đó hơn 90% là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, chỉ có 1.250ha có thể đưa vào khai thác kinh doanh. Do đó trồng và bảo vệ hơn 24.000ha rừng của Đại Từ có ý nghĩa không chỉ cho huyện, mà còn cho cả vùng phía Nam tỉnh Thái Nguyên và cũng có ý nghĩa đối với huyện Sóc Sơn (Hà Nội), Hiệp Hòa (Bắc Giang). Ngay từ năm 1989, Đảng bộ Đại Từ đã đưa vấn đề trồng và bảo vệ rừng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân trong huyện. Mục tiêu đề ra trong 5 năm (1989 - 1994) đối với Đại Từ là phải phủ xanh 8.000ha đất trồng, đồi núi trọc. Được sự đầu tư vốn của Nhà nước, theo chương trình 327, sự hỗ trợ quốc tế theo chương trình PAM và nguồn vốn động viên trong dân bằng chủ trương giao đất, giao rừng cho nông dân, lấy Hội Nông dân làm nòng cốt, các tổ chức quần chúng rộng rãi khác như Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ phối hợp với cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn

và lâm trường của huyện đã hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trồng rừng. Đến năm 1994, Đại Từ đã trồng được 10.300ha, bao gồm cả đồi rừng, vườn rừng và cây phân tán, vượt chỉ tiêu đề ra ban đầu 2.300ha, trong đó có những vườn rừng có giá trị kinh tế cao. Mỗi năm, Đại Từ thu 600 - 800 triệu đồng từ sản xuất lâm nghiệp.

Đi đôi với trồng rừng là nhiệm vụ bảo vệ rừng. Với hơn 2 vạn héc-ta rừng đầu nguồn và phòng hộ cho công trình đại thủy nông hồ Núi Cốc và hạ lưu sông Công, nếu không được bảo vệ và chăm sóc tốt sẽ là thảm họa cho gần 30 vạn dân sống hai bên sông Công từ trung lưu đến hạ lưu. Vì vậy, Đảng bộ Đại Từ xác định đây là nhiệm vụ có tính chất chiến lược.

Từ nhận thức này, Đảng bộ Đại Từ đã tiếp tục đầu tư ngân sách, lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ rừng. Đảng bộ đã mở nhiều đợt tuyên truyền giải thích cho nhân dân trong huyện về nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, tiến hành khẩn trương giao đất, giao rừng, làm cho mỗi héc-ta rừng đều có chủ, có người chăm sóc, bảo vệ. Huyện ủy chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ với lâm trường và hát kiểm lâm, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng của tỉnh về công tác bảo vệ rừng trên địa bàn huyện; đồng thời khoanh 1.249ha rừng cho phép khai thác phục vụ dân sinh, có hướng chuyển nghề cho những người đốn củi lấy than.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công tác bảo vệ rừng ở Đại Từ gặp nhiều khó khăn. Do thiếu lương thực, nhân dân các dân tộc ở quanh các chân rừng đã phá rừng làm rẫy trồng cây lương thực. Sau này, khi đồng bào ở dưới xuôi lên phát

triển kinh tế, thiếu ruộng cũng vào rừng chặt cây, đốt bãi trồng chè, sắn... Đến những năm đổi mới, kinh tế thị trường mở rộng, nhiều thành phần kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên. Điều đó đã khiến cho hàng nghìn người từ các nơi trong và ngoài tỉnh vào rừng cấm của Đại Từ khai thác gỗ, tàn phá rừng đầu nguồn. Hàng trăm lò đốt gỗ tốt lấy than, các lò chưng cất đầu gù hương lén lút hoạt động suốt ngày đêm, thiêu cháy hàng trăm mét khối gỗ. Tất cả những hiện tượng trên làm cho diện tích rừng bị tàn phá tăng lên gấp 10 lần số rừng trồng mới của huyện.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, một mặt Đảng bộ kiên quyết tập trung lãnh đạo, phát huy vai trò của các cơ quan chuyên môn (phòng Nông Lâm nghiệp, Lâm trường, Kiểm lâm), mặt khác tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái trong nhân dân. Nhờ đó, đến năm 1995, số rừng bị phá chỉ còn bằng 1/10 năm 1991. Dù chỉ là bước đầu và còn nhiều khó khăn, nhưng đây là một thành công lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ trong công tác chăm sóc, bảo vệ rừng.

Huyện Đại Từ không chỉ phong phú về các loại gỗ, tre, nứa, lá mà còn rất giàu tài nguyên khoáng sản: than, quặng, thiếc, chì, măng-gan... Mỏ than và thiếc ở Đại Từ có trữ lượng lớn. Mỏ than làng Cẩm có độ nhiệt đặc biệt, ít nơi nào sánh kịp. Mỏ này đã bị thực dân Pháp khai thác từ cuối thế kỷ 19. Mỏ than núi Hồng cũng có trữ lượng lớn, được đưa vào khai thác theo phương thức hiện đại hơn từ năm 1989. Hàng năm, mỏ có thể cung cấp cho thị trường 3 vạn tấn than. Các mỏ thiếc Đại Từ mỗi năm xuất khẩu hàng ngàn tấn ra thị trường quốc tế.

Ngành công nghiệp chế biến chè ở Đại Từ hàng năm cũng đưa ra thị trường trong và ngoài nước một khối lượng lớn, chiếm nửa số chè của tỉnh Bắc Thái. Bên cạnh đó, mỗi năm huyện Đại Từ còn sản xuất được hàng vạn tấn vôi xây dựng.

Từ khi có đường lối đổi mới, nhất là từ sau năm 1990 đến nay, Đảng bộ Đại Từ chủ trương tập trung sự lãnh đạo của Huyện ủy để cùng với cơ quan chủ quản giữ vững và phát triển sản xuất của 4 đơn vị công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn huyện (mỏ than làng Cẩm, mỏ than núi Hồng, xí nghiệp cơ khí mỏ và xí nghiệp liên hiệp chè Quân Chu). Trên cơ sở đó, bản thân các xí nghiệp công nghiệp không những tạo ra nhiều sản phẩm có uy tín mà còn tạo ra thị trường tiêu thụ.

Đối với tiểu thủ công nghiệp, huyện chủ trương khuyến khích những người có vốn, có tay nghề giỏi đứng ra sản xuất, chế biến nông, lâm sản. Đến năm 1994, toàn huyện đã có gần 100 đơn vị sản xuất gia đình hoặc tổ hợp làm vôi, gạch, đóng đồ mộc, cơ khí sản xuất (máy sao, vò chè, nông cụ cải tiến), cơ khí sửa chữa tạo ra hàng vạn sản phẩm phục vụ cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện, làm phong phú thêm kinh tế thị trường của huyện. Ngân sách của huyện nhờ đó cũng tăng lên.

Sản xuất nông - lâm - công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển đã tạo nguồn thu nhập cho ngân sách huyện. Nếu năm 1990, huyện thu được 1.600 triệu đồng thì năm 1995 đạt 9 tỷ đồng (vượt chỉ tiêu tỉnh giao 20%). Những năm gần đây, về cơ bản, huyện đã tự cân đối được thu chi, đảm bảo mọi hoạt động trong huyện.

Từ khi chuyển sang cơ chế mới, Đảng bộ Đại Từ đã linh hoạt và nhạy bén, sớm có chủ trương tạo thị trường, mở rộng thị trường trước hết vì đời sống và sản xuất của hơn 13 vạn dân trong huyện. Dựa vào chủ trương “bung ra” của Nhà nước, các cấp chính quyền và các cơ quan kinh doanh của huyện chủ động tìm kiếm nơi tiêu thụ sản phẩm và khai thác nguồn hàng về phục vụ đồng bào trong huyện. Các loại sản phẩm: chè búp khô, măng, song mây... của Đại Từ đã vào đến các tỉnh phía Nam. Tuy nhiên, phải đến khi Nhà nước thực sự mở cửa, Chính phủ kiên quyết nghiêm cấm việc “cấm chợ ngăn sông” thì hoạt động thương nghiệp, dịch vụ của Đại Từ mới thực sự sôi động. Huyện mở cửa cho tất cả các nguồn hàng được phép kinh doanh đến huyện, khuyến khích người có vốn bỏ ra kinh doanh, nhất là kinh doanh các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc ở các xã vùng sâu, vùng xa, những nơi còn nhiều khó khăn về giao thông.

Ngoài việc xây dựng trung tâm thương mại của huyện tại thị trấn Đại Từ, trong thời gian này, huyện còn mở nhiều chợ ở các xã miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa. Sản phẩm làm ra của nông dân được tiêu thụ kịp thời, không bị hư hỏng do không phải vận chuyển đến nơi xa để tiêu thụ.

Nhìn lại 10 năm đổi mới, kinh tế nông - lâm - công nghiệp của Đại Từ đã thu được những thắng lợi thực sự to lớn. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc Đại Từ đã có những chuyển biến căn bản. Hàng ngàn gia đình nông dân đã làm được nhà mái bằng, nhiều hộ làm được nhà cao tầng. Khoảng 33% số hộ có máy thu hình, trên 70% có máy thu

thanh, 10% có xe máy, hơn 200 hộ có thủy điện nhỏ, 200 máy xay xát, máy tuốt lúa, 177 máy bơm nước và trên 20 máy kéo các loại. Từ 3 xã có mạng lưới điện quốc gia (năm 1991), đến năm 1995, huyện đã mở rộng ra 16 xã⁽¹⁾.

Trên cơ sở phát triển kinh tế, Đảng bộ Đại Từ động viên toàn Đảng, toàn dân trong huyện chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Đảng bộ coi đây là những nhiệm vụ mấu chốt trong chiến lược xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Đại Từ vốn là quê hương có truyền thống hiếu học, nhất là sau Cách mạng tháng Tám. Trong kháng chiến chống Pháp, Đại Từ nằm trong an toàn khu, có điều kiện xây dựng nền giáo dục mới. Song, vào những năm đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, sự nghiệp giáo dục của Đại Từ bị sa sút nghiêm trọng. Có lúc trong thời gian dài, gần 1.000 giáo viên không được lĩnh lương đúng thời hạn. Các chế độ theo tem phiếu như lương thực, thực phẩm không được cung cấp đầy đủ, kịp thời. Đời sống giáo viên gặp rất nhiều khó khăn, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Số học sinh bỏ học lên tới trên 14%. Khoảng 21% số học sinh đến tuổi đi học không được đến trường do hoàn cảnh gia đình nghèo đói. Cơ sở vật chất của trường học còn hạn chế, vẫn còn trường lớp dột nát. Trong năm học 1985 - 1986, số học sinh phổ thông cơ sở tốt nghiệp chỉ đạt 86,31%; số học sinh phổ thông trung học đạt 62,86% (tính cả số xét vớt).

Từ năm 1992, khi đời sống nhân dân tạm ổn định, Đảng bộ Đại Từ đã có chủ trương từng bước đầu tư cho sự nghiệp

⁽¹⁾ Tạp chí Lịch sử Đảng (1996), Đại Từ những năm đổi mới, số 7.

giáo dục cao hơn nhịp độ đầu tư của các chương trình khác. Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động từng bước thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa sự nghiệp giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bắc Thái lần thứ VI, Huyện ủy chủ trương hàng năm dành phần lớn ngân sách đầu tư cho giáo dục, quy hoạch lại hệ thống trường sở nhằm mở rộng cơ sở giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học.

Thực hiện chủ trương trên, huyện cho sáp nhập hai trường phổ thông trung học (cấp III), xây dựng thêm trường cấp II; mở rộng hệ thống trường cấp I (chủ yếu lớp 1) đến tận các bản làng. Một số trường phổ thông còn mở được các lớp dành cho trẻ em khuyết tật, các lớp bán công, dân lập. Các ngành, các cấp và các đoàn thể vận động từng hộ gia đình góp công, góp của cùng Đảng bộ, chính quyền xây dựng trường lớp, đồng thời tổ chức giúp đỡ những gia đình túng thiếu để có điều kiện cho con đi học. Phong trào khuyến học nhằm động viên các cháu đi học chăm, học giỏi, cũng được phát động rộng rãi trong toàn dân.

Đối với đội ngũ giáo viên, huyện từng bước ổn định, nâng cao dần mức sống cho hơn 1.000 thầy cô giáo, giúp họ yên tâm, phấn khởi, có trách nhiệm hơn với nghề. Ngoài việc trả lương, phụ cấp kịp thời, đầy đủ, các xã trong huyện còn dành hàng chục héc-ta ruộng đất để các thầy, cô giáo tăng gia sản xuất, cải thiện dần đời sống. Hàng năm, huyện tổ chức nhiều đợt, nhiều lớp bồi dưỡng cho giáo viên về chính trị, chuyên môn, khuyến khích phong trào thi đua dạy giỏi. Năm 1995, huyện có 10 giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi cấp tỉnh và hàng chục người đạt tiêu chuẩn giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Bằng những biện pháp tích cực đó, trong những năm qua, sự nghiệp giáo dục ở Đại Từ đã có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1995 -1996, toàn huyện có 46 trường phổ thông, thu hút 41.060 học sinh đến học (tăng 3.272 học sinh so với năm học 1994 - 1995); các cháu trong độ tuổi nhà trẻ có 1.028 cháu; độ tuổi mẫu giáo có 3.494 cháu được đến trường. Hầu hết các xã đều có nhà trẻ, mẫu giáo duy trì hoạt động tốt. Chất lượng giáo dục ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp của các trường phổ thông cơ sở năm học 1994 - 1995 đạt từ 95 đến 99%; học sinh trung học tốt nghiệp đạt 92,3%. Số học sinh giỏi của Đại Từ ngày một tăng (riêng năm 1995 có 9 học sinh giỏi cấp tỉnh, được cử đi thi học sinh giỏi cấp quốc gia). Học sinh bỏ học trong toàn huyện năm 1994 chỉ còn 1,8%.

Tiêu biểu cho phong trào dạy tốt, học tốt của huyện là các trường thị trấn Đại Từ, các xã Hà Thượng, La Bằng, Văn Yên, Yên Lãng, Tiên Hội. Trong nhiều năm, Đại Từ được lựa chọn là đơn vị tiên tiến về giáo dục của tỉnh Bắc Thái. Năm 1993, Đại Từ được công nhận là huyện phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, 29/30 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới cũng được đẩy mạnh trong toàn huyện. Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, năm 1994, huyện đã triệu tập Hội nghị gồm các già làng, trưởng bản, những người có uy tín cao ở các làng. Tại Hội nghị, Huyện ủy động viên các già làng, trưởng bản vận động con cháu, bà con xóm làng tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cụm dân cư có nếp sống văn minh tiến bộ, đấu tranh chống lại kẻ xấu xuyên tạc chính

sách dân tộc, chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng, thiết thực góp phần xây dựng nông thôn mới. Phong trào văn hóa, văn nghệ cũng từng bước được khôi phục, nâng cao dần về nghệ thuật, luôn đạt các thành tích cao trong các hội thi, hội diễn của tỉnh Bắc Thái. Phong trào thể dục thể thao, nhất là các môn bóng đá, cầu lông phát triển rộng khắp từ cơ quan, xí nghiệp, trường học đến các thôn xóm. Hệ thống truyền thanh, truyền hình từng bước được mở rộng đến hầu hết các xã trong huyện. Do vậy, ngay từ năm 1988, huyện Đại Từ đã được công nhận là một đơn vị có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao khá nhất tỉnh Bắc Thái.

Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và các đối tượng chính sách khác được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Đến năm 1995, Đại Từ được Đảng và Nhà nước trao quyết định công nhận 15 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 1 anh hùng lao động, 42 gia đình và 106 cá nhân có công với nước, số đối tượng chính sách của Huyện là 5.084 người⁽¹⁾. Những năm gần đây, kinh tế phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ thực hiện tốt chính sách xã hội. Huyện ủy đã chỉ huy các ngành, các cấp trong huyện quan tâm nhiều đến các đối tượng chính sách bằng những việc làm có ý nghĩa thiết thực, xây nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, cha mẹ liệt sỹ và nhận đỡ đầu con liệt sỹ, tặng sổ tiết kiệm, vườn cây tình nghĩa, thẻ bảo hiểm y tế...

Ngành y tế Đại Từ có bước phát triển khá cả về đội ngũ thầy thuốc, cơ sở và phương tiện khám chữa bệnh, đáp ứng

⁽¹⁾ Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên (1995 - 1997) - Cục thống kê Thái Nguyên (8/1998).

được nhiệm vụ chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương. Năm 1993, Đại Từ có 1 bệnh viện huyện, 30 trạm xá xã và 191 cán bộ y tế. Đến năm 1995, số cán bộ y tế có trình độ từ trung cấp trở lên là 198 người, được bố trí ở trung tâm y tế huyện và các trạm xá xã. Cơ sở vật chất kỹ thuật tại bệnh viện huyện và các trạm xá xã từng bước được trang bị đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho trên dưới 40 ngàn lượt người mỗi năm. Từ năm 1986 đến 1994, trên địa bàn Đại Từ không xảy ra dịch bệnh. Trong nhiều năm liền, huyện Đại Từ luôn hoàn thành xuất sắc chương trình tiêm chủng mở rộng.

Cùng với đội ngũ cán bộ chuyên trách, mạng lưới công tác viên làm, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được tăng cường và phát triển rộng khắp xuống từng địa bàn, kể cả những xã xa xôi hẻo lánh như Quân Chu, Phúc Lương, Đức Lương, Na Mao. Nhờ đó, công tác quản lý, truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình trong huyện đạt kết quả tốt, góp phần hạ tỷ lệ phát triển dân số (năm 1991 tỷ suất sinh thô là 5% đến năm 1996 xuống còn 1%).

Đi đôi với việc phát triển kinh tế - văn hóa Đảng bộ Đại Từ đặt nhiệm vụ quốc phòng an ninh vào vị trí chiến lược, có ý nghĩa hàng đầu. Huyện Đại Từ tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc bằng những dãy núi rừng trùng điệp. Ngoài quốc lộ, tỉnh lộ giao lưu thuận lợi với 2 tỉnh, Đại Từ còn có nhiều con đường mòn len lỏi trong các khu rừng. Ở những xã vùng sâu, vùng xa có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống. Đời sống kinh tế, trình độ mọi mặt trong đồng bào còn thấp. Những phần tử xấu thường lợi dụng những nơi này để lén lút

hoạt động phi pháp. Trên địa bàn huyện Đại Từ còn có các bãi khai thác quặng thiếc, nơi thường tụ tập mọi tầng lớp xã hội... Từ năm 1986 đến năm 1990, tình hình an ninh trật tự ở một số nơi diễn ra khá phức tạp. Một số phần tử xấu lợi dụng hiện tượng tranh chấp ruộng đất của 1 bộ phận nông dân để kích động, xuyên tạc sự thật. Lợi dụng chủ trương mở rộng giao lưu hàng hóa, bọn buôn bán hàng cấm, hàng lậu ngày đêm hoạt động trên trục đường Sơn Dương (Tuyên Quang) Đại Từ (Bắc Thái). Tại các bãi khai thác quặng thiếc ở Cù Vân, Hà Thượng, mỏ than Núi Hồng, có lúc tập trung tới hàng ngàn người tứ xứ tới đây đào bới, tranh giành, đâm chém nhau. Nghiện hút, mại dâm cũng xuất hiện ở những nơi này. Trên rừng, bọn khai thác gỗ trộm chặt đốn cây bừa bãi. Dưới hồ Núi Cốc là hiện tượng đánh bắt cá trộm bằng chất nổ, làm phá hủy môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến trật tự trị an, đe dọa sự an toàn của các công trình.

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng bộ tổ chức cho toàn Đảng, toàn dân trong huyện học tập chỉ thị 135 của Trung ương Đảng và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội, làm cho mọi người hiểu đầy đủ tình hình quốc phòng, an ninh của huyện, đối tượng phải đấu tranh và trách nhiệm của các cấp, mỗi ngành, mỗi người ở trong huyện. Đồng thời, Ban chỉ đạo triển khai Kế hoạch 39 của Ủy ban nhân dân huyện về tấn công truy quét bọn tội phạm cũng được thành lập.

Nhờ đó, trong 10 năm (1986 - 1995), trên địa bàn huyện, tình hình an ninh chính trị từng bước được ổn định. Một số hiện tượng xảy ra ở một số nơi đều được giải quyết kịp thời.

Đến tháng 9/1995, các đối tượng nghiện trong huyện đã có hồ sơ, lần lượt được đưa đến trung tâm cai nghiện của tỉnh, huyện và tại cộng đồng. Hầu hết các xã đã xây dựng được quy ước an ninh, có ý kiến toàn dân đóng góp và cam kết thực hiện. Lực lượng công an từ huyện đến cơ sở thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ, xuống với dân, cùng dân bảo vệ trật tự ở từng cơ sở. Do đó, không những trong nhiều năm giữ vững truyền thống đơn vị tiên tiến của tỉnh về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, huyện Đại Từ còn đạt danh hiệu đơn vị lá cờ đầu về công tác quân sự địa phương suốt 11 năm liên tục (1985 - 1995). Từ cán bộ, đảng viên đến từng nhân dân trong huyện đều nhận rõ được trách nhiệm của mình trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trên cơ sở kiện toàn bộ máy và xây dựng chế độ quản lý cụ thể, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, cơ quan chỉ huy quân sự huyện định ra chế độ huấn luyện, tuyển quân cho từng loại đối tượng. Trong 2 năm 1992 - 1993, huyện đã động viên gần 1.000 sỹ quan và hạ sỹ quan tham gia diễn tập phòng thủ khu vực theo sự chỉ đạo của Quân khu. Phần lớn cán bộ, chiến sỹ rời quân ngũ về địa phương đều được động viên tham gia công tác ở cơ sở. Lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ Đại Từ thực sự là công cụ, là chỗ dựa của Đảng bộ và chính quyền, nơi tin cậy của nhân dân các dân tộc trong huyện lúc bình an cũng như khi có biến động.

Mười năm (1986 - 1995) tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện ở Đại Từ đã đem lại đời sống ngày càng no đủ cho 13 vạn dân, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân trong huyện vững bước đi lên cùng với sự phát triển của đất nước.

*

*

*

Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7/1954, kết thúc cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta kéo dài trong 9 năm. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Cũng từ đây, các xã của huyện đã làm tròn nhiệm vụ an toàn khu trong trung tâm căn cứ địa của cả nước. Với những đóng góp to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện cho cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, Đại Từ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Cuối năm 1954, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ tiễn Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Đại bản doanh Bản Ngoại về Hà Nội, chuẩn bị ra mắt đồng bào Thủ đô ngày 01/01/1955, sau 9 năm xa cách.

Trong không khí phấn khởi, tự hào, Đảng bộ Đại Từ khẩn trương triển khai công tác chỉnh đốn tổ chức ở 16 chi bộ đã qua cải cách ruộng đất và tiến hành xây dựng thí điểm 5 hợp tác xã nông nghiệp (Hùng Sơn, Độc Lập, Đồng Mạc, Cầu Thành, Sơn Tập) theo sự chỉ đạo của Trung ương.

Đảng bộ Đại Từ trong thời gian này có khoảng 1.200 đảng viên sinh hoạt trong 25 chi bộ nông thôn, 5 chi bộ cơ quan dân đảng, chính quyền, công an, huyện đội và y tế - giáo dục. Trong số đảng viên nói trên, có 187 đồng chí được kết nạp trong cải cách ruộng đất.

Đại bộ phận đảng viên của Đảng bộ còn ở trình độ văn hóa thấp (chỉ có trên 80% đạt trình độ cấp I), trình độ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế còn sơ đẳng, hiểu biết về lý

luận cách mạng còn giản đơn. Ở các xã miền núi, vùng tập trung đồng bào các dân tộc ít người, số lượng đảng viên còn ít và tổ chức Đảng ở những nơi này còn yếu. Mặc dù có những hạn chế do lịch sử để lại, Đảng bộ Đại Từ vẫn là một trong những Đảng bộ có số lượng và chất lượng cao của tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên lúc bấy giờ⁽¹⁾. Trong kháng chiến chống Pháp, trong phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất, hầu hết đảng viên trong Đảng bộ tận tụy, trung thành, giữ vững dũng khí đấu tranh, năng động, sáng tạo, linh hoạt tổ chức, động viên quần chúng tham gia mọi hoạt động kháng chiến và đấu tranh chống phong kiến. Những phẩm chất tốt đẹp này là tiền đề để Đảng bộ Đại Từ vượt qua những khó khăn, thách thức, lãnh đạo nhân dân trong huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng trong những giai đoạn sau này.

Giữa năm 1956, Đảng ta phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức và quyết định sửa sai. Là huyện được chọn 6 xã làm thí điểm cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức và kết thúc đợt thí điểm, Trung ương chỉ đạo Đại Từ tiến hành cải cách ruộng đất đợt I ở 10 xã trung du và vùng núi thấp của huyện. Trong quá trình tiến hành cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ở Đại Từ, chúng ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, làm suy yếu hệ thống chính trị trong toàn huyện. Hầu hết các Ban Chi ủy ở 16 xã cải cách ruộng đất bị giải tán, nhiều chi ủy viên giữ cương vị Chủ tịch Ủy ban hành chính, xã đội trưởng, trưởng công an xã bị cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Đảng, 245 đảng viên bị khai trừ. Có người phải vào tù do bị quy kết là thành phần bóc lột, tay

⁽¹⁾ Năm 1955, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có khoảng 3.500 đảng viên.

sai của đế quốc, địa chủ... Trước đó, chính những cán bộ, đảng viên này là nòng cốt lãnh đạo, thu hút, vận động toàn dân tham gia kháng chiến, phục vụ và bảo vệ đắc lực ATK của Trung ương và Chính phủ trên quê hương Đại Từ.

Từ thực tế, chấp hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ X (khóa II) và chỉ thị của Tỉnh ủy, Đảng bộ tập trung sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, ngày 17/12/1956, Huyện ủy Đại Từ đưa Đội công tác sửa sai xuống xã Bình Thuận tiến hành thí điểm sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức (CĐTC).

Thông qua sửa sai, Đảng bộ đã thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết nội bộ, củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng; đồng thời cải thiện mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng; chú trọng đoàn kết cán bộ bị quy oan, quy sai với những cán bộ cốt cán trong cải cách ruộng đất, giữa đảng viên cũ và mới, ổn định tình hình nông thôn, trước hết ở 16 xã cải cách ruộng đất, thúc đẩy sản xuất.

Trải qua quá trình rèn luyện trong đấu tranh cách mạng, đội ngũ đảng viên được thử thách, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có lý tưởng phấn đấu cho mục tiêu cao cả vì độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân, có ý thức tổ chức. Hơn nữa, hầu hết những đảng viên bị xử trí sai trong cải cách và CĐTC lại là những cốt cán của Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, được tôi luyện trong những ngày gian khổ của cuộc kháng chiến, là những cán bộ đảng viên trung thành, tận tụy vì lợi ích của nhân dân, vì mục tiêu phấn đấu của Đảng. Do đó, khi Đảng tự phê bình và kiên quyết sửa sai, hầu hết các

đảng viên, kể cả những đồng chí bị quy oan, quy sai nặng nề nhất, bị khai trừ ra khỏi Đảng, bị cầm tù, tài sản bị tịch thu đã thật sự thông cảm với Đảng, nhận lại Đảng tịch và chức vụ cũ. Thái độ và việc làm đúng đắn của các đồng chí đã góp phần làm cho công cuộc sửa sai đạt kết quả tốt. Không những các chi bộ ở 16 xã cải cách ruộng đất và qua CĐTC được củng cố mà tất cả 25 chi bộ nông thôn của Đảng bộ Đại Từ cũng trưởng thành một bước về tư tưởng và tổ chức. Tất cả các Ban Chi ủy ở 25 chi bộ xã được kiện toàn. Những đảng viên kết nạp trong cải cách ruộng đất được xem xét lại từng trường hợp, ai không đủ tiêu chuẩn thì đưa ra khỏi Đảng (chỉ có 5 người trong số 178 đồng chí phải xóa tên trong danh sách đảng viên). Phần lớn đảng viên được tổ chức bồi dưỡng kiến thức cơ bản về Đảng, nhiệm vụ của đảng viên, phương pháp công tác vận động quần chúng... Nhiều người sau này trưởng thành, là cốt cán trong phong trào cách mạng ở địa phương.

Cuối năm 1959, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, chỉ thị của Khu ủy khu tự trị Việt Bắc và chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, tháng 10/1959, Huyện ủy Đại Từ tích cực chuẩn bị cho đợt phát triển Đảng lớp “Mùng Sáu tháng Giêng” (06/01/1960) - nhân dịp Đảng Cộng sản Việt Nam tròn 30 tuổi - mở đầu cho thời kỳ tăng cường và mở rộng đội ngũ của Đảng⁽¹⁾. Tính từ lớp 6/1/1960 đến năm 1965, trung bình mỗi năm Đảng bộ Đại Từ kết nạp đảng viên mới bằng 12,3% số lượng đảng viên trong Đảng bộ.

⁽¹⁾ Năm 1949, Đảng chủ trương đóng cửa, không kết nạp thêm đảng viên mới (trừ trong lực lượng vũ trang); đến giảm tô và cải cách ruộng đất có kết nạp một số cốt cán vào Đảng, khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công tác kết nạp đảng viên mới ở nông thôn chấm dứt.

Tháng 4/1962, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) chủ trương mở cuộc vận động xây dựng chi bộ “Bốn tốt” trong toàn Đảng. Thực hiện chủ trương này, tháng 7/1962, Tỉnh ủy Thái Nguyên chọn Đại Từ là nơi chỉ đạo thí điểm cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ “Bốn tốt”.

Cuộc vận động đã thu hút tất cả các Đảng bộ cơ sở và đảng viên trong Đảng bộ Đại Từ phấn đấu đạt danh hiệu Chi, Đảng bộ “Bốn tốt” và đảng viên “Bốn tốt”⁽¹⁾. Cuối năm 1963, Tỉnh ủy Thái Nguyên mở Hội nghị sơ kết một năm cuộc vận động thi đua “Bốn tốt” trong Đảng. Huyện ủy Đại Từ được công nhận Huyện ủy “Bốn tốt”, 53% cơ sở và hơn 60% đảng viên trong Đảng bộ đạt danh hiệu “Bốn tốt”. Chi bộ xã An Khánh đạt danh hiệu chi bộ “Bốn tốt” xuất sắc, được Tỉnh ủy biểu dương. Tháng 02/1966, Ban Bí thư Trung ương tổ chức sơ kết 5 năm cuộc vận động xây dựng chi bộ “Bốn tốt” tại Hội trường Ba Đình (Hà Nội), Đảng bộ Đại Từ được biểu dương trước Hội nghị là 1 trong 6 Đảng bộ huyện của toàn miền Bắc có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Bốn tốt”.

Cuộc thi đua “Bốn tốt” còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau này. Năm 1982, đánh giá công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy Đại Từ đã khẳng định: Cuộc vận động thi đua xây dựng Chi - Đảng bộ “Bốn tốt”, đảng viên phấn đấu đạt tiêu chuẩn “Bốn tốt” đã dần dần hạn chế đi đến xóa bỏ các chi bộ, đảng viên yếu kém và có tác động đến đẩy mạnh sản xuất, củng cố hợp tác xã, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tuy nhiên, phong trào chưa đều. Tính bình quân trong

⁽¹⁾ “Bốn tốt” gồm: Công tác xây dựng Đảng tốt, lao động, sản xuất, chiến đấu, công tác tốt; chấp hành chính sách tốt; quan tâm đời sống quần chúng tốt.

20 năm (1962 - 1982), Đảng bộ Đại Từ có 27% chi - Đảng bộ “Bốn tốt”, 37% chi bộ khá, còn lại 36% chi bộ trung bình và yếu kém.

Năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn quyết liệt. Ngày 01/3/1968, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) ra Nghị quyết 175 mở cuộc động viên chính trị *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*. Kết hợp với thực hiện Nghị quyết “về công tác tư tưởng trong tình hình mới”, Tỉnh ủy Bắc Thái đã chọn Đảng bộ Đại Từ làm trọng điểm chỉ đạo, từ đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho việc triển khai cuộc vận động trong 24 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, từ Huyện ủy đến các chi, Đảng bộ cơ sở đã có nhiều hình thức sáng tạo, phong phú, đưa cuộc vận động vào chiều sâu. Đảng bộ phát động tư tưởng đảng viên, mạnh dạn tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, động viên quần chúng phê bình đảng viên, đồng thời tổ chức cho đảng viên ở tất cả các chi bộ “ba ôn, bốn kiểm, năm đảng”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ “Ba ôn”: mọi người cùng nhau ôn lại, nhớ lại nỗi khổ sở, nghèo đói của nhân dân, của gia đình và bản thân mình trước đây, nhớ đến công ơn của cách mạng, ôn lại truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, hun đúc lòng tự hào.

“Bốn kiểm”: vì sao năng suất không tăng, sản xuất thiếu toàn diện; vì sao việc chấp hành chính sách chưa tốt; vì sao đoàn kết nội bộ chưa tốt; vì sao công tác xây dựng Đảng còn trì trệ?

“Năm đảng”: mỗi đảng viên phải đăng ký với chi bộ ngày công lao động tập thể, quản lý đồng ruộng, bảo vệ sản xuất; làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước; sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu; quan tâm tới đời sống quần chúng và xây dựng nông thôn mới; chấp hành kỷ luật của Đảng và đoàn kết nội bộ.

Đại hội Đảng bộ lần thứ X đặt ra cuộc vận động “Ba xây” trong Đảng bộ: xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược; xây dựng tinh thần cách mạng triệt để tiến công vào đói nghèo, lạc hậu, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học - kỹ thuật; xây dựng phong cách, đạo đức của người đảng viên trong sáng, tiết kiệm, giản dị. Trong các buổi sinh hoạt Đảng thường kỳ, tất cả các chi bộ trong huyện đều lấy nội dung trên để kiểm điểm đảng viên.

Thông qua các đợt động viên chính trị, Đảng bộ Đại Từ đã tổ chức học tập, giáo dục, bồi dưỡng cho 92% đảng viên trong Đảng bộ⁽¹⁾, nhờ đó củng cố lòng tin tuyệt đối vào đường lối chống Mỹ, cứu nước, vào sự lãnh đạo của Đảng, gây được khí thế cách mạng tiến công và quyết tâm của đảng viên. Một số đơn vị từ yếu, kém đã vươn lên thành những đơn vị khá toàn diện, điển hình là Đảng bộ xã Phú Thịnh. Từ một Đảng bộ yếu kém, trì trệ trong nhiều năm, qua cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ “Bốn tốt” và cuộc động viên chính trị, Đảng bộ Phú Thịnh đã trở thành đơn vị khá, 98% đảng viên trong Đảng bộ tham gia 2 cuộc vận động; 50% số hợp tác xã trong xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha, hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu nghĩa vụ (quân sự, lương thực, thực phẩm...).

Tuy nhiên, sự chuyển biến về tư tưởng trong Đảng bộ chưa đáp ứng kịp thời với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị; khí thế tiến công chưa mạnh, một bộ phận cấp ủy cơ sở và một số đảng viên chưa có quyết tâm cao. Một số ít đảng viên còn biểu hiện bảo thủ, hẹp hòi, ngại gian khổ hy sinh, tác phong quan liêu,

⁽¹⁾ Theo báo cáo của Huyện ủy Đại Từ gửi Tỉnh ủy ngày 10/4/1968 có 1.939 trong tổng số 2.109 đảng viên tham gia cuộc vận động chính trị.

độc đoán, tùy tiện làm sai chính sách, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu dân chủ; tinh thần đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng chưa cao... ảnh hưởng xấu đến giáo dục quần chúng. Việc phân loại đảng viên (theo tiêu chuẩn “Bốn tốt”) còn chậm và chưa thực sự chính xác.

Cùng với cuộc vận động nói trên, năm 1969, thi hành Nghị quyết 31-NQ/TW và Chỉ thị 146-CT/TN của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái chọn Đảng bộ Đại Từ làm trọng điểm tiến hành cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của huyện và xã. Sau một năm thực hiện, Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra kết quả ở Đảng bộ xã Phú Thịnh và xã Hà Thượng, tiêu biểu cho 2 vùng của huyện. Ở 2 Đảng bộ này, số chi bộ “Bốn tốt” đạt 43,4%, khá 26,1%, trung bình 25% và yếu kém là 5,5%; phong trào hợp tác xã được củng cố, sản xuất phát triển, nghĩa vụ hoàn thành, đời sống quần chúng ổn định. Từ thực tế này, Đảng bộ rút ra kết luận: muốn đưa phong trào cách mạng trong huyện tiến lên vững chắc về nhiều mặt, vấn đề cơ bản nhất là phải ra sức xây dựng, củng cố Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức; gắn liền công tác xây dựng Đảng bộ, chi bộ “Bốn tốt” với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đảng bộ Đại Từ đã tiến hành nghiêm túc phê bình và tự phê bình từ trong nội bộ Đảng ra ngoài quần chúng, cải tiến lề lối làm việc, phong cách lãnh đạo, quan hệ giữa đảng viên và quần chúng gắn bó; ranh giới giữa Đảng và chính quyền được phân định rõ ràng.

Năm 1970, Đảng bộ Đại Từ cùng với các Đảng bộ trong tỉnh Bắc Thái triển khai Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị về *“nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh”*. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đặt ra mục tiêu phấn đấu đưa 70% số Đảng bộ cơ sở, chi bộ, tổ

Đảng đạt 7 yêu cầu nâng cao chất lượng, đồng thời có phương án khắc phục đối với các chi bộ, tổ Đảng, đảng viên kém và chủ trương gắn cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên với việc quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19 (họp tháng 02/1971), gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Qua cuộc vận động và quán triệt nghị quyết của Trung ương, nhiều cấp ủy và đảng viên trong huyện đã nhận thức rõ hơn những yêu cầu cấp bách của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh có kết quả tư tưởng nghỉ ngơi, mệt mỏi, ngại chiến tranh kéo dài, lơ là cảnh giác, đa số đảng viên thấy rõ trách nhiệm. Nhiệt tình cách mạng được nâng lên. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, từ huyện xuống cơ sở đã trưởng thành thêm một bước. Qua đợt vận động này, Đảng bộ Đại Từ đã kết nạp 25 đồng chí, dẫn đầu toàn tỉnh.

Tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1972, Tỉnh ủy Bắc Thái đánh giá: *“Đảng bộ Đại Từ thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn ‘bốn tốt’ có chất lượng cao”*. Cuối năm 1972, riêng các chi bộ nông thôn, đảng viên “bốn tốt” chiếm khoảng 53,31%; các loại khá và trung bình: 38,31%; yếu kém: 8,3%. Đây là bước phát triển về chất lượng của Đảng bộ. Năm 1968, toàn huyện có 7 Đảng bộ, 27 chi bộ đạt danh hiệu “bốn tốt”, 65,6% đảng viên “bốn tốt” và khá, loại yếu chiếm tới 34,4%. Nếu tính riêng số đảng viên loại “bốn tốt”, năm 1972 tăng hơn năm 1968 là 3%.

Trong tất cả các cuộc vận động chính trị, xây dựng củng cố Đảng, Đảng bộ Đại Từ luôn kết hợp ba nội dung: xây dựng Đảng với củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất; lấy công

tác củng cố tổ chức Đảng để thúc đẩy phong trào cách mạng ở cơ sở; lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ ở cơ sở để đánh giá kết quả công tác củng cố tổ chức Đảng.

Xã Phú Lạc là một xã miền núi, có 4 dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Hoa cư trú. Trước khi có các cuộc vận động, Đảng bộ xã Phú Lạc xếp vào loại yếu kém, có chi bộ 4, 5 tháng không sinh hoạt Đảng, 1/3 đảng viên của Đảng bộ không hoạt động, 2 hợp tác xã tan vỡ, sản xuất sa sút, đời sống xã viên ngày càng trở nên khó khăn, nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành. Sau một năm củng cố tổ chức Đảng, sản xuất phát triển, năng suất lúa từ 18 tạ/ha tăng lên 37 tạ; mức sống xã viên từ 12kg thóc/tháng lên 17,5kg/tháng. Năm 1972, cả xã đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước 125 tấn thóc và bán thêm 40 tấn.

Trong 5 năm vận động xây dựng Đảng ở Đại Từ, bên cạnh những mặt tiến bộ, phong trào toàn huyện có thời điểm không đồng đều. Các Đảng bộ ở những xã vùng sâu, vùng xa tiến bộ còn chậm, công tác phát triển Đảng ở nơi tập trung đồng bào công giáo và dân tộc ít người chưa được chú ý (hợp tác xã Thành Công - lá cờ đầu của tỉnh, do anh hùng lao động Trương Văn Nho làm Chủ nhiệm, có 14 đội sản xuất thì có 7 đội không có đảng viên). Trình độ văn hóa của đảng viên còn thấp (chỉ có 50,3% ở trình độ cấp I).

Trong cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương, một số đảng viên không đủ tiêu chuẩn được đưa ra khỏi Đảng. Trong số này có 74% số người vi phạm đường lối hợp tác xã của Đảng, phần lớn họ đều được kết nạp trong thời kỳ 1960 - 1970. Điều này chứng tỏ công tác giáo dục trước khi kết nạp đảng viên mới chưa được quan tâm lãnh đạo đầy đủ.

Từ năm 1976, sau khi nước nhà thống nhất, cách mạng cả nước chuyển sang giai đoạn mới, Đảng bộ Đại Từ nhạy bén, khẩn trương tổ chức bồi dưỡng cho 127 cấp ủy viên giữ nhiệm vụ chủ chốt từ huyện đến cơ sở. Sau đó, tất cả 3.510 đảng viên trong 64 cơ sở Đảng được học tập về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đây là bước đầu nâng cao nhận thức cho đảng viên trong Đảng bộ về 2 nhiệm vụ chiến lược của cả nước. Năm 1978, thực hiện Chỉ thị 17 và Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương, Đại Từ tiến hành phân loại đảng viên theo yêu cầu mới về công tác xây dựng Đảng. Trong đợt phân loại này có 1.749 đảng viên nông thôn dự phân loại thì 1.059 là đảng viên tích cực, 690 đảng viên trung bình và 157 đảng viên cần được giáo dục hoặc xem xét về mặt tư cách. Trong số 448 đảng viên khối cơ quan, có 322 đảng viên đạt loại tích cực, 126 đảng viên đạt trung bình và 9 trường hợp cần được xử lý.

Từ phân loại trên đây, Huyện ủy đã có các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên trung bình, kế hoạch bồi dưỡng số đảng viên yếu kém. Do đó, năm 1981, khi tiến hành phát thẻ Đảng, đã có 83% số đảng viên trong Đảng bộ được nhận thẻ Đảng⁽¹⁾.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, với tinh thần *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”*, trong quá trình tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo tới mỗi đảng viên và cấp ủy cơ sở nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, đánh giá những ưu điểm, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra

⁽¹⁾ Năm 1981, Đảng bộ Đại Từ có 3.886 đảng viên.

phương hướng phấn đấu theo đường lối đổi mới toàn diện của Đảng. Đợt sinh hoạt chính trị này đã thu hút 95% đảng viên trong Đảng bộ tham gia⁽¹⁾.

Tháng 6/1992, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã họp Hội nghị lần thứ 3 và ra Nghị quyết về “Đổi mới chỉnh đốn Đảng” nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội khóa VII đề ra⁽²⁾.

Đánh giá tổng quát, Huyện ủy Đại Từ khẳng định, từ sau cải cách ruộng đất đến đầu những năm 1990, Đảng bộ Đại Từ đã qua nhiều lần chỉnh đốn tổ chức, củng cố cơ sở Đảng. Đội ngũ đảng viên của Đảng bộ qua nhiều thế hệ kế tiếp luôn giữ vững và phát huy tính tiên phong gương mẫu, dũng cảm hy sinh vượt qua nhiều thử thách, đưa phong trào cách mạng ở địa phương tiến lên. Từ năm 1980 đến năm 1991, khi đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã và sụp đổ, âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc lũng đoạn thế giới; đại bộ phận đảng viên trong Đảng bộ vẫn giữ được bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nội bộ, gắn bó với nhân dân, có trách nhiệm với phong trào. Rất nhiều đảng viên đã nêu những tấm gương sáng về tinh thần dũng cảm đấu tranh chống lại khuynh hướng bảo thủ, trì trệ, vươn tới cái mới, nhanh chóng tiếp cận với cơ chế

⁽¹⁾ Năm 1986, Đảng bộ Đại Từ có 4.301 đảng viên.

⁽²⁾ Trích Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VII.

mới, thích ứng với cơ chế thị trường, phát triển kinh tế gia đình, làm giàu chính đáng. Nhờ đó, đời sống nhân dân trong huyện từng bước được cải thiện, bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến nhảy vọt.

Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp trên thế giới và những khó khăn gay gắt về kinh tế trong nước và ở địa phương, một bộ phận đảng viên của Đảng bộ có biểu hiện giảm sút ý chí chiến đấu, tỏ ra hoang mang, bối rối trước tình hình, mất cảnh giác; cá biệt có đảng viên phai nhạt lý tưởng, bỏ sinh hoạt Đảng (5 người). Một số đảng viên tha hóa về phẩm chất, lo thu vén cá nhân, làm giàu bất chính, thiếu trách nhiệm với cuộc sống của nhân dân, không chấp hành nghiêm túc kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước...

Bên cạnh đại bộ phận tổ chức cơ sở Đảng tỏ rõ năng lực vững vàng, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo phong trào vẫn còn có những Đảng bộ yếu kém, có chi bộ 4, 5 tháng không sinh hoạt Đảng định kỳ, 10 năm không phát triển Đảng (Chi bộ Lưu Quang, xã Minh Tiến)...

Thi hành chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái, cuối tháng 7/1992, Đảng bộ Đại Từ tiến hành triển khai Nghị quyết Trung ương 3 về "đổi mới và chỉnh đốn Đảng". Việc triển khai Nghị quyết đã được Huyện ủy tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, 100% cơ sở Đảng và 97% đảng viên trong Đảng bộ được phổ biến quán triệt, tổ chức tự phê bình và phê bình. Nhằm nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn chi tiết, cụ thể về tiêu chuẩn phân loại cơ sở Đảng, phân loại đảng viên, hướng dẫn việc chuyển sinh hoạt Đảng, xử lý đảng viên vi phạm...

Sau 3 năm (1992 - 1995), thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), chất lượng toàn diện của Đảng bộ có sự chuyển biến rõ rệt, nhất là sau khi phân loại đảng viên: ý thức của đảng viên về vai trò của Đảng được nâng lên, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên được phát huy, có tác động trực tiếp đến việc hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Năm 1991, Đảng bộ Đại Từ có 4.980 đảng viên, trong đó có 78,97% loại khá, 19,36% trung bình và kém, 2,27% vi phạm kỷ luật. Cuối năm 1995, toàn huyện có 4.713 đảng viên⁽¹⁾, trong đó đảng viên loại I: 87,47%, loại II: 10,79%, loại III: 1,64% và loại IV còn 0,10%. Tổ chức cơ sở Đảng có 66,7% vững mạnh, 27,7% khá và trung bình, 5,5% yếu kém.

Đánh giá và phân loại đảng viên trong những năm tiến hành cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy khẳng định: *“Trong cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, việc phân tích chất lượng, phân loại đảng viên sát thực tế hơn trước, số đảng viên loại I vẫn chiếm tỷ lệ cao, điều đó nói lên số đông đảng viên trong tình hình mới vẫn giữ vững bản chất giai cấp và vai trò tiên phong gương mẫu”*⁽²⁾.

Trong cuộc vận động, Đảng bộ đã xử lý hơn 300 trường hợp đảng viên có khuyết điểm vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Riêng năm 1995, Huyện ủy đã thi hành kỷ luật 34 đồng chí, trong đó có 6 đồng chí bị khai trừ khỏi Đảng.

⁽¹⁾ Số dĩ số đảng viên năm 1995 ít hơn năm 1991 là vì trong cuộc vận động có hơn 500 đồng chí được chuyển hình thức sinh hoạt Đảng.

⁽²⁾ Báo cáo của Huyện ủy Đại Từ - số 345, BC/ĐB - 4/5/1994.

Đi đôi với nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng, Đảng bộ Đại Từ đặc biệt quan tâm tới công tác phát triển đảng viên mới. Trên cơ sở những bài học của nhiều năm trước, từ năm 1992, Đảng bộ Đại Từ coi trọng công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục cho thế hệ trẻ về lý tưởng của Đảng, mục tiêu phấn đấu của Đảng, nghĩa vụ và trách nhiệm vẻ vang của người cộng sản và hướng cho họ có động cơ đúng đắn khi phấn đấu vào Đảng. Trong 3 năm 1992, 1993 và 1995, đã có 778 người được dự lớp bồi dưỡng đối tượng phát triển Đảng. Trong số này, có hơn 200 người được kết nạp vào Đảng (1992 - 1993 đã kết nạp được 147 người), phần lớn đều dưới 35 tuổi, có trình độ học vấn.

Công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đảng viên, Đảng bộ đã đặt ra ngay sau ngày đất nước thống nhất năm 1976. Nhưng chỉ từ sau năm 1985, việc học tập nâng cao trình độ chính trị, khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội mới trở thành nhu cầu bức thiết, không chỉ của cấp ủy mà còn của cả đảng viên trong Đảng bộ. Từ năm 1985 - 1995, Đại Từ có hơn 1.000 lượt cán bộ được đưa đi học tập ở các trường của tỉnh, của Trung ương. Nếu trước đây, trên 80% đảng viên trong Đảng bộ chỉ có trình độ văn hóa cấp I (phần lớn chưa hết cấp), trình độ lý luận sơ đẳng, thì đến năm 1995, số đảng viên chỉ có trình độ văn hóa cấp I còn trên dưới 50% (đa số là các đồng chí đảng viên lâu năm ở nông thôn, tuổi cao). Phần lớn các đồng chí chi ủy viên, Đảng ủy viên ở các cơ sở Đảng đều có trình độ văn hóa cấp III; nhiều đồng chí đã tốt nghiệp đại học, trung cấp chuyên nghiệp.

Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt đã được đào tạo tại Học viện chính trị Quốc gia Nguyễn Ái Quốc. Sau một thời gian

tham gia học tập, trình độ chính trị, khoa học kỹ thuật, kinh tế học, luật học... của một bộ phận đảng viên trong Đảng bộ Đại Từ được nâng cao. Đảng bộ huyện có thêm thế và lực mới để đưa huyện Đại Từ cùng với tỉnh Thái Nguyên tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo cương lĩnh xây dựng đất nước mà Đại hội VIII của Đảng đề ra.

Mặc dù vậy, công tác tư tưởng trong Đảng bộ còn yếu, nhất là ở cơ sở. Có lúc, có nơi tính chiến đấu thiếu sắc bén, thiếu kịp thời đấu tranh với những tư tưởng bảo thủ trì trệ, những quan điểm sai trái, những biểu hiện chủ nghĩa thực dụng và các tệ nạn xã hội. Một số nơi việc phân tích chất lượng, phân loại đảng viên chưa thật sát đúng, chưa kịp thời xử lý những đảng viên vi phạm khuyết điểm, chưa có biện pháp giúp đỡ những đảng viên yếu từng mặt để sửa chữa. Ở những xã miền núi xa xôi như Quân Chu, Cát Nê, La Bằng... có nhiều đảng viên cao tuổi, địa dư rộng, kinh tế còn khó khăn, dân trí trong vùng thấp, vai trò lãnh đạo của đảng viên và Ủy ban nhân dân chưa thật rõ. Mối quan hệ giữa đảng viên và cơ sở Đảng bị hạn chế. Một số xã phân định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Đảng ủy và Ủy ban nhân dân chưa thật rõ. Mối quan hệ giữa đảng viên với nhân dân (nhất là vùng có đồng bào công giáo) chưa thật mật thiết. Công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng còn hạn chế...

Nhìn lại chặng đường 40 năm (1955 - 1995), mỗi đảng viên, mỗi người dân trong huyện tự hào nhận thấy những bước trưởng thành cùng với những thành tựu về kinh tế - xã hội đã đạt được.

Từ một chi bộ gồm 4 đồng chí ra đời trong máu lửa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1936), đến năm 1995, Đảng bộ Đại Từ đã có hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ huyện đến khắp các làng bản, các cơ quan, xí nghiệp, trường học. Đảng bộ có đội ngũ gồm 5.000 đảng viên được thử thách, rèn luyện trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong đấu tranh vũ trang, bước đầu có kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về công cuộc đổi mới. Nhiều đảng viên của Đảng bộ đã hy sinh anh dũng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho lý tưởng của Đảng. Những tấm gương tiêu biểu ấy đã làm rạng rỡ thêm danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang*" mà Đảng và Nhà nước đã phong tặng cho nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ và họ sẽ sống mãi với Đảng bộ, với nhân dân các dân tộc trong huyện.

Với vai trò trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện, Đảng bộ Đại Từ ý thức sâu sắc việc chăm lo, kiện toàn đội ngũ và nâng cao sức chiến đấu của mình (tổ chức) để hoàn thành những nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị một cách tốt nhất cho bước phát triển vững chắc của phong trào cách mạng ở địa phương trong những giai đoạn sau.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2005)

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1995), nước ta đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ và có hiệu quả hơn. Mặc dù vậy, đất nước vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức như nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, tệ quan liêu, tham nhũng, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa...

Trong bối cảnh chung của đất nước, đến hết năm 1995, Đại Từ cơ bản vẫn là một huyện miền núi gặp nhiều khó khăn của tỉnh Thái Nguyên. Đối mặt với những thách thức của 10 năm đầu thực hiện đổi mới, Đảng bộ huyện đã khẳng định rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đưa Đại Từ vượt qua khó khăn, đạt được nhiều kết quả trong phát triển kinh tế - xã hội. Sau khi thực hiện “khoán 10”, tổng sản lượng lương thực quy thóc vượt 3.000 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Hệ thống điện - đường - trường - trạm trên địa bàn huyện bước đầu được đầu tư nâng cấp, xây dựng, đáp ứng nhu

cầu sinh hoạt của nhân dân, tạo điều kiện cho các ngành sản xuất phát triển, đồng thời góp phần khôi phục công tác giáo dục, y tế trước đây bị sa sút. Đời sống sinh hoạt của hàng nghìn hộ dân trên địa bàn huyện được cải thiện đáng kể. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định. Quốc phòng - an ninh được giữ vững... Những kết quả trên là tiền đề cần thiết cho huyện Đại Từ cùng cả nước chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I. Phát huy thành tựu công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000)

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 09/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Đại hội Đảng bộ các cấp” tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ ngày 04/02/1996 đến ngày 06/02/1996, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XIX (nhiệm kỳ 1996 - 2000) tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện với sự tham dự của 196 đại biểu đại diện cho gần 5.000 đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng trong huyện.

Với tinh thần dân chủ, đoàn kết, trí tuệ và trách nhiệm cao, sau khi thống nhất ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện của Trung ương, Tỉnh ủy, trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn, Đại hội tập trung thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1996 - 2000.

Đại hội khẳng định những kết quả mà cán bộ và nhân dân trong huyện đạt được là to lớn, cơ bản đưa Đại Từ thoát khỏi đói nghèo, từng bước ổn định đời sống nhân dân; đồng thời cũng chỉ rõ những yếu kém, hạn chế còn tồn tại và nguyên

nhân dẫn đến tồn tại, yếu kém. Đại hội rút ra 4 kinh nghiệm chủ yếu:

Thứ nhất: Vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn của huyện, từ đó xây dựng kế hoạch, mục tiêu, các giải pháp cụ thể, tập trung chỉ đạo dứt điểm các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra hàng năm.

Thứ hai: Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, từ đó nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng ở các chi bộ, Đảng bộ nhất là khu vực nông thôn.

Thứ ba: Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng để nâng cao sức chiến đấu của Đảng...

Thứ tư: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, huy động tối đa sức mạnh của nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, giữ vững và ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Những phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội đề ra trong nhiệm kỳ: Phấn đấu tổng sản lượng lương thực đạt 55.000 tấn; đàn lợn đạt 60.000 con, đàn trâu 20.000 - 23.000 con, đàn bò 4.000 - 5.000 con; nâng tổng diện tích chè toàn huyện lên 3.500ha, trong đó diện tích trồng mới là 1.000ha; nâng diện tích trồng rừng lên 2.000ha; giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 20%/năm; thu ngân sách bình quân tăng 15% năm; đẩy mạnh các hoạt động

văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX được bầu gồm 35 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy, trong đó đồng chí Chu Văn Nhân được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chu Hồng Việt và đồng chí Nguyễn Văn Chất được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Bước vào thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra, cán bộ và nhân dân trong huyện có nhiều thuận lợi: Những thành tựu đạt được trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, 20 năm xây dựng quê hương trong điều kiện đất nước hòa bình đã từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân Đại Từ. Số hộ khá và hộ giàu tăng lên, số hộ đói - nghèo giảm rõ rệt; các xã đều có trường học, trạm y tế và các công trình phúc lợi xã hội. Bên cạnh đó, những tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nhân lực của huyện đang từng bước được khai thác. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nhạy bén tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tình hình an ninh - chính trị trên địa bàn được giữ vững.

Tuy nhiên, cán bộ và nhân dân trong huyện cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước. Cơ sở hạ tầng bước đầu được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. So với nhiều huyện trong tỉnh, Đại Từ có vốn đầu tư ít, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề còn chậm; nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền kinh tế nhiều thành phần còn hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới.



Đoàn cán bộ Mặt trận Tổ quốc huyện Đại Từ giới thiệu cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc các huyện bạn “điểm di tích công bố bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn ngày 27/7 là Ngày Thương binh liệt sỹ”



Cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Đại Từ tham gia chuyển giao và học tập kỹ thuật trồng nấm (năm 2009)



Lễ đưa tân binh lên đường nhập ngũ (năm 2012)



Công an huyện Đại Từ tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng, chống cháy nổ (năm 2013)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đoàn kết chặt chẽ, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng, thế mạnh, phấn đấu tạo ra đột phá trên nhiều lĩnh vực.

1. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII)

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV đã nhấn mạnh: *“Trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là xây dựng tổ chức Đảng, rèn luyện đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khóa VIII)”*. Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy, công tác xây dựng Đảng được Huyện ủy Đại Từ chú trọng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, đặc biệt là âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, những tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường..., Huyện ủy nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng bộ và nhân dân. Các nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV được quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua đó nâng cao năng lực chính trị của Đảng bộ, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1996 - 2000).

Điểm đáng chú ý trong việc củng cố tổ chức của Huyện ủy Đại Từ nhiệm kỳ này là việc kiện toàn cấp ủy theo quyết định

luân chuyển của tỉnh hoặc theo tình hình thực tế địa phương. Từ tháng 8/1999, đồng chí Chu Văn Nhân được điều động về tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Chất - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân được cử giữ chức Bí thư Huyện ủy⁽¹⁾. Tháng 8/2000, đồng chí Nguyễn Văn Chất chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Hoàng Văn Sinh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính được Tỉnh ủy điều động về giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Tháng 12/1999, đồng chí Chu Hồng Việt - Phó Bí thư Thường trực huyện chuyển công tác lên tỉnh, đồng chí Triệu Minh Thái - Ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ và làm Thường trực Đảng. Công tác kiện toàn, củng cố cấp ủy được thực hiện thường xuyên góp phần tạo ra sức bật mới, phát hiện và tạo điều kiện cho những nhân tố mới thể hiện năng lực lãnh đạo. Tuy nhiên, đây cũng là một hạn chế khi đội ngũ cán bộ thường xuyên luân chuyển, biến động, công tác bị gián đoạn...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 3 (khóa VIII) về *"Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*, Huyện ủy tập trung xây dựng cán bộ cơ sở, phân cấp quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo. Từ năm 1996 đến năm 2000, huyện đã cử hơn 100 cán bộ đi học chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đến cuối năm 2000, 76% cán bộ cấp xã, thị trấn có trình độ từ trung cấp chính trị trở lên. Trong 5 năm, Đảng bộ huyện bồi dưỡng, kết nạp thêm 744 đảng viên mới, trong đó chủ yếu là đảng viên nông thôn.

Giai đoạn 1996 - 2000 là giai đoạn công tác kiểm tra Đảng được thực hiện quyết liệt, hạn chế biểu hiện né tránh. Ngoài

⁽¹⁾ Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Chất bị kỷ luật Đảng.

những đợt kiểm tra lớn theo chương trình, kế hoạch hàng năm, trong 5 năm (1996 - 2000), Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy còn kiểm tra và phát hiện hàng trăm đảng viên có dấu hiệu vi phạm, xử lý kỷ luật 55 đảng viên (trong đó khiển trách 5, cảnh cáo 17, cách chức 13, khai trừ 20). Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14/02/1998 của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra Đảng trong tình hình mới, Đảng bộ huyện đổi mới về nội dung và phương pháp, trong đó chú trọng phát huy quyền dân chủ trong sinh hoạt Đảng để mọi cán bộ, đảng viên đều có quyền và trách nhiệm trong công tác này. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy xây dựng kế hoạch, tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo, khiếu nại của quần chúng nhân dân đối với tổ chức Đảng và đảng viên. Việc xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm đã làm cho cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ huyện Đại Từ đi vào chiều sâu, củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

Một trong những điểm nhấn trong xây dựng Đảng bộ huyện Đại Từ giai đoạn 1996 - 2000 là triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động “*Xây dựng, chỉnh đốn Đảng*” nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Trên cơ sở Kế hoạch số 13-KH/TU và Hướng dẫn số 15-HD/TU ngày 28/6/1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng bộ huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, xây dựng kế hoạch, mở hội nghị cán bộ để nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và thảo luận xây dựng chương trình hành động; đồng thời giao cho các đồng chí huyện ủy viên, bí thư các chi bộ, đảng bộ trực

thuộc, lãnh đạo ban ngành, đoàn thể trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Huyện ủy về việc tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Huyện ủy cũng ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, phương châm, phương pháp, các bước tiến hành để các cơ sở, ban ngành thực hiện thống nhất. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, các chi bộ, Đảng bộ trực thuộc đã xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt Nghị quyết, thảo luận xây dựng chương trình hành động, kế hoạch kiểm điểm, tự phê bình và phê bình.

Với tinh thần nghiêm túc, đến cuối năm 1999, các cơ sở Đảng của huyện đã tiến hành xong việc học tập, quán triệt Nghị quyết với tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 91%; có các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được nội dung, ý nghĩa quan trọng của Nghị quyết Trung ương 6 và cuộc vận động *"Xây dựng, chỉnh đốn Đảng"*.

Sau hơn một năm thực hiện cuộc vận động *"Xây dựng, chỉnh đốn Đảng"* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), dưới sự lãnh đạo tập trung của Ban Thường vụ Huyện ủy và cấp ủy Đảng cơ sở, với phương châm coi trọng giáo dục, nâng cao nhận thức, kết hợp giữa xây và chống, lấy xây làm chính; nâng cao tinh thần tự giác kiểm điểm, sự gương mẫu tự phê bình của các tập thể và cá nhân các đồng chí lãnh đạo nên đã đạt được những kết quả bước đầu. Đa số đảng viên trong Đảng bộ có chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng và hành động; trình độ chính trị được nâng lên, ngày

càng phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo. Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân lao động được củng cố, quần chúng ngày càng tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (ngày 20/7/1997) và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp (tháng 11/1999). Hội đồng nhân dân từ huyện xuống xã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, chủ động phối hợp với các ban, ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu; duy trì các cuộc họp Hội đồng nhân dân đúng thời hạn. Công tác tiếp xúc và giải quyết kiến nghị của các cử tri có nhiều đổi mới, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ cơ sở. Hội đồng nhân dân còn kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tiêu cực, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và tập hợp sức mạnh toàn dân để huyện ngày càng phát triển.

Ủy ban nhân dân huyện thể chế hóa và điều hành thực hiện hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện đề ra. Năm 1999, Chính phủ ra Nghị định số 18/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc các huyện Đại Từ, Phổ Yên, thị xã Sông Công. Trên cơ sở đó, xã Tân Linh được thành lập với diện tích tự nhiên là 2,344ha và 4.876 nhân khẩu (tách ra từ xã Phục Linh).

Ngày 08/9/1998, Chính phủ ra Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ban hành *"Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ*

quan”. Thực hiện Nghị định trên, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch giáo dục, thông suốt tư tưởng cho cán bộ, công chức (nhất là những cán bộ giữ chức vụ chủ chốt trong chính quyền) nhằm phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Hầu hết các cơ quan, đơn vị trong huyện đã xây dựng quy chế làm việc, nội dung công việc như kế hoạch, nhiệm vụ công tác, kinh phí, tài chính, các khoản thu chi; công khai chế độ liên quan đến lợi ích của cán bộ công chức; lấy ý kiến khi đề bạt, bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ công chức... Một số nội dung quy định trong Nghị định số 71/1998/NĐ-CP được triển khai nghiêm túc như việc tiếp dân, lập hồ sơ thư góp ý, ban hành nội quy làm việc, phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hành của thủ trưởng cơ quan, đơn vị với bí thư cấp ủy trong việc chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ chuyên môn... Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan đã góp phần cải thiện tác phong, lối sống, làm việc có khoa học theo hướng dân chủ hóa và công khai hơn, hạn chế dần các biểu hiện tiêu cực như cửa quyền, quan liêu, lãng phí, tham nhũng, bảo vệ lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của cán bộ công chức.

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết 8B ngày 27/3/1990 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về *“Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”*, Huyện ủy chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện, tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đại Từ triển khai nhiều cuộc vận động và phong trào như *“Thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội”*, *“Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con*

trung hiếu, cháu thảo hiền”, quyên góp ủng hộ quỹ “*Vì người nghèo*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”, vận động đồng bào Công giáo “*Sống phúc âm trong lòng dân tộc*”, “*Sống tốt đời đẹp đạo*”... Các cuộc vận động và phong trào trên góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư*”, 100% xã, thị trấn trong huyện đều thành lập Ban chỉ đạo. Kết quả, năm 1996, toàn huyện có 7.346 gia đình đạt danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”, 19 khu dân cư đạt 8 mục tiêu của cuộc vận động, 62 làng, 8 cơ quan đạt danh hiệu làng, cơ quan văn hóa. Đến năm 2000, huyện Đại Từ có 16.012 gia đình đạt danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”, 320 khu dân cư tiên tiến, 76 làng, 72 cơ quan đạt danh hiệu làng, cơ quan văn hóa.

Mặt trận Tổ quốc còn phối hợp với các đoàn thể chính trị khác tổ chức 18 cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội khóa X (nhiệm kỳ 1997 - 2002), đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện với cử tri trong huyện; làm tốt công tác vận động cử tri đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp (nhiệm kỳ 1999 - 2004). Với những thành tích đã đạt được, Mặt trận Tổ quốc huyện được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tặng Bằng khen, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc trong 2 năm 1998 - 1999.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện tiếp tục xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong 5 năm (1996 - 2000), Đoàn thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Xây dựng tổ chức cơ sở Đoàn vững mạnh*”,

phong trào “*Xây dựng Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh vững mạnh*”, “*Thanh niên lập nghiệp*”, “*Tuổi trẻ giữ nước*” và các phong trào hành động cách mạng trên các lĩnh vực học tập, lao động, công tác... Cùng với thanh niên cả nước, trong thời kỳ mới, với khí thế “*Tuổi trẻ học tập vì ngày mai lập nghiệp*”, “*Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đã có nhiều hoạt động sôi nổi được đông đảo đoàn viên, thanh niên và các tầng lớp xã hội tham gia, hưởng ứng. Năm 1996, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện đã vận động tuổi trẻ đóng góp 100 triệu đồng, đồng thời có kế hoạch xây dựng các công trình thanh niên như khu di tích lịch sử La Bằng - nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2000, Đoàn Thanh niên huyện đã tập hợp hơn 7.000 đoàn viên tham gia sinh hoạt trong 48 tổ chức đoàn cơ sở.

Hội Liên hiệp Phụ nữ là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của huyện. Đến năm 2000, Hội có 31 cơ sở với khoảng 29.000 hội viên, trong đó có trên 23.000 hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên. Hội đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, phát triển kinh tế gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo, tham gia phong trào “*Kế hoạch hóa gia đình*”. Trong thời kỳ đổi mới, phụ nữ huyện Đại Từ đã phát huy truyền thống “*anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*”, không ngừng năng động, sáng tạo, hăng hái thực hiện phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc*” và 6 chương trình do Trung ương Hội đề ra như: “*Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình*”, “*Nuôi dạy*

con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học”... Các cơ sở có nhiều đóng góp cho phong trào của Hội Phụ nữ huyện là xã Khôi Kỳ, Tiên Hội, Bình Thuận, Hùng Sơn, Bản Ngoại, Cù Vân... Với những thành tích đã đạt được, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện được Trung ương Hội, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, cờ thi đua xuất sắc trong những năm 1995 - 1996 và 1997 - 2001.

Trong giai đoạn này, Hội Nông dân huyện tập trung thực hiện đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, áp dụng các biện pháp thâm canh... góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Hội phát động phong trào thi đua *“Làm giàu yêu nước, xóa đói giảm nghèo, xây dựng quê hương mới”*, đồng thời liên kết với các doanh nghiệp giúp nông dân mua vật tư, máy nông nghiệp theo phương thức trả chậm; tham gia các dự án hỗ trợ vốn và kỹ thuật cho nông dân; tổ chức, hướng dẫn nông dân xây dựng quỹ hội ở cơ sở... Đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến huyện được tăng cường, số lượng hội viên không ngừng tăng: Năm 1996 là 11.033 hội viên, năm 2000 là 19.929 hội viên (sinh hoạt trong 31 cơ sở hội). Nhờ nỗ lực trong các phong trào phát triển kinh tế, nhiều hộ gia đình hội viên đã đạt danh hiệu sản xuất giỏi cấp tỉnh (trên 600 hộ) và cấp huyện (1.960 hộ). Hội Nông dân huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc 5 năm liền (1994 - 1998)...

Trong giai đoạn 1996 - 2000, Hội Cựu chiến binh phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện làm tốt công tác tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Hội đồng chính sách huyện và các xã thực hiện xét tuyển công dân nhập ngũ hàng năm bảo đảm chất lượng, đồng thời góp phần quản lý số quân nhân trở về địa phương để tiếp tục động viên, giữ

vững truyền thống “*Bộ đội cụ Hồ*”, tích cực tham gia các phong trào của địa phương. Những phong trào thi đua như “*Xây dựng Hội Cựu chiến binh vững mạnh*”, “*Gia đình cựu chiến binh gương mẫu*”, “*Hộ gia đình cựu chiến binh văn hóa*”... có hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội. Năm 1996, Hội Cựu chiến binh huyện có 3.090 hội viên, đến năm 2000 có khoảng 4.000 hội viên.

2. Bước đầu phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên, đồng thời huy động sự đóng góp từ nhân dân, huyện từng bước quy hoạch và xây dựng khu trung tâm hành chính, trụ sở các cơ quan huyện, khu văn hóa - thể thao, khu thương mại dịch vụ, chợ, trường học, trạm y tế của các xã, thị trấn. Tổng số kinh phí đầu tư hơn 81 tỷ đồng, trong đó Trung ương và tỉnh hỗ trợ gần 70 tỷ đồng. Đến năm 2000, mạng lưới điện đã được mở rộng tới 22/31 xã và thị trấn. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp trong toàn huyện, tạo cho huyện một diện mạo khang trang hơn.

Với đặc điểm là huyện có hoạt động nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu kinh tế, do đó Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại Từ khóa XIX tiếp tục xác định lấy nông nghiệp làm hướng phát triển chủ đạo. Điểm mới trong sản xuất nông

ng nghiệp của Đại Từ thời gian này là gắn sản xuất với chế biến và thị trường, đưa các giống lúa mới cho năng suất cao vào gieo trồng, chuyển dần vụ đông thành vụ chính. Huyện quy hoạch vùng lúa thâm canh cao sản với diện tích 4.000ha/năm, năng suất bình quân đạt 5 tấn/ha/vụ. Trong thâm canh lúa cao sản, xã La Bằng trở thành điển hình tiên tiến, áp dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng năng suất lúa đạt trung bình 7,8 - 8,3 tấn/ha.

Huyện Đại Từ cũng hình thành một số vùng chuyên canh cây vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, cùng với vụ xuân và hè đạt sản lượng 8.000 - 9.000 tấn màu quy thóc/năm.

Tháng 3/1996, Luật Hợp tác xã được ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Tiếp đó, ngày 21/02/1997, Chính phủ ra Nghị định số 16-CP về *"Chuyển đổi, đăng ký và tổ chức hoạt động của liên hiệp hợp tác xã"*. Đây là dấu mốc quan trọng, chuyển đổi từ mô hình hợp tác xã kiểu cũ sang kiểu mới theo yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường nói chung và nhu cầu bức thiết của nhiệm vụ phát triển kinh tế trong huyện nói riêng. Huyện ủy thành lập Ban chỉ đạo công tác chuyển đổi hợp tác xã hoạt động theo luật. Ủy ban nhân dân huyện ra các văn bản hướng dẫn ban quản trị các hợp tác xã trong toàn huyện tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản để chuẩn bị tổ chức đại hội xã viên. Một số hợp tác xã đã sớm thực hiện chuyển đổi, hoạt động theo luật, điển hình là hợp tác xã Cù Vân với 1.115 xã viên. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân cả về khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chính là xã viên không thiết tha với phương thức hoạt động tập thể nên các hợp tác xã cơ bản hoạt động chưa hiệu quả.

Bám sát nội dung Quyết định số 527/1988/QĐ-UB ngày 23/11/1988 về phát triển giao thông thủy lợi và Chỉ thị số 11/CT-UB ngày 24/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ *"Về việc phát động chiến dịch toàn dân làm thủy lợi, giao thông nông thôn"*, các công trình thủy lợi được chú trọng đầu tư. Nhân dân trong huyện đã đóng góp hơn 90.000 ngày công, làm được 698,6km kênh mương, 411km đường liên xóm, liên xã. Các xã đều đẩy mạnh xây dựng những công trình thủy lợi vừa và nhỏ, giải quyết kịp thời nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất. Các khâu như làm đất, thu hoạch, vận chuyển, chế biến đã áp dụng cơ giới hóa với tỷ lệ cao.

Nhờ áp dụng đồng loạt các biện pháp khoa học kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã có những bước chuyển biến so với giai đoạn trước: Năm 1996, tổng sản lượng lương thực đạt trên 47.000 tấn; năm 2000 tăng lên 60.000 tấn, vượt 5.000 tấn so với chỉ tiêu Đại hội lần thứ XIX đề ra; bình quân lương thực đầu người đạt 380kg/năm.

Chè được xác định là cây công nghiệp chủ chốt của huyện, có giá trị kinh tế và ổn định. Trong những năm 1996 - 2000, Huyện ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về việc mở rộng và phát triển diện tích chè, đưa cây chè trở thành cây *"xóa đói, giảm nghèo"*. Nhờ đầu tư đúng hướng, chè Đại Từ không những đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mà bước đầu đã được xuất khẩu sang một số nước như Nhật Bản, Đài Loan... Diện tích và sản lượng chè qua các năm tăng nhanh. Đến năm 2000, diện tích chè toàn huyện có 4.400ha, sản lượng đạt 25.000 tấn.

Huyện còn xây dựng đề án khai thác đất vườn đồi theo hướng ưu tiên phát triển cây ăn quả, chỉ đạo các xã rà soát lại đất vườn đồi, quy hoạch diện tích trồng cây ăn quả. Năm 1996, toàn huyện mới có 750ha diện tích cây ăn quả thì đến năm 2000 đã lên tới 1.811,3ha, trong đó diện tích vải thiều chiếm tới 59,6% (1.080ha), diện tích nhãn chiếm 19,8% (360ha).

Trong nông nghiệp, điểm mới của huyện Đại Từ là sự hình thành những mô hình trang trại có hiệu quả kinh tế. Tính đến năm 2000, toàn huyện có trên 350 trang trại, trong đó chủ yếu là trang trại kinh tế tổng hợp quy mô gia đình. Hai mô hình kinh tế trang trại tiêu biểu được nhiều xã áp dụng là kinh tế vườn rừng kết hợp chăn nuôi và kinh tế tổng hợp VAC (vườn - ao - chuồng). Điển hình về phát triển kinh tế trang trại như ở xã Hùng Sơn cho thu nhập 77 triệu đồng/năm, ở xã Cát Nê cho thu nhập 40 triệu đồng/năm.

Là huyện miền núi, Đại Từ có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế rừng. Tuy nhiên, do những năm 80 của thế kỷ XX, nhân dân ở một số xã thường xuyên phá rừng làm nương rẫy; đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới, khi thiếu ruộng canh tác cũng vào rừng đốn cây, đốt bãi trồng chè, trồng sắn... tàn phá một diện tích rừng đáng kể. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV (tháng 11/1997): *"Phát triển kinh tế đồi rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi, trước mắt cần tập trung khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới, giao đất giao rừng để chăm sóc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng trồng, kết hợp giữa trồng rừng với trồng*

cây công nghiệp, cây ăn quả"⁽¹⁾, Huyện ủy chỉ đạo các xã đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, xác lập quyền làm chủ rừng và đất rừng cho nhân dân. Đến năm 2000, các xã cơ bản đã hoàn thành việc giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình. Nhờ vậy, tình trạng vi phạm "*Luật Bảo vệ và Phát triển rừng*", đặc biệt là việc đốt phá rừng làm nương rẫy trên địa bàn huyện giảm rõ rệt so với những năm trước.

Trong quản lý rừng, huyện quy hoạch diện tích rừng thành 3 khu vực: Rừng đặc dụng Tam Đảo có diện tích trên 11.900ha (nằm trên địa bàn của 10 xã huyện Đại Từ) do Vườn quốc gia Tam Đảo quản lý; đất rừng phòng hộ hồ Núi Cốc với diện tích 1.800ha nằm trên địa bàn các xã Lục Ba, Tân Thái, Vạn Thọ, được sử dụng theo phương án của tỉnh đề ra; đất rừng phòng hộ nằm rải rác ở các xã Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Yên Lãng, Tân Linh, Phú Lạc với diện tích trên 2.200ha giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân các xã quản lý thông qua Dự án 661 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài 3 khu vực trên, 12.000ha rừng sẽ giao cho các hộ gia đình sản xuất và quản lý. Nhờ làm tốt các khâu quy hoạch và quản lý, độ che phủ của rừng không ngừng tăng lên, đạt gần 30%.

Trong năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra 2 quyết định về việc phê duyệt Dự án 661 tại huyện Đại Từ với tổng diện tích trồng rừng lên tới 17.562ha, thuộc phạm vi 21 xã trong huyện. Các dự án trồng rừng đã giúp huyện tạo được một hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn khá bền vững ở những vùng xung yếu và rất xung yếu, giảm hẳn tình trạng xói mòn vào mùa mưa lũ ở các xã nằm trong dự án.

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV, tháng 11/1997, tr 29.

Công tác bảo vệ rừng được huyện quan tâm, lực lượng kiểm lâm có nhiệm vụ tham mưu cho chính quyền các xã bảo vệ và phát triển rừng, ngăn chặn kịp thời các vụ khai thác lâm sản trái phép. Cấp xã có ban quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch xã làm Trưởng ban; ngoài ra, còn có các tổ đội bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng do các trưởng xóm phụ trách.

Trong 5 năm (1996 - 2000), ngành chăn nuôi của huyện có những chuyển biến đáng kể. Do chỉ đạo chặt chẽ công tác tiêm phòng và kiểm dịch động vật nên không có dịch bệnh lớn xảy ra. Thống kê năm 2000, toàn huyện có 24.000 con trâu, 1.680 con bò, 52.000 con lợn, 630.000 con gia cầm. Các chương trình chăn nuôi mới như bò lai Sind, dê bách thảo, lợn nái ngoại, lợn nái Móng Cái... được nhân rộng triển khai trong toàn huyện.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng là lĩnh vực được coi trọng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm khai thác triệt để thế mạnh trong huyện về đất đai, nhân lực. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã tích cực triển khai các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. Huyện tập trung tìm nhiều giải pháp để khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào địa bàn; chỉ đạo các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tạo điều kiện cho các hộ gia đình mở rộng sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo Ngân hàng Chính sách Xã hội phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, xã, thị trấn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn làm ăn. Số hộ và số lao động tham gia vào các ngành kinh tế phi nông nghiệp ngày càng tăng. Năm

2000, toàn huyện có hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động trên địa bàn huyện. Các ngành nghề phát triển mạnh nhất gồm: Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác than, gia công cơ khí, chế biến chè, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp... Năm 1998, sản lượng than cám đạt 7.000 tấn, quặng thiếc 310 tấn, quặng pirit 15.500 tấn, khai thác đá cát sỏi được 21.000m³, chế biến được 450m³ gỗ. Tốc độ tăng trưởng tiểu thủ công nghiệp bình quân đạt 20%.

Ngành thương mại dịch vụ phát triển đúng hướng, tốc độ tăng trưởng ngành thương mại dịch vụ bình quân đạt 23%/năm. Năm 2000, tổng giá trị hàng hóa bán ra trên thị trường là 194 tỷ đồng. Thương nghiệp quốc doanh tuy phát triển chưa ổn định song đã từng bước đổi mới, giữ vai trò chủ đạo trong việc cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Những chuyển biến tích cực về kinh tế trong 5 năm (1996 - 2000) đã khẳng định chủ trương của Huyện ủy là đúng đắn; khẳng định sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy, tinh thần tự lực, tự cường, lao động cần cù của nhân dân trong huyện. Tuy nhiên, huyện Đại Từ còn tồn tại một số hạn chế trong phát triển kinh tế như tăng trưởng kinh tế chậm so với yêu cầu chung, chưa bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; sự chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp còn chậm; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số xã còn manh mún, chưa tạo được vùng cây - con ổn định; cây chè chưa được quan tâm đúng mức; những mô hình tiên tiến, làm kinh tế giỏi chưa nhiều; các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa tương xứng.

3. Tập trung xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng

Nhận thức rõ đói nghèo là lực cản chính kìm hãm nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 1996 đến năm 2000, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, Huyện ủy Đại Từ luôn đặt vấn đề xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ trọng yếu. Sau khi nhận được quyết định phân bổ vốn vay của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo huyện đã triển khai thực hiện thí điểm cho nhân dân 3 xã (Cù Vân, An Khánh và Mỹ Yên) vay vốn làm kinh tế với tổng số vốn vay ban đầu là 460 triệu đồng, từ đó tiến hành triển khai trên diện rộng để giúp nhân dân phát triển sản xuất. Huyện còn tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư từ các cấp, các ngành để phân bổ vốn về các xã khó khăn. Đến năm 2000, toàn huyện không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 7,3%, tỷ lệ hộ giàu tăng lên 16,5%. Số liệu này cho thấy hiệu quả thực tế trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Phát huy truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong huyện đã đẩy mạnh tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác “*Đền ơn đáp nghĩa*”. Việc thăm hỏi, tặng quà đối với gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng... được quán triệt không chỉ là tinh thần trách nhiệm mà còn thể hiện rõ sự biết ơn sâu sắc đối với những người đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc. Trong giai đoạn 1996 - 2000, huyện đã cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho hàng trăm đối tượng thuộc diện chính sách, vận động nhân dân xây dựng quỹ “*Đền ơn đáp nghĩa*” được hàng trăm triệu đồng, xây mới và sửa chữa nhiều nhà tình nghĩa. Năm

1997, huyện tổ chức thành công lễ kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sỹ. Trong giai đoạn này, huyện cũng tiến hành xây dựng nhà tưởng niệm Lưu Nhân Chú, di tích nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh ở La Bằng và công trình kỷ niệm ngày 27/7.

Công tác giáo dục giai đoạn 1996 - 2000 có nhiều thuận lợi để phát triển. Ngày 12/7/1997, Huyện ủy ban hành Kế hoạch 68/KH-HU nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 02-NQ/HNTW của Trung ương Đảng. Nhờ vậy, trong 5 năm (1996 - 2000), công tác giáo dục trên địa bàn huyện có sự chuyển biến đáng kể: Hệ thống trường lớp được đầu tư mạnh về hạ tầng, mỗi xã có một trường mầm non, 1 - 2 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở (riêng thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu vẫn còn tình trạng ghép trường, ghép lớp). Tháng 10/1997, Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện (cơ sở giáo dục phổ thông không chính quy) được thành lập và đi vào hoạt động. Tính đến năm 2000, toàn huyện có 3 trường mầm non công lập, 28 trường mầm non dân lập, 34 trường tiểu học, 30 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông và 1 trung tâm giáo dục thường xuyên.

Để thu hút học sinh đến lớp, Phòng Giáo dục huyện đã chỉ đạo mở lớp ghép tại các xã Tân Linh, Phúc Lương, Phú Thịnh, Cù Vân, Bình Thuận... Một số xã còn mở thêm các lớp sinh hoạt cộng đồng cho các em có hoàn cảnh khó khăn. Tính đến năm 2000, toàn huyện có 31/31 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập tiểu học, 1 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia.

Chất lượng giáo dục được nâng lên thể hiện rõ qua việc số lượng học sinh giỏi và giáo viên giỏi các cấp ngày càng tăng. Đến năm 2000, toàn huyện có 172 học sinh tiểu học, 30 học

sinh trung học cơ sở, 13 học sinh trung học phổ thông đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp cũng không ngừng tăng: Năm 1996, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học là 67,95%, tốt nghiệp trung học cơ sở là 58%, tốt nghiệp trung học phổ thông là 66,45%; đến năm 2000, tỷ lệ này lần lượt là 88,51%, 70,35% và 75%.

Nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên, huyện đã mở 3 lớp đào tạo trình độ đại học cho 167 giáo viên, 3 lớp cao đẳng cho 170 giáo viên, 5 lớp trung cấp cho 245 giáo viên. Năm 2000, tỷ lệ đội ngũ giáo viên mầm non chuẩn hóa là 31,17%, tiểu học là 95%, trung học cơ sở là 65,92%, trung học phổ thông là 97%.

Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ trường học được ngói hóa cấp 4 trở lên tăng từ 71% (năm 1996) lên 86,3% (năm 2000). Đến năm 2000, toàn huyện có 66 phòng học cao tầng. Tuy nhiên, một số xã vẫn chung trường học, nhiều trường không có đủ diện tích theo quy định chung.

Ngành y tế huyện thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh được coi trọng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được chỉ đạo thực hiện ở tất cả các xã. Việc khám chữa bệnh cho nhân dân được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm. Đến năm 2000, các xã, thị trấn đều có trạm y tế với trang thiết bị đầy đủ. Toàn huyện có 359 cán bộ y tế (tăng 147 cán bộ so với năm 1996). Công tác kế hoạch hóa gia đình cũng có những chuyển biến quan trọng: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2000 giảm xuống còn 1,53%.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ chuyển biến tích cực cả về chiều sâu và chiều rộng, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc. Các môn thể thao như bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông... phát triển, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Các xã, thị trấn trong huyện đều có đội văn nghệ quần chúng tham gia biểu diễn nhân các dịp lễ lớn của huyện.

Trong 5 năm (1996 - 2000), toàn huyện đã triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và các chỉ thị, nghị quyết khác như Chỉ thị 27, Nghị định 27, Nghị định 88 của Chính phủ về công tác quản lý văn hóa, dịch vụ văn hóa. Năm 2000, toàn huyện có 100% xã được phủ sóng phát thanh, phủ sóng truyền hình quốc gia, 100% xã có điện thoại đến trung tâm, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến nhân dân.

Ngày 03/5/1995, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Thông tri 04 hướng dẫn triển khai cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"* (sau này đổi tên thành *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII). Cuộc vận động gồm 5 nội dung với phương châm *"Lấy sức dân để chăm lo cuộc sống cho dân"* đã mang lại những hiệu quả thiết thực, thu hút sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội. Quá trình triển khai được thực hiện liên tục, bám sát vào nghị quyết của cấp trên. Đến năm 2000, toàn huyện có 16.012 hộ gia đình đạt danh hiệu *"Gia đình văn hóa"*, 76 làng đạt danh hiệu *"Làng văn hóa"*, 72 cơ quan đạt danh hiệu *"Cơ quan văn hóa"*.

Quán triệt nhiệm vụ an ninh - quốc phòng do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra: *"Từng bước nâng cao tiềm lực quốc phòng và an ninh đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước... ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi hành động tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội"*, đồng thời bám sát Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX về an ninh - quốc phòng, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự địa phương. Trong 2 năm 1996 - 1997, Ban Chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các địa phương tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ do Quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phát động. Tiếp đó, trong 2 năm 1998 - 1999, 7 xã (được chia làm 2 cụm: Cụm 1 gồm 5 xã, cụm 2 gồm 2 xã) và 1 đơn vị dân quân tự vệ được tổ chức diễn tập theo cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị về hoạt động trị an gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện (như làm đường giao thông nông thôn từ Đại Từ đi Phổ Yên, từ Khuôn Ngàn (Phú Xuyên) đi Định Hóa, làm các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.

Trong thời gian này, Ban Chỉ huy quân sự xã Tân Linh⁽¹⁾ được thành lập, 22 đơn vị dân quân tự vệ tiếp tục kiện toàn. Tính đến năm 2000, toàn huyện đã biên chế 32 trung đội cơ động, 259 tiểu đội chiến đấu tại chỗ, 4 trung đội phòng không 12,7 ly, 4 khẩu đội cối 60 ly, 38 tiểu đội và tổ trinh sát, 16 tiểu đội và tổ công binh, 32 tiểu đội và tổ thông tin, 31 tiểu đội và tổ cứu thương.

⁽¹⁾ Do xã Tân Linh được thành lập.

Công tác tuyển quân được chỉ đạo thực hiện tốt, trong 5 năm 1996 - 2000, gọi nhập ngũ 1.152 thanh niên, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Mười lăm năm liền (1986 - 2000), huyện Đại Từ luôn là đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác quân sự địa phương.

Với những thành tích xuất sắc, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động và Thương binh xã hội trao tặng nhiều phần thưởng cao quý, đặc biệt là danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* thời kỳ đổi mới (năm 2000). Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trở thành đơn vị duy nhất trong tỉnh và Quân khu I vinh dự 2 lần đón nhận danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

Là huyện đang trên đà phát triển kinh tế - xã hội, lại có nhiều đầu mối giao thông quan trọng nên tình hình an ninh trật tự ở Đại Từ có nhiều diễn biến phức tạp. Công an huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ban Công an các xã xây dựng tổ an ninh tự quản ở các thôn xóm, đồng thời quản lý chặt chẽ hộ tịch, hộ khẩu. Lực lượng công an cơ sở được củng cố, kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Với mục tiêu tiếp tục đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn 1996 - 2000, Đảng bộ Đại Từ đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Sản xuất nông nghiệp chuyển đổi theo cơ chế quản lý mới, lấy hộ nông dân làm đơn vị kinh tế tự chủ, tốc độ tăng trưởng bình quân trong nông nghiệp đạt 5,9%; thu ngân sách hàng năm đạt 9 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,5%, tỷ lệ hộ

nghèo giảm còn 17,3%; bình quân thu nhập đầu người đạt 3,9 triệu đồng (năm 2000). Các vấn đề an sinh xã hội được chăm lo, tạo niềm tin trong nhân dân về sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền.

Những thành tích trên đã khẳng định vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền huyện trong việc vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên vào hoàn cảnh thực tế của huyện, đồng thời khẳng định tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm phấn đấu của nhân dân trong huyện là những yếu tố quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị.

II. Khơi dậy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện kinh tế, xã hội (2000 - 2005)

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong 2 ngày 23 và 24/11/2000, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Tham dự Đại hội có 155 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 6.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã khái quát chặng đường 15 năm đổi mới, tổng kết công tác nhiệm kỳ 1996 - 2000, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ những kết quả đã đạt được và chưa đạt được trong nhiệm kỳ trước.

Đại hội khẳng định trong 5 năm (1996 - 2000), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cùng tinh thần phấn đấu nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện, các mặt kinh tế - xã hội tiếp tục có chuyển biến; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đảm bảo;

năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên; nhiều chỉ tiêu đạt và vượt nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Đó là những tiền đề cần thiết để nhân dân trong huyện bước vào thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế: Kinh tế tăng trưởng khá song chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm chưa có bước đột phá mới; một số vấn đề xã hội chưa được giải quyết tốt; chất lượng giáo dục chưa vững chắc, công tác xã hội hóa giáo dục chưa sâu rộng; chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân còn nhiều hạn chế; tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nan giải; công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có mặt còn bất cập, việc kiện toàn, đổi mới tổ chức bộ máy từ huyện đến cơ sở còn chậm; công tác kiểm tra của cấp ủy còn thiếu tập trung, kỷ luật chưa nghiêm; chất lượng giám sát của Hội đồng nhân dân trên một số mặt còn yếu; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn nặng về hành chính, tỷ lệ tập hợp hội viên thấp, nhiều hội viên chưa nhiệt tình với công việc chung của tập thể và xã hội.

Mục tiêu tổng quát cho chặng đường phát triển 5 năm (2000 - 2005) được Đại hội đề ra là: *"Tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung cao độ mọi nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, phát triển nông lâm nghiệp và kinh tế đa dạng, toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển các vùng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nâng cao năng lực*

lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước và hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng”.

Ngày 24/11/2000, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí, trong đó đồng chí Hoàng Văn Sinh được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Triệu Minh Thái và đồng chí Nguyễn Văn Tiến được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội cũng bầu 25 đồng chí đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV.

Sau khi Đại hội Đảng bộ các cấp được tổ chức xong, từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tổ chức. Đại hội tổng kết 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1990 - 2000, hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đầu thế kỷ XXI đồng thời thông qua “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)*”.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng soi đường chỉ lối cho hoạt động của Đảng bộ huyện Đại Từ, tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và khối đoàn kết trong nhân dân, là tiền đề thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, từng bước tạo ra chuyển biến mới trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Năm 2001 là năm đầu tiên huyện Đại Từ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần lần thứ XX trong bối cảnh công cuộc đổi mới của đất nước thu được nhiều thành tựu quan trọng. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cơ chế, chính sách, tạo ra động lực để nông dân và những thành phần kinh tế có

điều kiện phát triển. Tỉnh Thái Nguyên cũng dành nhiều quan tâm để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Mặt khác, những kết quả đã đạt được trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XIX và những thuận lợi về điều kiện tự nhiên tiếp tục tạo đà cho huyện đi lên.

Tuy nhiên, huyện Đại Từ vẫn gặp phải một số khó khăn, trở ngại: Là một huyện miền núi, thu nhập bình quân đầu người so với mặt bằng chung của tỉnh còn thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh song chưa bền vững, hiệu quả chưa cao.

1. củng cố và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện

Trong 5 năm (2000 - 2005), Huyện ủy Đại Từ luôn xác định nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phấn đấu xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu trong công cuộc đổi mới của huyện.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Huyện ủy thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết, kết luận⁽¹⁾ của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng; củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng cũng công cuộc đổi mới của đất nước và toàn huyện. Sau khi nghiên cứu, học tập, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của từng cấp cho phù hợp với thực tế. Mặt

⁽¹⁾ Nghị quyết Trung ương 3, Kết luận Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 5, Kết luận Trung ương 6, Nghị quyết Trung ương 7, Nghị quyết Trung ương 9 và Kết luận Trung ương 10 (khóa IX).

trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng thường xuyên phổ biến nghị quyết đến đoàn viên, hội viên; các cơ quan thông tin tích cực tuyên truyền nội dung, nghị quyết dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Những cơ sở làm tốt công tác này như Đảng bộ Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hùng Sơn... Đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong chi bộ, Đảng bộ, đoàn kết thống nhất thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ ở địa phương.

Huyện ủy Đại Từ cũng chú trọng xây dựng, củng cố, kiện toàn các chi bộ, Đảng bộ về tổ chức, đảm bảo mọi lĩnh vực đều có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và coi đó là nhiệm vụ quan trọng để các cơ sở Đảng phấn đấu đạt trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII) về “*Xây dựng, chỉnh đốn Đảng*”, Đảng bộ huyện ra nghị quyết chuyên đề về củng cố tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ, Đảng bộ và đội ngũ đảng viên. Nhờ đó, chất lượng sinh hoạt chi bộ, Đảng bộ, việc quản lý và phân công đảng viên, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực có nhiều tiến bộ. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Năm 2005, toàn Đảng bộ huyện có 80% cơ sở Đảng đạt danh hiệu “*Trong sạch, vững mạnh*”, 99% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, không có cơ sở Đảng yếu kém.

Xác định công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, các chi bộ, Đảng bộ cơ sở đã bám sát nhiệm vụ, đề ra mục tiêu phấn đấu cụ thể, chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, phát hiện những quần chúng ưu tú qua công tác, lao

động và học tập, cử các quần chúng đủ điều kiện đi học lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện. Chỉ trong 3 năm đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ đã kết nạp 1.207 đảng viên mới, nâng tỷ lệ kết nạp lên trên 5%.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Đảng bộ huyện đã chọn và cử 14 đồng chí đi học lớp cao cấp lý luận chính trị tập trung, mở 5 lớp trung cấp và sơ cấp lý luận chính trị tại chức cho 539 cán bộ, 138 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 12.296 lượt cán bộ cơ sở cấp xã.

Hội đồng nhân dân đổi mới phương pháp và nội dung tiếp xúc cử tri, nâng cao chất lượng các kỳ họp. Ủy ban nhân dân thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng và Hội đồng nhân dân. Từ năm 2004, Ủy ban nhân dân thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”⁽¹⁾, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong thời kỳ mới.

Cũng trong năm 2004, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp (2004 - 2009)⁽²⁾ với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt gần 100%. Mặt trận Tổ quốc phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền phổ biến Luật bầu và tổ chức các hội nghị hiệp thương để giới thiệu người ra ứng cử, lấy ý kiến cử tri đóng

⁽¹⁾ Cơ chế “một cửa” là cơ chế giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của một cơ quan hành chính nhà nước, từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước.

⁽²⁾ Thực hiện Nghị quyết số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về “Việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp”. Theo Điều 1 của Nghị định, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp cho đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp khóa sau vào năm 2011.

góp cho ứng cử viên, tuyên truyền vận động và giám sát quá trình bầu cử, đảm bảo đúng kế hoạch, đúng luật. Các xã, thị trấn đều tổ chức bầu cử đúng ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng. Trong kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Đoàn Khắc Hòa giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Tiến giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn về bộ máy, kịp thời tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ năm 2001 đến năm 2005, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung thực hiện Đề án 304 về *"Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở"*; xây dựng kế hoạch phối hợp cùng với các ngành triển khai đến cơ sở, chi hội quán triệt mục tiêu và nội dung Đề án.

Từ đầu năm 2001, Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2001 giữa Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Công an huyện Đại Từ về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện còn triển khai sơ kết 10 năm thực hiện phong trào *"Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc"* (1991 - 2002); triển khai thực hiện các Công văn số 125/CV-MT về việc sơ kết 5 năm thực hiện *"Chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005"*, Công văn số 40, 57/CV-MT về *"Tháng cao điểm phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội"*... Tháng 6/2005, Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư giai"*

đoạn 1995 - 2004". Hội nghị khẳng định thành tích to lớn đạt được trong 10 năm thực hiện cuộc vận động. Đến năm 2005, toàn huyện có 73.099 gia đình văn hóa, 493 khu dân cư tiên tiến, 315 cơ quan văn hóa, 182 làng bản văn hóa.

Hội Cựu chiến binh huyện được kiện toàn thu hút đông đảo hội viên. Đến năm 2005, toàn huyện có 6.311 hội viên. Hội Cựu chiến binh mở than Núi Hồng, Hội Cựu chiến binh xã Minh Tiến, Hội Cựu chiến binh xã Khôi Kỳ... là những đơn vị có tỷ lệ tập hợp hội viên cao. Hội Cựu chiến binh tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc tham gia các lực lượng an ninh cơ sở với 37 hội viên trong Hội là trưởng - phó công an xã, 315 hội viên thuộc các tổ an ninh, 11 hội viên là công an viên, 100 hội viên thuộc tổ hòa giải, 212 hội viên là trưởng xóm.

Các chương trình, phong trào do Trung ương Hội Cựu chiến binh phát động được các cấp hội nhiệt tình hưởng ứng tham gia như phong trào xóa nhà tranh tre dột nát, bảo vệ trật tự an ninh địa phương, ủng hộ công trình cựu chiến binh tại Điện Biên Phủ, giúp đỡ hội viên xóa đói giảm nghèo. Qua khảo sát trong toàn huyện, có 3 cơ sở không có hội viên nghèo là Hội Cựu chiến binh thị trấn Quân Chu, Hội Cựu chiến binh xã Cát Nê và Hội Cựu chiến binh thị trấn Đại Từ. Với những thành tích đã đạt được, Hội Cựu chiến binh huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng cờ thi đua xuất sắc.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, thế hệ trẻ Đại Từ tiếp tục khẳng định vai trò xung kích trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ năm 2001 đến năm 2005, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện thường xuyên giáo dục chính trị và đạo đức lối sống cho thanh niên theo tinh thần Nghị quyết

số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về “Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”. Các phong trào lớn do Trung ương Đoàn phát động như “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thanh niên tình nguyện”... được thanh niên Đại Từ hưởng ứng tham gia. Đoàn Thanh niên huyện còn đi đầu trong các phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, làm tốt công tác tiếp nhận và duy trì hoạt động đoàn viên, thiếu niên từ các nhà trường về sinh hoạt tại địa phương trong dịp hè.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ thể hiện rõ vai trò của tổ chức công đoàn đại diện cho công nhân viên chức lao động và các tổ chức lao động có liên quan. Hàng năm, Liên đoàn tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương đồng thời tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, theo dõi nắm bắt tâm tư nguyện vọng của công nhân viên chức trên địa bàn huyện nhằm kịp thời đề xuất, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về các chế độ chính sách chưa phù hợp. Liên đoàn Lao động huyện liên tục đạt danh hiệu “*Liên đoàn lao động vững mạnh xuất sắc*”, cơ quan văn hóa, nhiều lần được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên khen thưởng.

Những năm 2000 - 2005 là giai đoạn có nhiều đổi mới trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội Phụ nữ và phong trào phụ nữ huyện. Hội Liên hiệp Phụ nữ đã hướng dẫn hội viên thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng*

gia đình hạnh phúc” và 6 chương trình trọng tâm của Hội. Đồng thời, Hội cũng tập trung chỉ đạo các chương trình mũi nhọn như: Thực hiện Đề án 304 về “*Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể*”, “*Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực trình độ mọi mặt của phụ nữ*”; phong trào “*Phụ nữ làm kinh tế giỏi*”, xây dựng quỹ “*Xóa nhà tạm, tranh tre dột nát cho phụ nữ nghèo*”, “*Nhà nghĩa tình hội viên*”; xây dựng gia đình “*No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc*”. Năm 2005, Hội Phụ nữ có 28.000 hội viên tham gia sinh hoạt, 100% cơ sở đều đạt xuất sắc và tiên tiến...

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện còn chủ động phối hợp với lực lượng công an xây dựng “*Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đặc biệt*”, Nghị quyết 09 và luật phòng chống ma túy đến các chi hội cơ sở. Hội tiếp tục duy trì 5 câu lạc bộ đồng cảm ở Hùng Sơn, Yên Lãng với 313 chị em giúp nhau làm kinh tế. Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UB ngày 04/3/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2000 - 2005, đến năm 2005, 100% cơ sở hội ở xã, thị trấn đã xây dựng và triển khai kế hoạch hành động. Trong 5 năm (2000 - 2005), Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã mở 12 lớp tập huấn về sự bình đẳng giới ở các xã Mỹ Sơn, Hùng Sơn, Phúc Linh, Khôi Kỳ, Bình Thuận.

Với những kết quả đạt được trong 5 năm (2000 - 2005), Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ đã nhiều lần được các cấp, các ngành khen thưởng. Năm 2005, Hội được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen vì “*Đã phát huy truyền thống phụ nữ Ba đảm đang có nhiều thành tích trong thời kỳ mới*”.

Sau Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001 - 2006) được tổ chức vào tháng 8/2001, Hội Nông dân tập trung vào 4 chương trình công tác lớn: Xây dựng Hội vững mạnh; tham gia phát triển kinh tế, giúp đỡ nông dân làm kinh tế giỏi, giảm số hộ nghèo; vận động hội viên thực hiện các chính sách xã hội, xây dựng nông thôn mới; vận động hội viên thực hiện và tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Thông qua các hoạt động do Hội tổ chức, hội viên được hưởng nhiều quyền lợi thiết thực, đời sống từng bước được cải thiện và nâng cao. Hội còn thực hiện tốt các vai trò: Tổ chức, giáo dục, vận động hội viên hội nông dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội; tổ chức, mở rộng các hoạt động dịch vụ, nâng cao đời sống cho hội viên, đặc biệt là tín chấp cho hội viên vay phân bón sản xuất (vay phân bón trả chậm).

Hệ thống chính trị huyện Đại Từ giai đoạn 2001 - 2005 nhìn chung có nhiều đổi mới, hướng vào mục tiêu phát huy quyền làm chủ của nhân và việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để ổn định chính trị, xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Vai trò lãnh đạo của Huyện ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền huyện được tăng cường, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện của đất nước, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng. Trong nhiệm kỳ này, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ có thay đổi về mặt nhân

sự: Đầu năm 2003, đồng chí Hoàng Văn Sinh chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Triệu Minh Thái - Phó Bí thư Thường trực được giao quyền Bí thư; đồng chí Đoàn Khắc Hòa - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được điều về làm Phó Bí thư Thường trực. Đến tháng 8/2003, tỉnh điều đồng chí Đặng Văn Ngự - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động và Thương binh xã hội về giữ chức Bí thư Huyện ủy. Tháng 9/2005, đồng chí Đặng Văn Ngự được điều động về tỉnh, đồng chí Đoàn Khắc Hòa - Phó Bí thư Thường trực được giao quyền Bí thư.

Cũng trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, đồng chí Vũ Tuấn Hùng được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh điều về làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện (tháng 10/2002) và được bổ sung vào Ban Thường vụ thay đồng chí Phan Văn Tường đã chuyển về tỉnh.

2. Phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong cơ cấu kinh tế của huyện Đại Từ tính đến năm 2001, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Cây chè tiếp tục là cây kinh tế mũi nhọn, tạo ra sản phẩm hàng hóa vừa xuất khẩu, vừa tiêu thụ nội địa. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra đúng hướng từ những giai đoạn trước, trong đó tỷ trọng sản xuất công nghiệp và dịch vụ có hướng tăng dần, tạo sức bật cho việc phát triển kinh tế giai đoạn này.

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế trong 5 năm 2000 - 2005 được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra: Mức tăng trưởng kinh tế bình quân tăng 8 - 10%/năm, trong đó giá trị công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 18 - 20%/năm; tổng sản lượng lương thực có hạt đến

năm 2005 đạt 65.000 tấn; mở rộng diện tích chè tới 5.000ha, trong đó diện tích chè kinh doanh là 4.500ha; sản lượng chè búp tươi đến năm 2005 đạt 30.000 - 35.000 tấn; diện tích cây ăn quả hàng năm là 2.000 - 2.200ha.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, cán bộ, đảng viên và nhân dân Đại Từ quyết tâm thực hiện các mục tiêu trên. Đến năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện tăng lên 9,1%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, cụ thể: Tỷ trọng nông nghiệp chiếm 36,94%, công nghiệp chiếm 31,98%, dịch vụ chiếm 31,08%. Dịch vụ ngân hàng phát triển khá, tổng nguồn vốn huy động đạt 132 tỷ đồng, tăng 277,1% so với năm 2000.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, tập trung vào xây dựng vùng sản xuất chuyên canh. Từ năm 2000 đến năm 2005, huyện đã đưa các giống lúa mới cho năng suất cao vào gieo trồng trên 90% diện tích, hệ số canh tác đất tăng lên 2,5 lần. Cơ khí hóa được triển khai rộng rãi. Việc tổ chức, phân công lao động ngày càng hợp lý hơn.

Năm 2001 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ về sản xuất nông nghiệp nhưng toàn huyện lại chịu ảnh hưởng của cơn bão số 2 và số 4. Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ cho huyện 850 triệu đồng để khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra. Đến tháng 7 và tháng 8/2001, toàn huyện có khoảng 4.800ha lúa bị nhiễm dịch sâu cuốn lá. Phòng Nông nghiệp huyện đã kịp thời chỉ đạo các xã đẩy mạnh công tác phun thuốc trừ sâu song song với làm thủy lợi. Trong công tác thủy lợi, năm 2001, huyện đã cứng hóa được 80km kênh mương,

xây dựng trạm bơm ở các xã Minh Tiến, Cù Vân, Phú Cường, Lục Ba; cải tạo và xây mới hồ đập ở các xã An Khánh, Bình Thuận, Văn Yên, Phú Thịnh, Đức Lương, Phúc Lương... Với quyết tâm lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể nhân dân, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển. Tổng sản lượng lương thực năm 2001 đạt 59.475 tấn, năng suất lúa đạt 4,9 tấn/ha. Đến năm 2005, tổng sản lượng lương thực đạt trên 68.800 tấn (tăng 3.800 tấn so với Nghị quyết Đại hội đề ra), trong đó sản lượng cây màu vụ đông (đặc biệt là cây ngô) chiếm trên 10% tổng sản lượng lương thực; bình quân lương thực đầu người đạt 415kg.

Huyện ủy chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của cây chè, góp phần xóa đói giảm nghèo. Năm 2001, tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng và thực hiện "*Đề án phát triển chè tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005*". Huyện ủy chỉ đạo quy hoạch vùng chuyên canh chè, từng bước đưa các giống chè mới có chất lượng và năng suất cao như Bát Tiên, Phúc Vân Tiên... thay thế chè trung du lá nhỏ; có những chính sách phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất chè. Nhân dân tiếp tục học tập các kinh nghiệm canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh, chế biến chè... Nhờ vậy, huyện đã hình thành nhiều vùng chuyên canh có sản phẩm chè đặc sản thơm ngon nổi tiếng trong và ngoài tỉnh như: Chè La Bằng, Hoàng Nông, Hùng Sơn, Quân Chu... Theo thống kê, Đại Từ là huyện tập trung trồng nhiều chè nhất tỉnh. Diện tích trồng chè toàn huyện năm 2004 là 4.721ha. Do tập trung canh tác các giống chè mới cho năng suất cao nên

sản lượng chè tăng đáng kể: Năm 2004, sản lượng chè toàn huyện đạt 35.921 tấn⁽¹⁾.

Các chương trình trồng rừng như “Chương trình 327”, “Dự án 661” tiếp tục được triển khai sâu rộng đến các xã trong huyện. Cùng với diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng đã góp phần chống xói mòn, cung cấp nguồn lâm sản, tạo môi trường sống trong lành. Tính chung trong giai đoạn 2001 - 2005, huyện trồng mới được 1.848ha, nâng độ che phủ lên 44%. Các xã tiến hành rà soát, thống kê diện tích đất vườn đồi, xác định chất đất phù hợp để từ đó, tiến hành quy hoạch lại diện tích trồng cây ăn quả. Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn huyện đã trồng mới 385ha, nâng tổng số diện tích cây ăn quả lên 2.293ha. Các cây trồng chủ yếu là: Vải, nhãn, cam, dứa...

Chăn nuôi dần trở thành ngành sản xuất hàng hóa, đem lại thu nhập cao cho nông dân. Năm 2005, đàn bò tăng lên 2.500 con, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra; đàn lợn vượt 35% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Diện tích nuôi trồng thủy sản bình quân tăng 4%/năm, sản lượng cá thịt tăng gần 10%/năm. Nhiều mô hình chăn nuôi mới có hiệu quả kinh tế cao được nhân rộng. Công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm thực hiện tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

Trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư, phát huy tính chủ

⁽¹⁾ Phòng Trồng trọt - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Chuyên đề một số giải pháp phát triển sản xuất chè ở tỉnh Thái Nguyên.

động của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Số cơ sở sản xuất tăng lên nhanh chóng: Năm 2000, toàn huyện có 1.650 cơ sở thu hút 2.597 lao động; năm 2005 có 1.851 cơ sở, thu hút 4.288 lao động tham gia.

Năm 2004, Đảng bộ huyện Đại Từ xây dựng “*Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2004 - 2010*” nhằm đẩy mạnh công tác quy hoạch, định hướng phát triển theo lợi thế từng vùng; quy hoạch vùng nguyên liệu, mở mang các ngành nghề mới. Các ngành nghề khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn (50%). Đến cuối năm 2005, toàn huyện có 10 doanh nghiệp chế biến chè (gồm doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân), mỗi năm tiêu thụ khoảng 60% sản lượng búp chè tươi toàn huyện.

Một số làng nghề mới được hình thành như làng nghề mây tre đan (xã Khôi Kỳ), làng nghề sản xuất gạch xã Phục Linh, xã Yên Lãng. Các khu công nghiệp đóng trên địa bàn từng bước đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2005 là 61,2 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp đạt 14,95%.

Tuy nhiên, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Sản xuất mang tính tự phát; chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng; phân bố ngành nghề không đồng đều, chưa khai thác được một số xã có tiềm năng.

Các hoạt động dịch vụ cũng chuyển biến tích cực: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến năm 2005 đạt 386 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 11%/năm, tăng nhanh nhất là dịch vụ vận tải và bưu chính viễn thông. Đến năm 2005, toàn huyện thành lập được 32 hợp tác xã dịch vụ điện, nước và vệ sinh môi trường. Dịch vụ ngân hàng cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện. Tổng nguồn vốn huy động năm 2005 đạt 132 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 106 tỷ đồng. Thu ngân sách bình quân của huyện tăng 8,6%.

Qua những kết quả trên có thể khẳng định, trong 5 năm (2000 - 2005), Đảng bộ và nhân dân Đại Từ đã thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế đề ra. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới, an sinh xã hội từng bước được bảo đảm. Mặc dù vậy, nền kinh tế địa phương vẫn còn hạn chế, hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nội tại, chưa đủ sức thu hút các nguồn đầu tư...

3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng

Một trong những nội dung được nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ nhấn mạnh, thể hiện sự quan tâm trong lãnh đạo của Huyện ủy là công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển văn hóa - xã hội. Mặc dù trong giai đoạn 1996 - 2000, huyện đã có nhiều đầu tư và ưu tiên đối với công tác này, có nhiều thay đổi theo hướng tích cực nhưng cơ bản vẫn còn chậm so với yêu cầu của thời kỳ mới, tỷ lệ hộ nghèo ở một số xã còn cao.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ huyện đề ra các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội đến năm 2005 như sau: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,2%; tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 5%. Về giáo dục, phấn đấu 100% số xã có trường mầm non, ngôi nhà 100% nhà trẻ mẫu giáo, 17 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, phổ cập trung học cơ sở. Về văn hóa, 50% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 30% làng, xã đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3,91 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 30%, giải quyết việc làm cho 75% lao động trong huyện.

Năm 2000, 12 xã của Đại Từ có tỷ lệ hộ nghèo 10 - 20%, 19 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%, số hộ nghèo toàn huyện là 3.368 hộ (17,3%). Từ thực trạng trên, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã xác định cần tiếp tục coi chương trình xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách vừa có tính lâu dài của tất cả các cấp, các ngành, đoàn thể. Quán triệt chủ trương của Huyện ủy, Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện xây dựng kế phù hợp với từng địa phương. Nội dung các chương trình tập trung vào việc giải quyết việc làm, hỗ trợ khuyến nông, xây dựng các trang trại, hỗ trợ giống, cây trồng, vật tư.

Ủy ban nhân dân huyện đẩy mạnh tổ chức đào tạo dạy nghề và tư vấn giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho người lao động; khuyến khích các doanh nghiệp, gia đình, cơ sở nhỏ mở rộng sản xuất để tạo thêm việc làm mới cho người lao động; đồng thời tạo điều kiện giải ngân các dự án cho vay vốn hỗ trợ việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Năm 2003, trung tâm dạy nghề huyện được thành lập, đáp ứng yêu cầu học nghề của lao động trên địa bàn. Với những biện pháp tích cực trên, sau 3 năm (2001 - 2003), toàn huyện đã có 3.900

lao động được tạo việc làm mới, trong đó có 1.700 lao động được giới thiệu đi làm việc ngoài tỉnh.

Song song với việc giải quyết việc làm, Ủy ban nhân dân huyện cũng triển khai các dự án cho người nghèo vay vốn ưu đãi. Trong 3 năm (2001 - 2003), huyện đã giải ngân 2,9 tỷ đồng cho 991 hộ gia đình, cho hộ nghèo vay 16,8 tỷ đồng.

Thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 135/1998/QĐ-Ttg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2005, huyện Đại Từ có 10 xã được hưởng vốn đầu tư theo Chương trình 135. Được sự đầu tư từ Chương trình 135, trong 5 năm (2000 - 2005), huyện Đại Từ sửa chữa, nâng cấp, làm mới trên 500km đường giao thông nông thôn, trong đó có trên 30km được rải nhựa và bê tông hóa; sửa chữa, xây mới trên 300 cầu cống các loại, 40 đập, hồ thủy lợi, xây dựng 283 kênh mương; sửa chữa hơn 300 phòng học, nâng tỷ lệ phòng học bán kiên cố và kiên cố lên trên 95%; xây mới 25 điểm bưu điện văn hóa xã, 141 nhà văn hóa (nâng tỷ lệ số xóm có nhà văn hóa lên 66% năm 2005), 199 cụm loa truyền thanh cơ sở.

Đảng bộ huyện cũng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm lo giúp đỡ các gia đình chính sách, người có công. Phong trào phát triển sâu rộng, thu hút nhiều người tham gia với tinh thần và trách nhiệm cao nhất. Chỉ tính riêng năm 2001, toàn huyện xây mới 5 nhà tình nghĩa trị giá trên 70 triệu đồng, chi trả tiền trợ cấp cho 2.724 đối tượng hoạt động kháng chiến theo Nghị định số 47/2000/NĐ-CP (ngày 12/9/1990) của Chính

phủ về “Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sỹ và gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng”. Đồng thời, nhân dân trong huyện đã quyên góp 79 triệu đồng đóng góp cho Quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, hơn 50 triệu đồng đóng góp vào Quỹ tình nghĩa, trợ cấp cho 252 trường hợp có hoàn cảnh khó khăn...

Thực hiện “Dự án phát triển giáo dục tiểu học cơ sở” do tỉnh Thái Nguyên đầu tư, từ năm 2001 đến năm 2005, cơ sở vật chất của trường lớp được đầu tư khang trang, sạch đẹp, 156 phòng học ở 29 xã được xây dựng mới.

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm đúng mức, các hoạt động khuyến học, khuyến tài diễn ra sôi nổi. Hệ thống trường lớp, các cấp học, ngành học phát triển và mở rộng theo phương châm đa dạng hóa các loại hình giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em trong huyện. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên. Năm học 2004 - 2005, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở bậc tiểu học tăng 6,5%, bậc trung học cơ sở tăng 2,2%, bậc trung học phổ thông tăng 12% (so với năm học 2001 - 2002). Năm 2005, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 99,6%, trung học cơ sở đạt 96%, trung học phổ thông đạt 98,3%.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Phòng Y tế huyện triển khai đồng bộ các chương trình y tế quốc gia, không để dịch bệnh xảy ra, đồng thời duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh cả 2 tuyến huyện và xã; triển khai kế hoạch kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Phòng y tế cũng đã chủ động chỉ đạo triển khai chiến dịch

“Tăng cường đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình” đến các xã, thị trấn. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên các chỉ tiêu đề ra trong chiến dịch đều hoàn thành. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được các cấp, các ngành chỉ đạo quan tâm thông qua hoạt động tích cực như: Phát động tháng hành động *“Vì trẻ em”*, vận động quỹ bảo trợ trẻ em thu được 40 triệu đồng (năm 2001).

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, xóm văn hóa, cơ quan văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh. Việc khôi phục và phát huy những phong tục, truyền thống tốt đẹp được quan tâm đi liền với xây dựng nếp sống văn hóa mới, hiện đại. Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì *“Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*, Huyện ủy Đại Từ đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/HU về *“Đẩy mạnh nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”*, đồng thời ra Nghị quyết tiếp tục đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*. Năm 2003, toàn huyện có 22.774 gia đình đạt danh hiệu *“Gia đình văn hóa”*, 306 khu dân cư đạt danh hiệu *“Khu dân cư tiên tiến”*, 150 cơ quan đạt danh hiệu *“Cơ quan văn hóa”*.

Năm 2001, 5 xã Phú Thịnh, Phú Cường, Minh Tiến, Phú Lạc, Mỹ Yên được tỉnh Thái Nguyên đầu tư xây dựng đường điện theo Chương trình *“Dự án năng lượng điện nông thôn”*. Ngoài 5 xã nằm trong Dự án, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo tiếp tục xây dựng đường điện 0,4 KV ở các xã Hoàng Nông, Na Mao, Ký Phú. Cũng trong năm 2001, huyện

xây dựng đường điện chiếu sáng đô thị ở thị trấn Đại Từ với tổng số vốn là 830 triệu đồng.

Huyện ủy đặc biệt coi trọng nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Năm 2001, Huyện đã thực hiện tốt chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, phát huy sức mạnh tổng hợp để phòng ngừa đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng. Trước tình hình tệ nạn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là tệ nạn ma túy, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, công an huyện tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đối tượng nghiện hút đến trung tâm cai nghiện đồng thời tăng cường triệt phá các tụ điểm buôn bán ma túy..., từng bước ngăn chặn tệ nạn ma túy trên địa bàn. Ngoài ra, lực lượng công an huyện còn chủ động xây dựng kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng bộ huyện, các ngày lễ lớn trong năm; làm tốt công tác kiểm soát về trật tự an toàn giao thông, bước đầu hạn chế tình trạng tai nạn giao thông đang gia tăng trên địa bàn.

Hoạt động của các cơ quan nội chính có chuyển biến tích cực. Các mặt từ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chứng thực các loại văn bản, tiếp dân cũng như giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đến công tác kiểm sát, xét xử, thi hành án... được tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng pháp luật góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tuyển chọn 1.107 thanh niên nhập ngũ, đảm bảo chất lượng và hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao. Chế độ trực ban, trực chiến được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và ứng phó với mọi tình huống xảy ra. Lực lượng dân quân tự vệ huyện đã kết hợp chặt chẽ giữa xây

dựng và củng cố lực lượng vũ trang, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh. Với những kết quả đạt được, năm 2003, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được Bộ Quốc phòng tặng bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phòng thủ khu vực phía Bắc.

Những kết quả đạt được trên nhiều lĩnh vực đã chứng minh vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đại Từ. Riêng đối với lĩnh vực kinh tế, đa số các chỉ tiêu do Đảng bộ đề ra đều được thực hiện đầy đủ với kết quả hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức, góp phần làm cho diện mạo nông thôn Đại Từ có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được tiếp tục cải thiện.

CHƯƠNG X

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ LÃNH ĐẠO PHÁT HUY SỨC MẠNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (2005 - 2015)

Sau gần 20 năm đổi mới, diện mạo kinh tế - xã hội của nước ta đã có những chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại hóa. Chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, do tác động của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và những hạn chế vốn có của một quốc gia đang phát triển, nước ta vẫn gặp phải không ít thách thức trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng với thế giới.

Trong dòng chảy của đất nước, sau 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, phát huy tiềm năng sẵn có, nền kinh tế - xã hội huyện Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đáng chú ý là sự chuyển dịch bước đầu trong cơ cấu kinh tế với sự tăng dần tỷ trọng của tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Cơ sở hạ tầng không ngừng được củng cố, xây dựng; văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư; an ninh - quốc phòng được giữ vững. Đời sống của nhân dân Đại Từ cơ bản được nâng lên.

Bên cạnh những thuận lợi và thành tựu đã đạt được, trong quá trình vận động phát triển, huyện Đại Từ vẫn gặp phải

nhieu khó khăn, hạn chế. Trước hết, mặt bằng kinh tế - xã hội của huyện vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Ở các xã vùng sâu, vùng xa của huyện, cơ sở hạ tầng chưa phát triển, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nghèo...

Trước thực trạng trên, việc lựa chọn hướng phát triển phù hợp cho nền kinh tế - xã hội để phát huy cao độ những thế mạnh, tiềm năng sẵn có, đồng thời khắc phục khó khăn chính là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện trong giai đoạn tiếp theo.

I. Thu hút nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh xây dựng huyện Đại Từ theo hướng phát triển nhanh và bền vững (2005 - 2010).

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, từ ngày 21 đến ngày 22/10/2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010) được tổ chức với sự tham dự của 197 đại biểu chính thức. Đại hội đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, trong đó khẳng định các mục tiêu đề ra đều cơ bản hoàn thành, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt mức kế hoạch.

Sau khi chỉ ra những hạn chế ở nhiều mặt, phân tích nguyên nhân và những thuận lợi, khó khăn của huyện, Đại hội đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 với mục tiêu tổng quát là: *“Đoàn kết - đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân với mục tiêu đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người*



Khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Đại Từ



Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Đại Từ



Một góc huyện Đại Từ đang trên chặng đường đổi mới và phát triển
(ảnh chụp năm 2014)



Trường Trung học phổ thông Đại Từ (ảnh chụp năm 2015)



Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ là một trong những đơn vị đứng đầu trong các bệnh viện tuyến huyện của tỉnh Thái Nguyên (ảnh chụp năm 2015)



Cầu trên Quốc lộ 37 (trước kia là đường 13A), Quốc lộ 37 là tuyến giao thông huyết mạch qua huyện Đại Từ



Tỉnh lộ 261 bắt đầu từ thị trấn Ba Hàng (huyện Phổ Yên) chạy qua nhiều xã của huyện Đại Từ

đạt trên 9 triệu đồng”⁽¹⁾. Đại hội cũng thảo luận, cụ thể hóa và làm rõ thêm một số giải pháp, chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hoạt động của chính quyền, đoàn thể nhân dân.

Đại hội đã bầu 35 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XVII. Tại Hội nghị lần thứ nhất tổ chức ngày 22/10/2005, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Đoàn Khắc Hòa được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trương Thị Huệ và đồng chí Nguyễn Hải Đường được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Nhiệm vụ đặt ra trong 5 năm (2005 - 2010) rất nặng nề đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân phải quyết tâm, phấn đấu không ngừng. Trước tình hình đó, nâng cao năng lực của hệ thống chính trị, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng Đảng càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

1. Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, củng cố hệ thống chính quyền và các đoàn thể vững mạnh

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2005 - 2010 là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Từ cuối năm 2006, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí". Việc triển khai Nghị quyết được gắn với việc thực hiện cuộc vận động "*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*". Huyện thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, chánh thanh tra huyện làm Phó ban thường trực và thành viên gồm trưởng các ban ngành, đoàn thể. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, chỉ đạo phòng ngừa đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Song song với đó, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đội ngũ đảng viên nêu gương về đạo đức, lối sống, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh tự học, tự rèn, chống suy thoái đạo đức, lối sống. Đài truyền thanh - truyền hình huyện tổ chức đưa tin, bài trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; cơ quan thanh tra huyện mở lớp học tập "*Luật phòng, chống tham nhũng*", "*Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*" cho đại biểu các xã, thị trấn. Từ năm 2007 đến năm 2009, Huyện ủy chỉ đạo cơ quan chuyên môn phát hành 45 đầu sách giới thiệu "*Luật phòng, chống tham nhũng, lãng phí*" tới các đơn vị trong toàn huyện để các cơ quan có nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ trong việc phòng, chống tham nhũng.

Để phát huy tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức Đảng và đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, Huyện ủy quán triệt các cơ sở đưa nội dung này vào sinh hoạt chi bộ, Đảng bộ, thường xuyên giáo dục đảng viên đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng; đồng thời nắm chắc tình hình tư tưởng, quan hệ xã hội của đảng viên để kịp thời phát

hiện, xử lý khi có dấu hiệu vi phạm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện có trọng tâm, tiết kiệm, không tràn lan; các cơ quan, đơn vị có quy chế làm việc hợp lý, phát động phong trào *“8 tiếng làm việc có chất lượng”*. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch. Huyện ủy cũng chỉ đạo nghiêm một số cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội đảm bảo không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, đặc biệt là về vấn đề sử dụng, quản lý đất đai, công sở, tài nguyên thiên nhiên, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản... Hàng năm, huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm...

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) đã được tổ chức, quán triệt nghiêm túc, đầy đủ, giúp nhận thức về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, đảng viên và nhân dân chuyển biến tích cực. Công tác thanh tra được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh tạo cơ sở hành lang pháp lý cho việc phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai cuộc vận động trong toàn Đảng bộ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, các xã, thị trấn, các ban ngành, đoàn thể đều tổ chức học tập và đưa cuộc vận động vào thực tiễn phù hợp với từng cơ sở, đơn vị.

Các đoàn thể chính trị huyện triển khai cuộc vận động bằng nhiều hình thức như tuyên truyền qua hệ thống loa đài, các buổi nói chuyện, tổ chức sinh hoạt văn hóa văn nghệ, có

kiểm tra, đánh giá chất lượng thông qua viết bài thu hoạch, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình làm theo tấm gương Bác Hồ.

Công an huyện tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”. Ban Chỉ huy quân sự huyện đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với thực hiện hiệu quả phong trào thi đua quyết thắng, đột phá và nâng cao chất lượng huấn luyện, tạo chuyển biến trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật...

Các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc đã tích cực tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, các chuyên đề của tư tưởng Hồ Chí Minh như “*Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*”, “*Sửa đổi lề lối làm việc*”, “*Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*”, “*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*”, “*Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh*”. Đơn vị tiêu biểu nhất thực hiện hiệu quả cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” là Đảng bộ xã Phú Cường. Đây là đơn vị điển hình của tỉnh có phong trào toàn dân lập bàn thờ Bác, được Tỉnh ủy Thái Nguyên tặng Bằng khen. Tháng 11/2010, tại Hội nghị tổng kết toàn quốc về thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, Bí thư Đảng ủy xã Phú Cường vinh dự được báo cáo thành tích và được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, công tác tổ chức cán bộ được xác định là giải pháp đột phá, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trọng tâm, do vậy việc quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ có nhiều đổi mới. Huyện ủy thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, cử 25 đồng chí đi học lớp cao cấp lý luận chính trị, mở 208 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 19.102 học viên, 2 lớp trung cấp và 7 lớp sơ cấp lý luận chính trị; đặc biệt, chủ động phối hợp mở 1 lớp cao đẳng kinh tế, 3 lớp trung cấp nông lâm tại huyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ cơ sở. Đến năm 2010, cơ bản cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý có trình độ trung cấp lý luận chính trị, 100% các chức danh chuyên môn ở cơ sở được chuẩn hóa.

Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã luân chuyển 2 cán bộ huyện về đảm nhiệm chức danh chủ chốt tại cơ sở, 1 cán bộ chủ chốt cơ sở lên công tác tại huyện. Các vị trí chủ chốt trong Ban Thường vụ Huyện ủy cũng thay đổi: Tháng 7/2008, đồng chí Đoàn Khắc Hòa chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Trương Thị Huệ - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân được cử giữ chức Bí thư. Cuối năm 2008, đồng chí Nguyễn Hải Đường - Phó Bí thư Thường trực được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đầu năm 2009, đồng chí Nguyễn Văn Mậu - Ủy viên Ban Thường vụ được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công Thường trực Đảng. Tháng 8/2009, đồng chí Phạm Duy Hùng - Phó ban Tổ chức được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ thay đồng chí Dương Trung Việt nghỉ hưu và được phân công làm Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy.

Thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 20/5/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *"Thực hiện thí điểm bí thư cấp*

ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” và Kế hoạch số 72-KH/TU về “Thực hiện thí điểm chủ trương Đại hội Đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư”, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức quán triệt tới 31 Đảng bộ xã, thị trấn trong toàn huyện để các đơn vị nắm chắc yêu cầu, nội dung, phạm vi đối tượng của việc thực hiện thí điểm. Huyện ủy quyết định chọn xã Đức Lương làm thí điểm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tháng 10/2009, đồng chí bí thư được Hội đồng nhân dân xã bầu giữ chức chủ tịch Ủy ban nhân dân. Do khối lượng công việc nhiều trong khi trình độ quản lý, điều hành của đồng chí bí thư - chủ tịch Ủy ban nhân dân vẫn còn hạn chế nên chỉ duy trì được công tác kiêm nhiệm từ năm 2009 đến năm 2011.

Nhằm rút kinh nghiệm mở rộng dân chủ bầu cử trong Đảng, phát huy quyền dân chủ trực tiếp của đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy họp và thống nhất lựa chọn Đảng bộ xã Vạn Thọ và Đảng bộ xã La Bằng thí điểm chủ trương bầu trực tiếp ban thường vụ, bí thư và phó bí thư tại đại hội nhiệm kỳ 2010 - 2015 theo tinh thần Kế hoạch số 72-KH/TU. Các xã được chọn thí điểm đều triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đề ra theo hướng dẫn của huyện, đảm bảo phát huy cao tính dân chủ. Tháng 01/2010, Đại hội Đảng bộ xã La Bằng được tổ chức, việc bầu trực tiếp ban thường vụ, bí thư và phó bí thư diễn ra thành công, kết quả bầu đảm bảo đủ tiêu chuẩn, số lượng và theo quy hoạch cán bộ. Tại Đại hội Đảng bộ xã Vạn Thọ (tháng 02/2010), do chuẩn bị chưa kỹ lưỡng, công tác nhân sự chưa tốt nên dẫn tới khó khăn trong bầu cử trực tiếp, nhân sự dự kiến bầu bí thư không trúng cử.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng nhiều kế hoạch, giải pháp về công tác phát triển Đảng. Với phương châm *“lấy xây dựng Đảng làm then chốt”*, các chi bộ, Đảng bộ cơ sở đều xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trong công tác phát triển Đảng. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 26-KH/HU (ngày 30/01/2007) về *“Công tác xóa xóm trắng đảng viên”*; Chỉ thị số 06-CT/HU (ngày 21/02/2008) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển đảng viên”*... Huyện ủy đã tập trung rà soát, đánh giá thực trạng các xóm trắng đảng viên, các xóm, trường học chưa có chi bộ để lãnh đạo thực hiện được tốt hơn.

Các Đảng bộ, chi bộ làm tốt công tác phát triển Đảng như: Đảng bộ xã Bản Ngoại, Đảng bộ thị trấn Quân Chu, Đảng bộ xã Mỹ Yên, Đảng bộ xã Hùng Sơn, Đảng bộ xã Phú Cường, Đảng bộ xã Phú Xuyên, Đảng bộ Xí nghiệp than Núi Hồng, Chi bộ trường Trung học Phổ thông Đại Từ, Chi bộ trung tâm y tế, Chi bộ Tài chính, Chi bộ trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội... Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, huyện đã xóa được 4/7 xóm trắng đảng viên; thành lập 66 chi bộ ở 110 xóm, trường học, trạm y tế trước đây chưa có chi bộ; kết nạp 1.091 đảng viên (đạt 71,3% so với Nghị quyết).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển Đảng của Đảng bộ huyện Đại Từ còn bộc lộ một số hạn chế: Một số cơ sở Đảng chưa quan tâm đúng mức tới nhiệm vụ phát triển đảng viên, công tác tạo nguồn kết nạp Đảng ở cơ sở chưa đạt yêu cầu, thiếu các nhân tố tích cực làm nguồn phát triển Đảng, công tác tham gia xây dựng Đảng của nhiều

đoàn thể còn yếu; một số xóm chưa có chi bộ lãnh đạo, có chi bộ nhiều năm không kết nạp được đảng viên như Chi bộ An Thái xã Quân Chu... Đến năm 2010, huyện còn 3 xóm trắng đảng viên, 16 trạm y tế chưa có chi bộ lãnh đạo.

Huyện ủy còn tổ chức tốt việc nghiên cứu quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), Đề án số 05-ĐA/TU của Tỉnh ủy về *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn"* cũng như các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Huyện ủy tổ chức kiểm tra, giám sát toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho cấp ủy viên và ủy viên Ủy ban kiểm tra cơ sở, chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ cuộc kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Từ năm 2005 đến năm 2010, Huyện ủy đã tổ chức 11 cuộc kiểm tra, 5 cuộc giám sát chuyên đề về một số nội dung như việc thực hiện quy chế làm việc, công tác quy hoạch dân cư, thực hiện kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công tác cải cách hành chính... và thực hiện tốt 18 cuộc kiểm tra của Đảng ủy cấp trên. Sau kiểm tra, cấp ủy đều có kết luận cụ thể, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung đã kết luận; giúp cơ sở khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; giữ nghiêm kỷ luật Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

Công tác tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh, chất lượng sinh hoạt Đảng có chuyển biến tích cực, nhất là trong các chi bộ Đảng nông thôn. Bình quân hàng năm có trên 80%

tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém; trên 90% đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, nâng cao chất lượng công tác dân vận từ huyện đến cơ sở, chú trọng phát huy vai trò của Ban Dân vận Huyện ủy và khối dân vận các xã, thị trấn trong việc tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 05/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về *“Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn”*, Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa IX) ngày 12/3/2003 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, công tác tôn giáo, dân tộc...

Ban Dân vận đã tích cực tham mưu cho Huyện ủy chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nội dung, phương hướng hoạt động của hệ thống dân vận từ huyện xuống xã có sự đổi mới với phương châm hướng về cơ sở, tích cực tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng ảnh hưởng của các dự án.

Trong công tác xây dựng chính quyền, các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII (năm 2007) đảm bảo dân chủ và đúng luật; tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa X) về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy quản lý Nhà nước...

Trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, việc quyết định, ban hành nghị quyết đã phát huy được trí tuệ tập thể, thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hội đồng nhân dân huyện chủ động đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp thu kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; đặc biệt chú trọng giải quyết các ý kiến kiến nghị của cử tri, ý kiến phản ánh của đại biểu tại các kỳ họp.

Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sắp xếp các phòng ban chuyên môn trực thuộc theo Nghị định 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ (sau khi sắp xếp, kiện toàn, có 13 phòng, ban chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp). Các đề án, chương trình công tác đều bám sát các chủ trương, nghị quyết của Đảng, cơ bản đã lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm để tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc phân cấp quản lý đã tạo sự chủ động cho các cấp, các ngành thực hiện hiệu quả một số lĩnh vực như quản lý tài nguyên, tài chính ngân sách...

Công tác cải cách hành chính tập trung vào các nội dung: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính, trong đó tập trung mạnh vào việc cải cách thể chế.

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính Nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng quy

phạm pháp luật thống nhất thực hiện trên địa bàn huyện. Từ năm 2006 đến năm 2010, các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân ban hành 3.522 văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực.

Bộ máy quản lý hành chính từ huyện đến cơ sở được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hợp lý nên hiệu quả quản lý hành chính, chất lượng giải quyết công việc nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có thái độ nhiệt tình, trách nhiệm với công việc. Các biện pháp cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế “một cửa” đã giúp người dân, các tổ chức giao dịch, công tác thuận lợi, nhanh chóng...

Tuy nhiên, hiệu lực điều hành và hiệu quả giải quyết công việc của chính quyền trên một số lĩnh vực chưa cao. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, vật tư sản xuất nông nghiệp, tài nguyên khoáng sản còn hạn chế. An ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ; nhiều tai nạn, tệ nạn chưa được ngăn chặn hiệu quả. Công tác cải cách hành chính có nhiều cố gắng song còn chậm. Chính quyền ở một số cơ sở chậm đổi mới về phương thức lãnh đạo, điều hành; chỉ đạo dàn trải, thiếu trọng tâm và chưa đề ra được giải pháp mang tính đột phá. Công tác tham mưu triển khai thực hiện, đánh giá, sơ kết, tổng kết còn hạn chế.

Xác định công tác vận động quần chúng là vấn đề chiến lược, là nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên và lâu dài của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, Huyện ủy đã quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Trung ương về công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết 8B của

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) và Đề án số 01/ĐÁ-TU (ngày 16/6/2006) của Tỉnh ủy Thái Nguyên về *"Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 2006 - 2010"* tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thường xuyên được kiện toàn; tích cực đổi mới công tác cán bộ, nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia các tổ chức ngày càng tăng, một số đoàn thể đạt tỷ lệ tập hợp cao như Hội Liên hiệp Phụ nữ (84,6%), Hội Cựu chiến binh (trên 70%)...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trong giai đoạn này đã đẩy mạnh các cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*, *"Ngày vì người nghèo"*, vận động nhân dân hưởng ứng phong trào *"Đền ơn đáp nghĩa"*; phối hợp với Hội Chữ thập đỏ và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ quyên góp trên 6.000 bộ quần áo, hàng nghìn quyển sách, vở và 60 triệu đồng ủng hộ nhân dân huyện Nghi Sơn (Hà Tĩnh) bị lũ lụt (năm 2010).

Thực hiện Kế hoạch số 83/KH-TU (ngày 08/9/2009) của Tỉnh ủy và Hướng dẫn số 72/HD-MT (ngày 03/11/2009) của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về hướng dẫn và tổ chức thực hiện cuộc vận động *"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai tới Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, các ban ngành đoàn thể trên địa bàn. Công tác thông tin tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh, giúp người

dân nhận thức đúng chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ hàng Việt Nam, ưu tiên dùng hàng Việt Nam khi tiêu dùng cá nhân, coi đó là biểu hiện của lòng yêu nước, nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng.

Trong 5 năm (2005 - 2010), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đã phát huy tính sáng tạo, chủ động, khơi dậy tinh thần xung kích tạo nên diện mạo mới cho phong trào thanh niên trong thời kỳ hội nhập. Ngoài việc phổ biến *"Luật Thanh niên"*, *"Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2005 - 2010"*, Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, Đoàn Thanh niên huyện còn triển khai các hoạt động như *"Du khảo về nguồn"*, *"Uống nước nhớ nguồn"*, gặp mặt các vị tiền bối cách mạng...

Những cuộc vận động do Trung ương Đoàn phát động như *"Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác"*, *"Tiếp lửa truyền thống mãi mãi tuổi hai mươi"*, *"Âm vang Điện Biên"*... đã thu hút trên 85.000 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia. Đoàn Thanh niên huyện tiếp tục duy trì hoạt động của 31 đội thanh niên xung kích, 5 đội thanh niên tuyên truyền về an toàn giao thông, 5 câu lạc bộ giáo dục pháp luật..., tổ chức hơn 30 lượt diễu hành cổ động tuyên truyền về an toàn giao thông trên Quốc lộ 37, triển khai 18 hội thi tìm hiểu về Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống ma túy, Luật Giao thông đường bộ, duy trì diễn đàn định hướng lựa chọn ngành nghề cho đoàn viên, phối hợp với trung tâm dạy nghề huyện mở hàng trăm lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho thanh niên... Nhiều đoàn viên thanh niên gây dựng được mô hình làm kinh tế giỏi (như mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc của

đoàn viên xã Đức Lương, mô hình sản xuất đồ mộc gia dụng của đoàn viên xã Bình Thuận, mô hình trồng chè kết hợp ươm cây giống của đoàn viên xã Văn Yên...).

Hàng năm, đặc biệt là dịp cao điểm "*Tháng Thanh niên*" (tháng 3), các tổ chức thanh niên tình nguyện đóng góp hàng nghìn ngày công tu sửa 85km đường giao thông nông thôn, san lấp 355m³ đất đá, nạo vét 36km kênh mương, thăm hỏi tặng quà hơn 200 lượt gia đình chính sách... Việc xây dựng tổ chức Đoàn được chú trọng, đến năm 2010, Huyện Đoàn có 55 cơ sở trực thuộc với 8.516 đoàn viên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về "*Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*", Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về "*Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*", Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về "*Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*".

Trong những năm 2005 - 2010, Hội Phụ nữ huyện Đại Từ đã phát huy truyền thống quê hương cách mạng, thực hiện đổi mới trong việc thu hút, tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt (đến năm 2010, có 33 cơ sở hội trực thuộc với trên 35.000 hội viên, trong đó có khoảng 28.000 hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên). Hội tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua "*Giải việc nước, đảm việc nhà*", "*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*", xây dựng nhà "*Mái ấm tình thương*", xây dựng câu lạc bộ "*Gia đình 5 không, 3 sạch*", gắn với cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"... Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng thường xuyên quan tâm đến việc đào tạo,

bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về cả trình độ lý luận chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn. Nhiều cán bộ nữ đã được tín nhiệm giữ các cương vị chủ chốt trong tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Năm 2006, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đại Từ được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Hội Nông dân được tăng cường, củng cố về tổ chức, đến năm 2010 có 31 cơ sở hội. Các cấp hội khắc phục khó khăn, đẩy mạnh các phong trào thi đua, đoàn kết xây dựng Hội vững mạnh, xứng đáng là lực lượng trung tâm, nòng cốt của nông dân. Phong trào *“Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững”*... thu được kết quả tích cực. Hội Nông dân còn phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ và các ban ngành mở các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hàng nghìn lượt hội viên; phối hợp với Ngân hàng cho nông dân vay vốn sản xuất, kinh doanh.

Phát huy phẩm chất tốt đẹp của *“Bộ đội cụ Hồ”* trong giai đoạn cách mạng mới, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho hội viên luôn được Hội Cựu chiến binh quan tâm. Các chỉ nghị, nghị quyết của Trung ương Hội, Tỉnh hội, đặc biệt là Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị khóa IX về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới”*, Pháp lệnh Cựu chiến binh được triển khai học tập, quán triệt đầy đủ. Tỷ lệ hội viên tham gia học tập đạt từ 85% trở lên. Các phong trào *“Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”*, *“Xây dựng hội viên gương mẫu”*, *“Xây dựng gia đình hội viên văn hóa”*

được các cựu chiến binh tích cực hưởng ứng. Với thành tích đạt được, Hội được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen, giấy khen.

Trong những năm 2005 - 2010, Liên đoàn Lao động huyện phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Lao động, Luật Công đoàn và các chế độ, chính sách đối với người lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp. Liên đoàn Lao động đã triển khai các phong trào thi đua trong công nhân viên chức lao động như *"Lao động giỏi, lao động sáng tạo"*, *"Hai tốt"*, *"Mười hai điều y đức"*...; tuyên truyền nghị quyết, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới. Bên cạnh đó, Liên đoàn Lao động tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn; vận động công nhân viên chức lao động trên địa bàn làm tốt công tác xã hội, đồng thời tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh. Với nhiều thành tích nổi bật, Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ *"Đơn vị xuất sắc"*, tặng bằng khen trong chỉ đạo phong trào *"Giỏi việc nước - Đảm việc nhà"*...

Các tổ chức chính trị, xã hội khác như Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi... đều bám sát nhiệm vụ chính trị và tôn chỉ của hội, tiếp tục được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm, tạo điều kiện phát triển, góp phần làm giàu đẹp cho quê hương.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, một số công tác của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị chưa thực sự đổi mới,

phong trào thi đua còn dần trải nên sức thu hút, tập hợp quần chúng ở một số đoàn thể còn thấp. Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng trong các đoàn thể hạn chế hơn những giai đoạn trước; có cơ sở, cá nhân còn mang bệnh hành chính, bệnh thành tích. Thanh niên không thiết tha sinh hoạt đoàn, không tích cực tham gia các phong trào như trước... Đây là những hạn chế dễ nhận thấy nhất, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao hơn của Đảng bộ huyện trong giai đoạn mới.

2. Phát huy các thế mạnh về nông nghiệp, đa dạng hóa các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, sự chung tay của các đoàn thể nhân dân, trong những năm 2005 - 2010, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện Đại Từ có nhiều chuyển biến. Phát triển kinh tế - xã hội với phương châm nội lực là chính, tập trung khai thác tốt các thế mạnh đồng thời xây dựng cơ chế để thu hút vốn đầu tư, tăng cường hợp tác kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện bình quân 5 năm đạt 11,98%, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tính đến năm 2010, tỷ trọng cơ cấu kinh tế trong huyện là: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 35,44%, dịch vụ chiếm 33,8%, nông nghiệp chiếm 30,76%.

Trong nông nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thâm canh cao, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, lập quy hoạch vùng sản xuất. Do thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Tập trung

chỉ đạo xây dựng và thực hiện 8 chương trình, đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật; tích cực khai thác các lợi thế... nền nông nghiệp của Đại Từ có xu hướng phát triển theo chiều sâu, tích cực chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt bình quân 3,83%/năm; giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt đạt 57 triệu đồng.

Trong sản xuất lương thực, các giống lúa lai, lúa thuần có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng được đưa vào sản xuất. Các giống lúa mới như SYN 6, Bio404, Thục Hưng 6, Phú Ưu số 1, SH2, TL6, HT1, Nàng xuân... đã dần thay thế giống lúa KD18, góp phần đưa năng suất lúa bình quân của huyện từ 51,09 tạ/ha/vụ (năm 2005) lên 54,7 tạ/ha/vụ (năm 2009). An ninh lương thực được đảm bảo, bình quân lương thực đầu người tăng từ 415kg (năm 2005) lên 440kg (năm 2010).

Bên cạnh lúa, nhiều giống rau, củ, quả có hiệu quả kinh tế như dưa hấu, khoai tây, bí siêu quả... được đưa vào sản xuất. Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ triển khai Dự án *"Xây dựng mô hình trồng nấm thực phẩm và nấm dược liệu trên địa bàn huyện Đại Từ"* nhằm đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất nấm để làm cơ sở chuyển dịch cơ cấu sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, nhất là các hộ dân ở vùng bán ngập hồ Núi Cốc. Tại xã Văn Yên và xã Hùng Sơn đã hình thành làng nghề và hợp tác xã trồng nấm.

Đối với chăn nuôi, hướng chính là cải tạo, chọn lọc, thay đổi cơ cấu giống, đẩy mạnh chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp và chăn nuôi theo mô hình trang trại. Nhiều giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao như lợn ngoại, trâu Murrah... được đưa vào chăn nuôi, góp phần tăng giá trị sản phẩm ngành. Đến năm 2010, huyện có 24 trang trại chuyên sản xuất giống kết hợp với chăn nuôi lợn thịt, 12 trang trại đặc thù chuyên sản xuất - kinh doanh vật nuôi đặc sản như nhím, kỳ đà, rắn, chồn⁽¹⁾.

Tuy nhiên, so với chỉ tiêu Đại hội, số lượng đàn gia súc, gia cầm không đạt kế hoạch: Năm 2010, đàn trâu có 17.000 con (đạt 68%); đàn bò có 1.700 con (đạt 21,3%), đàn lợn có 67.000 con (đạt 35,3%), đàn gia cầm có 890.000 con (đạt 47%). Nguyên nhân chính của việc không đạt kế hoạch là do nhiều hộ dân còn trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước; công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào chăn nuôi còn chậm; tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp; giá sản phẩm và thị trường tiêu thụ không ổn định...

Chăn nuôi thủy sản được khuyến khích đầu tư theo hướng thâm canh và bán thâm canh. Năm 2007 và năm 2009, huyện phối hợp với trường Cao đẳng Thủy sản, trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Trung tâm Thủy sản tỉnh Thái Nguyên tổ chức 2 lớp đào tạo công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho 104 nông dân. Thông qua các lớp tập huấn, các hộ nông

⁽¹⁾ Có 10 trang trại nuôi nhím, trong đó 4 trang trại ở xã Hùng Sơn, 3 trang trại ở xã Bình Thuận, 3 trang trại khác ở các xã Lục Ba, Mỹ Yên và Phục Linh; 1 trang trại nuôi nhím và chồn ở xã Minh Tiến; 1 trang trại nuôi kỳ đà và rắn ở xã Yên Lãng.

dân đã nắm bắt được kỹ thuật cơ bản về nuôi trồng và biện pháp phòng, trị một số bệnh cơ bản. Nhân dân sử dụng tối đa diện tích mặt nước, vận dụng các phương pháp nuôi trồng thích hợp. Trung bình, mỗi năm huyện có 485ha nuôi trồng thủy sản. Sản lượng khai thác tăng từ 852 tấn (năm 2005) lên 1.080 tấn (năm 2009). Trại cá Cù Vân, Trại thủy sản hồ Núi Cốc và nhiều hộ ở các xã An Khánh, Bản Ngoại, Vạn Thọ, Tân Thái, Cù Vân... còn ương nuôi cá giống, cung cấp cho các địa phương hàng chục triệu con cá giống mỗi năm.

Lĩnh vực lâm nghiệp được quan tâm đúng mức, huyện triển khai nhiều chương trình, dự án trồng và chăm sóc rừng. Trong 5 năm, huyện thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; tổ chức kế hoạch trồng rừng sản xuất, đưa giống keo Úc vào trồng. Đến năm 2010, diện tích trồng rừng tập trung đạt 4.188ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 48,2%.

Từ năm 2005 đến năm 2010, huyện Đại Từ tiếp tục phát huy thế mạnh về đất vườn đồi để phát triển cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây đặc sản, hướng chính là quy hoạch, phát triển cây lâm nghiệp có thu, thực hiện chuyển đổi rừng kém hiệu quả sang trồng rừng có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục xác định chè là cây hàng hóa mũi nhọn trong phát triển nông - lâm nghiệp, huyện tập trung đầu tư cải tạo, thay các giống chè cũ bằng giống chè mới có năng suất, chất lượng cao như LDP1, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, Kim Tuyên..., từng bước thay thế những diện tích chè già cỗi, năng suất thấp. Hệ thống thủy lợi vùng đồi được xây dựng nhiều hơn, đặc biệt ở những vùng chuyên canh, đảm bảo chủ động tưới cho trên 1/3 diện tích chè kinh doanh. Nhân dân tích cực

áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như sao chè bằng tôn quay inox, tưới nước vụ đông, tưới chè bằng van xoay, làm bể chứa trên đất dốc, thay đổi cách sử dụng thuốc trừ sâu...

Đến năm 2010, toàn huyện đã có 11 vùng chè chất lượng cao, quy mô 2 - 4ha, trong đó có nhiều cơ sở đã tạo dựng được uy tín trên thị trường trong và ngoài huyện. Nhờ tích cực quan tâm, đầu tư và chăm sóc nên diện tích, năng suất và sản lượng chè đạt hiệu quả khá cao, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Trong 5 năm, huyện trồng mới, trồng lại 736ha nâng tổng diện tích chè lên 5.226ha, sản lượng đạt 45.000 tấn, cho năng suất 80 tạ búp tươi/ha (năm 2010). Các vùng chè ngon, chè đặc sản của huyện được phân bố ở Khuôn Gà - Hùng Sơn, La Bằng, Hoàng Nông, Phú Cường... Chè Đại Từ được tiêu thụ ở cả thị trường trong và ngoài nước, chủ yếu qua một số kênh như của Tổng công ty chè Việt Nam để cung ứng ra ngoài tỉnh và xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Mỹ, Canada, Ấn Độ, Đài Loan...

Nhằm tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và từng bước xây dựng thương hiệu chè Đại Từ, Ủy ban nhân dân huyện tạo điều kiện hỗ trợ cho các hợp tác xã chè ở La Bằng, Hùng Sơn tham gia các đợt hội chợ nông nghiệp và thương mại, tham gia liên hoan các làng nghề chè ngon của tỉnh Thái Nguyên; xây dựng lô-gô, đăng ký mẫu mã hàng hóa và các hoạt động quảng bá sản phẩm chè ra ngoài huyện; tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh, sản xuất chè trong và ngoài huyện bàn các giải pháp về sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu chè Đại Từ.

Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ tiến hành xây dựng nhãn hiệu hàng hóa tập thể chè La Bằng, đồng thời phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Thái Nguyên tổ chức thành công Lễ hội trà Thái Nguyên tại xã La Bằng.

Thời gian này, trên địa bàn huyện có khoảng 10 nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp tư nhân sản xuất, chế biến chè như: Nhà máy chè Quân Chu, Xí nghiệp chè Đại Từ, Doanh nghiệp Gia Thành, Tín Đạt, Hà Thái... Tuy nhiên, một phần do việc thực hiện Quyết định 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc liên kết “bốn nhà” trong tiêu thụ nông sản (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà nước và nhà khoa học) không tốt, các nhà máy, doanh nghiệp, xí nghiệp không liên kết được với nông dân, chủ yếu thu mua chè búp tươi sau đó sơ chế và xuất khẩu sang Trung Quốc; phần khác do xuất khẩu khó khăn, một số đơn vị đã không hoạt động được.

Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo thực hiện đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2005 - 2010 với nhiều giải pháp cụ thể như: Đẩy mạnh quy hoạch, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo lợi thế từng vùng, xây dựng cơ chế ưu tiên để thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tăng cường quản lý, khai thác nguồn tài nguyên, khoáng sản; từng bước hỗ trợ phát triển một số ngành nghề có thế mạnh; tăng cường đầu tư hỗ trợ về vốn, công nghệ; đẩy mạnh công tác khuyến công...

Trong những năm 2005 - 2010, trên địa bàn huyện Đại Từ xuất hiện thêm các cơ sở chế biến nông - lâm sản; các khu sản

xuất vật liệu xây dựng gắn với vùng nguyên liệu, tập trung vào các mặt hàng như gạch ngói xây dựng, khai thác cát, sỏi... Nhiều hộ ở Minh Tiến, Bản Ngoại duy trì và phát triển nghề đan phen, giỏ, phục vụ sản xuất chè, chế biến nông lâm sản. Nghề sản xuất miến rong, mì, bún phát triển ở Lục Ba, Bình Thuận, Hùng Sơn. Nghề chế biến thuốc nam phát triển ở Quân Chu, Phú Xuyên. Sản xuất gạch phát triển tại Yên Lãng, Phúc Linh. Mây tre đan ở xã Khôi Kỳ. Nhà máy sản xuất ván sàn xuất khẩu tại xã Bản Ngoại. Tổ hợp tác thêu ren tại xã Vạn Thọ, Tân Thái...

Năm 2005, toàn huyện có 942 cơ sở ngành nghề (giải quyết việc làm cho 1.637 lao động), đến năm 2007 tăng lên 1.127 cơ sở (giải quyết việc làm cho 1.969 lao động). Sản phẩm từ ngành tiểu thủ công nghiệp ở Đại Từ chủ yếu phục vụ tiêu dùng trong huyện, một bộ phận nhỏ cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà máy trên địa bàn huyện làm nguyên liệu. Tuy nhiên, do đặc thù sản xuất nhỏ lẻ nên việc cung cấp sản phẩm còn nhiều hạn chế, sức cạnh tranh kém, chất lượng không đồng đều.

Cũng trong giai đoạn 2005 - 2010, huyện hoàn thành quy hoạch chi tiết 2 cụm công nghiệp Phú Lạc và An Khánh I. Theo quy hoạch, cụm công nghiệp nhỏ tập trung tại xã Phú Lạc (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chấp thuận cho xây dựng với diện tích khoảng 148ha) chủ yếu chế biến khoáng sản như ti-tan, sét cao lanh, luyện man-gan, sắt. Cụm công nghiệp An Khánh I nằm trên địa bàn xã An Khánh (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho phép xây dựng với tổng diện tích được phê duyệt là 124ha) thu hút 2 doanh nghiệp lớn đầu tư là Nhà máy xi măng Quan Triều và Nhà máy Nhiệt điện An Khánh.

Năm 2004, dự án núi Pháo bắt đầu triển khai với diện tích hơn 870ha, ảnh hưởng đến cuộc sống của 3.029 hộ dân. Đây là dự án về khoáng sản lớn tại Việt Nam với nguồn tài chính mạnh, công nghệ khai thác hiện đại, cũng là một hình mẫu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư và phát triển cộng đồng. Dự án núi Pháo đã góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn huyện Đại Từ.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai dự án đã phát sinh một số tồn tại, vướng mắc: Đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản núi Pháo chưa quản lý tốt việc thu gom, xử lý triệt để nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn, để xảy ra việc xả nước thải gây ô nhiễm môi trường, vấn đề bụi trong khu vực sản xuất phát tán ra môi trường. Việc giải phóng mặt bằng, cơ chế, chính sách bồi thường và xây dựng các khu tái định cư chưa giải quyết triệt để, làm đảo lộn đời sống của một bộ phận nhân dân. Ảnh hưởng từ dự án, xóm 1 xã Hùng Sơn từ một khu dân cư tiêu biểu của huyện, của tỉnh từng được chọn đi báo cáo toàn quốc về khu dân cư tiêu biểu trong phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" đã trở thành nơi mất an ninh - trật tự, mất đoàn kết...

Nhìn chung trong 5 năm, tốc độ tăng trưởng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng bình quân 16,34%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng bình quân 23,79%/năm, vượt 2,37% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra.

Thu ngân sách trong 5 năm tăng bình quân 21,63%/năm, vượt 6,63% so với chỉ tiêu nghị quyết. Công tác chi thực hiện

theo phương châm tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hợp lý quỹ công trong sản xuất và tiêu dùng, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng và phát triển xã hội, đảm bảo cho hoạt động của địa phương.

Nhằm tạo điều kiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, huyện đã chỉ đạo làm tốt công tác giải phóng mặt bằng và thu hút vốn đầu tư. Tổng vốn thu hút đầu tư tăng mạnh, trong 5 năm đạt 1.356,295 tỷ đồng, riêng năm 2010 đạt 153,486 tỷ đồng. Các nguồn vốn đầu tư đều được sử dụng hiệu quả, ưu tiên đầu tư xây dựng các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2005 đến năm 2010, huyện đã đầu tư sửa chữa nâng cấp, làm mới trên 223km đường giao thông nông thôn, trong đó có trên 97km được trải nhựa, 126km được bê tông hóa. Những tuyến đường như tuyến Hà Thượng - Phục Linh - Tân Linh - Phú Lạc - Đức Lương; tuyến Cù Vân - An Khánh; tuyến Đại Từ - Mỹ Yên - Văn Yên; tuyến Na Mao - Phú Cường - Đức Lương; Tỉnh lộ ĐT261, cầu Suối Đền, cầu Gốc Duối trước đây đi lại khó khăn, đến năm 2010 đã đi lại, thông thương thuận lợi.

Thủy lợi cũng được chú trọng, hình thành các cụm công trình thủy lợi vùng đồi, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Trong 5 năm, huyện sửa chữa, xây dựng mới 70 cầu cống các loại, 26 đập, hồ thủy lợi, xây dựng 8,8km kênh mương. Nhiều công trình sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng như hồ Đồng Trăng (Yên Lãng), hồ Đồng Tâm (xã Phúc Lương), đập La Tre (xã Mỹ Yên), đập Vai Làng (xã Cát Nê), đập Ngọc Hoa (xã Tân Linh)...

Bằng các nguồn vốn của Trung ương và địa phương, huyện đã nâng cấp, cải tạo và xây dựng hệ thống điện sinh hoạt

đảm bảo cung cấp cho 31/31 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, xây mới và mở rộng, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung. Trong nhiệm kỳ, huyện đã đầu tư xây mới kiên cố 529 phòng học, xây dựng 15 trạm y tế, 19 trụ sở, sửa chữa 2 trụ sở làm việc cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, dựng 248 cụm loa truyền thanh cơ sở...

Một trong những điểm nhấn trong phát triển kinh tế huyện Đại Từ giai đoạn này là đầu tư có trọng điểm cho hoạt động du lịch, chủ yếu tập trung vào điểm du lịch hồ Núi Cốc, khu di tích lịch sử 27/7 (xã Hùng Sơn), di tích thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên (xã La Bằng), du lịch tâm linh tại chùa Sơn Dược (xã Bình Thuận). Ngoài ra, huyện còn có một số điểm du lịch đang được hình thành như hồ Vai Miếu (xã Ký Phú), suối Cửa Tử (xã Hoàng Nông) và chùa Thiên Tây Trúc, Đát Ngao (xã Quân Chu).

Tuy nhiên, lượng khách tham quan còn ít và không ổn định, chủ yếu tập trung vào các ngày kỷ niệm, dịp nghỉ mát. Do ngành du lịch chưa thực sự phát triển nên các hoạt động dịch vụ du lịch còn hạn chế, giản đơn, mới chỉ tập trung một số dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, ăn uống, sinh hoạt, vận tải, chưa có các hoạt động lễ hội, các hoạt động văn hóa phục vụ du lịch...

Dịch vụ phát triển đa dạng với mạng lưới rộng. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch khu trung tâm các xã, thị trấn, xây dựng chợ nông thôn, các điểm thương mại, dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2010 đạt 369,5 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 18,52%/năm. Tốc độ tăng trưởng thương mại -

dịch vụ bình quân đạt 15,99%/năm, giá trị thương mại - dịch vụ tăng bình quân đạt 23,72%/năm (vượt 6,72% chỉ tiêu).

Một số loại hình dịch vụ như vận tải, nhà hàng, viễn thông, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là dịch vụ tín dụng phát triển khá nhanh với nhiều hình thức huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2010, tổng số nguồn vốn huy động đạt 498 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 372 tỷ đồng, bình quân tăng trưởng tín dụng là 27,3%/năm.

3. Tiếp tục phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng

Thực hiện triệt để quan điểm “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*”, Huyện ủy thường xuyên quan tâm, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Ngành Giáo dục - Đào tạo huyện Đại Từ đã xây dựng chương trình “*Xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2005 - 2010*” và đề ra những kế hoạch cụ thể, những giải pháp khả thi để thực hiện hiệu quả chương trình này. Các xã, thị trấn đưa nhiệm vụ xây dựng trường học chuẩn quốc gia vào chương trình chỉ đạo của Đảng bộ, hàng năm có đánh giá về mức độ chuyển biến và tiến bộ của các nhà trường. Sau 5 năm thực hiện, đến năm 2010, huyện có 55 trường học đạt chuẩn quốc gia (chiếm 54,5% tổng số trường), vượt 4,5% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Một số xã có cả 3 trường học (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) đều đạt chuẩn quốc gia như các xã Hà Thượng, Bản Ngoại, La Bằng và thị trấn Đại Từ.

Thực hiện Đề án “*Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục huyện Đại Từ giai đoạn 2006 - 2010*”,

đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa. 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đồng thời đã được học các lớp bồi dưỡng công tác quản lý giáo dục. Hàng năm, hầu hết các trường học đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên.

Từ năm 2005 đến năm 2010, các cuộc vận động “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*”, “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và các phong trào “*Thi đua dạy tốt, học tốt*”, “*Khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*”, “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” được triển khai thực hiện có hiệu quả. Với chủ trương duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở, trung bình mỗi năm tỷ lệ học sinh đến lớp ở bậc tiểu học đạt 100%, bậc trung học cơ sở đạt 99,9%. Đồng thời, huyện đẩy mạnh hoạt động của trung tâm dạy nghề, tăng cường mở rộng liên kết, hợp tác với các trường chuyên nghiệp, dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện.

Sự nghiệp y tế, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Mạng lưới y tế đã tăng cường cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Bệnh viện đa khoa huyện được nâng cấp, đầu tư trang thiết bị. Đến năm 2010, toàn huyện có 23 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; bình quân có 3 bác sỹ trên 1 vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia được tổ chức thực hiện tích cực, không để xảy ra các dịch bệnh lớn trên địa bàn.

Quán triệt Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “*Tiếp tục đẩy mạnh chính sách*

dân số và kế hoạch hóa gia đình”, hàng năm cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đưa chỉ tiêu thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình vào chương trình công tác cụ thể đồng thời kiện toàn và củng cố Ban Chỉ đạo công tác dân số gia đình và trẻ em, xây dựng chỉ tiêu thi đua cho các đơn vị. Huyện ủy chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp với Ủy ban dân số gia đình và trẻ em huy động đông đảo lực lượng tham gia hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình; vận động không sinh con thứ 3, xây dựng câu lạc bộ “*Không có người sinh con thứ 3*”. Hàng năm, huyện bình xét đối với những đơn vị thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình để đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng huyện kịp thời động viên. Tỷ suất sinh thô bình quân hàng năm giảm 0,15‰. Tuy nhiên, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Đại Từ trong thời gian này còn tồn tại những hạn chế như kết quả thực hiện không đồng đều giữa các năm; vẫn có cán bộ sinh con thứ 3, thiếu cán bộ chuyên trách dân số...

Với phương châm “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu là động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*”⁽¹⁾, Huyện ủy Đại Từ chú trọng xây dựng nền tảng văn hóa vững mạnh. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được triển khai sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị, cụ thể hóa ở từng thôn xóm khu phố, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn hóa... Năm 2005, toàn huyện có 61% gia đình văn hóa, 18% xóm văn hóa, 66% cơ quan văn hóa; đến năm 2010, con số đó lần lượt

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

là: 70%, 13% và 90%. Nhiều xóm liên tục giữ vững danh hiệu văn hóa 5 - 10 năm như xóm Đầm Gành (xã Mỹ Yên), xóm Phú Thịnh 2 (xã Phú Thịnh), xóm An Bình (xã An Khánh).

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, truyền thanh - truyền hình có nhiều đổi mới với các hình thức phong phú, đa dạng nhằm tập trung vào việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương và đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân. Đến tháng 6/2010, toàn huyện có 347 nhà văn hóa xóm, 514 cụm loa truyền thanh, 90 sân bóng chuyền, 16 sân bóng đá, 120 sân cầu lông... Tất cả các xã, thị trấn của huyện đều thành lập được đội văn nghệ quần chúng, tạo không khí sôi nổi trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân. Trong 5 năm, Đội thông tin lưu động của huyện tổ chức gần 300 buổi giao lưu văn hóa nghệ thuật tại cơ sở...

Phong trào *"Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"* được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Hàng năm, huyện tổ chức các giải đấu như Giải việt dã Tiền phong, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn... đồng thời chú trọng tổ chức các môn thể thao dân tộc trong mỗi dịp lễ hội, mừng xuân như: Tung còn, đẩy gậy, vật, bắn nỏ, kéo co... Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội văn hóa thể thao các xã, thị trấn và Đại hội văn hóa thể thao huyện lần thứ IV (năm 2009).

Việc thực hiện chính sách xã hội tập trung vào các phong trào như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, đền ơn đáp nghĩa. Nhờ thực hiện tốt chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo nên đời sống nhân dân được

cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) từ 31,84% (năm 2005) giảm xuống còn 15% (đầu năm 2010), bình quân thu nhập đầu người đạt 12,6 triệu đồng, vượt chỉ tiêu đề ra (3,6 triệu đồng). Hàng năm, huyện đã giải quyết việc làm cho trên 2.500 lao động (chỉ tiêu đề ra là 2.000 lao động).

Trong giai đoạn 2005 - 2010, huyện Đại Từ thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với gia đình có công. Hàng năm, huyện lập danh sách đề nghị cấp phát thẻ bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho trên 5.200 người có công, thực hiện chế độ điều dưỡng cho các đối tượng đúng quy định. Vào dịp Tết Nguyên đán và ngày 27/7, huyện đều trích ngân sách tổ chức thăm và tặng quà cho 100% các gia đình chính sách. Ngoài ra, huyện còn thực hiện chính sách ưu đãi miễn giảm thuế đối với người có công; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân đội trên địa bàn hỗ trợ các gia đình chính sách làm “nhà đồng đội”, “nhà tình nghĩa”; xây dựng, tu sửa, nâng cấp nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sỹ; vận động xây dựng quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”...

Công tác khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường được quan tâm. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống được tăng cường, nhất là trong sản xuất nông nghiệp và công tác lãnh đạo, quản lý.

Điểm đặc biệt trong thời gian này là huyện đã thực hiện đề án ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lãnh đạo và quản lý hành chính. Triển khai đề án, từ năm 2007 đến năm 2010, huyện tổ chức đào tạo tin học văn phòng, tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm dạy học và phương pháp trình chiếu cho 1.400 cán bộ, viên chức. Qua 5

năm, 80% cán bộ, công chức phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, 33% cán bộ, công chức các xã, thị trấn có trình độ tin học loại A trở lên. Năm 2005, huyện có 111 bộ máy tính trang bị cho các phòng ban và các xã, thị trấn. Đến năm 2010, riêng số máy tính dành cho 12 phòng ban chuyên môn của huyện là 88 máy; các trường tiểu học, trung học cơ sở được trang bị 8 - 10 máy/trường; tất cả các xã, thị trấn đều có máy tính.

Năm 2010, huyện triển khai tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ lãnh đạo và công chức chuyên môn các phòng ban, các xã, thị trấn và đăng ký địa chỉ vào hệ thống hòm thư điện tử của tỉnh, song số hòm thư được khởi tạo còn hạn chế. Trong năm 2010, trang web của huyện cũng được xây dựng. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo và quản lý hành chính còn một số hạn chế như: Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật còn thiếu, yếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Kỹ năng sử dụng tin học trong công việc của cán bộ, công chức chưa cao. Công tác đào tạo chưa thường xuyên và chuyên sâu.

Hoạt động bảo vệ môi trường bước đầu đi vào nề nếp. Huyện đã triển khai tới các xã, thị trấn Luật Bảo vệ môi trường, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân về bảo vệ môi trường. Đồng thời, quy hoạch, đầu tư xây dựng bãi chứa rác thải đảm bảo vệ sinh. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những yếu kém trong việc quản lý chất thải rắn ở khu dân cư, thuốc bảo vệ thực vật. Mặt khác, ý thức và nhận thức của một bộ phận nhân dân trong việc bảo vệ môi trường còn yếu...



Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết dẫn đầu đoàn cán bộ về thăm
Di tích địa điểm công bố bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn
ngày 27/7 là ngày Thương binh liệt sỹ (năm 2007)



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII
(nhiệm kỳ 2010 - 2015)



Lễ công bố Nghị quyết của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành
chính và đổi tên thị trấn Đại Từ thành thị trấn Hùng Sơn năm 2014

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, Huyện ủy lãnh đạo đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện tốt công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Ban Chỉ huy quân sự huyện nắm chắc tình hình địa bàn, duy trì thường xuyên các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng các phương án đảm bảo chủ động ứng phó với mọi tình huống. Công tác huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được chú trọng, đảm bảo đủ về thời gian, nội dung và quân số. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, diễn tập quân sự, tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng tốt. Trong 5 năm, huyện đã tuyển chọn 1.170 thanh niên nhập ngũ. Năm 2010, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham gia hội thi doanh trại chính quy, xanh, sạch, đẹp cấp quân khu đạt giải nhất, được Bộ Tư lệnh Quân khu I tặng cờ thưởng đơn vị xuất sắc.

Trong những năm 2005 - 2010, tình hình an ninh nông thôn còn phức tạp, xảy ra nhiều trường hợp khiếu kiện liên quan đến việc đền bù đất đai, thực hiện các chế độ chính sách kinh tế, đặc biệt ở các xã như Hoàng Nông, Yên Lãng, Hà Thượng, An Khánh. Hoạt động của các loại tội phạm hình sự, ma túy, trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, tệ nạn cờ bạc, tai nạn giao thông... tiếp tục diễn biến phức tạp. Cũng từ năm 2005, xuất hiện ngày càng nhiều trường hợp người dân tự ý khai thác quặng, gây ra những xáo trộn về hiện trạng tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường và trật tự xã hội. Việc khai thác quặng tự do và tràn lan cũng làm cho số lượng người mắc tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành vào cuộc, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng về *"Nâng cao chất lượng, hiệu*

quả công tác công an trong tình hình mới”, “Bảo vệ an ninh quốc gia”, “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”... Công an huyện đẩy mạnh phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phòng chống các tệ nạn xã hội, tăng cường mạng lưới an ninh cơ sở và thực hiện “Luật an toàn giao thông đường bộ”. Huyện ủy còn ra nghị quyết chuyên đề về công tác phòng, chống ma túy giai đoạn 2006 - 2010 với nhiều giải pháp tích cực, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục lao động xã hội huyện. Từ năm 2005 đến năm 2010, toàn huyện đã vô hiệu hóa 175 tụ điểm mua bán ma túy, 10 xã không có người nghiện ma túy và tội phạm ma túy.

Là một huyện miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm gần 26% nên Huyện ủy Đại Từ rất quan tâm đến công tác dân tộc, luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, tranh thủ các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nhờ đó, số hộ nghèo thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 64,2% (năm 2005) xuống còn 32% (năm 2009). Đặc biệt, công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm. Đến năm 2009, huyện có 190 cán bộ cơ sở là người dân tộc thiểu số, trên 60% có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đại Từ lần thứ nhất (ngày 21/10/2009) được tổ chức thành công, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, là nguồn động viên đồng bào đóng góp trí tuệ, sức lực vào việc xây dựng và bảo vệ quê hương.

Sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XXI, Đảng bộ huyện Đại Từ đã phát huy tinh thần đổi mới, năng động, sáng tạo, đoàn kết, tập trung lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhiều chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội vượt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao diễn ra sôi nổi. Tình hình quốc phòng - an ninh cơ bản ổn định. Hệ thống chính trị được đổi mới và củng cố vững chắc, dân chủ và kỷ cương xã hội được tăng cường. Đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được cải thiện căn bản. Với những cố gắng và thành tích đã đạt được, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã được nhận nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua của tỉnh và Trung ương. Huyện cũng nhiều lần vinh dự đón tiếp các đồng chí nguyên thủ quốc gia như Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết về thăm và làm việc (năm 2007), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm và làm việc (năm 2008), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng về thăm và làm việc (năm 2009)...

Để đạt được những kết quả trên, cấp ủy và chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tích cực đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa nhiệm vụ của các lĩnh vực trọng tâm bằng các chương trình, đề án chỉ đạo trong cả nhiệm kỳ và các nghị quyết chuyên đề hàng năm. Huyện ủy đã đề ra những giải pháp mang tính đột phá nhằm khai thác tốt nội lực và tranh thủ được nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Với nhiều biện

pháp và quyết tâm lớn, sức mạnh của cả hệ thống chính trị đã được phát huy, cán bộ, đảng viên đoàn kết một lòng, nhân dân đồng thuận với các chủ trương của huyện. Ngoài ra, Đảng bộ huyện Đại Từ luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy Thái Nguyên; sự chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban ngành của tỉnh và Trung ương.

Mặc dù đạt được nhiều thành tích song việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI cũng còn tồn tại khuyết điểm: Kinh tế phát triển khá nhưng chưa xứng với tiềm năng; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế. An ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong xây dựng hệ thống chính trị, công tác tư tưởng, giáo dục chính trị chưa thực sự sâu rộng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng còn yếu, công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu, hiệu quả ở một số mặt công tác của các đoàn thể chưa cao...

Từ những thành tựu cũng như hạn chế trên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm để có biện pháp tháo gỡ, khắc phục, tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

II. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, phát triển du lịch, dịch vụ (2010 - 2015)

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ

huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) diễn ra từ ngày 01/7 đến ngày 03/7/2010 với sự có mặt của 210 đại biểu, đại diện cho hơn 7.000 đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2005 - 2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, trên cơ sở đó tiến hành thảo luận và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổng quát trong 5 năm tiếp theo (2010 - 2015) là: *“Đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp một cách vững chắc vào năm 2015, tạo nền móng cho phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; cải thiện cơ bản đời sống người dân cả về vật chất lẫn tinh thần”*.

Đại hội đã đề ra những mục tiêu cụ thể:

Về kinh tế: Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 13%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015 là: Công nghiệp - xây dựng đạt 42,71%; dịch vụ đạt 35,1%; nông nghiệp đạt 22,19%. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng bình quân từ 4%/năm trở lên; giá trị trên 1ha đất trồng trọt năm 2015 đạt 86 triệu đồng; sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 70.000 tấn. Đàn trâu năm 2015 đạt 17.000 con; đàn lợn đạt 75.000 con; đàn gia cầm đạt trên 1 triệu con. Sản lượng chè búp tươi đến năm 2015 đạt 54.500 tấn; trồng rừng bình quân đạt 700 ha/năm; tỷ lệ che phủ rừng đạt 49,2%. Thu ngân sách tăng

bình quân hàng năm là 20%, giá trị bình quân thu nhập đầu người đạt 23,5 triệu đồng vào năm 2015.

Về văn hóa - xã hội: Phấn đấu đến năm 2015 có 80% số trường đạt chuẩn quốc gia; 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5% theo tiêu chí mới; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến năm 2015 còn 13,5%; giải quyết việc làm mới cho 2.700 lao động/năm.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Phát triển đảng viên mới hàng năm đạt 4% tổng số đảng viên của Đảng bộ; 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảng viên đủ tư cách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 90% trở lên.

Đại hội bầu 39 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ XXII, 13 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Trương Thị Huệ tiếp tục được Đại hội bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy khóa XXII. Đồng chí Nguyễn Hải Đường và đồng chí Nguyễn Văn Mậu được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Sau Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bước vào thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết với quyết tâm và niềm tin cao độ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra.

1. Tăng cường xây dựng và chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, củng cố hệ thống chính trị

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về mặt tổ chức, xác định công tác cán bộ là một trong những giải pháp đột phá để thực hiện thắng lợi Nghị quyết

Đại hội XXII đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng Đề án số 01-ĐA/HU về “*Nâng cao chất lượng công tác cán bộ và đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020*”, đồng thời thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên về “*Công tác cán bộ giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020*”, Đề án số 07-ĐA/TU về “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên giai đoạn 2011 - 2015*”.

Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, tháng 8/2011, đồng chí Trương Thị Huệ được điều động giữ chức vụ Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Nguyễn Văn Nhâm - Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được Tỉnh ủy cử giữ chức Bí thư Huyện ủy. Đến tháng 7/2013, đồng chí Nguyễn Văn Mậu chuyển công tác, đồng chí Phạm Duy Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy. Tháng 9/2013, đồng chí Nguyễn Mạnh Hà - Chánh Văn phòng Huyện ủy được bổ sung vào Ban Thường vụ, phân công làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thay đồng chí Nguyễn Thị Thúy chuyển công tác về tỉnh.

Việc quy hoạch, đào tạo cán bộ đã được thực hiện theo hướng trẻ hóa đội ngũ, đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã tổ chức 159 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 14.298 học viên, chọn cử 1 đồng chí đi học cử nhân lý luận chính trị, 17 đồng chí đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (cả hệ tập trung và hệ tại chức), cử 188 lượt cán bộ, lãnh đạo các xã, thị trấn đi đào tạo, bồi

dưỡng; phối hợp mở 4 lớp trung cấp lý luận chính trị tại huyện cho 388 học viên, mở 5 lớp sơ cấp lý luận chính trị cho 241 học viên. Việc bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ đảm bảo dân chủ, công khai và đúng quy trình. Trong 5 năm đã chuyển 4 cán bộ huyện về đảm nhiệm chức danh chủ chốt tại cơ sở, điều động 3 cán bộ chủ chốt cơ sở lên công tác tại huyện. Nhìn chung, chất lượng cán bộ được nâng cao, hàng năm có trên 94% cán bộ thuộc diện huyện quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Tuy nhiên, công tác cán bộ của huyện chưa có chiến lược lâu dài, chủ yếu giải quyết nhu cầu hiện tại. Một số cấp ủy thực hiện chưa nghiêm túc nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ. Mặt khác, chất lượng nhận xét, đánh giá cán bộ ở một số đơn vị còn thấp, công tác quy hoạch cán bộ còn bất cập; ở một số đơn vị, cơ sở thiếu nguồn cán bộ có chất lượng. Đặc biệt là trong công tác luân chuyển cán bộ còn hạn chế và một bộ phận cán bộ còn thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc...

Về mặt chính trị, Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ trực thuộc học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy. Chế độ báo cáo, sơ kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết được tiến hành định kỳ. Mỗi đợt học tập đều được tổ chức chặt chẽ, có sự tham gia của từ 90% đảng viên trở lên. Đồng thời, Huyện ủy có sự liên hệ kiểm điểm với cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng để tiến hành phê bình, tự phê bình, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Đề án số 09/ĐA-TU ngày 26/9/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về tiếp tục nâng cao chất

lượng cuộc vận động “*Học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” giai đoạn 2011 - 2015, Huyện ủy Đại Từ đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 30/KH-HU đồng thời kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai. Hàng năm, 100% chi bộ, đảng bộ đều triển khai thực hiện theo Đề án 09, có kế hoạch hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; 97% cán bộ, đảng viên đăng ký thực hiện các chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, tấm gương Hồ Chí Minh; các chi bộ đưa nội dung học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vào sinh hoạt định kỳ...

Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục, chính trị, tư tưởng, công tác chỉnh đốn tổ chức Đảng được Huyện ủy quan tâm. Bình quân trong 4 năm (2011 - 2014), hơn 60% số chi bộ, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, 81,5% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công tác tặng huy hiệu đảng, phát thẻ Đảng được Đảng bộ duy trì, thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính chặt chẽ. Trong 4 năm (tính đến hết năm 2014), Đảng bộ đã trao huy hiệu Đảng (từ 30 năm đến 65 năm tuổi Đảng) cho gần 2.000 đảng viên.

Đối với công tác phát triển đảng viên mới, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 1.184 đảng viên; đến năm 2015, Đảng bộ không còn xóm “trắng” đảng viên. Đồng thời, cấp ủy đã chỉ đạo chia tách, thành lập được 30 chi bộ trong tổng số 48 xóm chưa có chi bộ.

Điểm nổi bật trong công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2010 - 2015 là Đảng bộ huyện thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2011) “*Một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay*”. Ban Thường vụ Huyện ủy đã

giao cho các ban tham mưu xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản tạo điều kiện cho việc triển khai ở cơ sở được thuận lợi, đảm bảo các quy định và chỉ đạo của cấp ủy cấp trên. Đồng thời, Ban Thường vụ cũng đã tổ chức các Hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 ở cấp huyện. 100% đảng bộ, chi bộ trực thuộc đã tiến hành triển khai việc học tập Nghị quyết đến từng đảng viên theo đúng hướng dẫn.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Huyện ủy tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình đảm bảo chặt chẽ, dân chủ và đạt hiệu quả. Ngày 05/10/2012, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ đã yêu cầu gợi ý kiểm điểm sâu đối với 5 tập thể Ban Thường vụ và 9 cá nhân là cán bộ thuộc diện cấp ủy do huyện quản lý. Từ ngày 31/10 đến ngày 02/11/2012, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành kiểm điểm tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy và cá nhân các ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy theo 3 vấn đề cấp bách nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 gắn với phân tích, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp... Sau kiểm điểm, các cấp ủy đã tích cực thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với cấp ủy Đảng, chính quyền.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, cơ bản khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, đảm bảo đúng thực chất, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm. Trong 5 năm, cấp ủy đã tổ chức 22 cuộc kiểm tra trực tiếp tại 116 lượt chi bộ, đảng bộ trực thuộc, 5 cuộc giám sát chuyên đề trực tiếp tại 20 chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, tiến hành 1 cuộc kiểm tra và 1 cuộc giám sát của cấp ủy cấp trên tại Đảng bộ huyện.

Sau kiểm tra, giám sát, cấp ủy đều có kết luận cụ thể, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung đã kết luận để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; góp phần giữ vững kỷ luật Đảng. Riêng năm 2012, cấp ủy đã phát hiện, kỷ luật 40 đảng viên vi phạm.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp được kiện toàn, củng cố, ngày càng nâng cao về chất lượng và hiệu quả hoạt động. Trong nhiệm kỳ, huyện đã tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân 3 cấp với tỷ lệ cử tri đi bầu cao, dân chủ, đúng luật. Chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân và các nghị quyết được ban hành có tính sát thực, khả thi hơn. Trong giai đoạn 2011 - 2014, Hội đồng nhân dân huyện Đại Từ đã tổ chức hàng chục lần gặp và tiếp xúc cử tri để lắng nghe những ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Việc tiếp xúc cử tri diễn ra thẳng thắn, dân chủ, công khai tạo điều kiện trực tiếp để cử tri Đại Từ tham gia xây dựng chính quyền. Trong giai đoạn này, một số lĩnh vực, công việc nổi cộm gây bức xúc trong nhân dân đã được Hội đồng nhân dân tiếp thu và chỉ đạo giải quyết, nhất là việc giải phóng mặt bằng các dự án, ổn định đời sống nhân dân vùng bán ngập hồ Núi Cốc.

Một trong những quyết định quan trọng của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII là lấy ngày 1/8 làm ngày truyền thống của huyện. Để hướng tới kỷ niệm 90 năm ngày hình thành và phát triển, Huyện ủy phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng trên tất cả các lĩnh vực. Ngày 1/8/2012, huyện tổ chức Lễ kỷ niệm 90 năm ngày hình thành và phát triển huyện Đại Từ (01/8/1922 - 01/8/2012). Cũng trong dịp này, huyện vinh dự đón nhận Huân chương

Lao động hạng Ba về những thành tích nổi bật trong thời kỳ đổi mới.

Ủy ban nhân dân huyện và ủy ban cấp cơ sở trong quá trình điều hành, thực hiện nhiệm vụ đã chấp hành nghiêm túc các văn bản quy định của Nhà nước. Các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội theo các nghị quyết của Đảng bộ huyện và Hội đồng nhân dân huyện được xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả, hầu hết đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra.

Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh từ cấp huyện đến cấp cơ sở. Bắt đầu từ năm 2013, cải cách hành chính được huyện đưa vào làm một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các ngành, các địa phương, đơn vị. Trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thực hiện được phân định rõ ràng tạo những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền. Trong giai đoạn 2010 - 2015, bộ phận “một cửa” toàn huyện tiếp nhận trên 95.000 hồ sơ ở các lĩnh vực trong đó giải quyết 91.082 hồ sơ, chuyển xử lý và số hồ sơ tồn tại là hơn 3.000 hồ sơ.

Công tác kiểm tra, thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của các cấp chính quyền huyện được triển khai thường xuyên, tập trung vào các lĩnh vực: Tài chính, ngân sách, quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện các quy định trong công tác phòng chống tham nhũng. Qua đó đã phát hiện và xử lý nhiều vụ việc vi phạm, chuyển hồ sơ một số vụ việc hình sự để xử lý theo pháp luật. Công tác tiếp dân được duy trì thường xuyên. Trong giai đoạn này đã tiếp nhận hơn 4.000 đơn thư công dân trong đó giải quyết được trên 80% vụ việc, chuyển cấp trên xem xét giải quyết 124 vụ việc.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được áp dụng vào hoạt động của các cơ quan hành chính huyện. Đại Từ là một trong những huyện tiên phong của tỉnh Thái Nguyên trong việc áp dụng hệ thống quản lý này. Đến hết tháng 12/2014 đã có 11 phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện ISO 9001:2008. Nhờ vậy, các đơn vị chức năng của huyện có cơ hội rà soát chức năng, nhiệm vụ đối với từng thành viên trong đơn vị công tác đồng thời có sự phân công, phối hợp thực hiện từng quá trình công việc. Qua đó, cán bộ công chức làm việc khoa học hơn, giải quyết công việc nhanh hơn, gián tiếp nâng cao hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền từ huyện xuống cơ sở.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tư pháp huyện đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nhân dân các xã; tiếp tục thực hiện tốt công tác hộ tịch và chứng thực, cung ứng biểu mẫu hộ tịch, đầu sách, tờ rơi liên quan đến pháp luật. Năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị, cơ quan trực thuộc và các ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai nghiêm túc việc lấy ý kiến về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 theo kế hoạch của tỉnh, huyện.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục triển khai cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư"*. Với các biện pháp tuyên truyền và vận động thích hợp, đến cuối năm 2014, đã có 77,54% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc huyện và các thành viên thường xuyên vận động, tuyên truyền các tầng lớp nhân dân chung tay xây dựng

nông thôn mới, vận động nhân dân ủng hộ được trên 3 tỷ đồng cho “*Quỹ vì người nghèo*”. Nguồn quỹ này được sử dụng vào việc hỗ trợ hàng trăm hộ nghèo phát triển sản xuất, tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ khám chữa bệnh và đặc biệt đã hỗ trợ và xây dựng được 715 nhà cho hộ nghèo. Mặt trận Tổ quốc huyện phối hợp vận động các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, tích cực ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lũ; ủng hộ, giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam, di-ô-xin...

Tháng 5/2014, trước việc Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt giàn khoan HD-981 ở vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc được Huyện ủy Đại Từ giao nhiệm vụ tổ chức vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ về vật chất và tinh thần đối với cán bộ, chiến sỹ lực lượng hải quân và kiểm ngư đang trực tiếp bám biển với số tiền trên 1,5 tỷ đồng.

Trong việc phát huy vai trò, chức năng xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc huyện đã tuyên truyền, vận động hơn 97% cử tri đi bầu cử Đại biểu quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân 3 cấp vào tháng 5/2011. Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức 123 hội nghị để đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc với cử tri, tại các hội nghị có trên 11.000 cử tri tham dự. Các ý kiến của cử tri đã được tổng hợp và đã gửi đến các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở cũng đã tổ chức 262 hội nghị đóng góp ý kiến vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, Luật đất đai (sửa đổi) với sự có mặt của trên 16.000 người. Chức năng giám sát, phản biện của Mặt trận được thực hiện theo đúng tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về “*Quy chế giám sát và*

phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.

Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ được kiện toàn tổ chức, thu hút 7.128 hội viên tham gia. Đến năm 2014, huyện có 56 tổ chức công đoàn cơ sở, 98 công đoàn trường học và 27 đơn vị công đoàn phối hợp. Liên đoàn Lao động huyện thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Luật Lao động, Luật Công đoàn đối với người lao động trên địa bàn; triển khai phát động các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức và người lao động góp phần hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, doanh nghiệp. Công tác xã hội, từ thiện được Liên đoàn triển khai sâu rộng trong đoàn viên, tạo điều kiện giúp đỡ các đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn. Công tác tuyên truyền giáo dục các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho công nhân, viên chức, người lao động trên địa bàn được tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng lồng ghép với sinh hoạt văn hóa, văn nghệ...

Hội Nông dân được tăng cường, củng cố về tổ chức. Năm 2014, toàn huyện có 28.108 hội viên (chiếm hơn 70% số hộ nông nghiệp) sinh hoạt ở 30 cơ sở hội các xã, thị trấn. Cán bộ Hội được các cấp ủy quan tâm, đào tạo bồi dưỡng, hầu hết các Chủ tịch hội cơ sở tham gia cấp ủy và đạt chuẩn theo quy định.

Phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau giảm nghèo, làm giàu chính đáng*” thu được kết quả tích cực. Nhiều hộ nông dân đã có thu nhập 100 - 120 triệu đồng/ha đất canh tác. Toàn huyện không còn hộ nông dân đói, số hộ nghèo giảm mạnh, số hộ giàu đạt trên 30%. Các phong trào khác như “*Nông dân tham gia đảm bảo an ninh quốc phòng*”, “*Nông dân thi đua xây dựng nông thôn*

mới” cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng... Nhờ những thành tích đạt được, đã có nhiều cá nhân và tập thể của hội được nhận bằng khen, kỷ niệm chương “*Vì giai cấp nông dân Việt Nam*” của Chính phủ, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp.

Trong những năm 2010 - 2015, bên cạnh việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đại Từ đẩy mạnh giáo dục chính trị, đạo đức lối sống cho thanh niên thông qua việc học tập, nghiên cứu các nghị quyết của Đảng, của Đoàn. Đoàn Thanh niên huyện thực hiện tốt 2 phong trào lớn là “*Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”, “*Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp*” gắn với xây dựng nông thôn mới.

Hoạt động ra quân hưởng ứng “*Ngày thứ 7 tình nguyện*”, “*Ngày Chủ nhật xanh*”, các hoạt động từ thiện, hiến máu... cũng được triển khai sôi nổi. Trong 5 năm, các cơ sở Đoàn đã triển khai thực hiện hơn 1.000 công trình, phần việc thanh niên. Năm 2014, Huyện Đoàn triển khai mô hình xây dựng bể chứa rác thải và thuốc bảo vệ thực vật tại các cánh đồng, nương chè trên toàn huyện. Mô hình này được Trung ương Đoàn biểu dương, khen thưởng là 1 trong 23 mô hình thanh niên tiêu biểu toàn quốc trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường...

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện có hơn 32.000 hội viên sinh hoạt tại 32 cơ sở hội, trong đó có 79% cơ sở xuất sắc, vững mạnh (đến năm 2015). Các phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, luôn bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về “*Công tác vận động phụ nữ*”

trong thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và tuyên truyền về phẩm chất phụ nữ Việt Nam “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”.

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tích cực học tập nâng cao chất lượng hoạt động và trình độ chuyên môn, tiếp tục duy trì phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Phụ nữ chung tay xây dựng nông thôn mới”, gắn cuộc vận động xây dựng “Gia đình 5 không 3 sạch” với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Hội có nhiều hoạt động giúp đỡ hội viên phát triển kinh tế, trong 5 năm (2011 - 2015) đã có hơn 8.000 hội viên được vay vốn với tổng số tiền trên 20 tỷ đồng.

Hội Cựu chiến binh huyện đến năm 2014 có 10.298 hội viên sinh hoạt ở 35 tổ chức cơ sở. Chất lượng đội ngũ cán bộ, hội viên và tổ chức hội được nâng lên. Năm 2014 có 21/35 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh xuất sắc; 3.546 hội viên đạt gương mẫu xuất sắc.

Hội phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện làm tốt phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Phong trào cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế được đẩy mạnh. Toàn huyện có 65 điển hình cựu chiến binh làm kinh tế giỏi, tạo việc làm cho 330 lao động với mức thu nhập trung bình 3 triệu đồng/tháng. Đến năm 2014, số hộ hội viên nghèo chỉ còn 5%.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” và “Chung sức xây dựng nông thôn mới” được phát động sâu rộng đến các hội viên. Trong 5 năm (2010 -

2015), các hội viên hiến hơn 248.000m² đất cho các dự án của huyện và tại địa phương. Với những thành tích đó, trong giai đoạn này, Hội Cựu chiến binh Đại Từ đã nhận được 3 cờ xuất sắc của Trung ương hội và nhiều bằng khen, giấy khen của Hội Cựu chiến binh tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện.

2. Tập trung thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng - phát triển công nghiệp; quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa về trồng trọt và chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại

Kinh tế huyện Đại Từ đến năm 2010 có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Tỉnh ủy Thái Nguyên thường xuyên quan tâm, chỉ đạo phát triển kinh tế, tạo cơ chế thu hút đầu tư. Cùng với đó, tiềm năng về du lịch, đất đai, khoáng sản... là những yếu tố thuận lợi góp phần đưa nền kinh tế huyện đi lên.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã đề ra mục tiêu chung cho ngành nông nghiệp huyện là: *"Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao đồng thời xây dựng nền nông nghiệp hiện đại hóa toàn diện; đưa các giống lúa lai, lúa thuần chất lượng cao, ngô lai vào sản xuất, ứng dụng sâu rộng khoa học kỹ thuật như gieo sạ bằng công cụ cải tiến, canh tác lúa cải tiến SRI"*. Thực hiện Nghị quyết, các xã tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng thâm canh cao, tăng năng suất. Tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện năm 2011 vẫn đạt 71.853 tấn (đạt 102,6% kế hoạch), đến năm 2014 là 73.371 tấn. Sản lượng lương thực tăng nên bình quân lương thực đầu người tăng cao, đạt 495kg (năm 2014).

Trong giai đoạn này, nhân dân đã đưa một số giống cây trồng mới vào sản xuất, đặc biệt là những loại cây thị trường trong và ngoài nước có nhu cầu cao như nấm, dưa hấu, khoai tây xuất khẩu... Trong giai đoạn 2011 - 2015, huyện tăng cường hỗ trợ cho các mô hình mới trong trồng trọt với tổng kinh phí hơn 5 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương và ngân sách địa phương.

Những xã thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng đạt hiệu quả kinh tế cao như xã Bản Ngoại với một số loại cây trồng mới là củ đậu, dưa hấu, ớt Thái Lan và khoai tây Hà Lan, Úc...; mô hình trồng nấm ở Phú Xuyên, Hùng Sơn. Một số hợp tác xã, tổ hợp kinh tế trong mô hình trồng cây mới đã tạo điều kiện giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động nông thôn với mức thu nhập ổn định.

Cây chè tiếp tục là cây trồng mũi nhọn, được huyện quy hoạch và phát triển sản xuất theo hướng: *“Hình thành các vùng chè nguyên liệu; thực hiện tốt biện pháp cải tạo giống, tiến hành trồng mới, trồng lại bằng các giống có năng suất, chất lượng cao tại những nơi có điều kiện; triển khai xây dựng hệ thống thủy lợi vùng đồi, đặc biệt là vùng chè chuyên canh; xây dựng thương hiệu chè Đại Từ, phát triển sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP”*⁽¹⁾.

Năm 2011, huyện chỉ đạo triển khai kế hoạch thâm canh, cải tạo và trồng mới lại chè; tổ chức 38 lớp tập huấn kỹ thuật về thâm canh, cải tạo, chăm sóc, chế biến và kỹ thuật sản xuất chè an toàn cho 4.265 hộ dân. Đồng thời, triển khai mô

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015).

hình trồng chè giống mới ở xã Phú Lạc; mô hình sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP ở xã Hùng Sơn. Cuối năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện lập “*Quy hoạch phát triển cây chè đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*” và Đề án “*Hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè giai đoạn 2012 - 2020*”. Nhờ thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp, diện tích và năng suất chè không ngừng tăng. Tính đến đầu năm 2015, toàn huyện có 1.457ha chè giống mới, nâng tỷ lệ diện tích chè giống mới của toàn huyện lên 51%. Trên địa bàn huyện có 6 hợp tác xã và tổ hợp tác chè với 217 hộ tham gia, tổng diện tích trên 100ha được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP; 18 làng nghề truyền thống về sản xuất chè. Cây chè trở thành cây xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho nhân dân trong huyện với mức thu nhập bình quân đầu người trên 30 triệu đồng/năm.

Nhờ áp dụng tất cả các biện pháp đồng bộ từ các cơ chế, chính sách hỗ trợ, công tác chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ, giá trị sản phẩm thu hoạch trên trên 1ha đất trồng trọt (tính theo giá thực tế) của huyện trong giai đoạn 2011 - 2015 liên tục tăng qua các năm: Năm 2010 là 50 triệu đồng/ha thì đến năm 2014 đã tăng lên 85 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi dần trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Để đạt mục tiêu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 27% cơ cấu ngành nông nghiệp vào năm 2015, huyện đã đưa các giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng sản phẩm tốt vào thay thế các giống địa phương. Các đàn lợn nái ngoại được đưa vào nhân giống rộng rãi ở quy mô trang trại⁽¹⁾. Huyện cũng

⁽¹⁾ Giai đoạn 2011 - 2015, trung bình mỗi năm có 2 - 3 trang trại nhân giống.

chú trọng phát triển đàn bò cái sinh sản, chủ yếu mua giống từ bên ngoài được tuyển chọn kỹ lưỡng về chất lượng bò cái sinh sản, duy trì gần 30 bò đực giống lai Sind. Mặt khác, huyện tạo điều kiện phát triển các trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ để cung ứng giống và đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho người tiêu dùng.

Năm 2011, dịch lở mồm long móng bùng phát ở 31 xã, thị trấn, toàn huyện phải tiêu hủy gần 2.000 con gia súc. Trước tình đó, huyện lập “*Quy hoạch phát triển chăn nuôi đến năm 2020*” đồng thời triển khai xây dựng “*Đề án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm giai đoạn 2011 - 2015*”. Thực hiện Đề án, năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện đã hỗ trợ 10 trang trại chăn nuôi trên địa bàn với tổng kinh phí trên 1,5 tỷ đồng để tái sản xuất, phòng chống dịch bệnh. Đến cuối năm 2014, tổng lượng đàn gia súc, gia cầm đạt 102% kế hoạch (với 11.700 con trâu bò, 55.052 con lợn, hơn 1,12 triệu con gia cầm).

Nuôi trồng thủy sản tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong chăn nuôi nhưng được quan tâm, khuyến khích phát triển. Nhiều xã như Hùng Sơn, Phú Xuyên, Yên Lãng, Phú Cường, Phú Lạc đã triển khai và nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản với các giống cho hiệu quả kinh tế cao như ba ba, cá rô phi đơn tính, cá trắm đen, cá tầm, cá hồi... Sản lượng thủy sản năm 2011 của toàn huyện đạt 1.220 tấn, đến năm 2014, sản lượng thủy sản đạt 1.600 tấn bằng 106,7% so với kế hoạch (tăng gần 400 tấn so với năm 2011 đạt 3% trong tổng giá trị cơ cấu ngành nông nghiệp).

Bên cạnh mặt đạt được, hoạt động chăn nuôi giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn huyện vẫn còn một số hạn chế: Trình độ của người nông dân còn thấp, chưa được trang bị đầy đủ về kỹ thuật chăn nuôi, chủ yếu là chăn nuôi bằng kinh nghiệm, do đó không chủ động được trong việc phòng, chống dịch bệnh; nhiều hộ nông dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước... Trong khi đó, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả thị trường không ổn định, đầu ra của sản phẩm còn bấp bênh...

Ngành lâm nghiệp huyện có nhiều bước phát triển mới. Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các ban quản lý trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn chủ động tiếp nhận và thực hiện tốt các chương trình trồng rừng. Nhiều giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao được đưa vào trồng đại trà như cây lát, cây keo nhập ngoại... Riêng năm 2014, huyện trồng mới được 1.185ha, trong đó rừng đặc dụng là 50ha, rừng phân tán là 75,2ha; rừng sản xuất là 1.060ha bằng 151,5% kế hoạch năm, vượt chỉ tiêu cấp trên giao.

Công tác quản lý khai thác, bảo vệ rừng chặt chẽ, đảm bảo quy định của Nhà nước. Trong 5 năm (2011 - 2015), huyện đã khai thác được trên 50.000m³ gỗ, xử lý nhiều vụ vi phạm liên quan đến khai thác trái phép, tịch thu tang vật và xử phạt trên 600 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước. Toàn huyện có 127 cơ sở đang hoạt động chế biến kinh doanh lâm sản.

Cụ thể hóa Đề án *“Tiếp tục củng cố, phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2011- 2015”*, huyện đã phối hợp với Chi cục Phát triển Nông thôn, Liên minh hợp tác xã Thái Nguyên tổ chức 28 lớp tập huấn về *“Luật Hợp tác xã”*; tổ chức 104 lớp

đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật cho hơn 4.000 lượt nông dân, xã viên. Tính đến cuối năm 2014, toàn huyện đã có 32 hợp tác xã, 213 tổ hợp tác, trong đó có một số hợp tác xã được tỉnh công nhận danh hiệu *“Hợp tác xã điển hình, tiên tiến”* như hợp tác xã chè La Bằng, hợp tác xã xây dựng và vận tải Hà Thượng, hợp tác xã dịch vụ điện Tân Thái...

Các tổ hợp tác trên địa bàn huyện đã thu hút hơn 3.000 tổ viên, trong đó lĩnh vực nông nghiệp có 173 tổ, các loại hình khác là 40 tổ. Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh hiện tại của các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác chưa cao, quy mô còn nhỏ và manh mún, vốn ít, trình độ quản lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế. Mặt khác, các tổ hợp tác hoạt động hầu hết là do nhu cầu sản xuất mang tính thời vụ, theo kinh nghiệm là chính, chưa ứng dụng nhiều khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, không có đăng ký kinh doanh, chỉ có 13 tổ hợp tác được thành lập có đủ điều kiện hoạt động.

Nhận thức tầm quan trọng của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương, cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng bộ huyện, Ủy ban nhân dân đã xây dựng và ban hành các đề án *“Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015”*, *“Khuyến công”*, *“Khoa học Công nghệ”* đồng thời tích cực cải tạo kết cấu hạ tầng kinh tế... tạo điều kiện cho việc mở rộng và phát triển các ngành nghề. Trong giai đoạn này, huyện đã thực hiện 18 dự án khuyến công, hình thành 18 làng nghề chè truyền thống. Việc tiếp cận, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất của doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp được đẩy mạnh, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trên cơ sở nắm bắt và đánh giá tình hình phát triển công nghiệp của huyện Huyện ủy chỉ đạo phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Trong giai đoạn 2011 - 2015, có 2 cụm công nghiệp là cụm công nghiệp An Khánh I và Phú Lạc I. Tuy nhiên do khó khăn chung của nền kinh tế, sau nhiều năm chủ đầu tư của cụm công nghiệp Phú Lạc I không triển khai xây dựng được nên đã bàn giao lại diện tích đất nằm trong quy hoạch cho huyện quản lý.

Tháng 8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1862/QĐ-UBND về việc thành lập cụm công nghiệp Phú Lạc II trên địa bàn xã Tiên Hội với quy mô 16,8ha, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn phát triển sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc, gia công cơ khí, phát triển làng nghề truyền thống, dịch vụ...

Nhìn chung, các khu công nghiệp thu hút nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư sản xuất, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp của huyện, giải quyết việc làm cho lao động địa phương và tăng kim ngạch sản xuất hàng hóa. Cụm công nghiệp An Khánh I gồm nhà máy xi măng Quán Triều đã hoạt động ổn định, nhà máy nhiệt điện An Khánh đã hoàn thành xây dựng cơ bản và chuẩn bị đi vào hoạt động. Cụm công nghiệp Phú Lạc II đã có nhà máy may TNG đi vào hoạt động từ tháng 02/2015 với 35 dây chuyền. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong những năm 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân 17,41%/năm, chủ yếu là sản phẩm quặng đa kim và sản phẩm may mặc.

Hoạt động khai thác khoáng sản của huyện phân bố ở 21 xã, tập trung chủ yếu ở các xã An Khánh, Cù Vân, Hà

Thượng, Tân Thái, Lục Ba, Tân Linh, Phục Linh, Hùng Sơn, Ký Phú, Cát Nê, Khôi Kỳ, Phú Thịnh, Phú Lạc, Đức Lương với các loại khoáng sản chính là than, quặng sắt, thiếc, von-fram, ti-tan... Tuy nhiên, toàn huyện Đại Từ mới có 15 đơn vị khai thác khoáng sản với 25 điểm mỏ được cấp phép hoạt động trong đó có các điểm mỏ lớn như mỏ đa kim Núi Pháo, mỏ than Núi Hồng, mỏ than Khánh Hòa, mỏ ba-rit, mỏ chì kẽm Khôi Kỳ, mỏ sắt xã Ký Phú, mỏ sắt Hà Thượng...

Do làm tốt công tác kiểm tra, giám sát nên nhiều vụ vi phạm về khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đại Từ được phát hiện và xử lý kịp thời. Trong giai đoạn 2011 - 2015, huyện đã xử lý gần 100 vụ vi phạm về khai thác khoáng sản, xử phạt và nộp ngân sách Nhà nước trên 500 triệu đồng, tịch thu hàng nghìn tấn quặng khoáng sản các loại.

Trong giai đoạn này, nhiều nghề tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, tạo thành các làng nghề như nghề thêu ren ở các xã Vạn Thọ, Tân Thái, nghề chế biến, nghề mộc, sản xuất gỗ ván, sàen ở các xã Hà Thượng, Hùng Sơn, Bản Ngoại, Bình Thuận... Các làng nghề này hoạt động khá ổn định, sản phẩm có chất lượng cao, một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn có thể tiêu thụ ra thị trường nước ngoài.

Nhờ các biện pháp tích cực và đồng bộ nên sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có những bước phát triển khả quan, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 26,7%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 52,19%/năm. Số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng tăng lên 2.380 cơ sở (năm 2014).

Trong hoạt động thương mại, dịch vụ, huyện đã triển khai dự án nâng cấp chợ nông thôn ở các xã, thị trấn như Hùng

Sơn, Cù Vân, La Bằng, Bản Ngoại, Tân Thái. Đến năm 2015, 8 xã, thị trấn trong huyện có chợ kiên cố, trong đó có 3 chợ đầu mối nông nghiệp. Công tác quản lý thị trường được tăng cường, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp liên ngành làm tốt công tác kiểm tra hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm về tem, nhãn, giá...

Nhờ triển khai các biện pháp kích cầu một cách linh hoạt nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội trên địa bàn tăng mạnh: Năm 2011 là 483,7 tỷ đồng, đến năm 2014 tăng lên hơn 1.123 tỷ đồng. Các ngành dịch vụ khác như dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông... cũng có bước phát triển nhanh với mức tăng 26%/năm. Tính chung trong 5 năm, giá trị thương mại, dịch vụ tăng bình quân hơn 16%/năm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ xây dựng Đề án "*Phát triển du lịch giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020*" nhằm từng bước khai thác và phát huy tiềm năng du lịch của huyện gắn với các đề án, quy hoạch du lịch tỉnh Thái Nguyên. Huyện đã sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa để trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể, từng bước hoàn thiện không gian văn hóa trà La Bằng...

Hoạt động du lịch trong giai đoạn này có những bước tiến đáng kể. Trên địa bàn huyện có 169 điểm di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trong đó có nhiều di tích đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia và được đầu tư xây dựng thành

điểm tham quan. Khu du lịch quốc gia hồ Núi Cốc đã được quy hoạch tổng thể và có nhiều nhà đầu tư ký cam kết đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển du lịch. Hoạt động văn hóa, lễ hội ngày càng mở rộng thu hút đông đảo nhân dân tham dự. Các địa điểm du lịch của huyện mỗi năm đón khoảng 60.000 lượt người tham gia. Các tuyến du lịch của huyện liên kết với các huyện, tỉnh, thành phố lân cận bắt đầu được hình thành như: Hà Nội - Phổ Yên - Đại Từ - Thái Nguyên; Thái Nguyên - Đại Từ - ATK Định Hóa - Tuyên Quang. Các tuyến du lịch chính trong huyện như: Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Di tích Đầm Mưa - Không gian văn hóa Trà La Bằng - Di tích Thanh niên xung phong - Di tích Nguyễn Huệ; Thiền Viện Trúc Lâm Tây Trúc - Hồ Gò Miếu - Chùa Sơn Dược - Hồ Núi Cốc - Chùa Thác Vàng... bắt đầu được đưa vào khai thác.

Công tác thu chi ngân sách ngày càng ổn định và tăng đều qua các năm. Năm 2012, thu cân đối ngân sách trên địa bàn huyện đạt 52,35 tỷ đồng; chi cân đối ngân sách huyện là 476,7 tỷ đồng. Đến cuối năm 2014, thu ngân sách của huyện đạt trên 100 tỷ đồng (tăng gần 200% so với năm 2012).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 19/5/2014 của Chính phủ về “*Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020*”, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp và thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo huyện. Từ năm 2011 đến năm 2014, huyện đã giải ngân cho gần 20.000 lượt hộ vay vốn với số tiền trên 359 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 1.860 người nghèo, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho các đối tượng theo quy định... Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp đó, tỷ lệ hộ nghèo Đại Từ

giảm đều qua các năm. Nếu như đầu năm 2011, số hộ nghèo trong toàn huyện là 12,392 hộ (27,66%), đến năm 2014 chỉ còn 7.628 hộ (chiếm 12,88%).

Huyện còn ưu tiên thực hiện quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã triển khai 3 chương trình và 7 nhóm công trình trọng điểm với tổng giá trị khoảng 3.315,9 tỷ đồng. Tính đến hết năm 2014, huyện đã xây dựng được 202km đường liên xã, 222km đường trục xóm, kiên cố hóa 71 kênh mương, xây dựng mới 25 trạm biến áp. Đồng thời sửa chữa, nâng cấp, xây mới 98 trường học, 21 trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ cho các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn... Trong 5 năm, huyện xây dựng và phê chuẩn 29 quy hoạch xây dựng nông thôn mới, 14 đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng các khu chức năng...

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện còn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ, giải thể thị trấn Nông trường Quân Chu thành lập thị trấn Quân Chu. Thực tế triển khai, thị trấn Quân Chu bàn giao xóm 7 về xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), bàn giao xóm 1 về xã Cát Nê (Đại Từ); thị trấn Quân Chu còn diện tích là 1.181,2ha, 13 xóm gồm 974 hộ với 3.482 nhân khẩu.

Với vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của toàn huyện nhưng thị trấn Đại Từ lại là đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên hẹp nhất trong các đơn vị hành chính trực thuộc huyện. Mặt khác, địa giới hành chính của thị trấn lại nằm giữa xã Hùng Sơn nên hạn chế trong quy hoạch

phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của trung tâm hành chính huyện, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đã đề ra việc mở rộng thị trấn Đại Từ. Thường trực Huyện ủy thống nhất chủ trương sáp nhập toàn bộ xã Hùng Sơn và thị trấn Đại Từ.

Ngày 13/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 124/NQ-CP đồng ý về việc mở rộng thị trấn Đại Từ bao gồm xã Hùng Sơn và đổi tên thành thị trấn Hùng Sơn. Ngày 08/4/2014, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức lễ công bố Nghị quyết 124 của Chính phủ và ra mắt tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội thị trấn Hùng Sơn. Sau khi sáp nhập, thị trấn Hùng Sơn có diện tích 14.6349km².

Nhìn vào bức tranh tổng thể của nền kinh tế Đại Từ giai đoạn 2010 - 2015 có thể nhận thấy: Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng cao (trên 13%/năm), thu nhập bình quân đầu người đạt trên mức bình quân của tỉnh Thái Nguyên, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra (gần 24 triệu đồng/người/năm). Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể: Công nghiệp - xây dựng 47,1%; du lịch - dịch vụ 26,2%; nông nghiệp 26,7%. Giá trị trên 1ha đất trồng trọt đạt gần 90 triệu đồng/năm. Đó là bước phát triển mạnh mẽ của Đại Từ so với các giai đoạn trước. Sự phát triển kinh tế là tiền đề vững chắc để Đại Từ thực hiện tốt, toàn diện, đồng bộ các mặt công tác khác như văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng cũng như các chính sách an sinh xã hội...

Điểm nhấn trong giai đoạn 2010 - 2015 là huyện Đại Từ triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Nông nghiệp, nông

thôn, nông dân” (gọi tắt là Nghị quyết Trung ương 7 khóa X). Các chủ trương trong Nghị quyết trên được Ban Chấp hành Đảng bộ Đại Từ quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tế địa phương, lồng ghép với việc triển khai các chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X được thành lập (do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban) đã tích cực chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết trên địa bàn huyện. Đến tháng 6/2012, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới được kiện toàn do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Bộ phận Thường trực điều phối chương trình đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện.

Để cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, trong 5 năm 2011 - 2015, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo xây dựng và triển khai 2 quy hoạch (*“Quy hoạch phát triển cây chè đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030”*; *“Quy hoạch phát triển chăn nuôi đến năm 2020”*), 9 đề án, 5 chương trình và 3 kế hoạch nhằm từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, kết cấu hạ tầng.

Song song với lập quy hoạch, huyện thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu do đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm chủ tịch Hội đồng, thành viên là lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Mặt khác, huyện cử cán bộ xuống các xã làm điểm xây dựng nông thôn mới làm việc với các Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý cấp xã để triển khai công tác lập quy hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của các ban này theo chỉ đạo của Huyện ủy và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện.

Trong năm 2011, Huyện ủy đã chọn La Bằng và Hùng Sơn làm điểm xây dựng nông thôn mới. Đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giúp đỡ 2 xã rà soát, kiểm tra từng tiêu chí và chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện. Trong năm 2012, Ban Thường vụ Huyện ủy đã trực tiếp kiểm tra 7 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 là La Bằng, Hùng Sơn, Tân Thái, Hà Thượng, Cù Vân, Mỹ Yên và Bản Ngoại.

Tính đến tháng 9/2013, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo chương trình đã ban hành 72 văn bản về hướng dẫn xây dựng nông thôn mới. Các văn bản đã ban hành đều đi vào cuộc sống và đang phát huy hiệu quả. Đến hết năm 2013, 29 đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã được thẩm định và phê duyệt.

Huyện đã tổ chức 32 lớp tập huấn xây dựng nông thôn mới cho gần 3.000 lượt người tham gia, cấp trên 3.000 bộ tài liệu tổng hợp các văn bản chỉ đạo, các thông tư hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về tầm quan trọng của “*Nông nghiệp, nông thôn, nông dân*”. Phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” được phát huy. Bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước, nhân dân đã hiến 132ha đất, đóng góp 264.000 ngày công và trên 173,4 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới.

Do tiến hành đồng bộ các phương pháp nên việc phối hợp thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới ở Đại Từ đã đạt được nhiều thành tích nổi bật: Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững theo xu hướng hiện đại và chuyển dịch theo hướng nông

ng nghiệp sinh thái; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bước đầu đạt được kết quả, hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển, nâng cao đời sống, vật chất tinh thần của dân cư nông thôn. Đến năm 2015, 8 xã trên địa bàn huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X còn tồn tại một số hạn chế: Một số cấp ủy chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vị trí chiến lược trong các vấn đề nông nghiệp - nông thôn - nông dân; việc phổ biến Nghị quyết chưa được triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, chưa đạt yêu cầu với mục tiêu đề ra; sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa còn thấp, số lượng mô hình ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao có hiệu quả cao chưa nhiều; công tác rà soát hiện trạng nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở một số xã chậm và thiếu chính xác không đúng với chỉ đạo của huyện...

Sau khi tìm ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan của những hạn chế nêu trên, Đảng bộ huyện Đại Từ đã chỉ rõ biện pháp khắc phục: Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của các cấp ủy Đảng, coi đó là nhân tố quyết định sự thắng lợi trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững; thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo ở vùng nông thôn vì con người là yếu tố quan trọng nhất; phát huy vai trò của quần chúng nhân dân tham gia công cuộc xây dựng nông thôn mới; phát triển sản xuất gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tác động mạnh tới ngành công nghiệp chế biến nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản có hiệu quả kinh tế cao...



Với diện tích chè trên 6.200ha, huyện Đại Từ là vùng chè lớn nhất của tỉnh Thái Nguyên



Vận chuyển than tại Công ty than Khánh Hòa



Lễ Kỷ niệm 90 năm ngày hình thành và phát triển huyện Đại Từ và đón nhận Huân chương lao động hạng Ba (năm 2012)



Hội nghị triển khai chỉnh lý, bổ sung
“Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2015)”

3. Phát triển đồng bộ văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng

Trong giai đoạn 2010 - 2015, công tác thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy đã phối hợp tích cực với các phòng ban chức năng thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đông đảo quần chúng nhân dân.

Đài Truyền thanh - truyền hình Đại Từ sản xuất và phát sóng các bản tin truyền hình địa phương 2 số/tuần với thời lượng 25 - 30 phút; phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Thái Nguyên phát sóng các chương trình về huyện Đại Từ với thời lượng 10 - 12 phút/tháng, gửi trên 500 tin bài phát trên đài tỉnh mỗi năm. Các tin bài, chuyên mục của đài ngày càng phong phú, đa dạng với nhiều chuyên mục như: “*An toàn giao thông*”, “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, “*Xây dựng nông thôn mới*”... Hệ thống truyền thanh không ngừng được đầu tư, phát triển. Toàn huyện có 11 trạm truyền thanh, 550 cụm loa truyền thanh cơ sở và 40 cụm loa công cộng tiếp sóng từ Đài Truyền thanh - truyền hình huyện.

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tiếp tục được đẩy mạnh. Đến hết năm 2014, toàn huyện có 270/482 khu dân cư, 36.330/44.586 hộ, 203/222 cơ quan, đơn vị đã được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Từ năm 2011 đến năm 2014, toàn huyện đã có 423/482 nhà văn hóa xóm, tổ dân phố, 30/30 xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng và tủ sách pháp luật. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rộng khắp ở các xã, thị trấn. Đến cuối năm 2014, toàn

huyện có hơn 100 câu lạc bộ thể thao. Giải việt dã Tiền phong của huyện được tổ chức thường niên vào các năm thu hút hàng trăm vận động viên tham gia tranh tài, góp phần đưa phong trào thể dục - thể thao của huyện lên một bước mới.

Đề án “*Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện*” được Ủy ban nhân dân huyện triển khai từ tháng 7/2011. Huyện đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan trong huyện triển khai lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận di tích lịch sử đối với những di tích đạt tiêu chuẩn. Đến cuối năm 2014, huyện có 6 di tích lịch sử cấp quốc gia và 31 di tích lịch sử cấp tỉnh. Nhiều lễ hội như lễ hội núi Văn - núi Võ, lễ chùa Sơn Dược (xã Bình Thuận)... được tổ chức thường niên, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Đặc biệt, tháng 8/2012, huyện đã tổ chức thành công lễ kỷ niệm “*Đại Từ - 90 năm hình thành và phát triển (1922 - 2012)*” góp phần nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương.

Để tôn vinh, quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm chè Đại Từ, Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã quyết tâm chỉ đạo tổ chức “*Lễ hội trà Đại Từ*”. Huyện quyết định lấy ngày mừng 6 tháng Chạp hàng năm là ngày khai mạc lễ hội. Sự kiện văn hóa, thương mại này đã góp phần quảng bá, giới thiệu sản phẩm chè với nhân dân trong và ngoài tỉnh, từng bước xây dựng, phát triển thương hiệu chè Đại Từ nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung; đồng thời tạo cơ hội cho các hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè, nâng cao thu nhập cho người trồng chè trong huyện.

Thực hiện Đề án “*Phát triển giáo dục Đại Từ giai đoạn 2011 - 2015*”, trong 5 năm, Ngành Giáo dục huyện phát triển nhanh và vững chắc. Đến cuối năm 2014, đội ngũ giáo viên trên địa bàn đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Huyện đầu tư xây mới gần 300 phòng học, 50 gian nhà công vụ cho giáo viên, gần 60 công trình cấp nước và nhà vệ sinh cho các trường học. Năm 2015, toàn huyện có 33 trường Mầm non, 34 trường Tiểu học, 30 trường Trung học cơ sở, 3 trường Trung học Phổ thông, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên, 1 trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và 30 trung tâm học tập cộng đồng; trong đó, 81 trường học đã được công nhận trường chuẩn quốc gia.

Công tác y tế giai đoạn 2010 - 2015 đã có những đổi mới tích cực. Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế từng bước được cải thiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các chương trình quốc gia về y tế được thực hiện tích cực, không để xảy ra các dịch bệnh lớn. Đến hết năm 2015, huyện có 18/30 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 83,5% xã, thị trấn có bác sỹ công tác tại trạm y tế.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được duy trì thường xuyên và có nhiều tiến bộ. Hầu hết trẻ em trong độ tuổi đều được tiêm chủng phòng 6 bệnh phổ biến. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 18,5% (năm 2010) còn 12,7% (năm 2015). Tỷ suất sinh thô bình quân hàng năm giảm 0,15‰.

Công an huyện tập trung thực hiện tốt Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong*

tình hình mới” và Chỉ thị số 09/CT-TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*”. Năm 2011, Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm huyện được thành lập. Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho các trưởng, phó trưởng công an ở 30 xã, thị trấn được chú trọng. Công an huyện đã tuyên truyền cho 77.280 lượt người về phòng chống tội phạm, tổ chức cho 41.530 hộ dân ký cam kết thực hiện chương trình phòng chống tội phạm, xử lý 854/1.033 vụ việc xảy ra ở cơ sở. Các cụm an ninh khu vực được củng cố, toàn huyện có 482 tổ tự quản, 482 tổ hòa giải, 30 trung đội thanh niên xung kích an ninh, 381 tổ thanh niên xung kích.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, công an huyện đã phát hiện và tiếp nhận, xử lý 315 vụ hình sự, triển khai hơn 100 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, bắt 55 đối tượng truy nã; triệt phá 33 điểm đánh bạc, 3 điểm mại dâm, triệt phá 85 điểm mua bán trái phép chất ma túy... Do làm tốt công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, lực lượng công an của Đại Từ nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Giám đốc công an tỉnh... đặc biệt là được nhận cờ thi đua của Bộ Công an (năm 2013).

Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự tại cơ sở. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Ban Chỉ huy quân sự Đại Từ thực hiện nghiêm túc công tác tuyển quân, tuyển chọn được 1.100 thanh niên nhập ngũ đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao. Các hoạt

động tập trung vào việc nâng cao chất lượng huấn luyện nhằm tạo chuyển biến trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật gắn với việc “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Ban Chỉ huy quân sự huyện cũng tích cực tham gia công tác “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Xóa đói giảm nghèo*”, đẩy mạnh các phong trào thi đua quyết thắng. Trong 3 năm (2010 - 2012), Ban Chỉ huy quân sự huyện được Quân khu tặng danh hiệu “*Quyết thắng*”; 2 bằng khen về thực hiện công tác hậu cần quân đội, 1 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ chính sách đối với các đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ bảo vệ Tổ quốc. Ban Chỉ huy quân sự huyện được Quân khu I công nhận là đơn vị đạt “*Vững mạnh toàn diện*”, cơ quan văn hóa cấp quân khu trong 5 năm liên...

Xác định công tác dân tộc trong tình hình mới là một nhiệm vụ quan trọng, việc thực hiện chính sách dân tộc được các cấp ủy Đảng và chính quyền triển khai thực hiện đồng bộ. Từ năm 2010 đến năm 2015, việc thực hiện nghị quyết, chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, hoạt động tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện nghiêm túc. Nhờ chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi diện mạo của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với 11 xã đặc biệt khó khăn có đông đồng bào các dân tộc sinh sống, huyện đầu tư trên 58 tỷ đồng từ nguồn vốn của Chương trình 135 trong đó có 54,7 tỷ đồng để đầu tư xây dựng 86 công trình. Huyện còn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho

các hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được triển khai rộng rãi. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo trong 5 năm là 12,5 tỷ đồng với 147.672 lượt người thụ hưởng. Nhiều hộ đã vươn lên, trở thành điển hình tiên tiến trong công tác xã hội, phát triển kinh tế... được tặng bằng khen, giấy khen của Chính phủ và của tỉnh.

Tháng 11/2014, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đại Từ lần thứ II được tổ chức với chủ đề "*Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bình đẳng, đoàn kết, sáng tạo, chung sức xây dựng quê hương giàu đẹp*". Đại hội chỉ rõ các nhiệm vụ và giải pháp đối với công tác dân tộc, miền núi trong những năm tiếp theo là: Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngay tại tuyến cơ sở...

Công tác tôn giáo cũng được các cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Hiện trên địa bàn huyện Đại Từ có 3 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo và đạo Tin Lành (9.800 người theo Phật giáo, 7.500 giáo dân Công giáo và 56 người theo đạo Tin Lành). Nhận thức đầy đủ về quan điểm, chính sách đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới, được sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cơ quan, ban ngành của tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn một cách có hiệu quả. Các tín đồ tôn giáo hoạt động đúng pháp luật và tham gia tích cực vào các phong trào ở địa phương. Đồng bào tôn giáo trên địa bàn huyện còn tham gia

bảo vệ an ninh, quốc phòng và bình yên thôn xóm; thực hiện tốt phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, “kính Chúa, yêu nước”, “đồng hành cùng dân tộc”, nghiêm túc sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

*

*

*

Trong các chặng đường lịch sử, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ luôn thể hiện truyền thống yêu thương, đoàn kết trong sinh hoạt cộng đồng, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, dũng cảm, kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Truyền thống quý báu đó được phát huy cao độ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Khi cùng cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, nhân dân Đại Từ tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn, tích cực lao động sản xuất, đạt được những thành tích quan trọng tạo nên diện mạo huyện như hôm nay.

Phong trào cách mạng của huyện là “điểm sáng” của tỉnh Thái Nguyên. Nhân tố cách mạng về Đại Từ hoạt động, gây dựng cơ sở từ những năm 1930 - 1936; chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên - Chi bộ Đảng La Bằng ra đời từ tháng 9/1936, sau đó lan rộng ảnh hưởng cách mạng ra các vùng xung quanh; nhiều xã được lựa chọn xây dựng thành ATK, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Đảng và Chính phủ đóng trên địa bàn; được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân...

Huyện Đại Từ được Trung ương Đảng, Chính phủ và tỉnh Thái Nguyên lựa chọn thực hiện thí điểm nhiều chính sách

quan trọng như: Giảm tô và cải cách ruộng đất; sửa sai, chỉnh đốn tổ chức Đảng và chính quyền trong giảm tô và cải cách ruộng đất; xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự mới (năm 1958); vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ “*Bốn tốt*” (năm 1962); xây dựng bộ máy quản lý cấp huyện theo chỉ thị, nghị quyết của Hội đồng Chính phủ (năm 1979); triển khai “*khoán 10*” (năm 1988)... Trên địa bàn huyện hiện có những di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử, kháng chiến quan trọng, minh chứng hùng hồn cho một vùng đất giàu truyền thống cách mạng.

Từ thời điểm thành lập Huyện ủy lâm thời (năm 1946) với 3 chi bộ và 10 đảng viên, sau gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Đảng bộ huyện có 58 chi bộ, Đảng bộ cơ sở trực thuộc với trên 8.000 đảng viên. Thuận lợi cơ bản và lớn nhất của Đảng bộ huyện chính là sức dân, lòng dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ có sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân mới phát huy được sức mạnh to lớn của mình; chỉ có huy động được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân, Đảng mới thực hiện được những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

Ngay từ khi thành lập và trong suốt quá trình vận động, trưởng thành, Đảng bộ huyện Đại Từ luôn nhận thức sâu sắc về vai trò hạt nhân và tiên phong trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển của huyện, trở thành ngọn cờ tập hợp, phát huy sức mạnh lòng dân, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quân sự của huyện. Đảng bộ cũng đặt công tác xây dựng Đảng lên hàng đầu, việc giáo dục chính trị, tư tưởng vẫn được tiến

hành thường xuyên trong cả những năm tháng kháng chiến gian khổ, thông qua các đợt chỉnh huấn, chỉnh quân, triển khai nghị quyết của Đảng... Công tác kiện toàn tổ chức Đảng các cấp được tiến hành theo định kỳ, kịp thời đề ra nhiều chủ trương phù hợp, kiểm điểm và điều chỉnh công tác chỉ đạo cấp ủy. Đảng bộ coi công tác phê bình và tự phê bình là nội dung chủ yếu trong các kỳ sinh hoạt Đảng, sự đoàn kết, thống nhất trong các tổ chức Đảng không ngừng được tăng cường, góp phần hội tụ sức mạnh toàn dân, toàn quân chiến đấu chống kẻ thù trong những năm kháng chiến và vững vàng xung kích trên mặt trận kinh tế trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nền kinh tế địa phương có sự thay đổi rõ rệt. Từ một huyện với hoạt động chính là sản xuất nông nghiệp, hiện nay, thành phần kinh tế của huyện đã đa dạng hơn, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ngày càng chiếm tỷ trọng cao, đem lại thu nhập ổn định cho nhân dân. Ngay cả hoạt động nông nghiệp - hoạt động sản xuất truyền thống của huyện cũng có những thay đổi đáng kể, nhất là từ những năm 1990 đến nay khi có sự chuyển biến tích cực trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Với những thành tựu đạt được trong thời kỳ đổi mới, huyện Đại Từ một lần nữa được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* thời kỳ đổi mới, Huân chương Lao động hạng Ba...

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, nhìn lại chặng đường đã qua, lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ cũng có thời kỳ thăng trầm, khó khăn như năm 1951, tổ chức Đảng

bị tổn thất lớn, nhiều cơ sở Đảng bị địch phá vỡ, một số cấp ủy cơ sở không còn nguyên vẹn, số lượng đảng viên giảm sút. Có thời điểm, Đảng bộ xảy ra tình trạng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ làm giảm uy tín của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ huyện với tổ chức Đảng cấp dưới, với đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ huyện đã đưa ra một số chương trình phát triển chưa thực sự phù hợp với đặc điểm của huyện nên hiệu quả kinh tế chưa cao như chương trình trồng cây ăn quả, chương trình bò nhốt kết hợp chăn thả... Việc quy hoạch đất đai còn thiếu tầm nhìn chiến lược, quy hoạch khai thác mỏ chưa khoa học để lại những hậu quả về môi trường và lao động việc làm...

Từ thực tiễn xây dựng và trưởng thành, trên cơ sở các thành quả đạt được và những hạn chế, thiếu sót, Đảng bộ huyện đã rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, chú trọng bồi dưỡng sức dân, tăng cường gắn bó mật thiết giữa tổ chức đảng và nhân dân.

Lòng dân, sức dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất đưa tới sự thành công hay thất bại trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển của Đảng bộ huyện. Do đó, Đảng bộ cần chú trọng tới việc đưa ra các chủ trương, chính sách tạo được sự đồng lòng, hưởng ứng trong nhân dân. Để làm được điều đó, trước hết, cán bộ lãnh đạo cần luôn gần gũi, gắn bó mật thiết, lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân trong huyện. Các cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo. Trong

quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Đảng bộ huyện cần quan tâm khuyến khích, động viên nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, khai thác các tiềm năng trong dân đi đôi với chú trọng bồi dưỡng sức dân, nhất là nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân.

Hai là tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đi đôi với xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Để tạo lòng tin trong nhân dân, trước hết, Đảng bộ huyện cần quan tâm tạo ra sự đoàn kết trong Đảng bộ, trong đó sự đồng thuận trong đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy cần thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, kịp thời xem xét kỷ luật những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, giữ vững sự trong sạch vững mạnh của tổ chức Đảng cơ sở.

Trong quá trình hình thành và phát triển tổ chức, ở những thời điểm khó khăn nhất, Đảng bộ huyện vẫn chỉ đạo công việc cấp thiết đầu tiên là nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Bài học về việc giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như nêu cao tính tổ chức, kỷ luật, trung thực, thẳng thắn và cái tâm của người cộng sản đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng bộ Đại Từ cần chú trọng hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn cho cán bộ, đảng viên. Cán bộ chủ chốt trong Đảng bộ huyện phải có khả năng quy tụ sức mạnh tổng hợp, phát huy trí tuệ của tập

thể cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Trong công tác tạo nguồn, Đảng bộ huyện cần chú trọng phát triển nguồn cán bộ trẻ, chất lượng cao.

Ba là nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, sáng tạo vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của huyện trong từng giai đoạn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện.

Qua quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ huyện luôn quán triệt một cách sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm của mỗi thời kỳ, tập trung cao độ trí lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Từ khi thành lập năm 1946, Đảng bộ huyện đã huy động được đông đảo cán bộ và nhân dân tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất để từng bước đẩy lùi nghèo đói, góp sức chống lại kẻ thù xâm lược, thay đổi diện mạo quê hương từng ngày. Trong quá trình Đại Từ cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, Đảng bộ huyện cần không ngừng tìm tòi, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương, không rập khuôn, máy móc, giáo điều. Đảng bộ huyện cần xác định thế mạnh phát triển kinh tế của từng khu vực trong huyện để đưa ra các chỉ tiêu, chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng sẵn có về mặt tự nhiên của một huyện miền núi của Thái Nguyên.

Bốn là tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã không ngừng đổi mới, cải tiến phương pháp làm việc, đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân vào cuộc sống và phù hợp với thực tế địa phương. Mặt trận Tổ quốc huyện phát huy vai trò trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ quan tham mưu đắc lực cho tổ chức Đảng và chính quyền địa phương. Trong khi đó, các đoàn thể quần chúng giữ vai trò tiên phong trong việc vận động nhân dân trên địa bàn huyện tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất và văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Trong mỗi thời điểm cụ thể, vai trò, chức năng của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được phân định rõ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và tính chủ động, tích cực của mỗi tổ chức.

Trong những năm gần đây, điểm nhấn của huyện Đại Từ chính là tận dụng các tiềm năng sẵn có để tập trung phát triển kinh tế. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức đặt ra cho Đảng bộ huyện trong vai trò tiên phong lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy nhiên, quê hương Đại Từ vẫn còn nhiều khó khăn, nền kinh tế của huyện vẫn tồn tại sự chênh lệch giữa vùng trung tâm huyện với các xã vùng sâu, vùng xa. Việc hoạch định đúng đắn các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả chương trình Nông thôn mới cũng như quy hoạch đất đai và khai thác khoáng sản một cách khoa học chính là cơ sở quan trọng để huyện Đại Từ phát triển nhanh chóng, hiệu quả và bền vững trong tương lai.

It is a well-known fact that the American people are not properly educated in the principles of health and hygiene. The average citizen is not aware of the importance of a clean environment, of the necessity of proper food and drink, and of the value of regular exercise and rest. This ignorance is the result of a lack of proper education and of a general indifference to the subject of health. The American people are not properly educated in the principles of health and hygiene. The average citizen is not aware of the importance of a clean environment, of the necessity of proper food and drink, and of the value of regular exercise and rest. This ignorance is the result of a lack of proper education and of a general indifference to the subject of health.

The American people are not properly educated in the principles of health and hygiene. The average citizen is not aware of the importance of a clean environment, of the necessity of proper food and drink, and of the value of regular exercise and rest. This ignorance is the result of a lack of proper education and of a general indifference to the subject of health. The American people are not properly educated in the principles of health and hygiene. The average citizen is not aware of the importance of a clean environment, of the necessity of proper food and drink, and of the value of regular exercise and rest. This ignorance is the result of a lack of proper education and of a general indifference to the subject of health.

PHỤ LỤC
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐẠI TỪ (1936 - 2015)

**CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHONG TẶNG
DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG
VŨ TRANG NHÂN DÂN**

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Thời kỳ</i>
1	Huyện Đại Từ	Kháng chiến chống thực dân Pháp
2	Huyện Đại Từ	Thời kỳ đổi mới
3	Xã Cù Vân	Kháng chiến chống thực dân Pháp
4	Xã Yên Lãng	Kháng chiến chống thực dân Pháp
5	Xã Hùng Sơn	Kháng chiến chống thực dân Pháp
6	Xã La Bằng	Kháng chiến chống thực dân Pháp
7	Xã Lục Ba	Kháng chiến chống thực dân Pháp
8	Xã Mỹ Yên	Kháng chiến chống thực dân Pháp
9	Xã An Khánh	Kháng chiến chống thực dân Pháp
10	Xã Quân Chu	Kháng chiến chống thực dân Pháp
11	Xã Bản Ngoại	Kháng chiến chống thực dân Pháp
12	Xã Hà Thượng	Kháng chiến chống đế quốc Mỹ

**CÁC ĐƠN VỊ CỦA HUYỆN ĐẠI TỪ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ AN TOÀN KHU (ATK)**

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Quyết định</i>
1	Xã Yên Lãng	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
2	Xã La Bằng	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
3	Xã Phú Cường	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
4	Xã Bản Ngoại	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
5	Xã Mỹ Yên	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
6	Xã Minh Tiến	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
7	Xã Phúc Lương	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
8	Xã Đức Lương	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
9	Xã Phú Xuyên	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
10	Xã Hoàng Nông	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
11	Xã Khôi Kỳ	Số: 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
12	Xã Phú Thịnh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
13	Xã Quân Chu	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
14	Xã Cát Nê	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
15	Xã Na Mao	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
16	Xã Phục Linh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
17	Xã Tân Linh	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
18	Xã Hà Thượng	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
19	Xã Tiên Hội	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
20	Xã Phú Lạc	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
21	Xã Hùng Sơn	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
22	Xã Ký Phú	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
23	Xã Lục Ba	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
24	Thị trấn Đại Từ	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
25	Thị trấn Quân Chu	Số: 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011

DANH SÁCH
MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN ĐẠI TỪ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Nơi đăng ký hồ sơ</i>
1	Nguyễn Thị Mùi	Xã Cát Nê
2	Nguyễn Thị Linh	Xã Mỹ Yên
3	Triệu Thị Hồng	Xã La Bằng
4	Nguyễn Thị Sửu	Xã Phú Lạc
5	Triệu Thị Bồng	Thị trấn Hùng Sơn
6	Hoàng Thị Đẹt	Xã Bình Thuận
7	Lê Thị Mạc	Xã Bình Thuận
8	Đỗ Thị Nhỡ	Xã Phú Cường
9	Dương Thị Tứ	Xã Mỹ Yên
10	Hoàng Thị Vinh	Xã Tiên Hội
11	Vũ Thị Gái	Xã Lục Ba
12	Ngô Thị Chất	Xã Phục Linh
13	Trần Thị Cỏn	Xã Cát Nê
14	Lương Thị Nhất	Xã Phục Linh
15	Nguyễn Thị Xuân	Xã Bình Thuận
16	Nguyễn Thị Thu	Xã Lục Ba
17	Lộc Thị Lịch	Xã Phú Cường
18	Phạm Thị Đào	Thị trấn Hùng Sơn
19	Đặng Thị Bắc	Xã Khôi Kỳ
20	Ngô Thị Chén	Xã Na Mao
21	Vì Thị Ly	Xã Bình Thuận
22	Trần Thái Ninh	Thị trấn Hùng Sơn
23	Lê Thị Tuất	Xã Khôi Kỳ
24	Nguyễn Thị Gái	Xã Cù Vân
25	Hoàng Thị Minh	Xã Minh Tiến

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Nơi đăng ký hồ sơ</i>
26	Nguyễn Thị Sự	Xã Mỹ Yên
27	Nguyễn Thị Thanh	Xã Bình Thuận
28	Nguyễn Thị Viết	Xã Yên Lãng
29	Nông Thị Hải	Xã Phú Xuyên
30	Nguyễn Thị Ngọt	Thị trấn Hùng Sơn
31	Nguyễn Thị Lai	Xã Bình Thuận
32	Nguyễn Thị Lại	Xã Cù Vân
33	Nguyễn Thị Chắt	Xã Na Mao
34	Nông Thị Cúc	Xã Phú Lạc
35	Bùi Thị Lâm	Xã Phú Xuyên
36	Lương Thị Trang	Xã Phú Xuyên
37	Lý Thị Thèn	Xã Tiên Hội
38	Dương Thị Khang	Xã Minh Tiến
39	Trần Thị Lai	Xã Minh Tiến
40	Nguyễn Thị Năm	Xã Tiên Hội
41	Hoàng Thị Nguyệt	Xã Minh Tiến
42	Nguyễn Thị Quý	Xã La Bằng
43	Nguyễn Thị Thảo	Xã An Khánh
44	Đồng Thị Vinh	Xã Phú Xuyên
45	Đinh Thị Bé	Xã Phục Linh
46	Nguyễn Thị Khen	Xã Khôi Kỳ
47	Phạm Thị Mậu	Xã Hà Thượng
48	Ma Thị Lạc	Xã Khôi Kỳ
49	Lê Thị Vo	Xã Bình Thuận
50	Dương Thị Ấm	Xã Mỹ Yên
51	Nguyễn Thị Nhất	Xã Cát Nê
52	Lê Thị Thêm	Xã Yên Lãng

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Nơi đăng ký hồ sơ</i>
53	Vũ Thị Chi	Xã Cát Nê
54	Phạm Thị Hợi	Xã Tiên Hội
55	Dương Thị Lễ	Xã Bình Thuận
56	Vũ Thị Cừu	Xã Phú Cường
57	Nguyễn Thị Ngẩn	Xã Lục Ba
58	Nguyễn Thị Nghênh	Xã Bình Thuận
59	Trần Thị Tự	Xã Lục Ba
60	Đào Thị Lư	Xã Mỹ Yên
61	Đào Thị Mùi	Xã Tân Thái
62	Nguyễn Thị Yên	Xã Cát Nê
63	Trần Thị Hòa	Xã Tân Thái
64	Trần Thị Ty	Xã Ký Phú
65	Nguyễn Thị Hồng	Xã Yên Lãng
66	Lê Thị Cỏn	Xã Yên Lãng
67	Trần Thị Tèo	Xã Cù Vân
68	Trần Thị Sửu	Xã Cù Vân
69	Vũ Thị Phòng	Xã Cù Vân
70	Dương Thị Nụ	Xã Cù Vân
71	Hoàng Thị Tý	Xã Cù Vân
72	Phạm Thị Lan	Xã Cù Vân
73	Trần Thị Tấy	Xã Phú Lạc
74	Phạm Thị Niệm	Xã Văn Yên
75	Tạ Thị Thuận	Xã Văn Yên
76	Hoàng Thị San	Xã Ký Phú
77	Chu Thị Thung	Xã Mỹ Yên
78	Hoàng Thị Ngọ	Xã Mỹ Yên
79	Bế Thị Tắc	Xã Hà Thượng

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Nơi đăng ký hồ sơ</i>
80	Nguyễn Thị Lịch	Xã Bản Ngoại
81	Lộc Thị Thự	Xã Đức Lương
82	Trần Thị Tươi	Xã Tân Linh
83	Lý Thị Lược	Xã Phúc Lương
84	Nguyễn Thị Nụ	Xã Cát Nê
85	Nguyễn Thị Luân	Thị trấn Quân Chu
86	Nguyễn Thị Mỹ	Xã Bản Ngoại
87	Trần Thị Thuận	Xã Bản Ngoại
88	Nguyễn Thị Hàn	Xã Phú Xuyên
89	Hoàng Thị Ty	Xã Cù Vân
90	Trần Thị Vòng	Xã An Khánh
91	Lê Thị Cài	Thị trấn Hùng Sơn
92	Bùi Thị Nhỡ	Xã Cù Vân
93	Nguyễn Thị Gái	
94	Hoàng Thị Chí	Xã Yên Lãng
95	Nguyễn Thị Gái	Thị trấn Hùng Sơn
96	Vũ Thị Cã	Xã Phú Lạc

DANH SÁCH
CÁC ĐỒNG CHÍ THAM GIA CÁCH MẠNG
(TRƯỚC 01/01/1945) CỦA HUYỆN ĐẠI TỪ

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Xã/Thị trấn
1	La Văn Chung	1909	Xã Phục Linh
2	Đàm Trung Y <i>25/11/1911</i>	1914	Xã Phú Xuyên
3	Hoàng Sớ <i>20/10/1916</i>	1917	Thị trấn Quân Chu
4	Đặng Văn Tú	1917	Xã Bình Thuận
5	Hoàng Công Bình <i>19 21</i>	1920	Xã Phú Thịnh
6	Lý Thanh* <i>20/7/1923</i>	1921	Xã Yên Lãng
7	Lương Xuân Cầm	1922	Xã Bản Ngoại
8	Lâm Trung Lịch	1922	Xã Na Mao
9	Lương Ngư Long	1922	Xã Bản Ngoại
10	Âu Nghệ An	1924	Xã Na Mao
11	Nông Thị Lóc (Long)	1925	Xã Phú Thịnh
12	Nguyễn Văn Hoa	1926	Xã Phú Cường

Ngô Văn Chung

Dấu * chỉ cán bộ lão thành cách mạng hiện vẫn còn sống.

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ
(1962 - 1996)

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Khóa VI (1962 - 1963)</i>		
1	Chu Bích Văn	
2	Triệu Quang Sơn	Bổ sung thay đồng chí Văn
3	Trần Văn Thục	
4	Phạm Khánh Vân	
5	Đỗ Khắc Tới	
6	Dương Đức Thành	
7	Lý Thanh	
8	Trương Văn Thiết	
<i>Khóa VII (1963 - 1965)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Lý Thanh	
3	Trần Văn Thục	
4	Dương Đức Thành	
5	Đỗ Khắc Tới	
6	Hoàng Đức Cân	
7	Lưu Kim Thản	
<i>Khóa VIII (1965 - 1967)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Hoàng Đức Cân	
3	Dương Đức Thành	
4	Đỗ Khắc Tới	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiểm	
7	Nguyễn Phi Đường	

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Khóa IX (1967 - 1969)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Đàm Trung Y	
3	Đỗ Khắc Tới	
4	Hoàng Đức Căn	
5	Tạ Mậu Sinh	
6	Phạm Đình Kiểm	
7	Chu Sỹ Lương	
8	Nguyễn Văn Hoa	
9	Trình Quốc Thái	
<i>Khóa X (1969 - 1971)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Đàm Trung Y	
3	Hoàng Đức Căn	
4	Tạ Mậu Sinh	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiểm	
7	Nguyễn Phi Đường	
8	Lê Đức Tần	
9	Chu Sỹ Lương	

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Khóa XI (1971 - 1974)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Phạm Đình Kiềm	
3	Chu Sỹ Lương	
4	Lê Đức Tấn	
5	Nguyễn Văn Hòa	
6	Dương Đức Nguyên	
7	Nguyễn Văn Nhân	
<i>Khóa XII (1974 - 1977)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Chu Sỹ Lương	
3	Lê Đức Tấn	
4	Nguyễn Văn Nhân	
5	Nguyễn Văn Hoa	
6	Phạm Đình Kiềm	
7	Dương Đức Nguyên	
8	Triệu Văn Vụ	
9	Nguyễn Công Nhân	
<i>Khóa XIII (1977 - 1980)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Vũ Trọng	
3	Triệu Văn Vụ	
4	Ngô Đức Hùng	
5	Chu Văn Nhân	
6	Nguyễn Văn Cương	
7	Lâm Trung Phương	

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Khóa XIV (1980 - 1982)</i>		
1	Phạm Khánh Vân	
2	Vũ Trượng	
3	Lâm Trung Phương	
4	Nguyễn Duy Oánh	
5	Phạm Dĩ	
6	Lục Văn Đắc	
7	Hoàng Nhã	
8	Chu Văn Nhàn	
9	Lê Thị Luân	
<i>Khóa XV (1983 - 1985)</i>		
1	Chu Văn Cường	
2	Nguyễn Văn Quyết	
3	Chu Văn Nhàn	
4	Nguyễn Văn Chất	
5	Nguyễn Xuân Thủy	
6	Lục Văn Đắc	
7	Hoàng Nhã	
8	Lý Công Khoa	
9	Phạm Dĩ	
<i>Khóa XVI (1986 - 1989)</i>		
1	Chu Văn Cường	
2	Chu Văn Nhàn	
3	Nguyễn Văn Chất	
4	Nguyễn Xuân Thủy	
5	Phạm Dĩ	
6	Chu Hồng Việt	

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ghi chú</i>
7	Nguyễn Mạnh Hùng	
8	Hà Đức Toàn	
9	Lâm Xuân Hương	
10	Hà Đức Mưu	
<i>Khóa XVII (1989 - 1992)</i>		
1	Chu Văn Cường	
2	Chu Văn Nhàn	
3	Nguyễn Văn Chất	
4	Chu Hồng Việt	
5	Nguyễn Mạnh Hùng	
6	Lâm Xuân Hương	
7	Nguyễn Xuân Ninh	
8	Hà Đức Mưu	
9	Hoàng Ngọc Sơn	
<i>Khóa XVIII (1992 - 1996)</i>		
1	Chu Văn Nhàn	
2	Nguyễn Văn Chất	
3	Chu Hồng Việt	
4	Nguyễn Xuân Ninh	
5	Lâm Xuân Hương	
6	Ngô Thế Nghinh	
7	Hà Đức Mưu	
8	Hoàng Ngọc Sơn	
9	Nguyễn Anh Từ	
10	Nguyễn Văn Tiến	
11	Hà Kim Ân	

**DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ
(1996 - 2015)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>Khóa XIX (1996 - 2000)</i>			
1	Chu Văn Nhân	Bí thư	
2	Nguyễn Văn Chất	Bí thư	Tháng 08/1999, đồng chí Nhân chuyển về tỉnh, đồng chí Chất - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thay giữ chức Bí thư
3	Hoàng Văn Sinh	Bí thư	Tháng 08/2000, đồng chí Chất chuyển về tỉnh, đồng chí Sinh được điều về giữ chức Bí thư
4	Chu Hồng Việt	Phó Bí thư	
5	Nguyễn Xuân Ninh	UV BTV	
6	Ngô Thế Nghinh	UV BTV	
7	Nguyễn Văn Tiến	UV BTV	
8	Nguyễn Anh Từ	UV BTV	
9	Hà Kim Ân	UV BTV	
10	Nguyễn Văn Hưng	UV BTV	
11	Hà Đức Mưu	UV BTV	
12	Dương Trung Việt	UV BTV	
13	Triệu Minh Thái	UV BTV	Tháng 12/1999, đồng chí Chu Hồng Việt chuyển công tác, đồng chí Thái được bổ sung vào BTV và làm Thường trực Đảng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<i>Khóa XX (2000 - 2005)</i>			
1	Hoàng Văn Sinh	Bí thư	
2	Triệu Minh Thái	Q.Bí thư	Đầu năm 2003, đồng chí Sinh chuyển công tác, đồng chí Thái - Phó Bí thư Thường trực được giao quyền Bí thư
3	Đặng Văn Ngự	Bí thư	Tháng 8/2003, tỉnh chỉ định đồng chí Ngự về giữ chức Bí thư
4	Đoàn Khắc Hòa	Q.Bí thư	Khi đồng chí Thái được giao quyền Bí thư, tỉnh điều đồng chí Hòa về làm Phó Bí thư Thường trực. Tháng 9/2005, đồng chí Hòa được giao quyền Bí thư thay đồng chí Ngự
5	Nguyễn Văn Tiến	Phó Bí thư	
6	Trương Thị Huệ	UV BTV	
7	Dương Trung Việt	UV BTV	
8	Nguyễn Xuân Ninh	UV BTV	
9	Ngô Thế Nghinh	UV BTV	
10	Nguyễn Anh Từ	UV BTV	
11	Nguyễn Văn Hưng	UV BTV	
12	Dương Minh Tuấn	UV BTV	
13	Phan Văn Tường	UV BTV	
14	Vũ Tuấn Hùng	UV BTV	Tháng 10/2002, đồng chí Hùng được tỉnh điều về làm Chỉ huy trưởng BCHQS huyện và được bổ sung vào BTV thay đồng chí Tường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<i>Khóa XXI (2005 - 2010)</i>			
1	Đoàn Khắc Hòa	Bí thư	
2	Trương Thị Huệ	Bí thư	Tháng 7/2008, đồng chí Hòa chuyển công tác, đồng chí Huệ - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND thay giữ chức Bí thư
3	Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư	Là Phó Bí thư Thường trực, đến cuối năm 2008 được bầu làm Chủ tịch UBND huyện
4	Nguyễn Văn Mậu	Phó Bí thư	Đầu năm 2009, đồng chí Mậu - UV BTV được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực
5	Dương Trung Việt	UV BTV	
6	Ngô Thế Nghinh	UV BTV	
7	Nguyễn Xuân Ninh	UV BTV	
8	Hà Thị Phượng	UV BTV	
9	Triệu Hạnh Kiểm	UV BTV	
10	Ngô Tuấn Hải	UV BTV	
11	Trương Mạnh Kiểm	UV BTV	
12	Phạm Duy Hùng	UV BTV	Tháng 8/2009, đồng chí Hùng được bầu bổ sung vào BTV thay đồng chí Việt

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<i>Khóa XXII (2010 - 2015)</i>			
1	Trương Thị Huệ	Bí thư	
2	Nguyễn Văn Nhâm	Bí thư	Tháng 8/2011, đồng chí Huệ được điều động về tỉnh, đồng chí Nhâm được Tỉnh ủy điều về giữ chức Bí thư
3	Nguyễn Văn Mậu	Phó Bí thư	
4	Nguyễn Hải Đường	Phó Bí thư	
5	Phạm Duy Hùng	Phó Bí thư	Tháng 7/2013, đồng chí Mậu chuyển công tác, đồng chí Hùng - UV BTV, Phó CT.UBND huyện được bầu giữ chức Phó Bí thư và phân công làm Phó Bí thư Thường trực
6	Trương Mạnh Kiểm	UV BTV	
7	Ngô Tuấn Hải	UV BTV	
8	Dương Ngọc Khánh	UV BTV	
9	Nguyễn Thị Thúy	UV BTV	
10	Nguyễn Thị Nguyên	UV BTV	
11	Ngô Ngọc Sơn	UV BTV	
12	Dương Thị Bấy	UV BTV	
13	Cao Việt Hùng	UV BTV	
14	Bùi Văn Minh	UV BTV	
15	Nguyễn Mạnh Hà	UV BTV	Tháng 9/2013, đồng chí Hà được bổ sung vào BTV thay đồng chí Thúy (chuyển về tỉnh)

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ
BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1946 - 2015)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Đàm Văn Ứng	1946 - 09/1947	
2	Ngọc Lan	10/1947 - 11/1947	
3	Nguyễn Trung Thành	12/1947 - 1950	
4	Nguyễn Bá Cương	1950 - 1951	
5	Lê Văn Mỹ	1951 - 05/1952	
6	Hoàng Tiến		
7	Phan Quế		Quyền Bí thư
8	Nguyễn Hữu Uẩn	06/1952 - 1953	
9	Trần Văn Thục	1953 -	
10	Nguyễn Việt Hưng	 -	
11	Chu Bích Văn	 - 1962	
12	Triệu Quang Sơn	1963	Quyền Bí thư
13	Phạm Khánh Vân	1963 - 1981	
14	Vũ Trọng	1981 - 1983	
15	Lâm Trung Phương		Quyền Bí thư
16	Chu Văn Cường	1983 - 1992	
17	Chu Văn Nhân	1992 - 08/1999	
18	Nguyễn Văn Chất	08/1999 - 08/2000	
19	Hoàng Văn Sinh	08/2000 - 2003	
20	Triệu Minh Thái	2003	Quyền Bí thư
21	Đặng Văn Ngự	08/2003 - 09/2005	
22	Đoàn Khắc Hòa	09/2005 - 07/2008	
23	Trương Thị Huệ	08/2008 - 08/2011	
24	Nguyễn Văn Nhâm	09/2011 - Đến nay	

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ
BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1946 - 2015)**



Đồng chí
ĐÀM VĂN ỨNG



Đồng chí
NGỌC LAN



Đồng chí
NGUYỄN TRUNG THÀNH



Đồng chí
NGUYỄN BÁ CƯỜNG



Đồng chí
LÊ VĂN MỸ



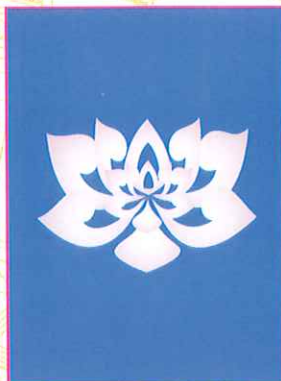
Đồng chí
HOÀNG TIẾN

** Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm nhưng do lưu trữ không đầy đủ nên một số đồng chí nguyên là Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện còn thiếu ảnh chân dung.*

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ
BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1946 - 2015)



Đồng chí
PHAN QUẾ
Quyền Bí thư



Đồng chí
NGUYỄN VIỆT HÙNG



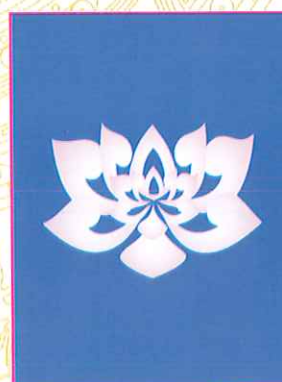
Đồng chí
NGUYỄN HỮU UẨN



Đồng chí
TRẦN VĂN THỰC



Đồng chí
CHU BÍCH VĂN



Đồng chí
TRIỆU QUANG SƠN
Quyền Bí thư

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ
BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1946 - 2015)**



Đồng chí
PHẠM KHÁNH VÂN



Đồng chí
VŨ TRƯỞNG



Đồng chí
LÂM TRUNG PHƯƠNG
Quyền Bí thư



Đồng chí
CHU VĂN CƯỜNG



Đồng chí
CHU VĂN NHÂN



Đồng chí
NGUYỄN VĂN CHẤT

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ
BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐẠI TỪ (1946 - 2015)**



Đồng chí
HOÀNG VĂN SINH



Đồng chí
TRIỆU MINH THÁI
Quyền Bí thư



Đồng chí
ĐẶNG VĂN NGỰ



Đồng chí
ĐOÀN KHẮC HÒA



Đồng chí
TRƯƠNG THỊ HUỆ



Đồng chí
NGUYỄN VĂN NHÂM

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ CÁC THỜI KỲ (1989 - 2015)**



Đồng chí
CHU HỒNG VIỆT



Đồng chí
CHU VĂN NHÂN



Đồng chí
TRIỆU MINH THÁI



Đồng chí
ĐOÀN KHẮC HÒA



Đồng chí
TRƯƠNG THỊ HUỆ



Đồng chí
NGUYỄN VĂN MẬU



Đồng chí
PHẠM DUY HÙNG

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2015)**



Đồng chí
NGUYỄN TRUNG THÀNH



Đồng chí
NGUYỄN VIỆT HÙNG



Đồng chí
HÀ THÁI SƠN



Đồng chí
NGUYỄN VĂN LỊCH



Đồng chí
CHU BÍCH VĂN



Đồng chí
LÝ THANH

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2015)**



Đồng chí
ĐÀM TRUNG Y



Đồng chí
CHU SỸ LƯƠNG



Đồng chí
LÂM TRUNG PHƯƠNG
Quyền Chủ tịch



Đồng chí
CHU VĂN CƯỜNG



Đồng chí
CHU VĂN NHẪN



Đồng chí
NGUYỄN VĂN CHẤT

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2015)**



Đồng chí
NGUYỄN VĂN TIẾN



Đồng chí
TRƯƠNG THỊ HUỆ



Đồng chí
NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ (1989 - 2015)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chu Hồng Việt	12/1989 - 12/1994	
2	Chu Văn Nhân	1/1995 - 8/1999	
3	Triệu Minh Thái	9/1999 - 4/2004	
4	Đoàn Khắc Hòa	5/2004 - 6/2008	
5	Trương Thị Huệ	7/2008 - 6/2011	
6	Nguyễn Văn Mậu	7/ 2011 - 7/2013	
7	Phạm Duy Hùng	8/2013 - Đến nay	

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2015)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Trung Thành		
2	Nguyễn Việt Hưng		
3	Hà Thái Sơn		
4	Nguyễn Văn Lịch		
5	Chu Bích Văn		
6	Lý Thanh		
7	Đàm Trung Y		
8	Chu Sỹ Lương		
9	Lâm Trung Phương		Quyền Chủ tịch
10	Chu Văn Cường		
11	Chu Văn Nhân	1986 - 1992	
12	Nguyễn Văn Chất	1992 - 1999	
13	Nguyễn Văn Tiến	1999 - 2004	
14	Trương Thị Huệ	2005 - 07/2008	
15	Nguyễn Hải Đường	08/2008 - Đến nay	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 2, tập 3)*, Nxb.Giáo dục, Hà Nội, 2012.
2. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí (tập 1)*, Nxb.Sử học, Hà Nội, 1960.
3. *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb.Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.
4. *Đồng Khánh địa dư chí (tập 1)*, Nxb.Thế giới, Hà Nội, 2003.
5. Bùi Văn Vượng (chủ biên): *Tổng tập dư địa chí Việt Nam (4 tập)*, Nxb.Thanh niên, Hà Nội, 2011.
6. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội.
7. *Việt Nam - 63 tỉnh thành và các địa danh du lịch*, Nxb.Lao động, Hà Nội, 2009
8. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (tập 1, tập 2)*, Nxb.Quân đội nhân dân, 1994.
9. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
10. *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên huyện Đại Từ (sơ thảo)*, Thái Nguyên, 2011.
11. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995 - 1996.
12. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
13. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb.Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995.

14. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)*, Xí nghiệp in Bắc Thái, 2003.

15. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965 - 2000)*, Công ty in Thái Nguyên, 2005.

16. Viện sử học Việt Nam, *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, Xí nghiệp in Thái Nguyên, 1997.

17. Nguyễn Duy Tiến, *Quá trình thực hiện quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân ở Thái Nguyên (1945 - 1957)*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

18. *Lịch sử phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên, 2011.

19. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập I (1930 - 1954)*, 1991.

20. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập II (1955 - 1995)*, 2000.

21. Lịch sử Đảng bộ các xã, thị trấn thuộc huyện Đại Từ (xuất bản từ năm 2000 đến nay như Cù Vân, La Bằng, Tân Thái, Quân Chu, Phú Cường, Bình Thuận, Tiên Hội, Hoàng Nông...).

Một số tài liệu tham khảo khác:

- Các văn kiện, hồ sơ, tư liệu lưu tại Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên, tại văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Các văn kiện, nghị quyết, tư liệu lịch sử của Đảng bộ và chính quyền huyện Đại Từ qua các thời kỳ còn lưu giữ được.

- Hồi ký của các đồng chí lão thành cách mạng còn lưu giữ được.

- Một số địa chỉ báo điện tử tin cậy:

<http://www.thainguyen.gov.vn>

<http://www.baothainguyen.org.vn>

<http://www.daitu.thainguyen.gov.vn>.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	7
Chương I: Vùng đất - con người Đại Từ.....	9
I. Điều kiện tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển của huyện.....	9
II. Con người - văn hóa huyện Đại Từ.....	18
Chương II: Phong trào đấu tranh của nhân dân Đại Từ - Tổ chức Đảng đầu tiên ra đời.....	31
I. Đại Từ dưới thời Pháp thuộc và phong trào đấu tranh của nhân dân Đại Từ trước khi tổ chức Đảng đầu tiên ra đời.....	31
II. Tổ chức Đảng đầu tiên ở Đại Từ ra đời.....	39
Chương III: Đại Từ trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945).....	49
I. củng cố, mở rộng cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng.....	49
II. Khởi nghĩa giành chính quyền.....	62
III. Kháng chiến chống phát xít Nhật, góp phần giải phóng thị xã Thái Nguyên.....	70
Chương IV: Đảng bộ huyện Đại Từ trong thời kỳ đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và chuẩn bị lực lượng kháng chiến bảo vệ quê hương (tháng 8/1945 - 9/1947).....	83
I. Tình hình Đại Từ sau ngày thành lập chính quyền cách mạng.....	83

II. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng tham gia bảo vệ
và xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân... 86

III. Tích cực xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến..... 95

**Chương V: Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo
nhân dân trực tiếp kháng chiến bảo vệ căn cứ
địa, tích cực xây dựng hậu phương vững mạnh
(10/1947 - 7/1954)..... 103**

I. Tổ chức chiến đấu, góp phần đập tan cuộc tấn công
của thực dân Pháp vào căn cứ địa Việt Bắc thu đông
năm 1947..... 103

II. Tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, tham gia
chiến đấu đập tan chiến dịch Phốc (Phoque, 1948 -
10/1950)..... 113

III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện tiền
tuyến (10/1950 - 7/1954)..... 128

**Chương VI: Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo
nhân dân trong những năm đầu thực hiện cách
mạng xã hội chủ nghĩa (1954 - 1965)..... 151**

I. Tiến hành cuộc cách mạng ruộng đất..... 151

II. Khôi phục, cải tạo các thành phần kinh tế theo
định hướng xã hội chủ nghĩa (1955 - 1960)..... 179

III. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ
nhất (1961 - 1965)..... 188

**Chương VII: Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo
nhân dân thực hiện nhiệm vụ chiến đấu và sẵn
sàng chiến đấu, tích cực chi viện cho chiến
trường miền Nam (1965 - 1975)..... 201**

I. Đẩy mạnh sản xuất, trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 3/1968)..... 201

II. Khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa- xã hội, tiếp tục chi viện miền Nam và tổ chức chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai (4/1968 - 5/1975)..... 221

Chương VIII: Đảng bộ huyện Đại Từ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (5/1975 - 1995)..... 243

I. Tổ chức thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1975 - 1985)..... 243

II. Bước đầu thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng (1986 - 1995)..... 268

Chương IX: Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2005)..... 309

I. Phát huy thành tựu công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000)..... 310

II. Khơi dậy truyền thống quê hương cách mạng, tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện kinh tế, xã hội (2000 - 2005)..... 335

Chương X: Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo phát huy sức mạnh hệ thống chính trị, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2005 - 2015)..... 359

I. Thu hút nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh xây dựng huyện Đại Từ theo hướng phát triển nhanh và bền vững (2005 - 2010)..... 360

II. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, phát triển du lịch, dịch vụ (2010 - 2015)..... 396

Phụ lục..... 439

Tài liệu tham khảo..... 458

Đơn vị liên kết xuất bản

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA VIỆT

Địa chỉ: 64 - B1 Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: 04.66807216 - Website: truyenthongvanhoaviet.vn

*Giấy phép xuất bản số: **744/GP - STTTT***

*Do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày: **06/8/2015***

In 1.100 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty TNHH Phát triển Minh Đạt

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2015